

50 NĂM MÙA HÈ ĐỎ LỬA ĐẠI LỘ KINH HOÀNG



50 năm mùa hè đỏ lửa - đại lộ kinh hoàng.
nhiều tác giả

50 năm mùa hè đỏ lửa -
đại lộ kinh hoàng
nhiều tác giả

bìa: *Midway Press*

trình bày: *Midway Press*, hình bìa **internet**

nguồn: **internet**

ấn hành: *Anywhere*

Copyright © 2022 by mw

50 năm mùa hè đỏ lửa -
đại lộ kinh hoàng
nhiều tác giả

Giao Chỉ • Phạm Thắng Vũ • Lâm Vĩnh Thế •
Thanh Hiền • Dị Nhơn • Võ Trung Tín • Nguyễn
Hữu Viên • Phan Nhật Nam

Tháng 7 năm 2009, tôi đi trên Đại lộ Kinh Hoàng, phía Nam thị xã Quảng Trị. Đoạn đường này không quá chục cây số, nằm giữa 2 con sông Thạch Hãn ở phía Bắc và Mỹ Chánh ở phía Nam. Mùa hè năm 1972, Bắc quân vượt sông Bến Hải. Quân Miền Nam đã tháo lui trên con đường này, cùng với hàng chục ngàn thường dân. Một trận pháo khủng khiếp từ phía Bắc quân..., và đoạn quốc lộ 1 này đã được mang tên “Đại lộ kinh hoàng”.

Đoạn đường nay đã được làm lại, trông đẹp đẽ. Ít ai còn nhớ đến thảm cảnh đã xảy ra trên con đường này cách nay gần 40 năm. Thật ngậm ngùi! Mời bạn đọc các bài viết về Mùa hè đỏ lửa trong loạt bài Quảng Trị 1972 của nhiều tác giả... Không phải là thắng hay bại, mà cần có cái nhìn nhân bản hơn về cuộc chiến.

Vtt

Nguồn: <https://tranlucsaigon.wordpress.com>

Bên kia bến hải

Thời kỳ trước 1975, khi tôi có dịp phụ trách về binh thư tại bộ Tổng Tham Mưu, thường qua bên Phòng Nhì hoặc Trung ương tình báo tìm đọc các sách báo của miền Bắc. Đọc và ghi chép lại, thêm 1 chút nhận xét, nhưng không phê phán. Đôi khi phải tóm lược lại để trình lên hay phổ biến nội bộ nhưng tuyệt đối không viết thêm những lời tuyên truyền hay lên án.

Đi tìm tài liệu

Ngày nay trên đường đi tìm tài liệu cho trận Quảng Trị, chúng tôi giữ các nguyên tắc đó.

Bây giờ xin quý vị cùng chúng tôi tìm hiểu về miền Bắc Việt Nam thời kỳ đầu thập niên 70.

Để chuẩn bị cho trận mùa hè 72, Hà Nội bắt lính từ năm 1970. Sau khi vét hết nông dân, qua năm 1971 tổng động viên toàn bộ nhân lực thành thị. Các học sinh và sinh viên trên 18 tuổi chuẩn bị nhập ngũ hết.

Cũng trong thời gian này, Nga và Tàu hoàn toàn đồng ý viện trợ cho Hà Nội đánh Mỹ. Trong lúc Hoa kỳ rút quân, bên ta Việt Nam hóa chiến tranh thì Nga Xô viện trợ tối đa cho miền Bắc qua Trung Cộng.

Ngay sau trận mùa hè 72, Phan nhật Nam viết cuốn “Mùa hè đỏ lửa” thì 33 năm sau Hà Nội mới cho ra đời 2 cuốn sách viết về Quảng Trị. Đại tá pháo binh quân đội nhân dân ra đời cuốn “Mùa Hè Cháy” ghi lại con đường nhận pháo Nga Xô từ biên giới Tàu đem về Hà Nội đưa vào đến Quảng Bình, rồi qua Quảng Trị trong trận mùa hè. Với số lượng pháo đủ loại và hỏa tiễn, 5 sư đoàn Bắc quân đã được yểm trợ tối đa để tấn công miền Nam trực tiếp qua Bến Hải.

Tất cả đều ghi rõ trong tác phẩm “Mùa Hè Cháy” và chính từ tác phẩm này tôi có thể đối chiếu với tài liệu còn lưu giữ để có được những trang sử gần chính xác về phía Việt Nam Cộng Hòa. Cũng vào năm 2005 một tác phẩm khác tựa đề “Một Thời Hoa Lửa” đã ra đời, cũng nói về đề tài Quảng Trị. Bài viết này sẽ ghi lại rất nhiều chi tiết từ Hoa Lửa do các tác giả miền Bắc sáng tác.

“Mãi mãi tuổi 20”

Bên lề tài liệu chính kể trên, tập hồi ký được Hà Nội nhắc nhở đến nhiều nhất là: “Mãi mãi tuổi 20,” hồi ký của 1 thanh niên tên Nguyễn Văn Thạc. Anh là SV đại học Tổng hợp Hà Nội. Đi lính binh nhì truyền tin ngày 6-9-1971 và hy sinh tại chiến trường Quảng Trị ngày 30-7-1972, chưa đầy 20 tuổi và chưa đủ 1 năm lính.

Anh bị pháo cắt ngang đùi trái, mất máu nhiều quá nên đã chết. Chôn ngay tại mặt trận Quảng trị. Thạc để lại cuốn

nhật ký 260 trang, viết trang cuối vào ngày 27-7-1972. Ba ngày sau tử trận. Tháng 5-1973 tức là gần 1 năm sau, gia đình chưa có tin tức của đơn vị, nhưng được đồng đội về báo tin. Sau tháng 4-1975 gia đình không có phương tiện đi tìm xác. Phải chờ đến cuối năm 1976 mới có điều kiện đi tìm. Cải táng từ quận Triệu Phong về huyện Từ Liêm, gần Hà Nội vào dịp tết 1977.

Tôi đã đọc 2 lần 260 trang sách nhưng không tìm được những dữ kiện về trận Quảng Trị. Hồi ký ghi lại 10 tháng trong quân ngũ của 1 thanh niên miền Bắc, nhưng mới vào trận đã bị thương rồi chết.

Nội dung là lời lẽ chân thành đơn giản nhưng không có tình tiết hấp dẫn. Tác phẩm này được giới trẻ tìm đọc vì đã nhắc đi nhắc lại đến tình yêu tuổi học trò với cô bạn học Như Anh. Cô này hiện nay là di dân sống tại Đức quốc. Vì tác phẩm nặng về tình yêu và thiếu quyết tâm nên đã không được phổ biến suốt 33 năm. Phải chờ đợi đến thế kỷ thứ 20, nhạc vàng miền Nam chinh phục hoàn toàn nền văn hóa vô sản thì hồi ký tình yêu của Nguyễn văn Thạc mới được phổ biến và quảng bá mạnh mẽ.

“Một Thời Hoa Lửa”

Đây là tên 1 tác phẩm, đồng thời cũng là tên 1 chương trình do đài truyền hình Việt Nam tại Hà Nội và công ty viễn thông quân đội nhân dân phối hợp tổ chức vào ngày 31 tháng 10 năm 2005. Ban tổ chức mời tất cả bộ đội đã tham dự trận Quảng Trị trên 1.000 người về lại Thành Cổ để dự 1 chương trình văn nghệ. Cùng 1 lúc họ tập hợp lối 5.000 sinh viên Hà Nội tại sân trường đại học Khoa học, Xã hội, Nhân văn cùng tham dự. Báo *Nhân Dân* đã ghi lại

là vào ngày 6 tháng 9 năm 1971 tại 30 sân trường đại học và cao đẳng, tổng cộng 10.000 sinh viên lên đường nhập ngũ.

Như vậy là 34 năm trước đảng cộng sản đã động viên hầu hết các sinh viên miền Bắc để tấn công miền Nam. Có nhiều trường đại học sau đó đóng cửa, các giáo sư cũng vô lính với học trò. Hầu hết có được 4 tháng huấn luyện và đầu năm 1972 tất cả lên đường vào Nam tham dự vào 3 mặt trận. An lộc, Kontum, và Quảng trị. 70% bộ đội hy sinh hoặc bị thương. Gần như hy sinh toàn bộ các đơn vị thuộc Mặt trận giải phóng miền Nam và bộ đội tập kết.

Qua đến trận Mùa hè 72 đảng cộng sản Việt Nam hy sinh khối nhân lực trí thức tương lai của miền Bắc. Người có quyết định sát máu đó là Lê Duẩn.

81 ngày lịch sử

Lúc 10 giờ 30 sáng ngày 30-3-1972 trung đoàn pháo Bông Lau khai hỏa trận địa pháo vào căn cứ Carroll, Ái tử và Mai lộc. Ngày 2 - 4-1972 căn cứ Carroll thất thủ. Sau đó Ái Tử, Mai Lộc rồi Quảng Trị đều rút quân. Một tháng sau, ngày 1 tháng 5-1972 Bắc quân chiếm đóng toàn thể tỉnh Quảng Trị từ sông Bến Hải đến sông Mỹ Chánh. Xác người và di sản chiến tranh vẫn còn trên quốc lộ số 1 đã trở thành đại lộ kinh hoàng.

Hội nghị hòa đàm Paris bước vào năm thứ 4. Hoa kỳ đơn phương rút quân. Khối cộng sản Nga Xô và Trung Cộng đổ chiến cụ và tiếp viện tối đa vào miền Bắc.

Mở đầu cho giai đoạn thử thách Việt Nam hóa chiến tranh, quân lực Việt nam Cộng hòa hành quân Lam Sơn 72, Nam quân vượt sông Mỹ chánh ngày 28 tháng 6-1972 và kết thúc việc chiếm lại Cổ Thành Quảng Trị ngày 16

tháng 9-1972. Sau 81 ngày tại một chiến trường khốc liệt nhất trong chiến tranh Việt Nam.

Báo chí miền Bắc gọi là Cuộc đụng đầu của lịch sử. Hơn 30 năm qua và cho đến ngày nay, Hà Nội luôn luôn nhắc đến chiến tích đã cầm cự được 81 ngày.

Tại viện bảo tàng lịch sử Cổ Thành hiện nay có bảng tưởng niệm với 81 tờ lịch ghi dấu 81 ngày trong cuộc chiến mùa hè 72. Thêm vào đó có 11 tấm phù điêu tiểu sử 11 chiến binh đã có mặt trong Cổ Thành và còn sống đến ngày nay. Mỗi người đều ghi lại cuộc đời sinh viên, nhập ngũ, chiến đấu và trở về. Đó là phù điêu gọi là Dương bản. Còn Âm bản là mộ bia tưởng niệm chung trên 10.000 bộ đội đã hy sinh.

Trong đêm văn nghệ Hoa Lửa 31-10-2005 họ đã dùng 81 nhạc công trong ban hòa tấu để nhắc lại ý nghĩa của 81 ngày lịch sử.

Cổ Thành gian khổ

Cũng theo tài liệu của miền Bắc, tuyển tập Hoa Lửa ghi lại bút ký, bài viết và lời phát biểu của gần 100 nhân vật về trận mùa hè 72. Sách xuất bản năm 2005 ngôn ngữ Hà Nội đã khác biệt với tài liệu tuyên truyền phổ biến trước và sau 1975. Không còn những lời miệt thị miền Nam. Họ gọi quân lực Việt Nam Cộng Hòa, tổng thống Nguyễn văn Thiệu, trung tướng Ngô quang Trưởng. Đồng thời qua tài liệu với nội dung mở rộng đã có đề cập đến số tổn thất, thương vong khủng khiếp, nỗi sợ hãi, việc đào ngũ của chiến binh.

Đặc biệt có những chỗ ghi rõ tuổi tân binh có nhiều em dưới 18 tuổi. Các chú lính mới chưa được huấn luyện và

cán bộ quân sự đã dạy bắn hay ném lựu đạn lúc còn ở dưới hầm trong Cổ Thành. Họ lừa tất cả đám lính mới qua sông rồi sẽ huấn luyện sau.

Cuộc sống của hàng ngàn bộ đội dưới hầm là một thế giới cực kỳ gian khổ. Các hầm đều ngập nước. Không đủ nước uống. Không đủ ăn. Điều kiện vệ sinh hết sức khốn nạn. Người sống ở chung với thương binh và người chết. Trên 20% thương vong khi vượt sông Thạch Hãn. Sau đây là 1 đoạn nguyên văn của cán bộ quân sự viết lại: “Trong 81 ngày đêm đó, trung bình hàng đêm có 1 đại đội tăng cường hơn 100 người vượt sông và cũng từng đó con người đã ra đi không trở về. Máu thịt hòa vào nước sông trôi ra cửa Việt”.

Một chiến binh khác viết về những ngày sau cùng: Đêm 13-9-1972 Hồ Tú Bảo là sinh viên đại học toán, làm trinh sát cho sư đoàn 325 được lệnh qua sông vào tiếp viện. Suốt 2 ngày 13 và 14 tháng 9 không vượt được sông Thạch Hãn, Ngày 15 tháng 9-72 chuẩn bị vượt sông nhưng bến đáp cả 2 bờ Bắc Nam không còn nữa. Trong thành vẫn có súng nổ. Đến ngày 16-9 -72 thì Cổ Thành Quảng Trị đã hoàn toàn im tiếng. Chỉ còn những ngọn khói bốc lên.

Đơn vị được lệnh rút về và hiện nay anh lính trinh sát sư đoàn 325 trở thành GS tin học tại đại học Hà nội.

Cờ bay trên Thành Cổ

Phía Việt Nam Cộng Hòa rất hiểu rõ ý nghĩa của việc tái chiếm Cổ Thành để dành thắng lợi trên bàn hội nghị. Phía Hà Nội cũng ghi nhận đây là điểm quan trọng nhất. Hòa đàm Paris dự trù tái nhóm ngày 13 tháng 7-1972. Tài liệu của miền Bắc ghi lại rằng: “Tướng Ngô quang Trưởng đồn

đốc nhảy dù phải chiếm bằng được nhà thờ Tri Bưu ngày 12 và sau đó chỉ còn 500 thước đến Cổ Thành thì phải cắm cờ vào ngày 13-7-72. Kết quả quân Dù của VNCH chiếm được Tri Bưu nhưng quân ủy trung ương Hà Nội ra lệnh trung đoàn 48 và 2 tiểu đoàn địa phương, trung đoàn 95 của sư đoàn 325 phải sẵn sàng để chống vụ cắm cờ bằng mọi giá.

Một trang báo dài của đại tá Nguyễn Hải Như, tham mưu trưởng trung đoàn Thạch Hãn đã mô tả về trận quân Dù đánh xong Tri Bưu nhưng thất bại trong việc treo cờ Cổ Thành ngày 13-7-72. Sau trận đánh đẫm máu mà lính mũ đỏ hy sinh rất nhiều.

Tài liệu của cộng sản cũng ghi rõ cách đánh rất dũng mãnh của cả 2 binh đoàn nhảy dù và thủy quân lục chiến trong trận Cổ Thành.

Bên Việt Nam Cộng Hòa có lợi thế thay quân. Đánh rồi ra nghỉ. Đưa thương binh tử sĩ ra khỏi trận địa. Trong khi phía miền Bắc không có điều kiện thuận tiện vì thay quân là phải qua sông và thương vong trên sông Thạch Hãn rất cao.

Sau cuộc chiến. Cũng từ tài liệu của miền Bắc ghi lại, trên toàn thể Việt Nam, Quảng Trị là nơi có 2 nghĩa trang liệt sĩ lớn nhất. Nghĩa trang Trường sơn và nghĩa trang Quảng Trị. Phần lớn chiến binh cộng sản tử trận được gom lại chôn tại Quảng Trị. Một số lớn còn thất lạc.

Các cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa khi qua Mỹ được hỏi về di hài lính Mỹ cũng đã tiết lộ thêm về các mộ phần của bộ đội tại miền Nam do bên ta chôn cất. Phía Hoa Kỳ có chuyển tin tức này cho Hà nội. Tuy nhiên về

việc tìm kiếm mộ phần của phía Việt Nam Cộng Hòa trước 75 bao gồm thêm di hài tù tập trung “cải tạo” hiện vẫn chưa được chính quyền Hà Nội lưu tâm.

Gần 35 năm sau tháng 4-1975 dân Việt tỵ nạn đã có cả triệu lần trở về cùng với hàng tỷ mỹ kim gửi quà hàng năm, nhưng vết thương chính trị vẫn còn là gánh nặng nên chưa giải tỏa được con đường vào chốn tâm linh.

Ông Nguyễn Đặc Thành, một HO can đảm đang đặt vấn đề cải táng di hài tù chính trị. Hồ sơ qua tòa đại sứ Hoa Kỳ gửi cho Hà Nội vẫn chưa được chính phủ cộng sản cứu xét.

Thuần túy trên lãnh vực tâm linh, nghĩa tử nghĩa tận, chỉ có chính quyền Hà Nội mới có thẩm quyền và trách nhiệm tối thiểu đối với di hài chiến sĩ miền Nam.

Với danh nghĩa người Mỹ gốc Việt, với sự cộng tác mạnh mẽ của tòa đại sứ Mỹ tại Việt Nam, việc tìm kiếm tảo mộ di hài chiến binh miền Nam đưa về nguyên quán hay chôn tại Nghĩa trang Biên Hòa với sự bảo quản tối thiểu, không có gì khó khăn.

Hà Nội đã bước vào kỷ nguyên mới, phải ý thức được những điều phải làm trong trách nhiệm với lịch sử dân tộc, theo trào lưu tiến hóa của nền văn minh nhân loại.

Để kết luận câu chuyện về Quảng Trị, chúng tôi xin kể hầu quý vị 1 câu chuyện.

Năm 1992, hai mươi năm sau mùa hè 72, Hội VMA (Vietnam Memorial Association) gồm các cựu chiến binh Hoa Kỳ muốn hàn gắn thương đau của Việt Nam hậu chiến. VMA dự trù xây trường học tại các nơi hẻo lánh cả 2 miền Nam Bắc. Ban quản trị họp để tìm 1 địa điểm đầu tiên. 8 ông bà Hoa Kỳ bàn về các địa điểm. Ý kiến khác biệt,

Cô Kiều Chinh là người Việt duy nhất, đồng sáng lập viên của VMA đã đề nghị ngôi trường đầu tiên sẽ xây tại Quảng Trị. Nơi mang vết thương lớn nhất của chiến tranh Việt Nam. Nơi chia cắt 2 miền suốt 21 năm. Toàn thể VMA đều đồng ý chọn đất cho ngôi trường tại Đông Hà coi như món quà của người phụ nữ Việt Nam tỵ nạn cộng sản gửi lại quê hương. Bức thông điệp đẹp để biết đường nào. Năm 1954, cha của cô bị Việt cộng bỏ tù không bản án và chết trong tù. Thêm một ngôi trường được xây cất tại làng Mọc, quê hương của ông Nguyễn Cửu, thân phụ của cô Nguyễn Thị Chinh, tên thật của tài tử Kiều Chinh. Cô ra đi lúc còn nhỏ 1954 và từ đó không bao giờ thấy được mặt cha.

Trong phim “Người tình không chân dung” có đoạn Kiều Chinh quay tại nghĩa trang Biên Hòa cũng vào năm 1972. Một ngày nào đó, cô sẽ lên thăm lại nghĩa trang quân đội miền Nam, nơi có rất nhiều chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh tại chiến trường Quảng Trị mùa hè 72. Không thiếu bất cứ 1 quân binh chủng nào, không thiếu bất cứ màu cờ sắc áo nào. Kể cả lính Dù chết dưới chiến hào với cờ vàng pha máu và lính thủy quân lục chiến hy sinh trong thành nội 10 ngày sau cùng, chưa thấy được lá cờ bay trên trời xanh của Cổ Thành Quảng Trị.

Phía bên kia Bến Hải một thời, có câu chuyện của họ. Bây giờ đến lượt chúng ta phải kể lại câu chuyện của mình. Nếu anh không nói, ai nói. Bây giờ không nói, bao giờ.

Vì vậy sau khi nghe chuyện bên kia, chúng ta hãy nói chuyện bên này.

Rồi mai đây, vào năm 2025, nửa thế kỷ sau cuộc chiến, sử Việt sẽ ghi rằng chiến tranh Việt Nam đã làm chết 2

triệu dân trên khắp các miền đất nước. Riêng tại Quảng Trị, mùa hè năm 1972 cuộc chiến đằng xé điên cuồng đã giết chết 50 ngàn thanh niên của cả hai miền Nam Bắc. Lịch sử sẽ không cần ghi phần tổn thất hay thắng bại của các đơn vị.

Sau này những đóa hoa tường niệm thả xuống dòng Thạch Hãn hay con sông Bến Hải sẽ cùng trôi ra biển Đông. Thể hiện tấm lòng của thế hệ tương lai gửi chung cho tất cả linh hồn các chiến binh đã hy sinh cho cuộc chiến tương tàn cuối thế kỷ thứ 20 tại Việt Nam.

Người nhân chứng qua đêm trên đại lộ Kinh Hoàng

Khi đi tìm nhân chứng của 1 chiến trường hết sức oan nghiệt và thê lương, hết sức dững mãnh và hào hùng, tôi vẫn không quên đoạn đường đầy xác người trên quốc lộ số 1.

Ngay khi chiến trường còn vương khói súng, cây bút nhẩy dù, đại úy Phan nhật Nam đã viết “Mùa hè đỏ lửa”. Tác phẩm đem vinh quang cho tác giả đồng thời cũng làm khổ ông sau 1975. Nhưng trước sau “Mùa hè đỏ lửa” đã gắn liền vào tên tuổi Phan nhật Nam.

Phải chờ đến 32 năm sau, Hà Nội mới xuất bản cuốn “Mùa hè cháy” của đại tá pháo binh “Quân đội Nhân dân” viết về trận pháo kích của trung đoàn pháo Bông Lau, trận pháo dã man trên đường di tản của dân Quảng Trị, giết chết hàng ngàn người và làm đoạn đường trên 2 cây số giữa con sông Thạch Hãn và Mỹ Chánh trở thành Đại lộ Kinh Hoàng.

Chúng tôi vẫn đi tìm xem ai là người đặt tên cho đoạn đường của trận thảm sát mùa hè năm 72. Có lẽ chỉ trong

chiến tranh Việt Nam mới có cái đại lộ mang tước hiệu kinh hoàng.

Anh phóng viên của bộ Thông Tin có mặt tại Quảng Trị nói rằng bác đi hỏi ông Lê Thiệp trên DC. Khi quân ta phản công ở Mỹ Chánh, ông nhà báo Lê Thiệp có đi theo trên quốc lộ 1 qua lối này. Năm 2005 nhân dịp gặp ông Thiệp tại DC, ông nói rằng không biết tay nào đặt cái tên Đại lộ Kinh Hoàng thật hay. Câu chuyện dừng tại đó.

Một lần khác, chúng tôi rao lên là muốn tìm gặp những ai đã chạy trên con đường ác độc vào đúng lúc địch pháo kích. Tôi biết có trung tá Lê Huy Linh Vũ của Tổng cục Chiến tranh Chính trị là người đã trải qua và đã viết lại thành cuốn sách. Con gái của trung tá Vũ là họa sĩ Hương Alaska có cho phép chúng tôi in lại cuốn này để tặng các bạn.

Nhưng ông Vũ nay không còn nữa. Đại tá Hà Mai Việt, tỉnh trưởng Quảng trị thời kỳ 72 đã nói rằng : “Tại ông không lưu tâm đọc sách của tôi. Mở trang này ra mà xem, nhân chứng sống là ông Phan Văn Châu. Tôi đã viết rõ từng trường hợp của trận Quảng Trị trong tác phẩm Thép và Máu.

Ông nhân chứng này không những chịu đựng trực tiếp trận pháo trên quốc lộ mà còn nằm lại 1 đêm giữa các xác chết.”

Sau cùng nhờ ông Hà Mai Việt, chúng tôi đã gặp nhân chứng sống. Trung sĩ Phan văn Châu năm nay 68 tuổi quả thực là 1 người dân tiêu biểu của miền đất Quảng. Qua máy điện thoại, dường như cả một trời tâm sự tuôn tràn. Những hình ảnh quê hương, chiến tranh, loạn lạc, pháo kích, khói lửa, lẫn lộn giữa trận 72 và trận 75.

Nói đến chuyện đất nước biết bao nhiêu địa danh nào là Nhan Biều, Cầu Ga, Ái Tử, Mai Lĩnh, Cầu Dài. Rồi đến biết bao nhiêu con sông, bao nhiêu rạch nước. Âm thanh đất Quảng của người dân chân chỉ hạt bột, vòng qua quay lại để sau cùng trở về với cái ngày cả gia đình bỏ Nhan Biều mà đi.

Ông Châu nói rằng, lúc đó dường như mọi người đã chạy hết. Phan Văn Châu là trung sĩ thông dịch viên cho ngành tình báo tại Đà Nẵng đang đi công tác về Ái tử.

Đến khi thiên hạ bỏ chạy hết, thầy thông ngôn trẻ tuổi mặc đồ dân sự cùng 1 đứa cháu, dẫn vợ có bầu với 3 đứa con nhỏ, năm một, sáu, bảy, tám tuổi. Tất cả vội vàng ra đi bỏ lại phía sau căn nhà mới cất tại Nhan Biều bên bờ Bắc của sông Thạch Hãn.

Vợ con đi trước 1 đoạn với gia đình bà chị. Thành cháu và ông Châu đi xe gắn máy kéo theo 1 chiếc xe gỗ 2 bánh. Hành trang chất đầy, người kéo, người đẩy chiếc xe qua khỏi cầu Ga, đi được một đoạn dài đến 9 giờ sáng thì pháo nổ ngay trên đường. Con đường đầy người chạy loạn. Cả dân cả lính với đủ mọi thứ xe. Đa số đi bộ vì đường tắc nghẽn nên không thể đi nhanh. Đạn rơi chỗ nào cũng có người chết. Xác bắn tung lên trời. Khói lửa mù mịt. Mạnh ai nấy chạy. Vợ con thất lạc ngay từ lúc đó. Ông Châu nghĩ rằng vợ con có thể đang ở phía trước. Nhưng phía trước hay phía sau thì cũng bị pháo. Khi pháo tạm ngưng thì có người lại tràn ra đi tới. Nhưng phần lớn nằm yên chịu trận. Có nhiều người không chết ở đợt pháo đầu nhưng rồi bị chết ở các đợt pháo sau. Nhiều xác chết trên đường bị pháo đi pháo lại nhiều lần. Bị thương rồi lại bị pháo rồi

cùng chết. Biết bao nhiêu người cố chạy cho thoát bỏ lại cả gia đình vợ con. Những đứa nhỏ nằm khóc bên xác mẹ. Những em bé sơ sinh bú vú mẹ đã lạnh khô. Có người còn sống thấy đó mà phải bỏ đi. Ông Châu và đứa cháu chạy về phía đồng quốc lộ, vui thầy xuống cát mà chịu đựng 1 ngày pháo kích. Đủ loại pháo của cộng sản thay phiên bắn phá suốt một ngày dài. Pháo 122, pháo 130 và pháo 155. Chỉ khi nào có B52 đến thả bom mới thấy địch im tiếng súng được 1 lúc. Toàn thân ông tê liệt dưới trời nắng gắt. Phải bỏ đến các vùng nước có cả phân trâu và máu người để uống.

Khi trời tối dần, tất cả đều im lặng và ghê sợ. Ông Châu và đứa cháu bắt đầu bò quanh lật các xác chết đàn bà và trẻ em lên xem có phải vợ con. Lật một xác phụ nữ mà ông nghĩ rằng người vợ, đầu óc ông mê muội. Thằng cháu còn tinh táo nói rằng không phải mẹ. Mẹ có bụng mà cậu. Mấy người khác còn sống cũng làm như vậy. Tất cả đi tìm xác thân nhân. Nhưng rồi trời tối hẳn, bộ đội Việt Cộng bắt đầu xuất hiện. Chúng tìm đến các xe nhà binh và tìm các quân nhân mặc quân phục bắt đi hết. Cậu cháu ông Châu khai là dân thường nên được lệnh phải nằm yên tại chỗ. Đêm hôm đó, ông Châu thức trắng trên bãi cát đầm máu của Đại lộ Kinh Hoàng. Hình như có đôi lúc ông cũng thiếp đi. Cũng chẳng còn nhớ rõ. Chung quanh toàn xác chết. Người chết nhiều hơn người sống. Những xác chết cháy như than củi. Ông nghĩ rằng chắc xác vợ con cũng quanh đây. Sáng hôm sau, từ sớm mai những người còn sống đành phải bỏ lại 1 cánh đồng xác ở đằng sau để chạy về miền Nam. Đi đến cầu Dài gần sông Mỹ Chánh thì gặp toán tiền sát của thủy quân lục chiến Việt Nam chặn lại.

Khi biết chắc là không phải quân địch, ông trung úy thủy quân lục chiến phát tay cho qua. Vừa đi khỏi một đoạn đường thì thấy ông sĩ quan bị du kích phía sau bắn sẻ chết ngay tại chỗ. Đó là cái chết cuối cùng ông chứng kiến tại Quảng Trị. Tìm xe quá giang về Huế với tâm trạng hết sức náo nức. Nhưng rồi phép lạ đầu tiên đến với cuộc đời ông. Ngay tại khu vực tạm cư Phú Văn Lâu, thuộc thành phố Huế, ông gặp lại đầy đủ vợ con. Bà vợ bầu đã dẫn 3 đứa con nhỏ đi xuống đường ven biển theo dân địa phương. Đoàn người đi xa quốc lộ nên tránh được pháo kích.

Vợ con dạt díu nhau đi suốt 1 ngày 1 đêm về đến Mỹ Chánh rồi được xe cho bà bầu quá giang về Huế. Hai năm sau người vợ đầu tiên của ông Châu qua đời, sau khi sinh cho ông thêm 3 người con nữa. Cô gái còn nằm trong bụng mẹ trên đại lộ kinh hoàng năm nay đúng 37 tuổi, tốt nghiệp đại học và có gia đình cư ngụ tại miền đông Hoa kỳ.

Những bước chân trần ai trên bãi cát Quảng Trị mùa hè năm 72 của bà mẹ mang bầu không biết có còn vương vấn chút nào trong lòng cô bé nghe pháo kích từ lúc chưa ra đời. Ông Châu nói rằng : Tụi nhỏ chẳng biết gì đâu. Chỉ có đứa lớn nhất năm nay ngoài 40 tuổi là còn nhớ đôi chút. Hỏi rằng thế ông có được bao nhiêu con tất cả. Ông tính nhầm rồi nói rằng tất cả 10 con. Bà đầu tiên 6 con. Bà thứ hai 3 con. Bà này bỏ tôi đi lấy chồng nên bây giờ vẫn còn ở Việt Nam. Tôi đưa cả 3 cháu đoàn tụ bên này. Bà hiện nay ở với tôi có 1 cháu. Năm nay cháu cũng 24 tuổi rồi. Bà sau này có 1 con riêng. Như vậy là chúng tôi có 11 con. Thế bác có hạnh phúc không. Hạnh phúc chứ. Tất cả là số trời. Ông Châu nói rằng, cái đêm nằm ở đại lộ kinh hoàng,

uống nước máu người và phân trâu tôi không bao giờ giờ nghĩ đến có ngày đi Mỹ như bây giờ. Tôi nghĩ rằng bây giờ vợ con chết hết thì mình sẽ ra sao. Làm sao tìm xác. Rồi chôn ở đâu. Hàng trăm xác người chung quanh, biết bao nhiêu xác trẻ con, vợ con tôi đều trong số đó. Không hiểu nó bắn pháo đạn gì quá ác. Tất cả xác chết như than củi chẳng làm sao biết được người nào là người nào.

“Năm 1973 tôi có trở lại, đi qua con đường thấy có đài tưởng niệm, rồi có các mộ chôn tập thể, có mộ chôn riêng rẽ. Lòng tôi hết sức xúc động. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn xúc động. Con cháu tôi thì nhiều nhưng mà làm sao các con hiểu được những gì tôi đã trải qua. Trận 72 quân ta mới lấy lại một nửa Quảng Trị. Đứng bên này dòng Thạch Hãn, bên kia là Nhan Biều, nơi tôi ra đời còn cả ngôi nhà thân yêu. Bên ta đã bị địch chiếm bờ Bắc, chỉ giữ được bờ Nam, đến 75 thì bờ Nam cũng chẳng còn.”

“Vâng thưa bác, năm nay em 67 tuổi,” ông Châu nói tiếp, “quê ở Nhan Biều, bờ Bắc sông Thạch Hãn, ngay dưới cầu Ga. Nhà em thi vào làm trung sĩ thông dịch viên năm 1966 khóa 11 tại quân đoàn I. Sau 75 em trốn được. Nếu khai thật chắc là bị buộc tội CIA.

Bờ sông Mỹ Chánh và cây cầu mới năm 2009. Mùa hè năm 1972, Nam quân và thường dân đã chạy qua “Đại lộ Kinh hoàng” để rút về phía Nam sông này.

Sau đó em vượt biên rồi đoàn tụ. Trước sau 3 vợ, 11 người con. Bà sau này là bà bền chặt nhất đã sống với nhau 25 năm. Vâng, thưa bác đây chắc chắn là bà sau cùng. Gia đình em rất hạnh phúc. Phần em, dù có bị kinh hoàng nhưng cũng chỉ có 1 ngày 1 đêm. So với người ta

có người cả đời kinh hoàng thì nỗi khổ của chúng em có thấm vào đâu.”

Đó là câu chuyện của ông Châu, nhân chứng số 1 của chúng tôi. Tôi hỏi ông Châu câu cuối cùng. “Ông có biết ai đặt tên Đại lộ kinh hoàng.” “Không đâu,” bây giờ ông gọi tôi là cụ. “Cụ với cụ Việt không biết thì ai mà biết. Nhưng quả thực là kinh hoàng thực đẩy các cụ ạ”.

Tuy hỏi vậy, nhưng tôi đã tìm ra. Số là vào mùa hè năm 72 đó, có anh phóng viên trẻ tuổi bút hiệu Ngy Thanh cũng ra chiến trường Quảng Trị. Anh đã bỏ ra cả 1 ngày dài trên đoạn đường oan nghiệt. Chụp hình các xe cháy, các xác chết và có được 1 bộ hình hết sức đặc biệt. Khi về lại Saigon viết loạt bài phóng sự, anh có đặt tên là Đại lộ Kinh Hoàng. Câu chuyện làm xúc động độc giả tại thủ đô. Chủ nhiệm là chị Trùng Dương bèn cùng anh chị em quyền góp tiền bạc ra Trung tổ chức nhật xác và chôn cất. Câu chuyện ngày đó có lẽ ai cũng biết, nhưng ngày nay ai cũng quên hết cả rồi. Hành động của báo chí và đồng bào tự nguyện đứng lên lo việc chung sự cho nạn nhân của đại lộ kinh hoàng là 1 câu chuyện ý nghĩa nhất trong phần nhân bản của trận Quảng Trị mùa hè 72.

Hai tháng sau đêm kinh hoàng của ông Phan văn Châu, quân miền Nam vượt sông Mỹ Chánh, phản công tái chiếm Quảng Trị. Anh phóng viên chiến trường trở lại quốc lộ số 1. Sau đây là phần trích lại bài phóng sự đăng báo Sóng Thần năm 1972 của Ngy Thanh.

“Khoảng 10 giờ sáng, đầu cầu Bến Đá vắng lặng, không có lính trấn thủ khi chúng tôi đến. Những mũi dùi tấn công của Nhảy dù và TQLC đã được trực thăng vận vượt sông

đánh lên qua sông Trường Phước. Bến Đá bấy giờ có 2 cầu. Cầu xe hơi trên QL 1 bị phá. Chiếc cầu sắt xe lửa nằm ở phía núi gãy gục, đoạn giữa cắm xuống sông thành hình chữ V. Khu đất đầu cầu do QLVNCH trấn giữ trước đó đã được đặt nhiều mìn chống chiến xa. Thấy yên lặng và không có người, cả ta lẫn địch, hai chúng tôi bò theo khung cầu sắt gãy qua bên bờ Bắc, lách giữa đám mìn chống chiến xa để quay lại QL 1. Trước mặt chúng tôi, ngay trên bề mặt quốc lộ là xác xe. Chiếc ngược, chiếc ngang, phần lớn giò mui, không biết vì lý do gì. Nhiều xe cứu thương đã bị bắn cháy, nhưng còn đọc được phù hiệu Hồng Thập Tự hai bên hông. Chúng tôi nhìn vào cánh cửa xe hé mở, và thấy xác thương binh chết nằm, chết ngồi trong đó. Mùi tử khí đã thành mùi thối, thay vì mùi nồng của xác người như khi mới chết ít hơn 2 tuần. Chúng tôi tiếp tục lội xuống bãi cát 2 bên đường, bãi phía biển có nhiều xác chết hơn bãi phía núi, có lẽ vì khi bị tàn sát, người ta có khuynh hướng chạy ra phía Đông, là khu vực có người tiếp cứu trong khi phía núi chỉ là vùng hoang vu, không có ai sinh sống. Trên bãi cát này, chúng tôi thấy xác người lớn và xác trẻ em, xác quân nhân, cảnh sát và thường dân. Nhiều xác úp mặt chồng lên nhau, có lẽ bị bắn chết khi đang chạy tới để thoát hiểm”. (Ngý Thanh)

Cuộc chiến nào mà không có thảm sát, chiến tranh nào mà chẳng có nạn nhân. Nhưng hình ảnh của 1 đứa bé ngồi khóc bên xác mẹ giữa 1 chiến trường thảm khốc đầy xác thường dân như ở đại lộ kinh hoàng vẫn là 1 hình ảnh đau thương nhất mà chúng ta không thể nào quên được.

Vì vậy tôi cố tìm cho được câu chuyện của 1 nhân chứng đích thực, còn sống để kể lại hầu quý vị và riêng tặng cho đại tá Nguyễn Việt Hải chỉ huy trung đoàn pháo Bông Lau của quân đội Nhân dân, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong tác phẩm “Mùa hè cháy” xuất bản năm 2005 tác giả đã viết thật rõ ràng là đơn vị của ông khai hỏa tập trung pháo 122, pháo 130, pháo 155 mà ông gọi là trận địa pháo cường tập trên quốc lộ số 1 vào đám nguy quân trên đường bỏ chạy.

Ông đại tá pháo binh tác giả của tác phẩm “Mùa hè cháy” đã đích thân quan sát trong vai trò tiền sát viên để trực tiếp chỉ huy bắn.

Bài báo ngắn ngủi và khiêm nhường hôm nay hy vọng sẽ đến tay các pháo thủ miền Bắc ngày xưa để họ nhớ lại thành quả vào ngày 1 tháng 5 trong chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.

Định mệnh nào đã dành cho ông Phan Văn Châu còn sống để định cư tại Hoa Kỳ với 11 người con thành đạt, hàng năm vẫn gửi tiền về giúp cho miền quê nghèo khổ xứ Nhan Biều. Bây giờ, những mộ phần tập thể của dân oan chết vì trận mưa pháo Bông Lau năm 72 đã chẳng còn dấu vết. Những đứa bé đói sữa nằm bên xác mẹ rồi cũng đã chết hết trên đại lộ kinh hoàng 37 năm về trước.

Nhưng mà sao tiếng khóc của em vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây...

Cổ thành Quảng Trị và Đại Lộ Kinh Hoàng trong Mùa hè đỏ lửa 1972

© **Phạm Thắng Vũ**

Sept 18, 2011

Chiến tranh giữa 2 miền Nam-Bắc Việt Nam nếu kể từ trận đầu tiên là trận Ấp Bắc (ngày 31 tháng 12 năm 1962) cho đến trận cuối cùng là Chiến Dịch Hồ Chí Minh (ngày 26 tháng 4 năm 1975) thì gồm cả hàng trăm trận đánh lớn-nhỏ như trận Đồng Xoài, trận Pleime, trận Làng Vây (trong thập niên 1968), trận Lam Sơn 719, trận Ban Mê Thuột, trận Xuân Lộc (trong thập niên 1975)... nhưng giới nghiên cứu quân sự thế giới đồng ý chỉ có 3 trận đánh chính, cần quan tâm đó là các trận: Mậu Thân 1968 (Hoa Kỳ gọi là Tet Offensive 1968), trận Quảng Trị 1972 (Hoa Kỳ gọi là Easter Offensive, miền Nam VNCH gọi là Mùa Hè Đỏ Lửa 1972) và trận 30 tháng 4 năm 1975 (Cộng Sản Bắc Việt gọi là Chiến Dịch Hồ Chí Minh).

Nhân dịp tháng 9 là tháng mà ngày 16 tháng 9 năm 1972 là ngày 6 quân nhân của Tiểu đoàn 6 Thủy Quân

Lục Chiến (Lữ Đoàn 258) đã dựng lại quốc kỳ miền Nam VNCH nền Vàng 3 sọc Đỏ trên bờ thành phía Tây cổ thành Quảng Trị (cùng lúc các binh sĩ thuộc Tiểu đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến thuộc Lữ đoàn 147 cũng đã làm lễ dựng cờ phía Đông của cổ thành) nên tác giả (bài viết này) chỉ góp chút tài liệu cùng hình ảnh về 2 địa danh nổi tiếng trong trận đánh Quảng Trị là Cổ Thành và Đại Lộ Kinh Hoàng.

Cổ Thành trong trận đánh Quảng Trị chính là tòa thành cổ có tên Đình Công Tráng, được xây dựng vào năm 1823 thời vua Minh Mạng. Sơ khởi thành này được làm bằng đất nện cho đến năm 1838 thì được xây lại bằng gạch. Các tài liệu nói là thành có dạng hình vuông, chu vi tường thành là gần 2000 m, cao 9,4 m, dưới chân dày 12 m. Bao quanh có hệ thống hào rộng 4 m, sâu 8 m, bốn góc thành là 4 pháo đài cao nhô hẳn ra ngoài. Khi trận Quảng Trị xảy ra thì trong cổ thành là bản doanh của tiểu khu Quảng Trị và bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh (Bộ chỉ huy Tiền phương của sư đoàn thì đóng ở căn cứ Ái Tử).

Quảng Trị là tỉnh giới tuyến miền Nam VNCH đối với miền Bắc Cộng Sản và không ai nghĩ hoặc tin là sẽ có ngày Cộng Sản Bắc Việt sẽ vượt làn ranh giới tuyến quy ước (sông Bến Hải-cầu Hiền Lương) để công khai xâm lăng miền Nam VNCH nên vì thế chính quyền miền Nam VNCH đã để Sư đoàn 3 Bộ Binh phòng thủ miền giới tuyến này. Sư đoàn 3 Bộ Binh (Tư lệnh là Chuẩn tướng Vũ Văn Giai) là một sư đoàn tân lập (vào tháng 10 năm 1971) gồm 3 trung đoàn (2, 56 và 57). Trong 3 trung đoàn này thì chỉ trung đoàn 2 là có nhiều kinh nghiệm chiến trường

vì đã được tách ra từ sư đoàn 1 Bộ Binh và hai trung đoàn 56, 57 còn lại thì yếu kém về huấn luyện và kinh nghiệm tác chiến (có các thành phần gốc đào binh trong đơn vị). Chính vì vậy, tỉnh Quảng Trị được chính quyền miền Nam VNCH tăng phái thêm 2 Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến (147 và 258) nhằm để bảo vệ mặt phía Tây của tỉnh (giáp với nước Lào).

Ngày 30 tháng 3 năm 1972 (đúng 12 giờ trưa), 2 Sư đoàn 304 và 308 Cộng Sản Bắc Việt (khoảng 30.000 quân) với hỗ trợ của các trung đoàn xe tăng và pháo binh (từ Vĩnh Linh bắn sang), cùng với 150.000 Việt Cộng miền Nam đã vượt qua giới tuyến quy ước (cầu Hiền Lương-sông Bến Hải) để khởi sự trận chiến mà chúng gọi là Chiến Dịch Nguyễn Huệ. Thêm vào đó, từ phía Tây của tỉnh Quảng Trị, Cộng Sản Bắc Việt (Sư đoàn 324B) với xe tăng T 54, T 55, PT 76 hỗ trợ, theo đường 9 từ nước Lào vượt qua Khe Sanh, tiến vào thung lũng sông Thạch Hãn. Áp lực quá mạnh của các sư đoàn Cộng Sản Bắc Việt đã gây bất ngờ cho quân phòng thủ của miền Nam VNCH. Các trận pháo ác liệt của Cộng Sản Bắc Việt Cộng (gồm pháo tầm xa 122 ly, 130 ly, pháo phòng không 37 ly, 57 ly và đặc biệt hỏa tiễn chống chiến xa AT-3 Sagger cùng hỏa tiễn địa không tầm nhiệt SA-7 Strela) thêm thời tiết xấu nên giảm thiểu sự yểm trợ của không quân (miền Nam VNCH và Hoa Kỳ) đã dẫn đến (lần lượt) 11 căn cứ hỏa lực của quân đội miền Nam VNCH phải thất thủ (căn cứ Bá Hồ, Holcomb, Sarge, Fuller, 2, Khe Gió, Carrol, Mai Lộc, Ái Tử...).

Trước áp lực quá mạnh của phía Cộng Sản Bắc Việt và Việt Cộng miền Nam trong địa bàn Quảng Trị, ngày 30

tháng 4 thì Chuẩn tướng Vũ Văn Giai mở phiên họp với các đơn vị trưởng thuộc quyền để bàn kế hoạch lui binh và việc lui binh đang khởi sự thì viên tướng Tư lệnh Quân Đoàn 1 (Hoàng Xuân Lâm) lại ra chỉ thị tử thủ Quảng Trị. Lệnh và phản lệnh giữa quân đoàn và sư đoàn khiến các đơn vị trưởng đã bất tuân thượng lệnh và chính vì đó mà hệ thống phòng thủ Quảng Trị đã bị gãy đổ (vì các đơn vị tự động rời bỏ vị trí đóng quân để rút lui về hướng Nam). Chuẩn tướng Vũ Văn Giai (cùng bộ tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh) được trực thăng vận từ cổ thành Đình Công Tráng về Đà Nẵng (ngày 2 tháng 5). Cổ thành Đình Công Tráng gần như bỏ ngõ nên phía Cộng Sản Bắc Việt cùng Việt Cộng miền Nam đã chiếm đoạt dễ dàng cứ địa này và sau đó là toàn bộ tỉnh Quảng Trị.

Mất tỉnh Quảng Trị vào tay Cộng sản Bắc Việt, chính quyền miền nam VNCH liền sau đó đã thay thế 2 viên tướng Hoàng Xuân Lâm (Tư lệnh Quân đoàn 1) và Lê Nguyên Khang (Tư lệnh Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến) bằng tướng Ngô Quang Trưởng và tướng Bùi Thế Lân cùng tăng cường thêm lực lượng (Lữ đoàn 2 Nhảy Dù, Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân rồi sau đó thêm Lữ đoàn 3 Nhảy Dù và Trung đoàn 4 thuộc Sư đoàn 2 Bộ Binh) để nhằm phản công tái chiếm các vùng đất đã mất. Các kế hoạch phản công của quân đội miền Nam VNCH đã hình thành nhanh chóng (tái chiếm lại được một số căn cứ cũ như Bastogne, Checkmate... và chợ Quảng Trị, Ty Y tế, Ngân Khố, Tòa Án...) để sau cùng là đánh bật cán binh Cộng Sản Bắc Việt và Việt Cộng miền Nam ra khỏi cổ thành Đình Công Tráng (ngày 16 tháng 9) sau 81 ngày chúng (bám trụ) cố thủ tại đây.

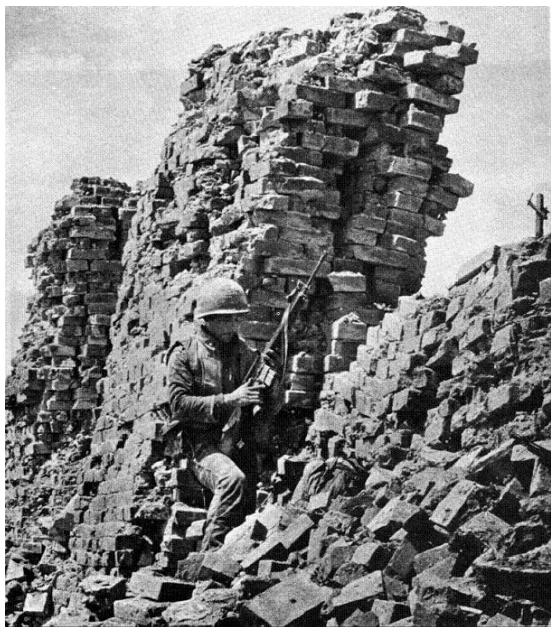
Đại Lộ Kinh Hoàng là tên mà nhà báo Ngý Thanh (Đặc phái viên của báo *Sóng Thần* trong thời điểm đó) đặt cho đoạn đường dài độ 9 km trên quốc lộ 1 từ cầu Bến Đá tới cầu Trường Phước trong quận Hải Lăng tỉnh Quảng Trị nơi mà dân chúng (cùng binh lính) miền Nam VNCH rút chạy về hướng Nam trong những ngày cuối tháng 4 năm 1972 khi chiến sự xảy ra trong làn đạn pháo của quân đội Cộng Sản Bắc Việt. Đoạn đường này nằm giữa các đụn cát trắng, không nhà cửa, cây cao và chỉ là các lùm cỏ bụi do vậy dễ dàng nằm trong tầm ngắm của các tiền sát viên (để lộ) Cộng Sản Bắc Việt khi gọi pháo 122 ly, 130 ly, cối 60 ly... của chúng từ hướng rừng Trường Sơn nã vào dòng người di tản. Ước tính có gần 2.000 người bị chết (chỉ thu gom được 1841 xác người gần như còn lành lặn) và hơn 500 xe cộ các loại (của dân chúng và quân đội) bị phá hủy trong trận pháo thảm sát trên đoạn đường này.

Trước khi xảy ra trận mùa hè năm 1972, tỉnh Quảng Trị có diện tích là 3966 km² với dân số 270.984 người. Sau khi kết thúc trận chiến mùa hè vào tháng 9-1972, diện tích Quảng Trị chỉ còn có 164.900 km², với 3 quận Triệu Phong, Mai Lĩnh và Hải Lăng nhưng dân số tới 202.338 người (do bị phía Cộng Sản Bắc Việt chiếm từ phía bờ Bắc của sông Thạch Hãn). Điều này cho thấy, Cộng Sản Bắc Việt gây chiến tranh nhưng chỉ chiếm được đất chứ không bao giờ thu phục được nhân tâm, bởi sự tàn ác dã man của chúng. **Cộng Sản đi tới đâu thì dân chúng nơi đó đều phải bỏ của để chạy thoát thân.**



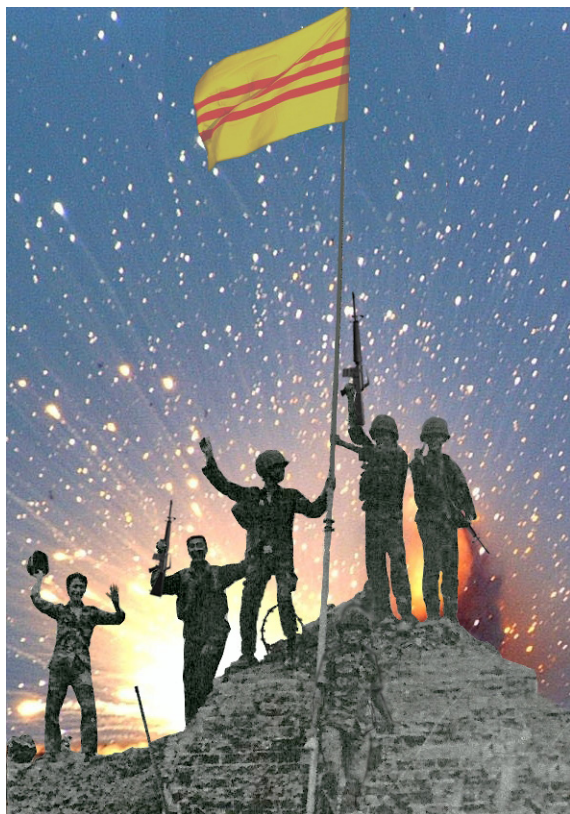
Binh sĩ miền Nam VNCH trong thành phố Quảng Trị và tại vùng phụ cận.





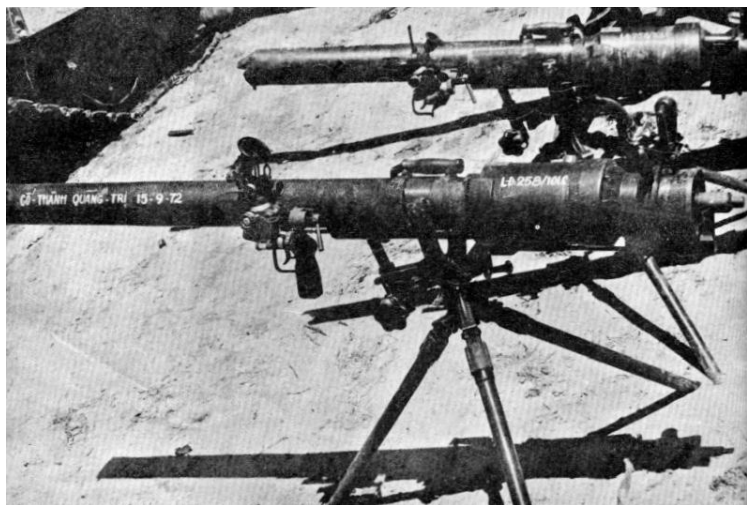
THỪA THẮNG XÔNG LÊN TÁI CHIẾM LÃNH THỔ

VICTORIES TO REOCCUPY THE TERRITORY



Cờ Vàng 3 sọc Đỏ tung bay trên cổ thành Đỉnh Công Tráng ngày 16-9-1972.

B - The Company Commander of the last unit being captured along with his men in the old citadel on 16 September 1972.





Cán binh Cộng Sản Bắc Việt cùng vũ khí bị quân đội miền Nam VNCH bắt giữ.

Tóm lại, trận Quảng Trị năm 1972 theo cái nhìn về mặt quân sự thì tuy Cộng Sản Bắc Việt chiếm được một dải lãnh thổ của tỉnh (từ bờ Bắc sông Thạch Hãn trở ra) nhưng kế hoạch xâm lăng bất ngờ định chiếm nhiều phần lãnh thổ hơn (dành dân-chiếm đất để mặc cả tại bàn Hội nghị Hòa Bình của phe Cộng Sản) đã thất bại. Phía Cộng sản Bắc Việt ngoài trung đoàn Triệu Hải (cố thủ bên trong Cổ Thành) bị xóa sổ, trung đoàn 48 B thuộc sư đoàn 320 B QĐNDVN- đơn vị chiếm giữ trung tâm thị xã Quảng Trị cũng đã bị thiệt hại hơn 80% quân số. Phía miền Nam VNCH thì một viên tướng phải ra tòa án binh (Chuẩn tướng Vũ Văn Giai) và đặc biệt (lần đầu tiên), tư lệnh Trung đoàn 56 Bộ Binh (trung tá Phạm Văn Đính) cùng một số binh sĩ (khoảng 600 người) đã đầu hàng Cộng Sản tại căn cứ Carrol (chiều ngày 3 tháng 4 chung với 22 đại bác gồm 105 ly, 155 ly cùng 175 ly). Cũng giống như các trận đánh trước và sau này trên mọi miền đất nước, chúng ta thấy rõ cuộc chiến do Cộng Sản Bắc Việt khởi sự đều thiếu chính nghĩa. Không có chính nghĩa nên họ không được sự ủng hộ của dân chúng. Và giống như tình trạng đã xảy ra ở cố đô Huế dịp tết Mậu Thân-1968, khi thấy người dân không ủng hộ thì binh lính Cộng Sản đã thẳng tay chém giết và bắn phá. Ngoài Đại Lộ Kinh Hoàng thì trong tất cả các mặt trận của Mùa Hè Đỏ Lửa-1972 (tại An Lộc, Kom Tum, châu thổ sông Cửu Long...), pháo thủ **Cộng Sản đã tác xạ bừa bãi vào dòng người dân tị nạn không một tác sát trong tay khi biết họ chạy về hướng có quân đội miền Nam VNCH.**

Tái chiếm Quảng Trị: trận đánh đẫm máu nhứt trong chiến tranh VN

Ngày 30-3-1972, 3 sư đoàn Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) vượt Khu Phi Quân Sự (tiếng Anh gọi là De Militarized Zone, viết tắt là DMZ), tấn công vào các căn cứ phòng thủ của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) ở phía Bắc và phía Tây của tỉnh Quảng Trị thuộc Vùng I. Cuộc Tổng Tấn Công 1972, mà giới truyền thông Hoa Kỳ gọi là ***The Easter Offensive*** thật sự bắt đầu. Ba ngày sau, 3 sư đoàn khác của CSBV tấn công vào An Lộc, tỉnh lỵ của tỉnh Bình Long ở Vùng III, cách Sài Gòn 60 km về hướng Bắc. Và ngày 14-4-1972, tỉnh Kontum thuộc Vùng II cũng bị 2 sư đoàn CSBV tấn công. Tại vùng I, ngày 2-5-1972, tỉnh Quảng Trị lọt vào tay quân CSBV sau khi Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai, Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ Binh của QLVNCH, quyết định rút khỏi căn cứ Cổ Thành Quảng Trị (có tên là Cổ Thành Đinh Công Tráng). ***Phía Bắc tỉnh Thừa***

Thiên và thành phố Huế bị đe dọa nặng nề. Ngày hôm sau, 3-5-1972, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bổ nhiệm Trung Tướng Ngô Quang Trưởng,¹ đang là Tư Lệnh Quân Đoàn IV, thay thế Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm trong chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn I. Ngay chiều hôm đó, cùng với một số sĩ quan thân cận trong bộ tham mưu của mình, Tướng Trưởng bay ngay ra Huế. Từ phi trường Phú Bài, tin ***“Tướng Trưởng đã về”*** loan truyền đi nhanh chóng và thành phố Huế như được hồi sinh. Sau một thời gian cấp tốc ổn định tình hình tại Huế, Tướng Trưởng tổ chức cuộc hành quân lấy tên là ***Chiến Dịch Lam Sơn 72*** nhằm phản công để tái chiếm Quảng Trị. Chiến Dịch Lam Sơn 72 chính thức kết thúc khi QLVNCH đã toàn thắng và chiếm lại được Cổ Thành Quảng Trị vào ngày 15-9-1972. Bài viết này cố gắng ghi lại phần nào diễn tiến của trận đánh này: trận đánh đẫm máu nhứt trong suốt thời gian kéo dài 20 năm của Chiến Tranh Việt Nam.

Tầm quan trọng về chính trị của trận đánh

Khi ông Richard M. Nixon nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ vào tháng 1-1969, Hoa Kỳ đang có trên nửa triệu quân tại VNCH, với 31.000 quân đã tử trận, và Chiến Tranh Việt Nam đã trở thành mối chia rẽ trầm trọng nhứt trong dân chúng Mỹ kể từ khi cuộc Nội Chiến (Civil War, 1861-1865) chấm dứt cách đó hơn một trăm năm. Tổng Thống Nixon phải tìm cách làm thế nào để Hoa Kỳ có thể rút ra khỏi cuộc chiến mà không mang tiếng là bỏ rơi đồng minh VNCH. Giải pháp ông tìm ra được gọi là chính sách Việt-Nam-hóa chiến tranh (Vietnamization of the War): rút quân Mỹ ra khỏi Miền Nam từ từ, theo từng đợt, có

kế hoạch, song song với việc chuẩn bị cho QLVNCH có thể tự đảm nhận hoàn toàn trách nhiệm trong cuộc chiến tự vệ này. Cuộc thử lửa đầu tiên của chính sách này là cuộc Hành Quân Lam Sơn 719 (tháng 2 và 3-1971) của QLVNCH tấn công sang Lào, nhằm phá hủy các căn cứ hậu cần trên đường mòn Hồ Chí Minh của CSBV. QLVNCH có đạt được một số mục tiêu của cuộc hành quân này nhưng cũng đã phải trả một giá khá đắt với nhiều tổn thất nặng nề. Miền Bắc thì cho rằng họ đã đánh bại QLVNCH và, như vậy, chính sách Việt Nam hóa chiến tranh của Nixon đã thất bại. Cuộc Tổng Tấn Công Mùa Hè 1972 lần này của Bắc Việt là để cho cả thế giới thấy rõ sự thất bại hoàn toàn, không thể chối cãi được, của chính sách Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ.

Từ giữa năm 1968, sau cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân, Mỹ và Bắc Việt, và sau đó cả VNCH và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đã bắt đầu hòa đàm tại Paris. Cuộc thương thuyết đã kéo dài 4 năm và đang đi đến giai đoạn phải kết thúc. Cả 2 phe lâm chiến đều muốn chiếm thế thượng phong trên mặt trận quân sự để có lợi thế trong mặt trận ngoại giao. Trận Quảng Trị trở thành một ván bài hết sức quan trọng mà cả hai phe đều muốn thắng.

Về phía VNCH và Hoa Kỳ, bằng mọi giá, phải tái chiếm Quảng Trị. Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I, đã được giao cho sử dụng những đơn vị thiện chiến nhứt của QLVNCH. Hoa Kỳ cũng muốn thấy QLVNCH tái chiếm Quảng Trị, nên đã cố gắng hết sức hỗ trợ phi pháo cho QLVNCH trên chiến trường. Chưa bao giờ sự yểm trợ phi pháo của Hoa Kỳ được thực hiện với

một cường độ ác liệt như vậy. Ngoài việc yểm trợ tối đa bằng đại pháo cũng như phi cơ oanh kích từ các chiến hạm của Hạm Đội Thái Bình Dương ở ngoài khơi Biển Đông còn có cả những phi vụ “trải thảm” liên tục bằng phi cơ chiến lược B-52 xuất phát từ căn cứ Andersen ở đảo Guam và căn cứ U-Tapao ở Thái Lan. Thống kê của Không Quân Mỹ cho thấy, chỉ nội trong 3 tháng 4-5-6/1972, tại mặt trận Quảng Trị, đã có tất cả 2.700 phi vụ B-52, với tổng số bom đã trải thảm là 57.000 tấn.² Về Hải Quân Hoa Kỳ, lực lượng tham chiến lúc đó là Hải Đoàn Đặc Nhiệm 77 (Task Force 77) thuộc Đệ Thất Hạm Đội, với 2 hàng không mẫu hạm Hancock và Coral Sea (về sau tăng cường thêm 4 hàng không mẫu hạm nữa là Kitty Hawk, Constellation, Midway và Saratoga) và rất nhiều khu trục hạm và tuần dương hạm. Mỗi hàng không mẫu hạm đều có 1 không đoàn (air wing) với khoảng 90 phi cơ phản lực thuộc các loại F4 (Phantom), A7 (Corsair) và A6 (Intruder).³ Dĩ nhiên, số thương vong của quân Bắc Việt do những vụ yểm trợ phi pháo này của Hoa Kỳ lên đến mức kinh hoàng.

Về phía Bắc Việt, để chứng tỏ là chính sách Việt Nam hóa hoàn toàn thất bại, bằng mọi giá, phải giữ cho được Quảng Trị; lệnh tử thủ Quảng Trị được Hà Nội áp đặt lên các cấp chỉ huy các lực lượng đang chiếm giữ Quảng Trị. Khi Tướng Trưởng ra lệnh bắt đầu Chiến Dịch Lam Sơn 72 để phản công nhằm tái chiếm Quảng Trị vào ngày 28-6-1972 thì Thị xã Quảng Trị và Cổ Thành Đinh Công Tráng đã nằm trong tay địch gần 2 tháng trời. Các lực lượng Bắc Việt đã có quá du thì giờ để thực hiện và tổ chức các công sự cần thiết cho việc tử thủ này, từ hầm hố, giao



Một phi tuần B-52 đang “rải thảm” tại mặt trận Quảng Trị.

Nguồn: Internet

thông hào, chương ngại vật cho đến việc bố trí các trận địa pháo, hỏa tiễn, phòng không, vv. Các đơn vị của Sư Đoàn Nhảy Dù và Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) của QLVNCH phải trả giá bằng máu cho từng thước đất, từng con đường, từng ngôi nhà mà họ chiếm lại. Chưa bao giờ hai lực lượng tổng trừ bị thiện chiến nhứt của QLVNCH đã có số thương vong cao như vậy trong suốt thời gian gần 20 năm của Chiến Tranh Việt Nam.

Tương Quan Lực Lượng Hai Bên

Các lực lượng CSBV bảo vệ Quảng Trị gồm các đơn vị sau đây:

- 2 Trung Đoàn của Sư Đoàn 320 B: Trung Đoàn 48 và Trung Đoàn Triệu Hải
- 1 Trung Đoàn của Sư Đoàn 325: Trung Đoàn 95

- 1 Trung Đoàn của Sư Đoàn 308: Trung Đoàn 88
- 2 Tiểu đoàn địa phương của Quảng Trị
- về sau, khi trận đánh đã diễn ra ác liệt, còn có thêm sự chi viện của các đơn vị còn lại của Sư Đoàn 325 và Sư Đoàn 312

Về phía QLVNCH, lực lượng tấn công tái chiếm Quảng Trị gồm có các đơn vị sau đây:

- 2 Lữ Đoàn của Sư Đoàn Dù: các Lữ Đoàn 2 và 3
- 3 Lữ Đoàn của Sư Đoàn TQLC: các Lữ Đoàn 147, 258 và 369

- Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù
- 2 Thiết Đoàn 7 và 18 của Binh Chủng Thiết Giáp
- các tiểu đoàn pháo binh của hai Sư Đoàn Dù và TQLC

Về phía Hoa Kỳ, hoàn toàn không có sự tham dự của các lực lượng bộ chiến (ground combat troops) nhưng có sự yểm trợ rất lớn về phi pháo, kể cả B-52.

Kế Hoạch Phản Công của Tướng Trưởng

Kế hoạch phản công để tái chiếm Quảng Trị của Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tân Tư Lệnh Quân Đoàn I, gồm 2 phần chánh:

- Phần I: ổn định tình hình tại Huế
- Phần II: tấn công lên phía Bắc để tái chiếm Quảng

Trị

Giữ vững Huế

Sau khi Quảng Trị thất thủ, cùng với việc CSBV truy kích các đơn vị của QLVNCH triệt thoái giữa Quảng Trị và Thừa Thiên, tạo ra Đại Lộ Kinh Hoàng trên Quốc Lộ 1, thành phố Huế vừa phải gánh chịu áp lực rất nặng của địch từ bên ngoài vừa phải đối phó với tình hình khó khăn bên



Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I.

trong thành phố do việc hàng vạn dân tỵ nạn từ Quảng Trị kéo vào và các tệ nạn do binh sĩ vô kỷ luật của các đơn vị triệt thoái gây nên.

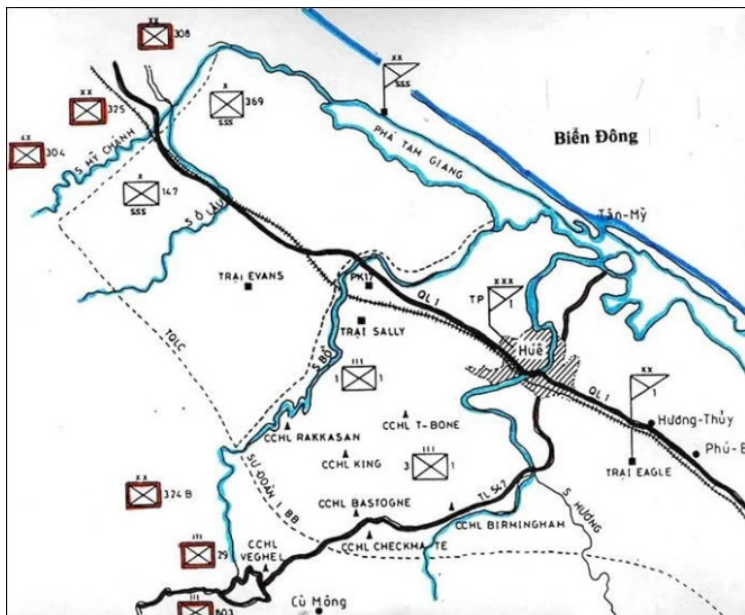
Để ổn định tình hình và lòng dân tại thành phố Huế, hành động đầu tiên của Tướng Trưởng là ban ra 2 lệnh hết sức quan trọng: 1) Thiết lập Bộ Tư Lệnh Tiên Phương của Quân Đoàn I tại phía Bắc thành phố Huế với nhiệm vụ chặn đứng tất cả các cuộc tấn công của quân CSBV; và, 2) Ra lệnh cho tất cả các quân nhân đã bỏ đơn vị, hay lạc đơn vị, hoặc không còn đơn vị, phải lập tức trình diện với các cấp thẩm quyền quân sự trong thành phố; những quân nhân không tuân theo lệnh này sẽ bị bắn bỏ ngay tại

chỗ. Chỉ trong vài ngày tình hình an ninh và lòng dân của thành phố Huế được ổn định ngay.

Tướng Trưởng quyết định giao việc phòng thủ phía Bắc của tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế cho 2 đơn vị thiện chiến của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Quân Đoàn I. Sư Đoàn TQLC, với Tư Lệnh mới là Đại Tá Bùi Thế Lân,⁴ được giao nhiệm vụ phòng thủ phía Bắc và phía Tây Bắc của Huế. Sư Đoàn 1 Bộ Binh, với Tư Lệnh là Thiếu Tướng Phạm Văn Phú⁵, chịu trách nhiệm phòng thủ hướng Nam và Tây Nam của Huế, ngăn chặn tấn công của quân CSBV từ thung lũng A Shau.⁶

Về phía Bắc của Huế, tuyến phòng thủ của TQLC chạy dài theo bờ Nam của sông Mỹ Chánh với Lữ Đoàn 147 bên tả và Lữ Đoàn 369 bên hữu. Lữ Đoàn 147, với Lữ Đoàn Trưởng là Trung Tá Nguyễn Năng Bảo, gồm 3 tiểu đoàn tác chiến là các Tiểu Đoàn 1 (Quái Đểu), Tiểu Đoàn 4 (Kinh Ngu), Tiểu Đoàn 7 (Hùm Xám), và Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh TQLC (Lôi Hỏa). Lữ Đoàn 369, với Lữ Đoàn Trưởng là Trung Tá Nguyễn Thế Lương, gồm 3 tiểu đoàn tác chiến là các Tiểu Đoàn 3 (Sói Biển), Tiểu Đoàn 6 (Thần Ưng), Tiểu Đoàn 9 (Mãnh Hổ), và Tiểu Đoàn 3 Pháo Binh TQLC (Nỏ Thần). Hai lữ đoàn TQLC này có nhiệm vụ ngăn chặn tất cả các cuộc tấn công xuống phía Nam của các đơn vị thuộc 3 sư đoàn CSBV là các Sư Đoàn 304, Sư Đoàn 325 và Sư Đoàn 308.

Về phía Tây và Tây Nam của Huế, các đơn vị của Sư Đoàn 1 BB của Tướng Phú có nhiệm vụ chặn đứng tất cả các cuộc tấn công của các đơn vị của Sư Đoàn 324B của CSBV từ Thung lũng A Shau.



Bản đồ phòng thủ Quảng Trị – Thừa Thiên đầu tháng 5-1972.

Sau gần 2 tháng tổ chức phòng thủ và ổn định hoàn toàn tình hình mặt trận Huế, Tướng Trường chuyển sang thể phản công với mục tiêu tái chiếm Quảng Trị.

Phản công tái chiếm Quảng Trị

Các chuẩn bị trước khi Lam Sơn 72 bắt đầu

Cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị mang tên là Chiến dịch Lam Sơn 72, chính thức khởi sự vào ngày 28-6-1972, và chấm dứt vào ngày 16-9-1972 sau khi TQLC của QLVNCH đã cắm cờ VNCH trên Cổ Thành Quảng Trị.

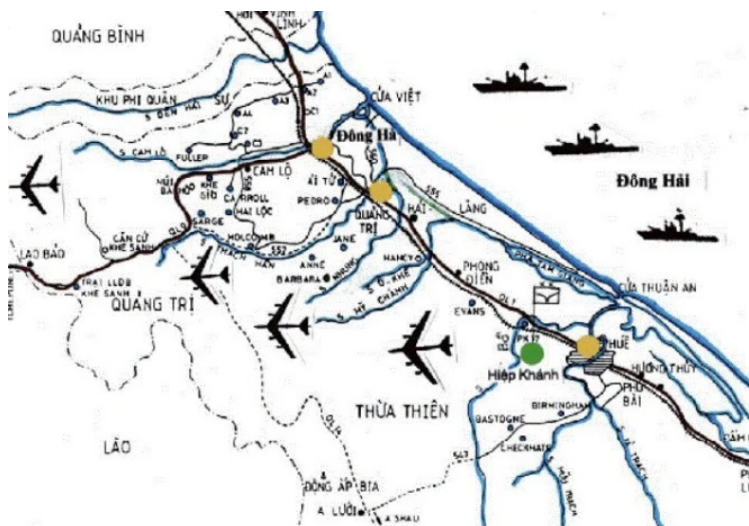
Vì tầm quan trọng rất lớn của cuộc hành quân phản công này, các cuộc chuẩn bị cho chiến dịch này được thực hiện rất kỹ lưỡng, bao gồm tất cả 3 giai đoạn:⁷

- 10 ngày đầu của tháng 6-1972: tất cả các đơn vị được rà soát, sắp xếp lại trên toàn mặt trận

- Từ ngày 11 đến ngày 18-6-1972: ở phía Tây, Sư Đoàn 1 BB mở một cuộc tấn công về hướng căn cứ hỏa lực Veghel; về phía Bắc, các đơn vị Dù và TQLC mở những cuộc hành quân phía Bắc sông Mỹ Chánh để thăm dò lực lượng địch

- Từ ngày 19 đến 27-6-1972: mở 2 cuộc hành quân nhằm mục tiêu đánh lừa địch, quân Dù tấn công vào Cam Lộ, và TQLC đổ bộ vào Cửa Việt

Hai ngày trước khi Chiến dịch Lam Sơn 72 bắt đầu, Tướng Trưởng ra lệnh phát động một cuộc oanh kích rất dữ dội vào các địa điểm đóng quân, các vị trí pháo, cũng như các khu vực hậu cần của địch. Ngoài các đơn vị phi pháo cơ hữu của QLVNCH, còn có sự tham dự tích cực của các đơn vị phi pháo của Hoa Kỳ, bao gồm cả các pháo hạm ngoài khơi và oanh tạc cơ chiến lược B-52 xuất phát từ Thái Lan (căn cứ U- Tapao) và đảo Guam, như chúng ta thấy trong bản đồ bên dưới đây:



Bản đồ Quảng Trị Mùa Hè 1972. Nguồn: Internet

Chiến dịch Lam Sơn 72 thật sự bắt đầu

Ngày 28-6-1972 Chiến dịch Lam Sơn 72 chính thức bắt đầu, với 2 mũi tấn công chính về hướng Bắc, phối hợp với một mũi phụ về hướng Tây Nam Huế. Vì xuất thân là một sĩ quan Nhảy Dù (chức vụ đầu tiên trong binh nghiệp của ông, vào tháng 7-1954, là một Thiếu Úy Trung Đội Trưởng của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù⁸), Tướng Trưởng quyết định giao cho Sư Đoàn Nhảy Dù làm mũi tấn công chính trong cuộc hành quân quan trọng này. Hướng tấn công của Sư Đoàn Dù là phía Tây Nam Quốc Lộ 1, tiến về phía La Vang. Mũi tấn công thứ nhì ở phía Bắc được giao cho Sư Đoàn TQLC, dọc theo hương lộ 555, tiến về phía Triệu Phong. Mũi tấn công phía Tây Nam Huế là trách nhiệm của Sư Đoàn 1 BB. Phía Nam đèo Hải Vân, trách nhiệm bảo vệ Đà Nẵng được giao cho Sư Đoàn 3 BB đang được tái thiết và tái huấn luyện dưới quyền chỉ huy của Tư Lệnh mới là Chuẩn Tướng Nguyễn Duy Hinh.⁹

Cuộc phản công hướng về phía Bắc với hai Sư Đoàn Dù và TQLC, với mục tiêu là chiếm lại cho được Quảng Trị, có thể được xem như gồm 2 đợt:

- Đợt 1: từ ngày 28-6-1972 đến ngày 27-7-1972 với Sư Đoàn Dù là lực lượng chính
- Đợt 2: từ ngày 27-7-1972 đến ngày 16-9-1972 khi toàn thắng, chiếm lại được Cổ Thành Đinh Công Tráng (Quảng Trị), với Sư Đoàn TQLC là lực lượng chính.

Đợt 1 của cuộc tấn công với Sư Đoàn Dù

Sau khi nhận nhiệm vụ tại Quân Đoàn 1, Tướng Trưởng đã yêu cầu Bộ Tổng Tham Mưu tăng viện cho ông để trám vào sự mất mát của Sư Đoàn 3 BB, và đã được tăng viện 2

Lữ Đoàn của Sư Đoàn Dù. Lữ Đoàn 2, với Lữ Đoàn Trưởng là Đại Tá Trần Quốc Lịch (về sau thăng lên Chuẩn Tướng, làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh¹⁰, đến Huế vào ngày 8-5-1972 và được Tướng Trưởng điều động lên ngay mặt trận phía Bắc, trấn giữ phòng tuyến dọc bờ Nam của sông Mỹ Chánh, cùng với Lữ Đoàn 258 (với Lữ Đoàn Trưởng là Đại Tá Ngô Văn Định) của Sư Đoàn TQLC. Lữ Đoàn 3, với Lữ Đoàn Trưởng là Đại Tá Trương Vinh Phước, cũng được tăng viện cho Vùng I vào ngày 22-5-1972. Ngay sau đó, Bộ Chỉ Huy của Sư Đoàn Dù, với Tư Lệnh là Trung Tướng Dư Quốc Đống, cũng bay ra Vùng I, và đặt tại Bãi Đổ Quân Sally (Landing Zone (LZ) Sally) ở phía Nam Sông Bồ, ngay bên cạnh Quốc Lộ 1.¹¹



Bản đồ vị trí của LZ Sally tại Quảng Trị. Nguồn: Internet

3 giờ sáng ngày 28-6-1972, Đại Tá Trần Quốc Lịch điều động 3 tiểu đoàn của Lữ Đoàn vượt sông Mỹ Chánh tấn

công lên phía Bắc: Tiểu Đoàn 2 do Thiếu Tá Nguyễn Đình Ngọc làm Tiểu Đoàn Trưởng đi cánh trái, Tiểu Đoàn 1 do Thiếu Tá Lê Hồng làm Tiểu Đoàn Trưởng đi giữa, và Tiểu Đoàn 3 do Thiếu Tá Trần Văn Sơn làm Tiểu Đoàn Trưởng đi cánh phải. Nhờ yếu tố bất ngờ, các tiểu đoàn Dù này đã đạt được những kết quả rất khích lệ, phá được phòng tuyến của quân Bắc Việt, tấn công thẳng vào Bộ Chỉ Huy của Trung Đoàn chiến xa 203 của địch, tịch thu được nhiều vũ khí nặng (như súng cối 61 và 82 ly, súng phòng không 37 và 57 ly) và luôn cả 3 chiến xa T54 của địch. Các lực lượng Dù tiếp tục tiến lên phía Bắc, và sau đó Tiểu Đoàn 3 mở mũi dùi tấn công về phía Đông nhằm tái chiếm quận Hải Lăng. Rạng sáng cùng ngày, thêm hai Tiểu Đoàn Dù nữa là Tiểu Đoàn 9 (với Tiểu Đoàn Trưởng là Trung Tá Trần Hữu Phú) và Tiểu Đoàn 11 (với Tiểu Đoàn Trưởng là Thiếu Tá Lê Văn Mễ) được trực thăng vận đổ xuống phía Bắc sông Nhung. Hai tiểu đoàn này cùng đi song song, tiến lên phía Bắc và nhổ hết tất cả các chốt của địch. Chắc hẳn đã đoán được mục tiêu của cuộc phản công này của QLVNCH là nhằm vào việc chiếm lại Quảng Trị, địch quân đã chống cự rất mãnh liệt, với những cuộc pháo kích liên tục bằng đại pháo 122 ly và 130 ly cũng như hỏa tiễn 107 ly, gây thương vong rất nặng nề cho các tiểu đoàn Dù. Một thí dụ điển hình là trận Tân Lê Phước Môn, tất cả 4 đại đội trưởng của Tiểu Đoàn 9 đều bị thương, với Đại Úy Ngưu, Đại Đội Trưởng của Đại Đội 94 bị tử thương. Sau nhiều trận kịch chiến với quân Bắc Việt trong khoảng 10 ngày, Tiểu Đoàn 3 Dù chiếm lại được quận Hải Lăng vào 4 giờ chiều ngày 7-7-1972. Trong trận này, Thiếu Tá Tiểu

Đoàn Trưởng Trần Văn Sơn bị thương nặng và được thay thế bởi Thiếu Tá Võ Thanh Đồng, Tiểu Đoàn Phó của Tiểu Đoàn 9 Dù.¹² Với Hải Lăng được tái chiếm, con đường tiến lên phía Bắc hướng về Cổ Thành Quảng Trị của các đơn vị QLVNCH đã được rút ngắn rất nhiều nhưng việc tiến quân hoàn toàn không dễ dàng hơn một chút nào hết. Còn ngược lại nữa là khác. Lý do thật đơn giản: các lực lượng địch chiếm giữ Quảng Trị đã nhận được lệnh tử thủ. Trọn 3 tuần lễ, từ ngày 7-7 đến ngày 27-7-1972, các tiểu đoàn Dù (tăng cường thêm với Tiểu Đoàn 5 vừa giải tỏa xong An Lộc) đã tiến rất chậm trong phần đất rất ngắn giữa sông Nhung và sông Thạch Hãn vì sự chống trả mãnh liệt của địch. Chỉ sau khi phi cơ B-52 trải thảm dọc bờ Bắc sông Thạch Hãn, Tiểu Đoàn 5 mới vượt được sông Thạch Hãn, tiến vào đóng quân tại khu vực của thôn An Thái, chỉ còn cách Cổ Thành Đình Công Tráng độ 3 km về phía Tây Nam. Trận đánh tái chiếm Thị xã Quảng Trị và Cổ Thành Đình Công Tráng của các tiểu đoàn Dù thật sự bắt đầu vào ngày 17-7-1972 với các cánh quân được bố trí như sau:

- Tiểu Đoàn 7 phía Tây Thị xã
- Tiểu Đoàn 11 từ bờ sông Thạch Hãn đến ngã ba Long Hung
- Tiểu Đoàn 9 phía Nam Thị xã
- Tiểu Đoàn 6 phía Đông Thị xã
- Tiểu Đoàn 5 là lực lượng chính tấn công vào Cổ Thành Đình Công Tráng

Trung Tá Nguyễn Chí Hiếu, Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn 5 Dù, quyết định ngày hôm sau, 18-7-1972, toàn bộ tiểu đoàn sẽ đồng loạt tấn công vào Cổ Thành, với mục

tiêu là nội trong 2 ngày phải chiếm cho được ít nhất là phân nửa chu vi bờ thành.

Cổ Thành Đinh Công Tráng được xây dựng vào năm 1823 thời vua Minh Mạng. Lúc mới xây thành làm bằng đất; đến năm 1838 thì mới được xây lại bằng gạch. Thành hình vuông, mỗi cạnh dài khoảng 500 m, nên chu vi của thành gần 2000 m. Tường thành cao 9,4 m, dưới chân dày 12 m. Bao quanh thành có hào rộng 4 m, sâu 8 m, bốn góc thành là 4 pháo đài cao nhô hẳn ra ngoài. Khi trận Quảng Trị bắt đầu vào ngày 30-3-1972 thì trong Cổ Thành là bản doanh của tiểu khu Quảng Trị và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh của QLVNCH (Bộ chỉ huy Tiền phương của Sư Đoàn 3 thì đóng ở căn cứ Ái Tử).¹³



Không ảnh Cổ Thành Đinh Công Tráng năm 1967. Nguồn: Internet

Với quy mô kiên cố của thành như vậy, với quyết tâm tử thủ của các lực lượng địch chống giữ thành, cùng với sự yểm trợ tối đa của các đơn vị chiến xa, pháo binh, và phòng không của địch, các cánh quân Dù đã bị tổn thất rất nặng nề với những số thương vong rất lớn. Nhưng ngược lại với các đợt oanh kích phi pháo của hải quân và không quân Hoa Kỳ (máy bay B-52 trải thảm), quân Bắc Việt

cũng phải trả giá rất đắt trong việc chống giữ Cổ Thành Đinh Công Tráng.

Trung Tá Nguyễn Chí Hiếu, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 Dù, lực lượng tấn công chính, chỉ định Đại Đội 51, với Đại Úy Trương Đăng Sỹ làm Đại Đội Trưởng, và Đại Đội 52, với Trung Úy Hồ Tường làm Đại Đội Trưởng, cùng song song tiến lên trước. Cuộc tiến quân vô cùng khó khăn vì sự chống trả quyết liệt của địch. Ta hãy nghe lời kể lại cuộc tiến quân của chính Đại Úy Sỹ (về sau thăng cấp lên Thiếu Tá) như sau:¹⁴

Từ làng Trí Bưu, về hướng Tây Bắc, mục tiêu kế tiếp là Nhà Thờ Trí Bưu. Tôi và Hồ Tường song song bung đội hình từng bước tiến lên, nhường làng Trí Bưu lại cho Bộ Chỉ huy Tiểu đoàn. Đoạn đường từ đây đến Nhà Thờ Trí Bưu khoảng vài trăm thước cũng không phải dễ đi...

Tôi đã xù dụng tất cả hỏa lực yểm trợ: 18 khẩu 105 ly, cơ hữu Nhảy Dù, 4 khẩu 155 ly, 2 khẩu 175 ly của Quân đoàn 1...

Ngày nào cũng có ít nhất hai phi tuần oanh tạc. Ban đêm, thỉnh thoảng còn được hải pháo từ Đệ nhất hạm đội bắn yểm trợ. Nếu cần thiết, còn được 18 khẩu 105 ly của Thủy quân Lục chiến tăng cường. Ngày nào ít lắm cũng có một hay hai lần bắn “T.O.T”.

Có lúc chúng tôi phải tiến quân trong mưa bụi của pháo binh, mục đích không cho địch quân ngóc đầu khỏi hố. Tôi áp dụng chiến thuật từng bước nhảy vọt. Hồ Tường tiến tới từ 50 đến 100m thì dừng lại bố trí, 51 tiến lên qua mặt 52, rồi lại tiến lên 50m đến 100m dừng lại hầm hố bố trí, cứ thế tiến dần ...

Nhưng sức kháng cự của địch quân còn quá mạnh, nhất là bên cánh phải còn khu làng nhỏ sát bờ sông Thạch Hãn, địch bắn qua quá rát. Ban đêm đôi lúc chúng tôi còn nghe cả tiếng chiến xa địch.

Trước thực tế chiến trường như vậy, nhiều đơn vị đã được tăng phái cho mũi dùi tấn công của hai Đại Đội 51 và 52 của Tiểu Đoàn 5 Dù:

- Đại Đội 2 Trinh Sát của Sư Đoàn Dù
- 1 đại đội của Tiểu Đoàn 11 Dù (Tiểu Đoàn **“Song Kiếm Trấn Ái”**)
- 2 đại đội của Lữ Đoàn 81 Biệt Kích Dù (vừa giải vây An Lộc xong, nổi tiếng với 2 câu thơ ca tụng của người dân An Lộc như sau: **“An Lộc địa sử ghi chiến tích, Biệt Kích Dù vị quốc vong thân”**)

Mặc dù đã được tăng viện như thế, mũi dùi tấn công Cổ Thành Đinh Công Tráng của các đơn vị Nhảy Dù vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn vì sức chống trả điên cuồng của địch. Đại Úy Sỹ đã 2 lần cố gắng tạo cơ hội cho đơn vị của mình dựng quốc kỳ VNCH trên Cổ Thành nhưng cả 2 lần đều không kéo dài được lâu. Lần thứ nhất, ông sử dụng một toán cảm tử gồm 8 binh sĩ, với Hạ sĩ nhút Trần Tâm làm trưởng toán, và Binh nhút Hồ Khang, một người sinh trưởng và lớn lên tại Quảng Trị, sẽ có nhiệm vụ dựng cờ. Toán cảm tử xuất phát lúc nửa đêm, và đến sáng sớm thì họ thành công dựng được quốc kỳ VNCH, nhưng lập tức địch tập trung pháo dữ dội vào địa điểm dựng cờ. Hai Đại Đội 51 và 52 tiến lên ngay để tiếp cứu toán cảm tử. Khi đến gần bờ thành, họ không thể tiến được nữa vì bị hào thành rộng gần 10 m ngăn chặn. Đêm hôm đó, Đại Úy Sỹ

được trình sát báo cho biết 4 binh sĩ trong toán cảm tử đã bị tử thương, số còn lại bị mất tích. Sáng hôm sau, ông cho gọi một phi tuần máy bay khu trục A1 Skyraider của Không Quân VNCH đến dội bom, đánh sập được một góc tường thành, lấp được khoảng hào thành đó. Các đơn vị Dù vượt qua hào, tiến vào chiếm và bám chặt góc tường thành đã bị đánh sập đó. Đại Úy Sỹ cho dựng cờ VNCH lần thứ hai, nhưng ngay lúc đó một phi tuần phản lực cơ A37 oanh kích lâm vào các đơn vị Dù gây thương vong cho hơn phân nửa các đơn vị Dù. Cuộc tấn công của Tiểu Đoàn 5 Dù vào Cổ Thành Đinh Công Tráng phải tạm ngưng. Ngày hôm sau, 26-7-1972, có lệnh từ Trung Tướng Ngô Quang Trưởng cho Sư Đoàn Dù bàn giao việc tấn công Cổ Thành lại cho Sư Đoàn TQLC.^{15]}

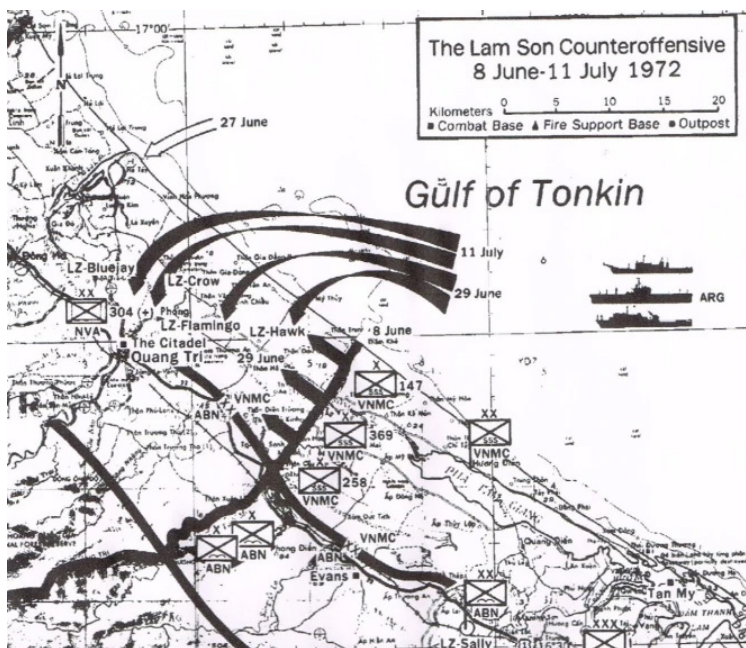
Đợt 1 của cuộc tấn công với Sư Đoàn TQLC

Trở lại thời gian đầu tháng 5-1972, sau khi cử Trung Tướng Ngô Quang Trưởng thay Trung Tướng Hoàng Xuân Lâm làm Tư Lệnh Quân Đoàn I vào ngày 2-5-1972, thì 2 ngày sau, vào ngày 4-5-1972, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng cử Đại Tá Bùi Thế Lân, lúc đó đang là Tư Lệnh Phó lên thay Trung Tướng Lê Nguyên Khang làm Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC. Đến cuối tháng, vào ngày 28-5-1972, Đại Tá Lân vinh thăng Chuẩn Tướng nhiệm chức, do chính Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đích thân gấn sao cho ông ngay Bộ Chỉ Huy của Sư Đoàn TQLC tại Huế.

Ngay từ ngày đầu của Chiến dịch Lam Sơn 72, 28-6-1972, thi hành lệnh của Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Chuẩn Tướng Bùi Thế Lân, tân Tư Lệnh của Sư Đoàn TQLC, đã điều động ngay 4 tiểu đoàn tác chiến là các Tiểu

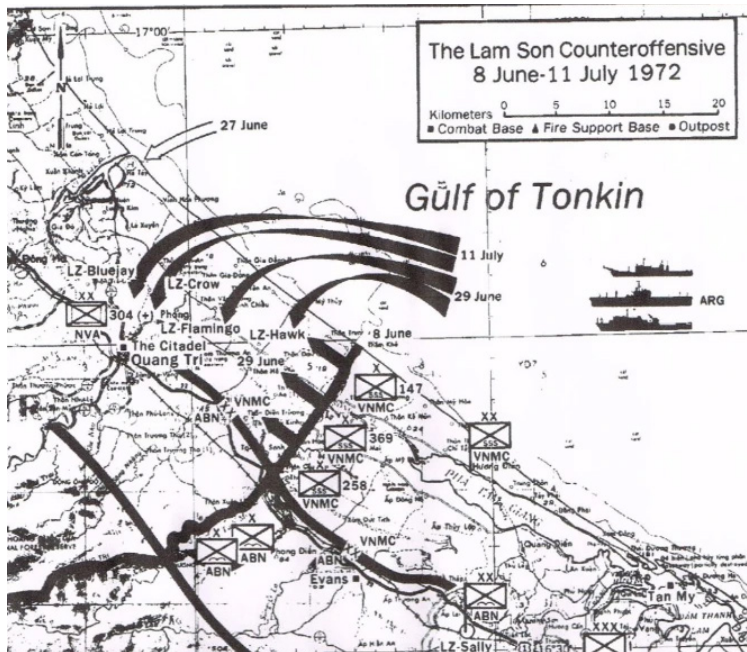
Đoàn 3, 5, 7 và 8 tiến lên phía Bắc, dọc theo bờ biển, bên phía Đông của Quốc Lộ 1, song song với Sư Đoàn Dù. Các tiểu đoàn TQLC đã gặp sự kháng cự mãnh liệt của các đơn vị của Sư Đoàn 304 Bắc Việt đóng chốt trong hàng loạt các công sự bê tông vững chắc (bunkers).

Ngày 29-6-1972, 2 Tiểu Đoàn 1 và 4, với tổng số 1.450 quân, được trực thăng vận (bằng các trực thăng CH-46 và CH-53 của TQLC Hoa Kỳ) đổ xuống phía Đông Bắc Thị xã Quảng Trị, dọc theo Hương Lộ 555 tại 2 Bãi Đổ Quân (LZ = Landing Zone) Flamingo và Hawk. Nhờ các oanh kích bằng phi pháo, kể cả B-52 trải thảm, các tiểu đoàn TQLC không gặp sự kháng cự mạnh mẽ của địch tại các LZ. Tuy



Hình bản đồ hành quân tái chiếm Quảng Trị. Nguồn: U.S. Marines in Vietnam: the war that would not end, 1971-1973, tr. 109.

nhiên, sau đó, địch quân đã nhiều lần sử dụng bộ binh có chiến xa yểm trợ tìm cách bao vây các đơn vị TQLC nhưng đều bị tiêu diệt bằng hải pháo từ các chiến hạm Hoa Kỳ ở ngoài khơi, cách bờ biển khoảng 4 km. Tổng kết vào cuối tháng 6, riêng các tiểu đoàn TQLC đã gây tổn thất đáng kể cho địch quân như sau: 1.515 chết, 15 bị bắt làm tù binh, và 18 chiến xa bị phá hủy.¹⁶



Hình bản đồ hành quân tái chiếm Quảng Trị. Nguồn: U.S. Marines in Vietnam: the war that would not end, 1971-1973, tr. 109.

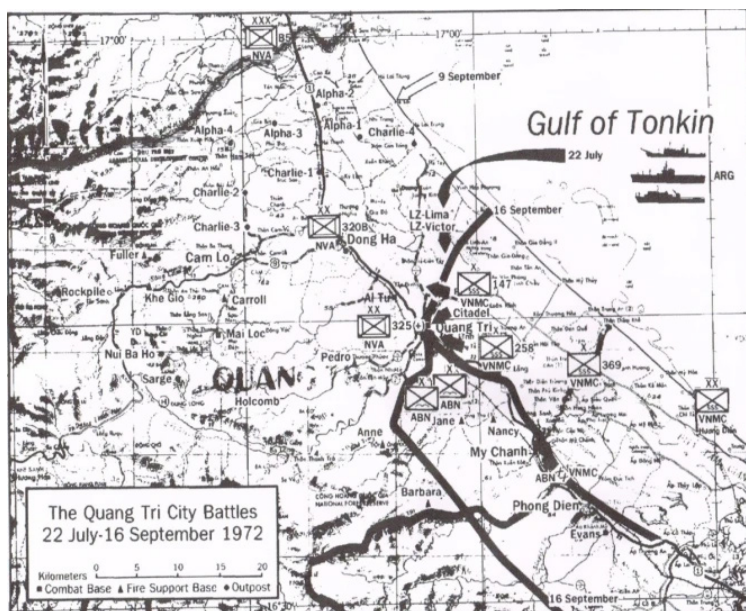
Trong hai tuần lễ đầu của tháng 7-1972, các tiểu đoàn TQLC được lệnh củng cố các vị trí đã chiếm được của địch. Tướng Lân thấy cần phải thực hiện thêm một cuộc hành quân nữa, nhằm đưa một tiểu đoàn lên xa hơn phía

Bắc để ngăn chặn viện quân của địch. Mục tiêu của cuộc hành quân này là cắt đứt Hương Lộ 560, dài khoảng 17 km, từ căn cứ Cửa Việt (một căn cứ cũ của QLVNCH) cho đến Thị Xã Quảng Trị, con đường huyết mạch tiếp tế cho các lực lượng của địch cố thủ trong Thị Xã Quảng Trị và Cổ Thành Định Công Tráng. Ngày 11-7, Tướng Lân ra lệnh bắt đầu một cuộc hành quân trực thăng vận mới này, đưa Tiểu Đoàn 1 (danh hiệu Quái Đểu, với Tiểu Đoàn Trưởng là Thiếu Tá Nguyễn Đăng Hòa) đổ xuống Triệu Phong, tại các Bãi Đổ Quân Blue Jay và Crow. Đây cũng là một cuộc đổ quân vô cùng nguy hiểm vì là nhảy thẳng vào lòng địch, và chắc chắn sẽ gặp sự kháng cự mạnh mẽ của địch. Do đó, đích thân Tướng Trưởng và Tướng Lân đã đến tận nơi xuất phát, bắt tay tiễn đưa trước khi Thiếu Tá Hòa bước lên trực thăng. Mặc dù các bãi đáp đã được “dọn cỏ” trước bằng phi pháo và B-52, đoàn trực thăng 32 chiếc (cũng của TQLC Hoa Kỳ, gồm 17 chiếc CH-53, mỗi chiếc chở được 60 binh sĩ, và 15 chiếc CH-46, mỗi chiếc chở được 20 binh sĩ) của cuộc hành quân đã được dịch quân dân chào thật kỹ bằng các dàn phòng không 23 và 37 ly. Chiếc trực thăng của Thiếu Tá Hòa bị trúng đạn phòng không nhưng may mắn không bị rơi, nhưng khi vừa nhảy ra khỏi trực thăng, Thiếu Tá Hòa đã bị trúng ngay một mảnh đạn pháo 57 ly của địch và bị thương ở đùi phải. Sau khi được băng bó vết thương, ông vẫn ở lại mặt trận và tiếp tục chỉ huy tiểu đoàn. Một chiếc trực thăng CH53 bị trúng phòng không và nổ tung trên trời, 60 người trên máy bay chỉ còn 12 người sống sót. Sau khi cuộc đổ quân hoàn tất, Tiểu Đoàn 1 có số tổn thất là trên 100 người, vừa chết vừa bị thương.

Sau 3 ngày giao tranh liên tục và ác liệt với các đơn vị địch luôn luôn có chiến xa yểm trợ, Tiểu đoàn 1, đã chặn đứng tất cả các cuộc phản công, bắn cháy nhiều chiến xa của địch bằng súng M72, và giữ vững được phòng tuyến, hoàn thành tốt đẹp mục tiêu của cuộc hành quân. Sau đó, Tiểu Đoàn 1 được Tiểu Đoàn 2 (danh hiệu Trâu Diên, với Tiểu Đoàn Trưởng là Thiếu Tá Trần Văn Hợp) tiến lên thay thế, mở rộng phòng tuyến ra đến cầu Ba Bến, giúp cho Công Binh TQLC bắt được cầu phao qua sông Vĩnh Định để cho các chiến xa M48 đầu tiên của Thiết Đoàn 20 tiến vào phòng thủ các vùng lãnh thổ mà trước đó Tiểu Đoàn 1 đã chiếm giữ được. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, ngày 14-7-1972, Tiểu Đoàn 1 được lệnh rút về Huế để dưỡng quân và bổ sung quân số.¹⁷

Ngày 22-7-1972, Tướng Lân lại cho mở một cuộc hành quân mới ở phía Bắc và phía Đông của Thị Xã Quảng Trị, nhằm cắt đứt toàn bộ các đường tiếp tế và truyền tin của địch. Đây là một cuộc hành quân hỗn hợp giữa hai tiểu đoàn của Lữ Đoàn 147 TQLC với các đơn vị thiết kỵ và bộ binh. Các đại đội của Tiểu Đoàn 5 được trực thăng vận đổ xuống hai Bãi Đổ Quân Lima và Victor (xem bản đồ bên dưới), cách thị xã khoảng 3 km về phía Đông Bắc, chỉ gặp kháng cự tương đối yếu ớt của địch, nhưng, ngược lại, các đơn vị bộ binh và thiết kỵ thì bị địch chống cự mãnh liệt trước khi kết nối được với các đơn vị TQLC. Đến giữa trưa thì cả hai tiểu đoàn của Lữ Đoàn 147 đã kết nối được với nhau và địch quân bị đẩy lùi về phía sông Cửa Việt. Trong các cuộc giao tranh trong hai ngày kế tiếp, các đơn vị TQLC đã thanh toán xong tất cả các chốt của địch, với

133 địch quân tử trận, 5 chiến xa bị bắn cháy, và một bệnh viện dã chiến với 100 giường của địch đã bị san bằng.[18] Cuộc hành quân này kết thúc Đợt 1 của Chiến Dịch Lam Sơn 72 mà Sư Đoàn TQLC chỉ giữ vai trò phụ. Theo quyết định của Tướng Trưởng, từ ngày 27-7-1972, Sư Đoàn Dù bàn giao lại cho Sư Đoàn TQLC vai trò lực lượng tấn công chính với mục tiêu là, bằng mọi giá, phải chiếm cho bằng được Thị Xã Quảng Trị với biểu tượng là Cổ Thành Đinh Công Tráng.



Hình bản đồ hành quân tái chiếm Quảng Trị. Nguồn: U.S. Marines in Vietnam: the war that would not end, 1971-1973, tr. 120.

Đợt 2 của cuộc tấn công với Sư Đoàn TQLC

- Ngày 27-7-1972, Chuẩn Tướng Bùi Thế Lân đưa ra kế hoạch hành quân tấn công tái chiếm Cổ Thành Đinh Công Tráng như sau:

Lữ Đoàn 258, với Lữ Đoàn Trưởng là Đại Tá Ngô Văn Định, trước sau đã sử dụng tất cả 7 tiểu đoàn tác chiến của TQLC là các Tiểu Đoàn 1,2,3,5,6,8,9, Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh 105 ly của Sư Đoàn TQLC, Thiết Đoàn 17 (thuộc Lữ Đoàn 1 Kỳ Binh, với các thiết vận xa M-113, Chỉ Huy Trưởng là Trung Tá Nguyễn Viết Thạnh), và 1 Chi đoàn chiến xa M48, chịu trách nhiệm khu vực phía Tây Nam của Cổ Thành, sẽ là lực lượng tấn công chính vào Cổ Thành; ngoài ra, tại Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn 258 TQLC lúc nào cũng có sự hiện diện của một toán gồm 10 cố vấn Hoa Kỳ, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Gordon Keiser, TQLC Hoa Kỳ, Cố Vấn Trưởng của Lữ Đoàn 258, “chuyên đảm nhiệm thiết lập kế hoạch hỏa lực yểm trợ của Không Quân và Hải Quân Hoa Kỳ từ Hải Đoàn Đặc Nhiệm 77 của Hạm Đội 7 ngoài Thái Bình Dương và các phi vụ phi cơ chiến lược B52 từ Guam và Thái Lan.”¹⁹



Đại Tá Ngô Văn Định (bên trái) và Chuẩn Tướng Bùi Thế Lân (bên phải).

● Lữ Đoàn 147, với Lữ Đoàn Trưởng là Trung Tá Nguyễn Năng Bảo, sử dụng 3 tiểu đoàn tác chiến và Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh của TQLC, phụ trách khu vực phía Đông Bắc của Cổ Thành, là lực lượng tấn công phụ vào Cổ Thành và ngăn chặn viện quân của địch từ phí Bắc kéo xuống.

● Lữ Đoàn 369, với tân Lữ Đoàn Trưởng là Đại Tá Nguyễn Thế Lương (thay thế Đại Tá Phạm Văn Chung lên làm Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn TQLC), làm lực lượng trừ bị.

Về mặt chiến thuật, Tướng Lân quyết định áp dụng xa luân chiến. ***“Các Tiểu Đoàn TQLC từ 1 đến 9 thay phiên nhau trực thuộc Lữ Đoàn lên tuyến đầu chiến đấu, rồi lui về sau bổ sung nghỉ ngơi. Nhờ vậy các Tiểu Đoàn TQLC đều được bổ sung đều đặn, khả năng chiến đấu không quá suy giảm vì tổn thất.”***²⁰

Cuộc hành quân phản công tái chiếm Quảng Trị của Lữ Đoàn 258 TQLC được chia ra làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: từ ngày 27-7-1972 đến ngày 29-8-1972
 - Giai đoạn 2: từ ngày 29-8-1972 đến ngày 9-9-1972
 - Giai đoạn 3: từ ngày 9-9-1972 đến ngày 16-9-1972
- Giai đoạn 1: từ 27-7 đến 29-8

Trong giai đoạn này, Lữ Đoàn 258 sử dụng 3 Tiểu Đoàn 3, 5 và 9. Đại Tá Ngô Văn Định quyết định dàn quân như sau:

- Tiểu Đoàn 3 của Thiếu Tá Nguyễn Văn Cảnh phụ trách phía Đông Nam Cổ Thành, tại khu vực Nhà thờ Trí Bưu
- Tiểu Đoàn 9 của Trung Tá Nguyễn Kim Để phụ trách phía Nam Thị xã Quảng Trị, tại khu vực Ngã ba Long Hung

- Tiểu Đoàn 5 của Thiếu Tá Hồ Quang Lịch làm trừ bị cho Lữ Đoàn, cũng đóng tại Ngã ba Long Hung

Sáng ngày 27-7-1972, Tiểu Đoàn 3 TQLC tiến vào thay thế các đơn vị của Tiểu Đoàn 5 Dù ở phía Nam Cổ Thành, cách bờ thành vào khoảng 200 m. Khi các đơn vị của Tiểu Đoàn 3 TQLC tiến lên thì cũng bị địch chống trả mãnh liệt như đối với Tiểu Đoàn 5 Dù trước đây. Sau 2 tuần lễ giao tranh, với tỷ lệ thương vong gần 50% (400/700), Tiểu Đoàn 3 được lệnh rút về gần Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn 258 ở Cù Hoan để dưỡng quân và bổ sung quân số. Tiểu Đoàn 8 tiến vào thay thế Tiểu Đoàn 3. Sau hơn 2 tuần giao tranh với địch, Tiểu Đoàn 8 cũng bị tổn thất rất nặng, lại phải rút ra và Tiểu Đoàn 3, sau khi đã được bổ sung, lại tiến lên thay thế Tiểu Đoàn 8, cố gắng nhổ các chốt còn lại của địch và mở rộng khu vực kiểm soát của Tiểu Đoàn 3 tới sát bờ thành.

Trong thời gian của giai đoạn 1 này, các đại đội của Tiểu Đoàn 9 thay phiên nhau tấn công, nhổ các chốt của địch tại khu vực Ngã ba Long Hung, khu Bệnh viện, và trường Bồ Đề, sát bờ sông Thạch Hãn, dọc theo đường Trần Hưng Đạo dẫn vào Thị xã Quảng Trị. Tổn thất của Tiểu Đoàn 9 cũng rất nặng với số thương vong lên đến khoảng 300. Sau đó, Tiểu Đoàn 9 rút về khu vực Gia Đăng để dưỡng quân và bổ sung quân số vũ khí và được Tiểu Đoàn 1 tiến lên thay thế.

Với các thành quả đạt được bằng xương máu này của Tiểu Đoàn 3 và Tiểu Đoàn 9, đường vào Thị xã Quảng Trị và Cổ Thành Định Công Tráng đã được mở toang ra cho các đơn vị của TQLC. Nhưng trận chiến vẫn chưa chấm dứt và máu của các chiến sĩ TQLC còn phải đổ thêm nhiều nữa.

Giai đoạn 2: từ 29-8 đến 9-9

Trong giai đoạn 2 này, Lữ Đoàn 258 đã được tăng cường và sử dụng đến 5 tiểu đoàn tác chiến là các Tiểu Đoàn 1, 3, 5, 6, và 8.

Cuộc chiến đấu đầy cam go với tổn thất không kém trong giai đoạn 1 của các tiểu đoàn TQLC lần này diễn ra ngay bên trong Thị xã Quảng Trị. Mục tiêu của các tiểu đoàn TQLC là diệt tất cả các chốt của địch, chiếm giữ các cơ sở hành chính trong Thị Xã, chuẩn bị cho trận đánh cuối cùng: tấn công và chiếm lại Cổ Thành Đinh Công Tráng.

Đại Tá Định phân công cho các tiểu đoàn như sau:

- Tiểu Đoàn 1, thay thế Tiểu Đoàn 9, sẽ từ khu Bệnh Viện tấn công lên phía Bắc, chiếm lại Ty Cảnh Sát, nhà máy điện, trường nữ tiểu học, và doanh trại của Cảnh Sát Dã Chiến.

- Tiểu Đoàn 3, thay thế Tiểu Đoàn 8, tiếp tục chiếm giữ phía Đông Nam Cổ Thành.

- Tiểu Đoàn 5 chịu trách nhiệm khu Đông Nam của Ngã Ba Long Hưng.

- Tiểu Đoàn 6 (với Trung Tá Đỗ Hữu Tùng là Tiểu Đoàn Trưởng) chịu trách nhiệm càn quét địch ở phía Bắc Ngã Ba Long Hưng và tiến về phía Tây Nam Cổ Thành.

- Tiểu Đoàn 8 (với Thiếu Tá Nguyễn Văn Phán là Tiểu Đoàn Trưởng), sau khi bàn giao khu vực cho Tiểu Đoàn 3, được lệnh rút về phía sau làm trừ bị.

Trong suốt 2 tuần lễ của giai đoạn 2 này, các tiểu đoàn TQLC đã luôn luôn gặp sự kháng cự rất mãnh liệt của địch. Chiến thuật tác chiến trong thành phố (đã từng được các

đơn vị TQLC áp dụng nhuần nhuyễn tại Huế và Sài Gòn trong Trận Tết Mậu Thân 1968) đã lại được 4 Tiểu Đoàn TQLC 1, 3, 5 và 6 đem ra sử dụng một lần nữa. Họ đánh cận chiến với địch để giành lại từng khu phố, từng con đường, từng ngôi nhà. Thêm vào đó, các đơn vị pháo binh của địch đóng bên ngoài thị xã, vẫn tiếp tục pháo vào, gây khó khăn và tổn thất khá nặng cho các đơn vị TQLC. Tuy vậy, sau cùng, các tiểu đoàn TQLC cũng đã hoàn thành nhiệm vụ, tiến sát vào các bờ thành của Cổ Thành Đinh Công Tráng.

Giai đoạn 3: từ 9-9 đến 16-9

Đây là giai đoạn cuối cùng của Chiến Dịch Lam Sơn 72, với mục tiêu là tái chiếm Cổ Thành Đinh Công Tráng. Tướng Lân quyết định dùng 2 Lữ Đoàn, 147 ở phía Đông Bắc (với 2 Tiểu Đoàn 3 và 7; Lữ Đoàn Trưởng 147 là Trung Tá Nguyễn Năng Bảo và Lữ Đoàn Phó là Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc) và 258 ở phía Tây Nam (với 4 Tiểu Đoàn 1, 2, 5 và 6), cùng một lúc tấn công vào Cổ Thành.

Mục tiêu chính của Lữ Đoàn 258, là Dinh Tỉnh Trưởng Quảng Trị (MT 90; MT = Mục Tiêu) và Tòa Hành Chánh Tỉnh Quảng Trị (MT 28), được giao cho Tiểu Đoàn 2, với Thiếu Tá Trần Văn Hợp là Tiểu Đoàn Trưởng và Đại Úy Phạm Văn Tiền là Tiểu Đoàn Phó, có Bộ Chỉ Huy đóng ở Ngã Ba Long Hưng, tại góc đường Lê Huấn và Quốc Lộ 1.

Việc tấn công và chiếm giữ hai Mục Tiêu 28 và 90 này được Thiếu Tá Hợp giao cho Đại Đội 4 với Đại Úy Lê Quang Liên là Đại Đội Trưởng, và Đại Đội 5 với Trung Úy Huỳnh Văn Trộn là Đại Đội Trưởng. Chắc chắn cũng đã biết được ý đồ của các đơn vị TQLC đã có mặt trong Thị Xã nên từ

sáng sớm ngày 14-9-1972, địch đã “dàn chào” 2 Đại Đội 4 và 5 của Tiểu Đoàn 2 bằng một trận pháo 130 ly rất dữ dội nhưng không gây được tổn thất gì nghiêm trọng. Sau khi trận pháo chấm dứt, Đại Đội 4 tiến chiếm mục tiêu đầu tiên là Trường Phước Môn, và sau đó là Trường Trung học Teresa, và bắt được một số tù binh. Khai thác các tù binh, Đại Úy Liễn biết được họ thuộc một đơn vị của Sư Đoàn 320 B vừa vượt sông Thạch Hãn tối hôm trước để tăng viện cho các đơn vị của địch còn đang cố thủ trong Thị Xã. Đêm hôm đó, cùng với Đại Đội Phó là Trung Úy Nguyễn Hữu Hào và Đại Đội Trưởng Đại Đội 5 là Trung Úy Trọn, Đại Úy Liễn thảo luận và lên kế hoạch thật tỉ mỉ cho cuộc tấn công vào MT 28 vào sáng hôm sau, 15-9-1972. Với sự yểm trợ của 2 chiến xa M48 và 2 thiết vận xa M113, hai Đại Đội 4 và 5 của Tiểu Đoàn 2 TQLC, tuy gặp sự chống trả mãnh liệt của các chốt địch, đã hoàn thành nhiệm vụ, chiếm lại được Tòa Hành Chánh Tỉnh Quảng Trị (tức MT 28) vào lúc 8 giờ 30 sáng ngày 15-9-1972, với kết quả vô cùng rực rỡ như sau:

“Riêng Đại Đội 4 đã tịch thu được một số lớn chiến lợi phẩm và một kho tiếp liệu gồm:

- 412 súng cá nhân
- 102 súng cộng đồng
- 40 thùng lương khô do Trung Cộng sản xuất
- 23 máy truyền tin của Trung Cộng
- 18 tù binh

● Nhiều hố chôn tập thể và xác quanh khu vực Tòa Hành Chánh và khu hầm ngầm bên trái Tòa Hành Chánh, khoảng 30 xác.

Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến phải dùng 6 đợt thiết vận xa M113 để chuyển tù binh và chiến lợi phẩm về Bộ Chỉ Huy.”²¹

Về phần Lữ Đoàn 147, phụ trách tấn công từ hướng Đông Bắc, mục tiêu chính là thanh toán nốt các chốt của địch còn cố thủ trong tòa Cổ Thành Đinh Công Tráng đã đổ nát vì bom đạn trong hơn hai tháng đã qua. Nhiệm vụ chính này được Lữ Đoàn 147 giao cho Tiểu Đoàn 3, với Thiếu Tá Nguyễn Văn Cảnh làm Tiểu Đoàn Trưởng và Thiếu Tá Trần Kim Đệ là Tiểu Đoàn Phó.

Thiếu Tá Cảnh phân công cho 2 đại đội của Tiểu Đoàn 3 là Đại Đội 2 của Đại Úy Giang Văn Nhân và Đại Đội 3 của Đại Úy Nguyễn Văn Thạch nhiệm vụ nhổ chốt này. Sáng sớm ngày 15-9-1972, Đại Đội 3 tiến lên trước, phá vỡ được phòng tuyến của địch nơi cửa Hữu của Cổ Thành, các Trung Đội của Đại Đội 2 lập tức tràn lên bờ thành, tỏa ra tấn công vào tất cả các cửa thành. Trung Đội 22 chiếm cổng chính cửa Tiền đường Lê Văn Duyệt. Các chốt của địch quân kháng cự yếu ớt, rút về cố thủ ở cửa Tả đường Phan Đình Phùng, nhưng đã quá trễ. Tất cả các cánh quân của cả hai Đại Đội 2 và 3 của Tiểu Đoàn 3 đồng loạt xung phong, tràn vào tất cả các ngõ ngách của khu vực này của Cổ Thành. Tiếng súng kháng cự của địch thưa dần và sau cùng tắt hẳn. Tiểu Đoàn 3 TQLC đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Cổ Thành Đinh Công Tráng trong phạm vi của Thị Xã Quảng Trị đã hoàn toàn nằm trong sự kiểm soát của các đơn vị TQLC của QLVNCH. Cổ Thành với tường thành cao 9,4 m, dưới chân dày đến 12 m, đã bị các trận phi pháo kinh khủng của QLVNCH và Hoa Kỳ

phá tan nát, chỉ còn là đồng gạch vụn, giống như một phế tích, như trong hình bên dưới đây:



Hình trích từ sách U.S. Marines in Vietnam (Ghi chú số 16, tr. 119).

“Sau gần 24 giờ chiến đấu không nghỉ, những người lính của Đại Đội 2 Tiểu Đoàn 3 TQLC đã dựng ngọn cờ trên cổng thành của Tả vào mờ sáng ngày 15 tháng 9 năm 1972.”²²

Lễ thượng cờ VNCH được cử hành chính thức ngày hôm sau, lúc 12 giờ 45 trưa ngày 16-9-1972. Chiến Dịch Lam Sơn 72, khởi sự ngày 28-6-1972, đã chấm dứt với chiến công rực rỡ của Sư Đoàn TQLC, QLVNCH, chiếm lại được tỉnh Quảng Trị đã lọt vào tay quân địch từ ngày 1-5-1972.

Thay Lời Kết

Trong trận đánh quyết liệt và đẫm máu này, “bên thắng cuộc,” tức Miền Bắc Cộng sản (theo cách gọi của nhà văn Huy Đức của Miền Bắc trong tác phẩm có cùng tên), đã



Hình trích từ bài viết của Đại Tá Ngô Văn Định (Ghi chú số 18).

thua đậm, và “bên thua cuộc,” tức Miền Nam Tự do, lại thắng lớn, nhưng cả 2 bên đều phải chịu những tổn thất rất lớn. Thống kê chính thức về tổng số thương vong của cả hai phe trong trận đánh tái chiếm Quảng Trị, từ ngày 28-6-1972 cho đến ngày 16-9-1972, rất khó có thể biết một cách thật chính xác, như là đối với quân Bắc Việt đã tử thủ và bị chôn vùi trong những đống đổ nát của Thị Xã Quảng Trị và Cổ Thành Đình Công Tráng do các trận oanh kích của phi cơ và hải pháo từ Hạm Đội 7, của Không Lực VNCH cũng như các phi vụ trải thảm của B-52.

Về phía QLVNCH, chỉ riêng đối với Lữ Đoàn 258 TQLC, từ ngày 29-3 đến ngày 16-9-1972, tổng số thương vong chính thức là 3.911 gồm 637 tử thương và 3.274 bị thương:

Đơn vị	Số chết	Số bị thương	THIỆT HẠI TÀ				TỔNG THIỆT HẠI			
			Số chết	Số bị thương	Số chết	Số bị thương	Số chết	Số bị thương	Số chết	Số bị thương
Trung Tâm (HQ)	85	265					1153	12	305	73
Trung Đoàn (Battalion)	121	482					1105	22	231	83
Tiểu Đoàn (Company)	43	191					638	8	204	47
Trung Đội (Squad)	388	2316					2351	41	91475	133
TỔNG CỘNG	637	3274					5442	83	92275	344

Báo cáo trích từ bài viết của Đại Tá Ngô Văn Định (Ghi chú số 18)

Đĩ nhiên, các con số này không bao gồm thương vong của 2 Lữ Đoàn 147 và 369 của Sư Đoàn TQLC, cũng như của các đơn vị của Sư Đoàn Dù, và các binh chủng khác của QLVNCH đã có tham gia trận đánh (Biệt Động Quân, Biệt Cách Dù, Thiết Giáp, vv). Trong tác phẩm của mình, tác giả Dale Andrade (Ghi chú số 17; tr. 196), đã viết như sau: “... the South Vietnamese marines suffered more than 5,000 casualties since June, 3,658 of them during the seven-week battle to recapture the citadel. Almost one out of every four marines in the entire division was wounded or killed.” (tr. 196; xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: “... Thủy Quân Lục Chiến của Nam Việt Nam đã có tổng số thương vong hơn 5.000 từ tháng 6, trong đó có 3.658 là trong thời gian trận đánh 7 tuần lễ tái chiếm cở

thành. Gần như là một phần tư binh sĩ của sư đoàn đã bị thương hoặc tử trận”).

Về phía quân Bắc Việt, tổng số thương vong chính thức cũng khó có thể biết chính xác được. Một điều gần như chắc chắn là 2 Trung Đoàn 48 và Triệu Hải của Sư Đoàn 320 B, đã tử thủ trong Thị Xã và Cổ Thành, đã bị tổn thất rất nặng, gần như đã bị xóa sổ. Trong tài liệu chính thức của Việt Nam cộng sản gần đây, “công bố tại mít tinh kỷ niệm 40 năm” của trận đánh, Miền Bắc công nhận họ đã tổn thất 36.000 quân, và quả thật, 2 Trung Đoàn 48 và Triệu Hải đã bị xóa sổ. Trung Đoàn Triệu Hải từ 1.500 quân chỉ còn lại không tới 1 tiểu đội (khoảng 12 người), và Trung Đoàn 48 đã bị tổn thất hơn 80% quân số.[23] Về hồi ức cá nhân, Đại Tá Vũ Trung Thuởng, trong trận Quảng Trị năm 1972 là Chính Trị Viên của Đại Đội 5, Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 48, Sư Đoàn 320 quân Bắc Việt, đã kể lại như sau: “... từ ngày 28-6 đến ngày 16-9-1972, Đại đội 5 của tôi từ 120 quân, nhưng sau đó chỉ còn 17 người sống sót.” [24] Mới đây nhất, ngày 16-1-2018, Đội Quy Tập Hải Cốt Liệt Sĩ 584 của Bộ Chỉ Huy Quân Sự tỉnh Quảng Trị đã cho biết vừa tìm thấy thêm 12 hài cốt tại thôn Tân Mỹ, xã Hải Lệ, Thị xã Quảng Trị.[25] Chắc chắn, trong tương lai, sẽ còn có thêm nhiều, rất nhiều, những vụ tìm thấy và khai quật được hài cốt của các binh sĩ Bắc Việt đã bị chôn vùi tại khu vực Thị Xã Quảng Trị và Cổ Thành Đỉnh Công Tráng trong trận đánh đẫm máu nhất trong Chiến Tranh Việt Nam này.

Ghi Chú:

¹ Trung Tướng Ngô Quang Trưởng là vị tướng lỗi lạc nhất của QLVNCH. Ông sinh ngày 13-12-1929 tại tỉnh Bến Tre (sau đổi tên là Kiến Hòa), theo học Khóa 4 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, mãn khóa ngày 1-6-1954 với cấp bậc Thiếu Úy, tình nguyện vào Binh chủng Nhảy Dù, và là một Trung Đội Trưởng của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù. Ông đã lần lượt thăng cấp như sau: thăng cấp Trung Úy ngày 1-12-1955, Đại Úy năm 1961, Thiếu Tá năm 1964, Trung Tá tháng 4-1965, Đại Tá nhiệm chức ngày 19-6-1966, Chuẩn Tướng nhiệm chức ngày 4-2-1967, Thiếu Tướng nhiệm chức ngày 3-6-1968, Trung Tướng nhiệm chức ngày 1-11-1971. Ông nổi tiếng là một tướng lãnh rất gương mẫu về quân phong, quân kỷ, rất tận tụy với trách nhiệm, và luôn luôn có mặt tại những điểm nóng trong khu vực thuộc trách nhiệm của mình. Ông cũng nổi tiếng là một tướng lãnh trong sạch, thanh liêm, và không dung túng cho cấp dưới làm bậy, xâm phạm tài sản của dân chúng. Ông cũng là một trong số rất ít các tướng lãnh hoàn toàn không có tham vọng chính trị và không bao giờ dính líu vào các âm mưu, biến cố chính trị. Ông dành toàn thời gian cho quân vụ. Tướng Trưởng là một trong số ít các vị tướng lãnh của QLVNCH đã chỉ huy các đơn vị tác chiến từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất: Trung đội trưởng: tháng 7-1954 (một trung đội của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù); Đại đội trưởng: đầu năm 1955 (Đại Đội 1, Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù); Tiểu đoàn trưởng: năm 1961 (Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù); Tư lệnh sư đoàn: năm 1966 (Sư Đoàn 1 Bộ Binh); Tư lệnh quân đoàn: Quân Đoàn IV (1970-1972) và Quân Đoàn I (1972-1975). Sau ngày 30-4-1975, ông định cư tại thành phố Springfield, tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ. Ông mất tại đây vào ngày 22-1-2007, thọ 78 tuổi. Theo lời dặn dò của ông, tro hài cốt của ông đã được gia đình ông mang về Việt Nam và rải trên đèo Hải Vân.

² Lavalley, A.J.C., editor. *Airpower and the 1972 spring invasion*. Washington, D.C.: United States Air Force, Office of Air Force History, 1985. (U.S.A.F. Southeast Asia monograph series; v.2, monograph 3). 58.

³ Brand, Matthew C. *Airpower and the 1972 Easter Offensive*. Fort Leavenworth, Kansas: U.S. Army Command and General Staff College, 2007. (Luận văn Master of Military Art and Science của Trung Tá Không Quân Hoa Kỳ Matthew C. Brand). 83.

⁴ Thiếu Tướng Bùi Thế Lân là 1 trong những sĩ quan TQLC kỳ cựu nhất của QLVNCH. Ông sinh tháng 11-1932 tại Hà Nội, tốt nghiệp Thiếu Úy

Khóa 4 Trường Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức ngày 1-6-1954, và gia nhập ngay binh chủng TQLC, giữ chức vụ Đại Đội Trưởng, Tiểu Đoàn 1 TQLC. Năm 1960, ông thăng cấp Trung Úy và làm Tham Muu Trưởng của Liên Đoàn TQLC. Ngày 1-6-1961, ông thăng cấp Đại Úy và làm Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn 4 TQLC. Năm 1963, ông được gọi đi du học Khóa Chỉ Huy và Tham Muu TQLC tại Quantico, Virginia, Hoa Kỳ. Sau khi tốt nghiệp, trở về nước, ông thăng Thiếu Tá và được bổ nhiệm làm Tham Muu Trưởng Lữ Đoàn TQLC. Sau đó ông lần lượt thăng cấp lên Trung Tá (1963) và Đại Tá (1964), và năm 1971, ông kiêm nhiệm luôn chức vụ Tư Lệnh Phó TQLC. Ngày 4-5-1972, ông được bổ nhiệm làm Tư Lệnh TQLC, và ngày 24-5-1972 ông vinh thăng Chuẩn Tướng. Đầu tháng 4-1975, ông thăng Thiếu tướng. Sau năm 1975, ông sống tại Hoa Kỳ và mất ngày 14-1-2014 tại San Jose, tiểu bang California, hưởng thọ 82 tuổi.

⁵ Thiếu Tướng Phạm Văn Phú sinh ngày 16-10-1928 tại Hà Đông, tốt nghiệp Thiếu Úy Khóa 8 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt năm 1953, gia nhập binh chủng Nhảy Dù, là một Trung đội trưởng của Tiểu Đoàn 5. Năm 1954 ông thăng cấp Trung Úy, chỉ huy một đại đội của Tiểu Đoàn 5 Dù, tham dự trận Điện Biên Phủ, đặc cách thăng cấp Đại Úy tại mặt trận. Khi Điện Biên Phủ thất thủ, ông bị bắt làm tù binh, đến tháng 7-1955 mới được trao trả về cho Quân Đội Quốc Gia. Ông lần lượt thăng cấp như sau: Thiếu tá năm 1960, Trung Tá năm 1964, Đại Tá năm 1965, Chuẩn Tướng năm 1969, và Thiếu Tướng năm 1971. Ngày 5-11-1974, ông được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Quân Đoàn II. Thiếu Tướng Phạm Văn Phú là 1 trong 5 tướng lãnh của QLVNCH đã tuần tiết vào ngày 30-4-1975.

⁶ Ngô Quang Trưởng. *The Easter Offensive of 1972*. Washington, D.C.: US Army Center of Military History, 1980. 54.

⁷ Ngô Quang Trưởng, sdd, tr. 65.

⁸ Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy. *Lược sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa*. San Jose, Calif.: Hương Quê, 2011. 235.

⁹ Hòa Khánh. *Sư Đoàn 3 Bộ Binh trở lại chiến trường*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://dongsongcu.wordpress.com/2016/03/10/su-doan-3-bo-binh-tro-lai-chien-truong/> Việc Sư Đoàn 3 phục hồi nhanh chóng và có thể trở lại chiến trường, và chỉ sau một năm, năm 1973, đã được Bộ Tổng Tham Muu QLVNCH đánh giá là một sư đoàn có khả năng chiến đấu rất tốt, là công đầu của tướng tư lệnh, Chuẩn Tướng Nguyễn Duy Dinh, thăng cấp Thiếu Tướng ngày 1-7-1973.

¹⁰ Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê Đình Thụy, sđd, tr. 400.

¹¹ Ngô Quang Trường, sđd, tr. 56.

12. *Hành Quân Lam Sơn 72, tái chiếm Quảng Trị*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://bienxua.wordpress.com/2017/08/09/hanh-quan-lam-son-72-tai-chiem-quang-tri/>

¹³ *Cổ Thành Quảng Trị và Đại Lộ Kinh Hoàng*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://vi-vn.facebook.com/quanlucvnh/photos>

¹⁴ Trương Đăng Sỹ. *Nhảy Dù và Cổ Thành Đình Công Tráng*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://dongsongcu.wordpress.com/2016/09/21/nhay-du-va-co-thanh-dinh-cong-trang-2/>

¹⁵ Trương Đăng Sỹ, tài liệu vừa dẫn bên trên.

¹⁶ Melson, Charles D. và Curtis G. Arnold. *S. Marines in Vietnam: the war that would not end, 1971-1973*. Washington, D.C.: U.S. Marines Corps Headquarters, History and Museums Division, 1991. Tr. 110. Tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: http://www.marines.mil/Portals/59/Publications/U.S.%20Marines%20in%20Vietnam%20The%20war%20that%20would%20not%20end%201971-1973%20PCN%20190003111200_1.pdf

¹⁷ Nguyễn Đăng Hòa. “Trận đổ bộ Triệu Phong, 11/7/1972,” trong *Tuyển tập 2: Hai mươi mốt năm chiến trận của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam (1954-1975)*. Santa Ana, Calif.: Tổng Hội TQLC/VN tại Hoa Kỳ, 2005. 404-414.

¹⁸ Andrade, Dale. *America's last Vietnam battle: halting Hanoi's 1972 Easter Offensive*. Lawrence, Kansas: University Press of Kansas, 2001. 189-190.

¹⁹ Ngô Văn Định. *Trận Quảng Trị năm 1972 của Lữ Đoàn 258 TQLC*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <http://tqlcvn.org/hoiky/hk-tranQT72-ld258-tqlc.htm>

²⁰ Phạm Văn Chung. *Cờ bay trên Cổ Thành Quảng Trị*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://www.nguoi-viet.com/cuu-chien-binh/ccb-co-bay-tren-co-thanh-quang-tri/>

²¹ Lê Quang Liễn. “Đại đội 4/TĐ2/TQLC và trận tái chiếm tòa hành chánh Quảng Trị (14/9/72),” trong *Tuyển tập 2: Hai mươi mốt năm chiến*

trận của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam (1954-1975). Santa Ana, Calif.: Tổng Hội TQLC/VN tại Hoa Kỳ, 2005. 416-423.

²² Giang Văn Nhân. “Tiểu đoàn 3/TQLC dựng cờ trên Cổ Thành Quảng Trị 15/9/1972,” trong *Tuyển tập 2: Hai mươi mốt năm chiến trận của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam (1954-1975)*. Santa Ana, Calif.: Tổng Hội TQLC/VN tại Hoa Kỳ, 2005. 438-450.

²³ Ích Duệ. *Vài nét về chiến trường Quảng Trị 1971*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://hieuminh.org/2012/07/26/vai-net-ve-chien-truong-quang-tri-1972/>

²⁴ Xuân Hải. *Đại đội 120 người, hết trận đánh chỉ còn 17*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <http://infonyet.vn/dai-doi-120-nguoi-het-tran-danh-chi-con-17-post128750.info>

Ngọc Lan – Lê Truyền. *Khai quật thêm được 12 hài cốt liệt sỹ tại thôn Tân Mỹ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị*, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <http://thixaquangtri.gov.vn/default.aspx?TabID=100&modid=445&ItemID=2430>

Nguồn bài:

<https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/i-j-k-l-m/lam-vinh-the/tai-chiem-quang-tri-tran-danh-dam-mau-nhut-trong-chien-tranh-viet-nam>

Đại Lộ Kinh Hoàng 1972

© **Thanh Hiền - Dị Nhon**

Bell thành phố sương mù

Xuất bản năm 2004



*Bảy hai Quảng Trị liệt oanh
Giòng sông Thạch Hãn máu tanh đỏ dòng
Đêm qua tiếp đạn cho chồng
Cay mù thuốc súng rực hồng châu mai!*

Tỉnh Quảng Trị nằm ngay địa đầu giới tuyến ngăn đôi đất nước bởi dòng Bến Hải. Đây là con sông nhỏ phát nguyên từ dãy trường Sơn, chảy ra Đông Hải tại cửa Tùng. Phía Bắc giáp quận Vĩnh Linh phía bên kia giới tuyến, Tây giáp Lào, phía Nam là tỉnh Thừa Thiên và phía Đông là biển. Rừng núi Trường sơn chiếm 2/3 lãnh thổ tỉnh. Tỉnh có 3 sông chính là Bến Hải, Thạch Hãn và Mỹ Chánh mà cả ba vô tình qua sự sắp xếp của lịch sử, trở thành ba con sông biên giới trong các giai đoạn chiến tranh VN. Tỉnh có 2 quốc lộ 1 và 9, cũng là hai chứng tích lịch sử về việc đồng bào chiến nạn Quảng Trị bị thảm sát.

*Giòng sông Bến Hải đau thương
Qua sông Mỹ Chánh thịt xương tan tành
Giòng sông Thạch Hãn liệt oanh
Bảy hai Quảng Trị cổ thành lui binh!*



Mùa hè đỏ lửa 1972.

Trước khi xảy ra trận mùa hè năm 1972, tỉnh Quảng Trị có diện tích 3.966 km², dân số là 270.984 người. Sau khi kết thúc trận chiến mùa hè vào tháng 9-1972, diện tích Quảng Trị chỉ còn có 164.900 km², với 3 quận Triệu Phong, Mai Lĩnh và Hải Lăng. Vì là đất cổ của Đại Việt, nên Quảng Trị có nhiều di tích lịch sử như đền thờ Trần Nhật Duật, thành Tân Sở nơi vua Hàm Nghi xuất bôn xuống hịch Cần Vương chống Pháp vào năm 1885, Vương Cung Thánh Đường La Vang (Mai Lĩnh), cổ thành Đình Công Tráng.

Từ năm 1069 khi vua Lý Thánh Tông thân chinh đánh Chiêm Thành bắt được vua Chế Củ. Để chuộc mạng, vua dâng 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (tức Quảng Bình và một phần Quảng Trị ngày nay). Sau đó vào năm 1306 Huyền Trân công chúa gả cho vua Chế Mân, đem về cho Đại Việt 2 châu Ô và Lý. Hai châu này sau đó được vua Trần Nhân Tông đổi thành đất Thuận Hoá vào năm 1307. Các quận Triệu Phong, Mai Lĩnh và Hải Lăng ngày nay là đất Hoá thời nhà Trần. Quảng Trị cũng là đất khởi nghiệp của nhà Nguyễn, khi chúa Nguyễn Hoàng được vào trấn thủ Thuận Hoá vào tháng 10 năm Mậu Ngọ (1588) Ông lập dinh Ái Tử, quận Triệu Phong.

Ngày 30 tháng 3 năm 1972, tôi dọn về số 120 đường Phan Chu Trinh, thì cũng vào ngày này vào buổi trưa Cộng quân mở cuộc tấn công mạnh mẽ, đồng loạt vượt sông Bến Hải, tràn qua khu phi quân sự, pháo tập và tấn công vào lực lượng quân đội Hoa Kỳ và VNCH đóng tại Quảng Trị.



*Hải Lăng, Mai Lĩnh, Triệu Phong
Bảy hai máu đỏ đỏ dòng Hiền Lương
Đồng Hà thành bãi chiến trường
Bá Hô, Cam Lộ ven đường thây phơi!*



Ngày 28/4/1972, trong 2 ngày khoảng 7.000 đạn pháo của Cộng quân pháo dữ dội vào tuyến thủ của Biệt Động Quân ở thị trấn Đồng Hà.

Cộng quân dùng 2 Sư đoàn 304 và 308 (khoảng 30.000 quân) với hỗ trợ của các Trung đoàn xe tăng và pháo binh. Để mở đường qua sông, vượt vĩ tuyến 17, cũng là con sông Bến Hải. Cộng quân đã dùng các loại 130 ly cũng như hỏa tiễn 122 ly, từ Vĩnh Linh bên kia cầu Hiền Lương, đồng loạt bắn phá các căn cứ hỏa lực của Việt Nam Cộng Hòa.

Cộng quân pháo kích dữ dội căn cứ Carrol, Mai Lộc, Sarge, núi Bá Hô, Alpha 2 và 4, Charlie 1 và 2.



Tiểu đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến với Tiểu đoàn trưởng Thiếu Tá Lê Bá Bình được lệnh tử thủ Đông Hà bằng mọi giá.

Lệnh ra tử thủ Đông Hà

Thủy Quân Lục Chiến Cộng Hòa liêu thân

Húng nghìn đạn pháo cộng quân

Chiến xa bốn hướng tiến gần mục tiêu

Thêm vào đó, từ phía Tây của tỉnh Quảng Trị, Cộng quân với Sư đoàn 324B, với xe tăng T54, T55, PT 76 hỗ trợ, theo đường 9 từ nước Lào vượt qua Khe Sanh, tiến vào thung lũng sông Thạch Hãn. Các trận pháo của CSBV gồm (pháo tầm xa 122 ly, 130 ly, pháo phòng không 37 ly, 57 ly và đặc biệt hỏa tiễn chống chiến xa AT-3 Sagger cùng

hỏa tiễn địa không tầm nhiệt SA-7 Strela).

Vì thời tiết xấu nên giảm thiểu sự yểm trợ của Không Quân (miền Nam và Hoa Kỳ). đã dẫn đến lần lượt 11 căn cứ hỏa lực của VNCH phải thất thủ. (Căn cứ Bá Hồ Holvomb, Sarge, Fluuer 2, Khe Gió, Carrol, Mai Lộc, Ái Tử...)

Khe Sanh, Thạch Hãn, Bá Hồ

Ngìn... nghìn đạn pháo Carrol điều tàn

Biển người quân cộng hàng hàng

Vượt sông Bến Hải giặc tràn Alpha!



Ngày 31 tháng 3, căn cứ hỏa lực của Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến tại núi Bá Hô và Sarge bị tràn ngập, phải di tản vào lúc 9 giờ 40 tối sau khi bị tổn thất nặng. Ngay lúc 2 Trung đoàn 2 và 56 Sư đoàn 3 Bộ Binh đang hoán chuyển vùng, nên bị tổn thất nặng nề về nhân mạng, đồng thời làm cho binh sĩ nhất là Trung đoàn 56 giao động mạnh và hoảng sợ. Sau đó Bộ Binh, chiến xa CSBV, từ bốn hướng tấn công đồng loạt, mục đích không cho QLVNCH tiếp ứng lẫn nhau, khiến cho các căn cứ hỏa lực lần lượt thất thủ, vì pháo kích và các cuộc tấn công biển người.



Tuy nhiên, Cộng quân cũng vấp phải sự chống cự mãnh liệt khắp nơi, nhất là tại các căn cứ của Lữ đoàn 147 TQLC và trung đoàn 2 Bộ Binh trấn giữ. Đại chiến long trời lở đất khắp nơi tại Quảng Trị, dù được khẩn báo về Sài Gòn và Đà Nẵng, nhưng lúc đó dường như cả hai cấp chỉ huy quân sự cao nhất, vẫn chưa tin là Hà Nội dám vượt qua sông Bến Hải. Chính điều này đã làm cho bao nhiêu sinh mạng vừa đồng bào và người lính, chịu thương vong oan khiên trên các đường di tản, trước biển giặc.

*Rền trời đại pháo phòng không
Carrol giặc chiếm Ba Lòng rút binh
Hải Lăng, Ái Tử điêu linh
Xác người đen sạm giấy đình rã rời...*



Tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến triệt thoái khỏi 2 cứ điểm núi Bá Hò và Sarge ngày 1-4-1972.

Ngày 1 tháng 4, các căn cứ Đông Hà, Cam Lộ, Ái Tử bị pháo kích nặng nề nhưng nhờ hải pháo của Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ nên Cộng quân vẫn chưa chiếm được. Tuy nhiên trước sức tấn công mạnh mẽ của Cộng quân, lần lượt các căn cứ hỏa lực A-1, A-2, A-3, A-4 do Sư Đoàn 3 Bộ Binh trấn giữ, bị tấn chiếm, còn căn cứ Fuller và Khe Gió thì phải “di tản chiến thuật”.

Mãi đến 6 giờ chiều ngày 30 tháng 3 năm 1972, Lữ đoàn 258 TQLC và Thiết đoàn 20 chiến xa M 48, được tăng cường cho Sư đoàn 3 Bộ Binh tại mặt trận Đông Hà. Ngay lúc đó, Sư đoàn 308 CSBV đang tấn công Tiểu đoàn 4 TQLC tại hai căn cứ Sarge và đỉnh núi Bá Hò. Còn Sư đoàn 304 CSBV thì tấn công Tiểu đoàn 8 TQLC tại căn

cứ Holcomb, bị Cộng quân tràn ngập lúc 12 giờ 30 khuya đêm 2 tháng 4 năm 1972.



Căn cứ hỏa lực của Sư đoàn 3 Bộ Binh tại Carrol (Tân Cảnh 1972).

Sư đoàn 3 Bộ Binh phòng thủ vĩ tuyến, Trung đoàn 56 Bộ Binh đóng trong căn cứ hỏa lực Carrol lớn nhất tỉnh, do Trung tá Phạm Văn Đính chỉ huy có trách nhiệm phòng thủ các căn cứ Fuller, Khe Gió tiếp cận với Lữ đoàn 147 TQLC. Trung đoàn 2 Bộ binh đóng tại căn cứ A-4 (Cồn Thiên) và Trung đoàn 57 Bộ Binh trách nhiệm căn cứ C-1 (Gio Linh), chạy tới cầu Hiền lương trên quốc lộ 1, về tới căn cứ Ái Tử. Phía bên kia quốc lộ tới biển, do lực lượng Địa phương Quân và Nghĩa quân tỉnh Quảng Trị bảo vệ.

Thời tiết lại quá xấu nên Không quân không thể yểm trợ hỏa lực cho các căn cứ trên, còn hải pháo cũng chỉ yểm trợ tới các căn cứ hỏa lực ở phía đông gần biển mà thôi. Riêng các pháo đội đại bác 105, 155 kể cả 175 ly của VNCH, cũng không thể đương đầu nổi với hàng trăm khẩu pháo nặng 130 ly của CSBV.



Pháo binh Thủy Quân Lục Chiến tại mặt trận Quảng Trị- 1972.

Ngày 2 tháng 4-1972 Tiểu đoàn 3 TQLC và thiết đoàn 29 chiến xa M 48 được lệnh giữ cầu Đông Hà. trận chiến trở nên ác liệt, vì CSBV và chiến xa chuẩn bị vượt cầu Đông Hà. Ngày 3-4-1972 Trung đoàn 2 Bộ Binh bị Cộng quân BV truy đuổi khi rút về Cam Lộ, nên không kịp dùng mìn phá cầu. Tại căn cứ Carroll do Trung tá Phạm Văn Đính chỉ huy, gồm Trung đoàn 56 Bộ Binh, các pháo đội, Tiểu đoàn 1 pháo binh TQLC, tổng cộng quân số trên 2.000 binh



Chiến xa lội nước PT-76 ở hướng Đông dọc theo bờ biển tiến xuống hướng Cửa Việt.

sĩ kéo cờ trắng đầu hàng quân CSBV. Đây là trường hợp duy nhất trong cuộc chiến Đông Dương lần 2. Tình hình quá nguy ngập, nên cầu Đông Hà được lệnh giật sập, chặn được bước tiến của giặc trong một thời gian ngắn. Lữ đoàn 369 TQLC lại được tăng cường thêm cho Quảng Trị.



Ngày 4-4-72, Lữ đoàn 147 cũng phải bỏ luôn căn cứ Mai Lộc, vì không chịu nổi pháo kích và chiến thuật tấn công biển người. Vì quân số bị hao hụt quá nhiều nên Lữ đoàn này được lệnh về Huế để bổ sung và tái trang bị. Riêng Tiểu đoàn 8 TQLC vì quân số còn nguyên vẹn nên được lệnh giữ con đường huyết mạch quốc lộ 1, từ Hải Lăng về Mỹ Chánh. Về phía Tây chỉ còn có Tiểu đoàn 1 TQLC trấn giữ căn cứ Phụng Hoàng, làm tiền đồn bảo vệ thành phố mà thôi.

Gio Linh, Cam Lộ tiêu điều

Hừng nghìn đạn pháo quá nhiều thương vong

Với dân bảo vệ hết lòng

Trên đường đạn pháo phòng không chẳng ngừng!

Rồi thì căn cứ Ái Tử, nơi đặt bộ chỉ huy tiền phương của Sư đoàn 3 Bộ Binh cũng bị pháo kích nặng nề. Đồng bào

từ các quận Cam Lộ, Hương Hoá, Gio Linh, Đông Hà... bất kể Kinh hay Thượng, ùn ùn bỏ làng xóm, tài sản, kéo nhau chạy về thành phố Quảng Trị để tránh chiến hỏa. Trên đường đào sanh, hàng ngàn người đã làm mồi cho đạn pháo binh và thiết giáp của CSBV, gây thêm rối loạn cho các đơn vị của ta, vì vừa bảo vệ cho dân chúng, vừa lại phải chiến đấu trong con nguy ngập. Đạn pháo của địch càng lúc càng dữ tợn, hung tàn, phá hết tất cả xóm làng chùa, nhà thờ, dân, lính, thành phố đông người. Trong phút chốc, những khu đông dân như Cam Lộ, Đông Hà trở thành địa ngục trần gian.



Cộng Sản Bắc Việt đã pháo kích vào ngay các khu dân cư tại 3 quận ở phía Bắc Quảng Trị (Gio Linh, Đông Hà, Cam Lộ).

Ngày 31-3-1972 căn cứ hỏa lực của Tiểu đoàn 4 TQLC tại núi Bá Hò và Sarge bị tràn ngập, phải di tản vào lúc 9 giờ 40 tối, sau khi hứng chịu nhiều thương vong. Ngày 1-4-1972 các căn cứ Đông Hà, Cam Lộ, Ái Tử bị pháo kích nặng nề nhưng Cộng quân chưa chiếm được, nhờ hải pháo của

đệ thất Hạm Đội Hoa Kỳ, Quảng Trị bắn vào yểm trợ. Năm tuần dương hạm Hoa Kỳ đã luân phiên yểm trợ hải pháo, 2 hàng không mẫu hạm Constellation và Kilty Hawak đã được lệnh trở lại Nam Hải để tăng cường cho 2 hàng không mẫu hạm Corral Sea và Hancock. Ngày 5 tháng 4 năm 1972 chỉ có 5 tuần dương hạm Hoa Kỳ quanh Cửa Việt, đến ngày 17 tăng lên đến 20 tàu tuần dương và khu vực yểm trợ hải pháo tại đây. Ngày 15, phi đoàn 35 chiến thuật của Không Quân Hoa Kỳ cùng với phi đoàn F-4 của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đã được gửi sang Việt Nam. Tổng số B-52 tại 2 căn cứ Anderson Field (Guam) và Utapao (Thái Lan) đã được gia tăng đến 138 phi cơ.



Hàng không mẫu hạm Kilty Hawk 1972.

Quốc lộ 9 từ Đông Hà đi Cam Lộ bị cắt đứt. Ngày 3-4-1972, Quân lực VNCH chỉ còn giữ được tuyến từ Cửa Việt dọc theo sông Cam Lộ ở phía Bắc, căn cứ Carroll và Mai Lộc ở phía Tây và Pedro về phía Nam. Bộ Tư lệnh tiền phương của Sư đoàn 3 Bộ Binh được lệnh về thành phố Quảng Trị,

Lữ đoàn 258 TQLC được tăng cường thêm Tiểu đoàn 3 pháo binh/TQLC và Tiểu đoàn 7/TQLC, lãnh thêm nhiệm vụ phòng thủ căn cứ Ái Tử. Trong khi đó căn cứ hỏa lực Carrol của Trung đoàn 56 Bộ Binh bị vây khốn nhưng không có quân tiếp viện. Trung đoàn 57 cũng được lệnh bỏ căn cứ Gio Linh, rút về bờ Nam Đông Hà, để lại cho giặc nhiều đại bác 155 ly.



Carrol hỏa lực giặc vây

Tuyến từ Cửa Việt đạn bay rợp trời

Xác thân nay đã nặng mùi

Máu khô trên những xác người tanh hôi

Cổ thành trong trận đánh Quảng Trị chính là toà thành cổ có tên Đinh Công Tráng, được xây dựng vào năm 1823 thời vua Minh Mạng. Sơ khởi thành này được xây bằng đất nện cho đến năm 1838 thì được xây lại bằng gạch. Các tài liệu nói là thành có dạng hình vuông, chu vi tường thành là gần 2000 m, cao 9,4 m, dưới chân dày 12 m. Bao quanh có hệ thống hào rộng 4 m, sâu 8 m, bốn góc thàn là 4 pháo đài cao nhô hẳn ra ngoài. Khi trận Quảng Trị xảy ra thì



Lữ đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến được giao trọng trách nắm giữ các căn cứ chiến lược, núi Bá Hô, Sarge, Holcomb và Mai Lộc, nơi đặt Bộ Chỉ Huy Lữ đoàn 147 TQLC.



trong cổ thành là bản doanh của Tiểu khu Quảng Trị và bộ Tư Lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh (Bộ chỉ huy Tiền phương của Sư đoàn thì đóng ở căn cứ Ái Tử).

*Trên đường số 9 xác phơi
Xác trên ngọn cỏ xác rơi mặt đường
Bảy hai máu đổ sa trường
Chảy từ Bình Định máu tuôn qua đèo
Trên đầu nghe tiếng đạn reo
Dưới chân tử lộ theo thầy người*



Đại Lộ Kinh Hoàng là tên mà nhà báo Ngy Thanh (Đặc phái viên của báo *Sóng Thần* trong thời điểm đó) đặt cho đoạn đường dài độ 9 km trên quốc lộ 1 từ cầu Bến Đá tới cầu Trường Phước trong quận Hải Lăng tỉnh Quảng Trị.

Quảng Trị là tỉnh giới tuyến miền Nam VNCH và không ai nghi hoặc là sẽ có ngày CSBV sẽ vượt làn ranh giới tuyến quy ước (sông Bến Hải cầu Hiền Lương), để công khai xâm lăng miền Nam, vì thế nên miền Nam Cộng Hòa chỉ để Sư đoàn 3 Bộ Binh phòng thủ miền giới tuyến này. Sư đoàn 3 Bộ Binh (Tu lệnh là Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai) là một Sư đoàn tân lập (vào tháng 10 năm 1971) gồm 3 Trung đoàn (2, 56 và 57) Trong 3 Trung đoàn này thì chỉ có Trung đoàn 2 là có nhiều kinh nghiệm chiến trường vì đã được tách ra từ Sư đoàn 1 Bộ Binh và 2 Trung đoàn 56, 57, còn lại thì yếu kém về huấn luyện và kinh nghiệm tác chiến (có các thành phần gốc đào binh trong đơn vị). Chính vì vậy, tỉnh Quảng Trị được chánh quyền miền Nam VNCH tăng phái thêm 2 Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến (147 và 258) nhằm để bảo vệ mặt phía tây của tỉnh (giáp với nước Lào).



Highway of Horror (Quảng Trị 1972)

vnafm.com

Ngày 8-4-1972, sau mấy ngày bị tổn thất vì mưa pháo, Tiểu đoàn 3 TQLC hoán chuyển về Ái Tử và BĐQ ra thay thế giữ bờ Nam Đông Hà. Tại căn cứ Phụng Hoàng, CSBV đã thảm hại khi trực chiến với Tiểu đoàn 6 TQLC, bị thiệt hại hơn 1 Trung đoàn bộ đội, 21 chiến xa T-54 bị cháy, phần lớn do Không Quân Việt-Mỹ oanh kích, cùng pháo binh. hai chiếc T-54 khác bị bắt sống đem về thành phố Quảng Trị. Nhưng sau đó, Tiểu đoàn 6 TQLC cũng được lệnh bỏ căn cứ Phụng Hoàng vào ngày 12-4-1972.



Một cuộc hành quân đại quy mô, do Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm chỉ huy, mang tên Quang Trung 729, khai diễn ngày 14-4 với mục đích tái chiếm các căn cứ phía Tây đã mất. Nhưng cùng lúc, CSBV đã mở 3 cuộc tấn công lớn vào Ái Tử, Đông Hà và căn cứ Anne ở phía Nam, đối diện với quận Hải Lăng. Mục đích là muốn cắt đứt con đường huyết mạch của QLVNCH, từ Quảng Trị về Huế.

Hải Lăng, Ái Tử giặc tràn

Bờ tây Thạch Hãn thiết đoàn chiến xa

Bộ Binh trấn giữ Đông Hà

Thông hào chịu đạn đêm qua thủ thành!

Để chống lại âm mưu trên, Tướng Giai chia các lực lượng đang tham chiến tại đây thành 5 chiến đoàn Đặc nhiệm: Trung đoàn 57 BB giữ bờ Nam sông Đông Hà. Thiết đoàn 1+20+ 2 Liên đoàn 4 và 5 BĐQ do Đại tá chỉ huy trưởng Liên đoàn 1 chỉ huy tái chiếm căn cứ Carrol. Lữ đoàn 258 TQLC từ Ái Tử, tái chiếm căn cứ Mai Lộc. Trung đoàn 2 BB giữ mặt trận từ Ba Lòng tới bờ Tây sông Thạch Hãn, ngăn không cho CSBV tấn công thành phố. Cuối cùng là Liên đoàn 1 BĐQ, gồm các tiểu đoàn 21,35 và 77, giữ con đường huyết mạch từ Quảng Trị đến Hải Lăng.



Cầu sắt Quảng Trị và tháp canh tại bờ Bắc sông Thạch Hãn 1972.

Chiến cuộc thật sự bùng nổ lớn, tất cả cánh quân đều chạm địch và bị pháo kích nặng nề. Bởi vậy thay vì quân ta tấn công, lại bị giặc đẩy ngược về phía thành phố. Trong số này, nguy khốn nhất là cánh quân Lữ Đoàn 5 BĐQ và Thiết đoàn 20 chiến xa. Tuy nhiên tính đến ngày 18-4, các đơn vị của QLVNCH vẫn còn giữ vững được các vị trí trách nhiệm.



Ngày 22-4, Lữ đoàn 147 TQLC sau khi được bổ sung và tái trang bị, được lệnh trở ra Quảng Trị, thay thế Lữ đoàn 258 TQLC phòng thủ căn cứ Ái Tử. Trong đêm CS pháo kích kho tiếp liệu của Sư đoàn 3 BB tại La Vang, trong đó có kho xăng dầu và cả một đoàn xe tiếp tế quân trang của Bộ chỉ huy 1 Tiếp vận từ Đà Nẵng tới. Ngày 23-4, bất chấp mọi thiệt hại to lớn trong những ngày đùng độ vừa qua với

QLVNCH, Không quân hải pháo của Việt-Mỹ, CSBV vẫn điên cuồng tấn công khắp nơi bằng biển người, bất chấp sinh mạng con người cả hai phía, trong đó phần lớn là đồng bào chạy lánh nạn.

Trong lúc đó gần tháng qua, người lính miền Nam các cấp, từ Thủy Quân Lục Chiến Biệt Động Quân, Thiết Giáp, Bộ Binh, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân... ngày đêm thiếu ăn mất ngủ, chỉ đứng dưới giao thông hào, chịu đạn giữa trời mưa gió. Trong lúc đó khắp nẻo đường Quảng Trị, càng lúc càng chết chóc thê thảm, bởi cảnh pháo kích bừa bãi của CSBV. Quảng Trị đã thật sự trở thành địa ngục trần gian thứ hai sau địa ngục An Lộc.



Cố Đại tá Nguyễn Đình Bảo Tiểu đoàn trưởng 11 Nhảy Dù.

Người ở lại Charlie

Đồi Charlie, gọi theo phiên âm Việt là đồi Sạc Ly, là một địa danh nằm tiếp giáp giữa ba huyện Sa Thầy, Đắk Tô và Ngọc Hồi, thuộc tỉnh Kontum, miền Nam Việt Nam. Địa danh này nổi tiếng với nhiều trận giao chiến khốc liệt giữa Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh Quân đội Hoa Kỳ với quân Cộng Sản Bắc Việt.

Từ trung tâm thành phố Kontum theo đường 14 đi khoảng 45 km, tới ngã ba Tân Cảnh, cách địa danh Charlie khoảng 10 km. Vị trí đỉnh đồi Charlie có cao độ xấp xỉ 900m so với mực nước biển, nằm tại khu vực giáp ranh giữa các xã Rờ Khởi (huyện Sa Thầy), Pô Kô, Tân Cảnh (Đắk Tô) và các xã SaLoong, Đắk Sứ (Ngọc Hồi). Hai điểm cao cạnh bên là Ngọc Ring Rong và Ngọc Rinh Rua, có cao độ là 800m, từng được mệnh danh là “chân cột cờ” của khu vực đồi Charlie.



Do vị trí điểm cao, từ đây có thể có vị trí chiến lược có tầm quan sát rộng, đỉnh đồi từng được quân đội Hoa Kỳ và quân lực Việt Nam Cộng Hoà sử dụng để xây dựng một cứ điểm quân sự để kiểm soát cả một vùng rộng lớn ngã ba Đông Dương.

Vị trí cứ điểm nằm trong một dãy cứ điểm liên hoàn của Lữ đoàn 2 Nhảy Dù VNCH, được đặt tên theo các chữ cái A, B, C, D, đến Y, nhằm bảo vệ phi trường Phụng Hoàng và tuyến phòng thủ ngoại vi cho căn cứ Tân Cảnh, tức bản doanh bộ Tư lệnh Hành quân Sư đoàn 22 Bộ Binh. Theo

thông lệ của quân đội Hoa Kỳ và VNCH, mỗi cứ điểm đều có tên đặt theo các chữ cái này bằng tiếng Anh và tiếng Việt, như Alfa, Anh Dũng, hoặc Yankee, Yên Thế. Chính vì vậy, cứ điểm trên ngọn đồi được đặt tên theo chữ cái C, được gọi là đồi C, hay đồi Charlie.



Đồi Charlie.

Trận chiến khốc liệt tại cụm phòng tuyến Charlie, tỉnh Kontum, đã diễn ra từ 11 tháng 4-1972 giữa Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù - đơn vị có biệt danh chiến trường là Song Kiếm Trấn Ái, và 2 Trung đoàn Cộng quân thuộc sư đoàn 320 CSBV. Chiến đấu trong một tình thế vô cùng nghiệt ngã, không có sự yểm trợ của Không Quân, tương quan lực lượng là 1 người lính Dù đối đầu với 6 CQ và cả Tiểu đoàn phải chịu trận mưa pháo của 1 Trung đoàn pháo CSBV, chưa tính đến 1 Trung đoàn phòng không của đối phương đã khống chế các phi vụ trực thăng tiếp tế, tải thương. Cuối cùng, để bảo toàn quân số, với khoảng 150 chiến binh còn lại, Tiểu đoàn đã phá vòng vây để rút về tuyến sau.

Trước khi trình bày cuộc rút quân đầy bi tráng của Tiểu đoàn Song Kiếm Trấn Ái, xin được lược ghi về 4 ngày bão

lửa của những người lính Nhảy Dù của Tiểu đoàn Song Kiếm Trấn Ái tại cụm đồi hỏa lực Charlie:



Trận địa Charlie 1972.



Người ở lại Charlie, Cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo (phải) Tiểu đoàn trưởng Song Kiếm Trấn Ái, Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù Đại Úy Dù Đoàn Phương Hải (trái)..

Charlie tiếng pháo ru dài

Đông Hà, Cam Lộ bom cày nát tan

Ngày 11 và 12 tháng 4-1972, Cộng quân đã mở trận hỏa công với hàng ngàn quả đạn 130 ly, 122 ly và hỏa tiễn đủ loại vào các cứ điểm 960, 1020, 1050 thuộc hệ thống phòng ngự của căn cứ Charlie. Gần 9 giờ sáng ngày 12 tháng 4-1972, Cộng quân tiếp tục pháo loại đạn nổ chậm. Trung Tá Nguyễn Đình Bảo-Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù bị trúng nguyên một trái đạn xuyên qua hàm. Thiếu Tá Lê Văn Mỹ, Tiểu đoàn phó được bộ chỉ huy Lữ đoàn thay thế chức vụ Tiểu đoàn trưởng.

Nguyễn Đình Bảo gọi tên anh

Người hùng mũ đỏ liệt oanh oai hùng

Ngày 13 tháng 4-1972, Đại đội 111 của Trung úy Thịnh (từ đỉnh đồi 960 rút về đỉnh đồi 1020 trong ngày 12), được lệnh tung quân đi tìm nguồn nước và làm bãi đáp trực thăng để di tản thương binh và quân nhân tử trận. Cả Đại đội 111 chỉ còn hơn 50 chiến binh, tất cả tuột đồi 1020 để đổ xuống hướng Đông Nam. Di chuyển được 200 mét thì Cộng quân bố trí sẵn để phục kích. Trong lúc đang điều động quân sĩ chống trả, Trung úy Thịnh bị một tràng đạn AK bắn vào người. Đại đội trưởng tử trận, Chuẩn úy Ba, một Trung đội trưởng đã nhào lên điều động quân sĩ bắn trả để vượt thoát vòng vây nhưng cũng bị trúng đạn tử trận. Quân nhân có cấp bậc cao nhất lúc đó là Thiếu úy Khánh - sĩ quan tiền sát viên Tiểu đoàn 1 Pháo Binh Nhảy Dù đã chỉ định Trung sĩ Lung dẫn tổ khinh binh xung phong mở đường máu để phá vòng vây. Người hạ sĩ quan can trường đã cầm đại liên quạt tứ phía để mở đường cho

đồng đội rút lui. Cuối cùng, Trung sĩ Lung đã bị 1 quả B 40 bắn vào người.



Cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo (người ở lại Charlie - 1972).

Nguyễn Đình Bảo chết hôm qua

Khí hùng bất tử trường sa chôn mình

Ngày 14-4, Cộng quân mở đợt tấn công mới, một phòng tuyến phòng ngự của Đại đội 114 bị địch quân tràn chiếm. Vào lúc này đã hết đạn và cạn lương thực. Trước tình hình vô cùng nguy kịch, để bảo toàn quân số còn lại. Thiếu tá Lê Văn Mễ đã quyết định cho rút quân. Anh đã xin bộ chỉ huy Lữ đoàn 2 Nhảy Dù nửa giờ sau cho bắn đạn nổ chụp ngay trên đồi 1020, rồi sau đó ra lệnh cho các Đại đội rời cao điểm 1020 đi về hướng Đông Bắc, phương góc 800 để tìm đường rút về Tân Cảnh thay vì về Võ Định (nơi đóng quân của bộ chỉ huy Lữ đoàn 2 Nhảy Dù), vì vị trí này quá xa căn cứ Charlie. Ba Tiểu đoàn Cộng quân tràn lên chiếm Charlie thì bị 6 chiếc phi cơ B 52 xuất trận hàng ngàn tấn bom, Cộng quân bị tan nát dưới trận mưa bom này.



Thiếu tá Lê Văn Mỹ (đang rộng tay) cùng đồng đội của Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù trên đồi Charlie trước cơn bão lửa Hè 1972.

5 giờ chiều cả Tiểu đoàn đồng loạt xuống núi theo sườn thoải thoải. Những trái bom đầu tiên từ B 52 đã nổ xuống khi người lính cuối cùng của Đại đội 112 vừa xuống đến chân núi. Đoàn quân di chuyển hàng một và đi suốt đêm. Rạng sáng ngày 15 tháng 4-1972, Tiểu đoàn đi tới một bãi lau sậy trống trải. Quan sát địa hình, Thiếu tá Mỹ thấy khu vực này có thể làm bãi đáp để trực thăng xuống bốc nén cho lệnh dừng quân. Anh điều động một toán qua suối

để bảo vệ cạnh sườn, và dặn các Đại đội chia ra từng toán 8 người đợi trực thăng đến bốc. Sau đó, Thiếu tá Mễ cho Thiếu tá Duffy - cố vấn trưởng Tiểu đoàn, vị trí điểm dừng quân và yêu cầu vị cố vấn này gọi trực thăng Hoa Kỳ đến bốc đoàn quân về Võ Định. Liên lạc với Không Quân, cố vấn Duffy báo cho Thiếu tá Mễ biết là khoảng 15 phút nữa trực thăng sẽ đến.



Thiếu tá Duffy (cố vấn trưởng Tiểu đoàn), người bạn Đồng Minh đầy nghĩa khí can đảm và tốt bụng.

*Anh là người lính đồng minh
 Đầy lòng nghĩa khí với tình quân nhân
 Vì bạn chẳng nghĩ đến thân
 Chẳng màng sống chết địch quân cận kề*

Nhưng không còn thời gian chờ đợi nữa, Cộng quân đã phục sẵn quanh bãi đáp và tràn ra tấn công. Đại úy Nho, Đại đội trưởng đại đội 110 đã điều động binh sĩ chống trả để bảo vệ ban chỉ huy Tiểu đoàn.

Anh tỏ xung hữu đột để chống trả các toán Cộng quân vây kín anh. Địch kêu anh đầu hàng nhưng Nho không chịu khuất phục, người Đại đội trưởng ấy ấn tay vào cò súng, ri-a từng loạt về phía đối phương. Trong khi đang chiến đấu, một báng súng Cộng quân đập trúng đầu, anh bị bất tỉnh và sau đó bị địch bắt. Nhờ sự chiến đấu can trường của Đại đội trưởng Nho, nên ban chỉ huy của Thiếu Tá Mễ vượt thoát được vòng vây của địch. Trung úy Long, trưởng ban 2, kiểm điểm lại quân số chỉ còn 37 người. Ngay sau đó, có 3 trực thăng Mỹ bay vào vùng, một chiếc hạ xuống bốn người, hai chiếc kia nhò xung quanh có lau sậy thấp nên các xạ thủ phi hành quan sát thấy rõ địch quân, họ đã tác xạ liên tục vừa đại liên vừa rocket để đuổi Cộng quân ra khỏi khu vực ban chỉ huy Tiểu đoàn.

Về Thiếu tá Mễ, do bị ảnh hưởng bởi quả lựu đạn của địch ném ngày hôm trước, nên lúc di chuyển phải nhờ Trung úy Long đỡ phụ, nhưng khi trực thăng hạ xuống để đón, Thiếu tá Mễ nói:

- Minh là cấp chỉ huy và có mấy truyền tin nên cần phải đi chót! Trung úy Long sắp xếp cho toán 7 người bị yếu sức và bác sĩ Tô Phạm Liệu - y sĩ trưởng tiểu đoàn di chuyển



đầu tiên, số còn lại vừa chạy vừa trông chờ trực thăng xuống, họ yêu cầu cố vấn Duffy gọi trực thăng bay nhanh hơn vì địch quân cận kề. Khi trực thăng trở lại thì phi công

yêu cầu cố vấn Duffy lên trước, nhưng vị sĩ quan Hoa Kỳ này đã khẳng khái từ chối và nói với phi hành đoàn:

- Tôi đi rồi thì các anh đầu chịu trở lại cứu các bạn Nhảy Dù của tôi!

Chuyến thứ 4 bốc thêm một số người, còn lại 5 người là Thiếu tá Mễ, Thiếu tá Hải, trưởng ban 3, Thiếu tá Duffy cố vấn, Trung úy Long, Hạ sĩ Long “đệ tử” của Thiếu tá Mễ. Chuyến chót vừa đến thì Cộng quân đã theo sát, mọi người cố gắng trèo nhanh lên trục thẳng. Vừa lên hết thì nghe một loạt đạn, nguyên một tràng AK bắn trúng trục thẳng, phi công phụ và 1 xạ thủ phi hành bị chết ngay, tiếng Thiếu tá Hải bị trúng đạn ngay bàn chân, cả người anh rớt khỏi máy bay ở cao độ 3 mét. Lập tức Thiếu tá Duffy nhảy theo để đỡ Thiếu tá Hải, vì nếu ông không nhảy xuống thì phi công có thể vì hốt hoảng mà bay đi luôn. Từ trục thẳng, Trung úy Long nhìn thấy Thiếu tá Duffy đang đứng bơ vơ phía dưới, anh vừa khâm phục vừa cảm mến người bạn Đồng minh tốt bụng và vô cùng can đảm này. Long tự nghĩ nếu trục thẳng không đáp anh cũng sẽ nhảy xuống cùng sống chết để bảo vệ người bạn Mỹ đầy lòng nghĩa khí này.



Trục thẳng hạ thấp, cố vấn Duffy bỗng Thiếu tá Hải đưa lên sàn phi cơ, Trung úy Long và Thiếu tá Mễ giờ tay cố kéo Thiếu tá Duffy. Lên tới , cố vấn đã vội kéo xạ thủ phi hành vừa bị trúng đạn định bằng bó nhưng anh đã chết. Còn viên phi công phụ, theo lời Thiếu tá Hải kể lại, anh đã được về Mỹ, nhưng hôm đó thiếu người, nên anh đã đi bay thế.

*Bạn anh chẳng có ngày về
Địch quân bốn phía bốn bề bủa vây
Người xạ thủ chết trên tay
Anh bên các bạn chuyển bay cuối cùng
Rền trời đạn pháo chẳng ngưng
Charlie máu nhuộm anh hùng vinh danh!*



Câu chuyện về hai Đại đội trưởng Hùng “móm”, Hùng “mập” đã bị Cộng quân vây đánh. Đại đội trưởng Hùng mập quật ngã được vài Cộng quân nhưng do đối phương quá đông nên anh đành thúc thủ, bị bắt. Đến tháng 3-1973, anh mới được trao trả ở bờ sông Thạch Hãn theo hiệp định ngưng bắn ký ngày 27-1-1973.

Riêng Đại đội trưởng Hùng móm, anh và một số binh sĩ bị Cộng quân bắt ngay từ đầu, nhờ có kinh nghiệm về thoát hiểm mưu sinh, sau đó, anh đã vượt thoát và gom được anh em còn lại về đến gần Tân Cảnh và sau đó được trực thăng bốc. Một sĩ quan của Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù là Trung úy Đinh Viết Trinh bị Cộng quân bắt làm tù binh, nhưng khi đi ngang qua đám sậy gần ngã ba Tam Biên (biên giới 3 nước Đông Dương) đã nhanh chân nhảy vào bụi lùm và thoát được. Dù bị thương tích đầy mình, và nhịn đói nhiều ngày trong rừng nhưng cuối cùng anh đã về đến Võ Định.



Dù bị bắt làm tù binh

Người hùng mũ đỏ Viết Trinh can cường

Đây mình là những vết thương

Nhiều ngày đói khát tìm đường đào vong!

Bài hát “Người ở lại Charlie” được Nhật Trường Trần Thiện Thanh sáng tác nhằm tưởng niệm cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù của quân lực VNCH, tử trận ngày 12 tháng 4 năm 1972 vào mùa Hè đỏ lửa.

Đại Tá Nguyễn Đình Bảo và gia đình rời Hà Nội vào Nam năm ông 18 tuổi, 3 năm sau ông thi đậu Tú Tài và tình nguyện gia nhập binh chủng Nhảy Dù sau khi tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt khoá 14 (nhân vị). Xác ông cùng đồng đội nằm lại Charlie vào ngày 12 tháng 4 năm 1972, năm ông 35 tuổi, người hùng Nguyễn Đình Bảo không có một nấm mồ.



Anh vừa nằm lại Chalie

Người hai lần chết còn gì thịt da

Trong 14 năm lính, ông đã từng tham gia rất nhiều trận đánh lớn nhỏ khắp bốn vùng chiến thuật. Từ trận Ấp Bắc,

giải vây đồn Bồ Túc ở những năm 1960, mở đầu cho thời kỳ chiến tranh, ông đã “trưởng thành trong khói lửa” và thoát chết nhiều lần. Từ Trung đội trưởng Tiểu Đoàn 8, ông qua Tiểu đoàn 3 rồi làm Đại đội trưởng Tiểu đoàn 1 rồi Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 9.

Tên tuổi ông gắn liền với nhiều trận đánh khốc liệt như: Năm 1965 giải vây Đúc Cơ, 1966 Cheo Reo, Bồng Sơn. Năm 1967 hành quân khắp vùng Trị Thiên, Quảng Trị, từ sông Hương ra tới Phá Tam Giang, đèo Ba Giốc. Sau Tết Mậu Thân thì được phân phó về vùng Ông Cộ, Hóc Môn, Bà Điểm. Sau đó Tổng Lê Chân, Ka Tum, sông Vàm Cỏ, Khe Sanh, Hạ Lào.



Từ tháng 5 năm 1971, ông nắm chức Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù, cho đến lúc cuối năm lại Charlie. Cái chết anh dũng của cố Đại tá Nguyễn Đình Bảo, cũng như sự hy sinh lâm liệt khí phách của biết bao vị anh hùng quân nhân đủ mọi cấp bậc, binh chủng thuộc QLVNCH. ***“Anh hùng tử, khí hùng bất tử”*** và ngậm ngùi trong ***“Túy ngoạ sa trường quân mạc tiểu. Kỳ nhân chinh chiến kỳ***

nhân hồi". Người anh hùng "da ngựa bọc thây" rồi sau đó thành tro bụi lại hứng chịu thêm lần nữa bởi bom B-52.

Anh hùng da ngựa bọc thây

Thịt xương tan tác bom cày nát tan

Charlie Song Kiếm tan hàng

Nghe con mua pháo còn đang ru dài...

Tiểu đoàn trưởng Trung tá Nguyễn Đình Bảo tử trận, tuần sau căn cứ Dù Delta cũng bị tràn ngập. Trung đoàn 47 Bộ Binh của VNCH phải rút từ Tân Cảnh về Đakto vì áp lực của địch. Charlie mất, Delta ở phía Nam do Tiểu đoàn 7 Dù phải rút lui. Ngày 24-4-1972, phi trường Phượng Hoàng, Tân Cảnh và 2 căn cứ Diên Bình, Zulu ở phía Nam lần lượt tan rã. Bộ chỉ huy Sư Đoàn Dù và 1 Lữ đoàn được đưa về Sài gòn, Liên đoàn 6 Biệt Động Quân và Trung Đoàn 53 được đưa lên thay Nhảy Dù. Trong 2 tuần VC pháo Tân Cảnh-Dakto hăng ngàn quả mỗi ngày.

Ngày 23-4-1972, Sư đoàn 2 CSBV cùng 4 Trung đoàn độc lập thuộc mặt trận B3 (Tây Nguyên) bắt đầu tấn công, cùng với xe tăng đại bác, CSBV xử dụng hỏa tiễn chống chiến xa At-3 Sagger gây nhiều thiệt hại cho các chiến xa M-41 của ta và phá hủy các công sự phòng thủ, các xe tăng M-41 lần lượt bị bắn cháy.

Lực lượng VNCH gồm Trung đoàn 42, 2 pháo đội 105 ly và 155 ly, 1 chi đội thiết giáp M-41, M-113, 1 Đại đội công binh chiến đấu. Trung tâm hành quân của Sư đoàn cũng bị trúng đạn bốc cháy, lực lượng VNCH phải tháo chạy, hệ thống truyền tin bị thiêu hủy. Cố vấn Mỹ giúp đỡ cho mượn máy móc thành lập trung tâm hành quân mới.

Lực lượng Quân đoàn 2 gồm Sư đoàn 22 Bộ Binh (có 4



Tướng Ngô Dzu.

trung đoàn 40, 41, 42, 47), Tư lệnh là Đại tá Lê Đức Đạt, Sư đoàn 23 (có 3 trung đoàn 44, 45, 53), Tư lệnh là Đại tá Lý Tông Bá và Tiểu đoàn 11 Biệt Động Quân biên phòng đóng dọc theo biên giới Quân Khu 2. Tư lệnh Quân khu 2 là Trung tướng Ngô Dzu.

Dakto, Tân Cảnh giặc thù

Bao vây tứ phía quân khu điêu tàn

Quân đoàn 2 bắt đầu tăng cường phòng thủ Komtum và Pleiku. Bộ Tư lệnh tiền phương Sư đoàn 22 được dời từ Bình Định lên Tân Cảnh Dakto. Thiết đoàn 19 kỵ binh cũng được tăng cường đến Tân Cảnh, Lữ đoàn 2 Dù được tăng cường cho quân đoàn 2. Các lực lượng của quân đoàn 2 chuẩn bị chờ VC. Địch tấn công căn cứ hỏa lực Nhảy Dù đầu tháng 5-1972 nhưng bị thảm bại, Cộng quân bị tổn thất nhiều vì không yểm B-52 nhưng vẫn bổ sung, Bắc cao

nguyên căng thẳng chờ trận xung kích của địch chắc chắn sẽ tiếp theo Quảng Trị và Bình Long.



Đại tá Lý Tông Bá, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ Binh-
Quân Khu 2-1972.

VC gia tăng pháo kích, với sự yểm trợ của 18 chiến xa, địch tiến về Dakto và Tân Cảnh, lực lượng phòng thủ chống trả yếu ớt. Sau nhiều ngày bị pháo và thiệt hại nặng, Trung đoàn 42 bảo vệ Bộ tư lệnh bị rối loạn khi xe tăng T-54 tiến vào cổng doanh trại, toán cố vấn thoát được vòng vây lên trục thẳng. Đại tá Tư lệnh Lê Đức Đạt, Tư lệnh phó Đại Tá Tôn Thất Hùng và vài sĩ quan tham mưu vẫn ở trong bộ chỉ huy, họ cố gắng phá hủy máy móc và hồ sơ rồi nhân lúc trời đổ mưa đã trốn thoát, nhưng chỉ có Đại tá Hùng về được Kontum số còn lại coi như mất tích hết.

Tân Cảnh là trung tâm hành quân của Sư đoàn 22. Trung đoàn 47 VNCH tại Dakto cũng bị tấn công dữ dội,

chi đội Thiết giáp tại Ben Hét được lệnh tới cứu nhưng bị lọt ổ phục kích VC, xe tăng bị bắn cháy hết. Bộ chỉ huy Trung đoàn 47 phải rút dần dần. Dakto-Tân Cảnh bị mất, Cộng quân củng cố chiếm được, di chuyển 30 khẩu pháo của ta. Sư đoàn 320 CSBV tiếp tục tiến đánh các căn cứ hỏa lực còn lại. Ngày 25 tháng 4 năm 1972, Tướng Ngô Dzu ra lệnh cho 2 căn cứ hỏa lực 5, 6 di tản.



Kontum 1972.

Kontum mềm dưới chiến xa

Zulu tan rã giặc qua Diên Bình

Dakto loạn lạc đao binh

Quân dân chết thảm gia đình nát tan

Ngày 27-3-1972, tất cả nòng súng đại pháo của CSBV đều tập trung vào tỉnh lỵ, căn cứ hỏa lực Ái Tử, các quận Mai lĩnh, Hải Lăng. Trong lúc đoàn người tỵ nạn thay vì tập trung tại Quảng Trị, lại ùn ùn tiếp tục bỏ chạy về Huế tìm sinh lộ, gây cảnh hỗn loạn trên quốc lộ 1. Các cánh quân cũng bắt đầu náo loạn vì vợ con tan tác chạy lánh nạn. Do đó nhiều đơn vị đã tự động di tản, làm cho Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 3 BB cũng là đầu não chiến trường, mất liên

lạc với một số lớn đơn vị trực thuộc.Đúng lúc, kho đạn lớn trong căn cứ Ái Tử phát nổ.



Ngày 28-4-1972, trước áp lực của địch, cánh quân của Lữ đoàn 5 Biệt Động Quân và Tiểu đoàn 20 rút về phía bên kia cầu Vĩnh Phước, nhưng bị pháo 130 của Cộng quân bắn sập cầu khiến nhiều xe M48 và đại bác 105,155 ly phải bỏ lại bên bờ Bắc. Cũng từ phút đó, các cánh quân còn lại của Lữ đoàn 4, 5 BĐQ, Lữ đoàn 1 Thiết kỵ và Trung đoàn 57 Bộ Binh, phải lui về phòng thủ căn cứ Ái Tử và thành phố Quảng Trị.

Người người chết chẳng toàn thân

Con đường xương trắng dân quân phơi mình

Hải Lăng, Ái Tử điều linh

Bờ Nam Thạch Hãn , Bộ Binh tan hàng!

Ngày 29-4, lúc 2 giờ sáng CQ tấn công Trung đoàn 2 BB và Thiết đoàn 17, tại căn cứ ở phía Tây thành phố, trong lúc đó về phía bờ biển, CSBV có chiến xa lội nước PT-76, tấn công các Tiểu đoàn ĐPQ và NQ của Tiểu Khu Quảng Trị. Tình trạng hỗn loạn khắp nơi, khiến cho Tướng Giai phải quyết định bỏ căn cứ Ái Tử, rút về bên bờ Nam Thạch Hãn

phòng thủ. Lúc đó Trung đoàn 57 BB coi như tan hàng, vì hầu hết binh sĩ đã rã ngũ, để chạy theo gia đình đang di tản về Huế. Quốc lộ số 1 đã bị CQ đóng chốt nhiều đoạn, từ Hải Lăng về Mỹ Chánh, vì Tiểu đoàn 7 TQLC bị chuyển ra phòng thủ Ái Tử. Do đó đoạn đường huyết mạch, chỉ có 9 cây số, bị bỏ ngỏ để CQ đóng chốt, đã trở thành con đường xương trắng máu hồng, với cái tên là Đại Lộ Kinh Hoàng nơi mồ chôn tập thể của dân Quảng Trị trong trận chiến mùa hè đỏ lửa năm 1972.

Bảy hai đại lộ kinh hoàng

Mồ chôn tập thể ngàn... ngàn người dân



Tướng Hoàng
Xuân Lâm, Tư
lệnh Quân Khu 1.



Tướng Vũ Văn Giai- Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Mặc dù đã chiếm được các căn cứ phía Bắc, CSBV đã không lợi dụng thắng lợi này để tấn công vào Kontum mà đợi tới 2 tuần sau, nhờ đó Sư đoàn 23 sau này đã tổ chức nội bộ, sắp xếp các đơn vị, hoàn chỉnh kế hoạch phòng thủ. Tại Bình Định Sư đoàn 3 BV chiếm quận Hoài An, Hoài Nhơn, Tam Quan.

Trước áp lực quá mạnh của CSBV và VC miền Nam trong địa bàn Quảng Trị, ngày 30-4-1972 Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai mở phiên họp các đơn vị trưởng thuộc quyền để bàn kế hoạch lui binh và việc lui binh đang khởi sự thì Tướng Hoàng Xuân Lãm Tư lệnh Quân khu 1 lại ra chỉ thị tử thủ Quảng Trị. Lệnh và phản lệnh giữa quân đoàn và sư đoàn khiến các đơn vị đã bất tuân thượng lệnh và

chính vì đó mà hệ thống phòng thủ Quảng Trị đã bị gãy đổ (vì các đơn vị tự động rời bỏ vị trí đóng quân để rút lui về hướng Nam).

Do đó trong cuộc lui quân, Lữ đoàn 147 TQLC và Tiểu đoàn 2 Pháo binh TQLC, với số quân trên 2.000 binh sĩ, khi quân qua cầu Thạch Hãn thì cầu bị sập, khiến cho một số lớn chiến xa, xe cộ, đại bác và quân trang quân dụng... phải bị bỏ lại bên kia cầu cho quân CSBV. Lữ đoàn 369 TQLC được tăng cường, ranh giới với nhiệm vụ giữ mặt Tây từ sông Ô Khê tới đầu cầu Mỹ Chánh, ranh giới giữa 2 tỉnh Thừa Thiên Quảng Trị. Đồng thời phải giải toả quốc lộ 1, đoạn từ Hải Lăng về Mỹ Chánh, đang bị Công quân chiếm và đóng chốt, nhất là cầu sông Nhung, nằm giữa quốc lộ 1. Tình trạng này đã làm gián đoạn giao thông, đoàn xe di tản của dân và lính dài hơn 3 cây số. Đây là mục tiêu chính, để CSBV tha hồ tác xạ dữ dội và tàn nhẫn, bằng đủ loại súng lớn nhỏ, từ cá nhân, cộng đồng, đại bác, thiết giáp. Hàng ngàn xe cộ, quân xa cũng như xe dân sự, đồng bào, lính tráng chết thảm thương trong những xác xe cháy nằm la liệt khắp đường. Chỉ những kẻ biết bơi lội mới sống sót được khi bơi qua sông Nhung, chạy về Mỹ Chánh.

Hải Lăng, Mỹ Chánh máu loang

Giòng sông Thạch Hãn bàng hoàng sông Nhung

Thủy Quân Lục Chiến oai hùng

Thừa Thiên, Quảng Trị cùng chung số phận!

Ngày 1-5-1972, Tướng Vũ Văn Giai tuyên bố bỏ thành phố Quảng Trị và di tản chiến thuật. Tin trên chẳng những làm 17 triệu dân miền nam đau xót bùi ngùi, mà khiến cho toàn thế giới sửng sốt. Tất cả không ai tin được là tại sao



tỉnh Quảng Trị lại lọt vào tay giặc một cách quá dễ dàng, nếu đem so sánh với sự kinh hồn bạt vía, trời long đất lở, hoàn cảnh nguy ngập tại 2 mặt trận Kontum và An Lộc lúc đó. Theo Trung tá Lê Huy Anh Vũ thuộc phòng điện ảnh quân đội, một nhân chứng trong 3 ngày cuối cùng tại Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh, đã viết, Tướng Giai có hứa với thuộc hạ là sẽ cùng với họ đi bộ. Nhưng cuối cùng Tướng Tư lệnh đã thất hứa, đã cùng với các cố vấn Hoa Kỳ và một ít sĩ quan tham mưu thân cận, lên trực thăng bay về Huế lúc 16 giờ 40 cùng ngày.

Cổ thành Đinh Công Tráng-Quảng Trị một căn cứ hỏa lực và phòng thủ vững chắc gấp 100 lần thị xã An Lộc, bị bỏ ngõ và lọt vào tay CSBV tối ngày 2-5-1972. Sư đoàn 3 Bộ Binh tan hàng vào cuối tháng 4-1972, và Tướng Vũ Văn Giai bị tước đoạt binh quyền, vào tù tại khám Chí Hoà cho đến ngày mất nước.



Giữa lúc đó, cánh quân còn lại tại Quảng Trị, gồm Lữ đoàn 147 TQLC, Liên đoàn BDQ và các đơn vị của Sư đoàn 3 Bộ Binh, vừa phải bảo vệ dân chúng di tản, vừa mở đường máu, vừa đựng độ và lãnh đạn pháo của giặc nhưng cuối cùng cũng đã thoát được về Huế, sau khi lãnh chịu nhiều thương vong thê thảm. Như vậy tính đến ngày 2-5-1972, tỉnh Quảng Trị hoàn toàn bị CSBV cưỡng chiếm. Nhưng Cộng quân đã bị hoàn toàn chặn đứng bên bờ sông Mỹ Chánh, bởi Lữ đoàn 368 TQLC do Đại tá Chung chỉ huy.

Đến ngày 2-5-1972 lúc 14 giờ chỉ còn Lữ đoàn 147 TQLC tại phía Bắc sông Mỹ Chánh, và Lữ đoàn 368 TQLC bị Cộng quân tấn công. Ngày hôm sau cầu Mỹ Chánh được phá sập để cản bước tiến của cơ giới CS.



Tướng Ngô Dzu hối hận đã không tăng cường 2 trung đoàn còn lại cho Đại tá Đạt, Tướng Dzu lo sợ cho chính bản thân mình tại Plieku, vì mất tinh thần ông gọi điện thoại liên tục cho Tổng Thống Thiệu để xin lệnh. Bộ Tổng tham mưu và Tổng Thống Thiệu coi tướng Dzu không còn đủ khả năng của một Tư lệnh nên đã cử Thiếu tướng Nguyễn Văn Toàn lên thay chức Tư lệnh Quân khu 2 vào ngày 10 tháng 5 năm 1972.

Tư Lệnh Quân Khu 2, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn.

Sau khi chiếm Tân Cảnh, địch tiến về Kontum và bao vây cô lập thị xã này, trong khi chiến trận bùng nổ nhiều nơi, tăng cường cho Kontum là điều khó khăn. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ Binh di chuyển 160 km từ Buôn Mê Thuộc đến Kontum để chỉ huy các lực lượng tại đây và tổ chức cuộc phòng thủ thị xã. Quân đoàn 2 đưa 4 Tiểu đoàn Biệt Động Quân đóng tại Võ Đình nằm ở 2 cây số phía Tây Bắc Kontum và dọc theo sông Pô Kô phía Nam, một Tiểu đoàn Biệt Động Quân tăng cường tại biên phòng. Trung đoàn 53 (Sư đoàn 23) phòng thủ thị xã trong khi Liên đoàn 2 và 6 Biệt Động Quân nhận nhiệm vụ đánh cầm

chân VC trên quốc lộ 14 phía Bắc Kontum. Máy bay chiến thuật cũng như B-52 đã dội bom đánh phá các nơi địch quân tập trung.



Tư Lệnh Quân Khu 2 Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn.



Phi trường Kontum 1972.

*Liên đoàn của Biệt Động Quân
Chiến trường sôi động cảm chân giặc thù
Quân Khu thay thế tướng Dzu
Kontum, Tân Cảnh, Pleiku biên phòng!*

Đại tá Lý Tông Bá Tư lệnh chiến trường chỉ huy 2 trung đoàn 45, 53 của ông và các liên đoàn Dù, BĐQ... Những đơn vị tăng phái thường giữ liên hệ với các đơn vị gốc nên quyền hạn của ông ít được trải rộng. Tại Võ Đình Lữ đoàn Dù được lệnh đưa ra Quân Khu 1, Tiểu đoàn BĐQ tại đây bị VC tấn công nên được lệnh di tản.



Tân Cảnh- 1972.

Từ tháng 3-1972 có tất cả 4.237 phi xuất hành quân không trợ tại miền Nam, con số này đã tăng lên để 18.444 trong tháng 5-1972 đã thực hiện khoảng 700 chiến đấu cơ và 170 pháo đài bay B-52.

Đến ngày 2-5-1972 lúc 14 giờ chỉ còn Lữ đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến tại phía Bắc sông Mỹ Chánh, và Lữ đoàn 368 Thủy Quân Lục Chiến bị Cộng quân tấn công. Ngày hôm sau cầu Mỹ Chánh được phá sập để cản bước tiến của cơ giới CSBV. Tỉnh Quảng Trị hoàn toàn lọt vào tay CSBV.

Bên cầu Mỹ Chánh máu loang

Một vùng đất chết ngàn... ngàn thương vong



Lữ đoàn 6 Biệt Động Quân Kontum 1972.



Việt Nam Cộng Hoà Kontum 1972.

An Lộc địa sử ghi chiến tích

Bình Long đạn pháo rợp trời

Mùa hè đỏ lửa xác vùi Lộc Ninh

Thịt xương tan nát bãi mìn

Ngóng qua Đồi Gió tử sinh chuyển rồi!

An Lộc, tỉnh lỵ của Bình Long, trước đây là một thị trấn nhỏ, gọi là Hón Quản thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Từ thời cổ



Tổng Thống Ngô Đình Diệm, vì nhu cầu hành chánh, tỉnh Bình Long được thành lập gồm 3 quận là Chơn Thành, Hớn Quảng và Lộc Ninh. Từ ngày đó, quận Hớn Quảng đổi thành quận An Lộc và tỉnh lỵ An Lộc nằm trong quận cùng tên này, trong phạm vi xã Tân Lập Phú.

Bình Long giáp phía Bắc với Kampuchia, phía Đông giáp 2 tỉnh Phước Long và Phước Thành, phía Nam là tỉnh Bình Dương. Tỉnh lỵ An Lộc cách Sài gòn 100 cây số về phía Bắc. Tỉnh Bình Long nằm sát biên giới Kampuchia với 1 diện tích 2.240 km² gồm trên 76.000 dân. Riêng quận An Lộc gồm cả thành phố tỉnh lỵ rộng 740 km² với khoảng

44.000 dân, đa số tập trung vào Tân Lập Phú. Toàn tỉnh Bình Long, chung quanh tỉnh lỵ và quận lỵ là những đồn điền cao su ngút ngàn, vài ngọn đồi thoải thoải Đồi Gió, Đồi Đồng Long là những cứ điểm quân sự quan trọng bảo vệ thị trấn An Lộc.



Tòa Tỉnh Trưởng Bình Long 2-7-1968

Từ quốc lộ 13 từ Sài Gòn đi ngược lên cắt đôi tỉnh Bình Long và xuyên qua tỉnh lỵ An Lộc dẫn dài tới biên giới Kampuchia, tới Snoul. Quốc lộ 13 phải vượt qua Lai Khê, Chơn Thành, Tàu Ô, Tân Khai, Xa Cát, Xa Trạch, Xa Cam rồi mới tới thành phố An Lộc. Quảng đường này đã trở thành chông gai trắc trở trong thời gian diễn tiến cuộc chiến An Lộc. Các chiến sĩ VNCH phải khắc phục con đường này từ Nam lên Bắc và những người dân chạy loạn đã mệnh danh hơn 20 km quốc lộ này là “con đường máu”.



Điểm thứ nhất khiến CSBV nhắm vào An Lộc là vì tỉnh Bình Long nằm sát biên giới Campuchia nơi che dấu những căn cứ địa của CSBV trên xứ Campuchia. Thị trấn

này về mặt chiến lược còn nắm vai trò chủ yếu phòng thủ cho Bình Dương và sau đó là thủ đô Sài Gòn. Khi CSBV quyết tâm tấn công An Lộc, họ cũng không ngờ rằng sẽ gặp phải một sức chiến đấu kiên trì anh dũng của quân dân tại đây. Sức chiến đấu này không phải chỉ một người ca tụng, một dân tộc ca tụng mà cả thế giới ngưỡng mộ và cảm phục.

An Lộc là chiến địa tối quan trọng đối với QLVNCH vì đây là cửa ngõ Tây Bắc tiến về thủ đô Sài Gòn, sau khi quận Lộc Ninh rơi vào tay CSBV vào ngày 7-4-1972. Đợt 1 là cuộc tấn công Quảng Trị và Thừa Thiên thuộc quân khu 1 vào hạ tuần tháng 3. Đợt 2 là mặt trận Bình Long thuộc Quân Khu 3 vào thượng tuần tháng 4. Và đợt 3 là cuộc tấn công Kontum và Pleiku thuộc cao nguyên Trung phần Quân Khu 2 vào trung tuần tháng 4 theo chiến lược “đốt giai đoạn.



*Nằm nghe bom nổ chiến hào
Xóm thôn tan nát xiết bao tội tình*

Kontum, An Lộc điều linh

Người dân khốn khổ Lộc Ninh điều tàn!

Phía CSBV được chuẩn bị từ lâu, gồm các Sư đoàn Công Trường 5, CT 7, CT 9, CT Bình Long cùng Trung đoàn 203 chiến xa từ vùng Lưỡi Câu của Kamphuchia tràn qua, xuyên qua các rừng cao su dày đặc. Quân CSBV được pháo binh loại nặng bắn xa 130 ly và các loại phòng không cực kỳ tối tân yểm trợ. Tính ra, ít lắm cũng đến 40.000 quân CSBV tham dự mặt trận này.

Phòng thủ thị trấn An Lộc, phía QLVNCH chỉ có Sư đoàn 5 Bộ Binh cùng lực lượng Nhân dân Tự Vệ và Địa Phương Quân tỉnh Bình Long.



Những người hùng Bộ Binh

Anh Biệt Kích, lính Dù

Biệt Động Quân anh dũng

Quyết bảo vệ Quân Khu

Đợt tấn công đầu tiên do Sư đoàn 9 CQ khai pháo. Vì tin rằng sẽ chiếm được An Lộc, cùng ngày hôm đó tại

Paris, Nguyễn Thị Bình đại sứ của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại hoà đàm Paris tuyên bố chỉ trong 10 ngày nữa An Lộc sẽ là thủ đô của chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.



A37 thả bom An Lộc 1972.

Trong trận đánh đầu tiên, CQ dồn toàn lực Sư đoàn 5 gồm 3 trung đoàn 174, 275, một trung đoàn biệt lập, cùng với Trung đoàn pháo E 6. Trong trận đánh Lộc Ninh, CQ gặp sự kháng cự mãnh liệt của Chiến đoàn 9 gồm Trung đoàn 9 Bộ Binh và 30 chiến xa của Thiết đoàn. Biệt Động Quân Biên phòng, Địa Phương Quân và Nghĩa Quân ở Lộc Ninh cũng phản ứng không kém phần ác liệt. Do trận đánh kéo dài CQ lui trở ra, để rồi pháo kích ào ạt vào các ổ kháng cự của quân trú phòng.

Giữa lúc chiến trường Lộc Ninh vẫn diễn ra ác liệt, 1 cánh quân khác của CT 9, đơn vị được coi là thiện chiến nhất trong số 4 Sư đoàn CSBV tham chiến tại Bình Long, bất ngờ tấn công vào tỉnh lỵ An Lộc từ 3 giờ chiều ngày 6-4-72, nhằm chặn đường tiếp viện cho Lộc Ninh. Đoạn

đường từ An Lộc đi Lộc Ninh bị gián đoạn hoàn toàn, chỉ có thể liên lạc bằng điện thoại. Tình hình hết sức nghiêm trọng. Trận thế của CSBV đã bắt đầu hình thành.



Công trường 5 quyết lấy Lộc Ninh, rồi chọc thẳng mũi dùi theo quốc lộ 13 tiến xuống phía Nam, công hãm mặt Bắc An

Lộc. Cả 2 Sư đoàn CT 7 và CT 9 của CSBV cũng xuất phát từ vùng Luối Cầu Campuchia, đánh ép vào mặt Tây An Lộc. Nhưng CT 9 đánh thẳng vào An Lộc, còn CT 7 thì giữ chặt quốc lộ 13 ở về phía Nam An Lộc, con đường bộ duy nhất tiếp tế cho thị trấn này, 1 cánh quân khác do CT Bình Long gồm chừng 2 Trung đoàn địa phương tiến từ mạn Đông Bắc xia xuống, chưa kể chiến xa, pháo binh, đại bác phòng không, cùng chia mũi dùi vào thị trấn không quá 4 km².



Nhảy Dù trực thăng vận
vào An Lộc từ lai Khê



Trung tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh QĐ3/
QK III kiêm Tư Lệnh chiến trường An Lộc.

Nếu đem rải đều 40.000 quân Bắc Việt trên diện tích 4 km² thì quân CS tràn ngập An Lộc, mỗi người cách nhau 19 m, ngang cũng như dọc, với đủ loại vũ khí tối tân.

Lực lượng trú phòng chỉ có 1 Sư đoàn 5 BB. Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Quân Khu 3, tức tốc bốc Liên đoàn 3 Biệt Động Quân từ Tây Ninh về án ngữ phía Bắc An Lộc.



Tại phi trường Lại Khê , đoàn Trục Thăng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đang thi hành kế hoạch Trục Thăng Vận Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù tăng cường cho Chiến Trường An Lộc .

Trong khi đó tại Lộc Ninh sau 3 ngày bị pháo không được tiếp viện, quân trú phòng được lệnh di chuyển dần dần về phía Nam, để lùi về An Lộc. Toàn bộ 30 chiến xa của VNCH, 1 số bị phá hủy, 1 số đành bỏ lại. Trước áp lực mỗi ngày một mạnh từ mặt Bắc xuống, chiến đoàn 52 từ vùng cầu Cần Lê, 15km Bắc An Lộc cũng phải lui dần về An Lộc.

Quân CSBV giăng sẵn 1 tuyến phục kích dài trên 3km toan nuốt trôi Tiểu đoàn 1/48 của Chiến đoàn 52 vào



(2A2) GIANGHE ROUTE 13, South Vietnam, April 3--HEINFORCE DESIGNED TANKS--Led by tanks, South Vietnamese airborne troops move along Route 13, 40 miles north of Saigon, toward the provincial capital of An Loc, which is besieged by North Vietnamese troops. These troops are part of Saigon's last reserves which have been committed to break the siege. (AP Wirephoto via radio from Saigon) (see AP AAA wire story) (chill) (Def/Morita) 1972



ngày 7-4-72, nhưng Tiểu đoàn này đã chiến đấu kịch liệt, mở một đường máu chạy về An Lộc, và chỉ thiệt hại nhẹ. Chính Tiểu đoàn này đã gỡ thể diện cho Trung đoàn 52 Bộ Binh.

Chỉ trong vòng 3 ngày giao tranh, tại Lộc Ninh đã có đến 2.150 CSBV bị hạ sát. quân số của 1 Trung đoàn. Về phía QLVNCH có 600 chiến sĩ hy sinh, cùng với 30 chiến xa và pháo đội 105 bị mất. Kể từ đây, An Lộc bó mình trong

vòng đai phòng thủ, không có lấy 1 chiến xa để đối đầu với chiến xa địch có đến cả 1 trung đoàn hàng trăm chiếc. Tại mặt trận An Lộc, điểm đáng kể là quân trú phòng không có đại bác. Nguyên 1 Tiểu đoàn pháo binh mang số 52 với 24 khẩu 105 ly cũng bị phá hủy gần hết chỉ còn 1 khẩu duy nhất. Trọn 1 pháo đội 6 khẩu của quân Dù thả xuống Đồi Gió, 4 km Đông An Lộc, mấy ngày sau cũng bị tiêu luôn. Tất cả còn lại chỉ là 1 ý chí chiến đấu (Hoặc sống trong tự do, hay chết đi để con cháu được sống tự do”.

Trong vòng đai phòng thủ

Không có một chiến xa

Thương thay người lính Cộng Hoà

Lộc Ninh máu nhuộm trường sa chôn mình!



Cuộc họp mật tại căn cứ Lai Khê giữa Trung tướng Du Quốc Đống, Tư lệnh Sư đoàn Nhảy Dù, Trung tướng Nguyễn Văn Minh và Đại tá Lê Quang Luồng kết thúc mau chóng. Lữ đoàn 1 Nhảy Dù dưới quyền Đại tá Lê Quang

Lưỡng được Trung tướng Minh chọn, vì quả thật không có đơn vị nào tại mặt trận này làm hơn được Lữ đoàn 1 Nhảy Dù. sau 5 vòng bay quan sát, Đại tá Lưỡng chọn ấp Srok Ton Cui làm bãi đáp, 4 km Đông An Lộc.



Riêng trong ngày 11-, 27 pháo đài bay B-52 trút gần 800 tấn bom xuống các vị trí địch. Sư đoàn 21 BB được tăng phái Trung đoàn 15/9 và 1 Tiểu đoàn Dù khai thông quốc lộ 13.

Trở lại An Lộc sau 30 giờ ác chiến đẫm máu bằng đủ mọi hình thức, từ xáp lá cà, cận chiến bằng lựu đạn, súng dài, súng ngắn thi nhau nổ, trong phân nửa thị xã phía Bắc, cuộc tấn công đợt 1 có chiến xa pháo binh hỗ trợ CSBV đã bị Đẩy lui, 2 bên đều thiệt hại nặng và kiệt lực, cần phải nghỉ ngơi và chỉnh đốn lại.



Đại Tá Lê Quang Lương.

Tiểu đoàn 6 Dù xuống trước dọn bãi đáp. Ngày hôm sau 15-4-1972, 2 Tiểu đoàn 5, 8 và Bộ Chỉ huy Lữ đoàn xuống theo Tiểu đoàn 6 Nhảy Dù ở lại đoạn hậu, trấn giữ Đồi Gió, để 2 Tiểu đoàn bạn chia làm 2 cánh song song tiến vào An Lộc.

Lực lượng đầu tiên được tăng viện đến Lai Khê ngày 5-4-1972 là Lữ đoàn 1 Nhảy Dù do Đại tá Lê Quang Lương chỉ huy gồm 3 Tiểu đoàn và Pháo đội Nhảy Dù.

Lực lượng tăng viện thứ 2 là Liên đoàn 81 Biệt Kích Dù do Trung tá Phan Văn Huấn chỉ huy gồm 4 đại đội xung kích và 5 toán thám sát, và toàn bộ Sư đoàn 21 Bộ Binh, cùng Trung đoàn 15 của Sư đoàn 8 BB từ vùng sinh lũy miền Tây cũng được bốc lên Lai Khê. Phi trường Lai Khê vắng từ 3 tháng qua, kể từ khi các đơn vị Hoa Kỳ rút đi, bỗng nhiên tấp nập trở lại. Các chuyến bay nối đuôi nhau chuyển quân hoặc tiếp tế cho chiến trường.



Tuyên truyền của CSBV rêu rao là An Lộc đã được giải phóng, nên ngày hôm sau ngày 13-4, chiến xa của chúng mở nắp khoi khoi tiến vào thị xã An Lộc. Khi xe bị bắn cháy, những tên lính CSBV gục chết mà gương mặt hết sức ngỡ ngàng. Các chiến sĩ VNCH sau khi hạ được xe tăng địch đều khám phá CSBV đều bị xiềng chân vào xe tăng, ban đầu chiến sĩ ta cứ tưởng CSBV can đảm cố thủ trong xe.

Cũng trong ngày 15-4-72, Tướng Nguyễn Văn Minh dời Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 lên Lai Khê để trực tiếp chỉ huy mặt trận. 1 lực lượng đặc nhiệm gồm 20.000 binh sĩ với Nhảy Dù, Bộ Binh, Thiết Kỵ được thành lập để giải toả quốc lộ 13.

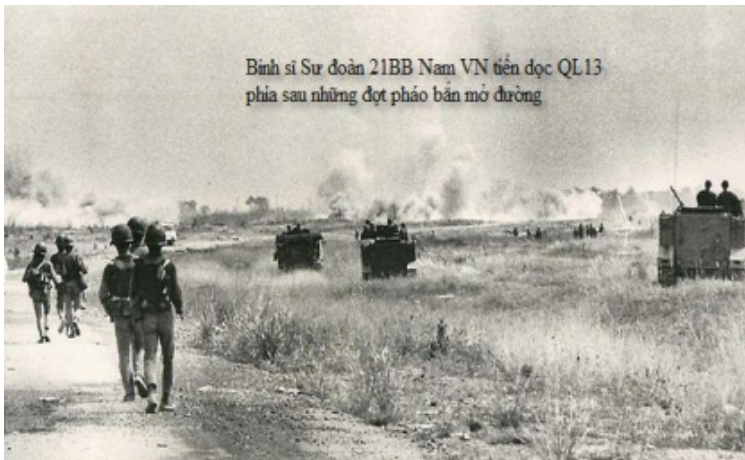
*Những thiên thần mũ đỏ
Súng trận với ba lô
Đồ lòng chỉ có lương khô
Bình Long, An Lộc là mồ chôn thây*



Cuộc đổ quân của Lữ đoàn 1 gây thiệt hại cho cả 1 Tiểu đoàn trấn thủ Đồi Gió, Tiểu đoàn 6 Dù và 1 pháo đội 6 khẩu

đại bác 105 ly bị thiệt hại nặng (sau 18 năm thành lập, Tiểu đoàn 6 Dù bị tan nát vào lúc 17 giờ ngày 21-4-1972. Tuy nhiên, sau này chính Tiểu đoàn này được bổ sung ngay tại chỗ, đã trả được mỗi hận đó, bằng cách đánh cú chót tuyệt kỹ, bắt tay với lực lượng bên trong An Lộc vào ngày 8-6-1972, kết thúc giai đoạn 2 tháng vây hãm như chiếc rọ tử thần An Lộc.

Liên đoàn Biệt Kích Dù, đang hoạt động bên trong phòng tuyến địch, cũng được bốc hết về An Lộc ngày 16-4-72, để tiêu diệt các tổ đặc công của địch lọt vào thành phố sau 2 cuộc tấn công vào thị xã. Linh Biệt Kích Dù được huấn luyện để đơn độc chiến đấu trong lòng địch, thuộc nằm lòng cả thói quen và cách tác chiến và vũ khí của CSBV để có thể giả dạng quân “giải phóng”, nên kỹ thuật tác chiến cá nhân rất cao, chính Biệt Kích Dù đã tĩa các đặc công CSBV cố bám vào dân, và nhờ đó, tránh một số thiệt hại cho số dân còn kẹt lại trong thành phố.



Sau khi quân Dù bắt tay được với quân trấn thủ, liền nới rộng vòng đai về phía Nam. Không Quân Việt-Mỹ hoạt động dữ dội pháo đài bay B-52 dội bom chỉ cách An Lộc 1 km về phía Bắc, tiêu diệt trọn 1 Trung đoàn CSBV.

Áp lực đã giảm bớt ngày 17-4-72, phần bị đánh bật ra ngoài quân trú phòng cố nới rộng vòng đai phòng thủ, đồng thời di chuyển khoảng chừng 2.000 dân chúng ra khỏi An Lộc chạy về Chơn Thành.



Ngày 18-4-72, đợt tấn công chiến xa lần thứ 3 đã đổ vào An Lộc, 1 chiến trường nặng ký gấp nhiều lần Điện Biên Phủ 18 năm trước đó. Quân trú phòng 1 lòng chiến đấu, hy sinh cuộc sống của họ cho lẽ sống 17 triệu dân Miền Nam. Tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh Sư đoàn 5 BB, chỉ huy toàn bộ lực lượng trú phòng, ông cam kết: “Ngày nào tôi còn, An Lộc còn.” Ông mặc áo thun, quần đùi tay thì cầm M 16, lựu đạn quanh mình, hoạt động 24/24, Tai của ông liên tục nghe báo cáo. An Lộc rất may mắn có vị Tướng tài này, chính ông là yếu tố quan trọng đã giữ vững được An Lộc.

*Không áo trận, quần đùi tay cầm súng
Trên hai mươi bốn giờ tình thế nguy nan*

*Lưu đạn quanh mình kiên cường chiến đấu
Thà liều thân dù sống chết không màng*



Lệnh thiết quân luật được ban hành trên khắp toàn quốc từ 0 giờ ngày 11-5-72. Chính vào giờ này, Bộ chỉ huy của CSBV muốn “dứt điểm” An Lộc và bắt sống Tướng Lê Văn Hưng. Cộng quân bắt đầu pháo tập khốc liệt và tàn bạo nhất trong lịch sử chiến tranh Đông Dương vào An Lộc. Ở ngã Đông Bắc, Cộng quân đột nhập vào khu Chợ Mới, sát phòng tuyến VNCH. Trận giao tranh tại đây càng lúc càng đẫm máu, kéo dài đến 8 giờ 30 sáng.



*Nghìn... nghìn người chết phơi thây
Bom mù An Lộc chiều nay không về
An Lộc vây khốn bốn bề
Ngóng qua Đồi Gió, Lai Khê điều tàn!*

Cộng quân pháo kích dã man vào nhà thờ và nhà thương cả 600 người đã chết tại bệnh viện Bình Long. Chuyển di tản lớn nhất vào ngày 12-6-72. Khoảng 12.000 đồng bào từ An Lộc tiến về hướng Nam Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch đến Tân Khai. Cộng quân đã chặn bắn xối xả vào họ và khoảng chừng 2.000 người dân đã bỏ mạng.



*Chiến tranh giết chết loài người
Tuổi thơ hao hụt mất rồi mẹ cha
Sáng qua gánh lúa hái cà
Chiều nay làm trẻ không nhà bơ vơ...*

Có những ngày khoảng 3.000 người dân chạy qua Tàu Ô về tới Chơn Thành chỉ còn lại 500, không gia đình nào toàn vẹn khi vượt qua lưới đạn ác nghiệt của CSBV để về vùng Quốc Gia.

Mặt chính Bắc và Tây Bắc, Cộng quân huy động 1 lực lượng hùng hậu có chiến xa dẫn đầu để tấn công, chọc



thùng phòng tuyến Tây Bắc của lực lượng trú phòng. Theo sau là 2 Trung đoàn bộ chiến CSBV. Vì sợ hỏa tiễn chống chiến xa, nên đoàn xe tăng của CS phóng qua nhanh, quân bộ chiến đi không kịp. Chiến xa tách rời bộ binh, liền lập tức bị quân trú phòng dùng hỏa tiễn M-72 Xm 202 và cả B40 (tịch thu của CS) hạ luôn 1 hơi 8 chiếc, những chiếc còn lại bỏ chạy. Tuy nhiên, quân bộ chiến của chúng tràn đến kịp dùng chiến thuật biến người để áp đảo quân trú phòng.

Đường như tiên đoán được cuộc tấn công quy mô nên Tướng Nguyễn Văn Minh Tư lệnh Quân khu 3 đã xin trước hỏa lực yểm trợ của B-52 dội vào khu vực phía Bắc. Mãi đến 10 tiếng đồng hồ sau, nghĩa là đúng lúc 2 trung đoàn CSBV từ mạn Tây Bắc tràn vào thành phố, liền bị hàng loạt bom B-52 thả trúng, cách bìa thành phố chỉ 1 km. Riêng trong ngày này, Bộ Tư lệnh Hoa Kỳ tại VN đã dành cho chiến trường An Lộc 20 phi vụ B-52 với 2.000 tấn bom đủ loại. Theo sự ước tính tại chỗ, có ít nhất 1 Trung đoàn địch bị tiêu diệt. Cuộc tấn công lập tức bị chặn lại.



Mặc dù phải liên tiếp chiến đấu trong 3 ngày ròng rã, trong sự thiếu thốn lương thực lẫn đạn dược, nhưng với sự yểm trợ của Không Quân Việt- Mỹ với B-52 lẫn các khu trục, trực thăng vô trang, phản lực... quân trú phòng vẫn

cắm cự được, và lần hồi bẻ gãy các mũi dùi tấn công, đánh bật quân CSBV ra ngoài rìa thành phố.



Ngày 19-5-1972 là ngày mà CSBV thường năm vẫn gây đổ máu khắp nơi tại miền Nam để mừng sinh nhật HCM. Bộ tham mưu cao cấp CSBV cố gắng đánh 1 trận nữa vào An Lộc, may ra có thể khích động tinh thần cán binh lần chót quyết chiếm thị trấn này vào ngày 19-5-72 để mừng sinh nhật “bác Hồ”.



ARVN troops celebrate victory atop a destroyed North Vietnamese T-54 tank (An Loc, 1972)

Nhưng kế hoạch này đã bại lộ. 1 toán Biệt Kích được tung vào vùng tình nghi, 16 km Tây Nam Bình Long. Nhận đúng tọa độ, toán Biệt Kích gọi về BCH hành quân. Chỉ mấy tiếng đồng hồ sau, 6 phi vụ B-52 liên tiếp dội bom xuống vùng này. Nguồn tin vớ vẩn, 80% nhân mạng chung quanh Bộ tham mưu này của CSBV đã bị chôn vùi trong hố bom. Nhờ cuộc không tập này, quân CSBV đã không thể mở nổi trận đánh vào ngày 19-5-72 như chúng đã dự định.



This PT76 was destroyed by M72 fire. The Lettering reads:
Confiscated at An Loc by 7th Regiment/5th Infantry Division

Tuy nhiên, đến ngày 23-5-1972, từ rạng sáng cho đến xế chiều, Cộng quân lại mở liên tiếp 4 đợt tấn công bằng chiến xa vào các đơn vị VNCH tại khu vực Nam và Tây Nam An Lộc, cách thị trấn 1-5 km, nhưng đều bị đẩy lui. Kết thúc trận đánh này có thêm, 13 chiến xa CSBV bị hạ gồm 5 chiếc T-54 và 8 PT76.

Cũng ngày cuối tháng 5-72, Tổng Thống Thiệu đã bay thị sát 2 mặt trận Kontum và Thừa Thiên, 2 mặt trận này đều đắm chìm trong lửa đạn, đồng thời phát động chiến

dịch 18 ngày thi đua giết giặc mừng ngày quân lực 19-6. Kết quả: giải toả Kontum, khắc phục quốc lộ 13, mở đường tiếp viện cho An Lộc.



Trong những ngày đầu tháng 6-72, đoàn quân có nhiệm vụ giải toả quốc lộ 13 tích cực hoạt động. Hai Trung đoàn 33/21 và 15/9 cùng Tiểu đoàn Dù cùng song tiến lên, khởi từ Xa Trạch. Tiểu đoàn 6 Dù tan nát từ ngày 21-4-1972 tại cùng Đồi Gió, đã được tái bổ sung. Chỉ trong vòng 1 tháng trời, với nỗ lực huấn luyện ngay tại chỗ các sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn, đơn vị này đã trở lại chiến trường quyết trả mối hận Đồi Gió. Với sự hỗ trợ của 2 Trung đoàn bạn, Tiểu đoàn 6 Dù lướt đi như gió, càn quét các đơn vị CSBV cản đường, như 1 con hổ dữ, không hổ danh là những thiên thần mũ đỏ.

Những ngày đêm tử thủ

Những người hùng Biệt Kích

Tiểu đoàn phó Bằng bị “tung” một mắt

Đắm máu tươi ráng giữ vững ngọn đồi

Đồi Gió mang tên Quốc Tuấn

*Người lính truyền tin anh dũng
Chết oai hùng với số tuổi hai mươi ba
Anh nằm lại chiến trường đổ nát hôm qua!*

Nổ kho đạn ở Lai-Khê do đặc công VC
ngày 16/4/1972
by Đỗ đức Thịnh. LD81/BCND



Chiều tối ngày 8-6-1972, đại đội 62 của Tiểu đoàn 6 Dù bắt tay được với 1 đại đội của Tiểu đoàn 8 Dù trấn giữ vùng Nam An Lộc từ ngày 17-4-1972. Hai Tiểu đoàn này cùng được đổ xuống ấp Srok Ton Cui ngày 15-5, nhưng lạc nhau kể từ đó. Đến nay gặp lại trên cửa ngõ An Lộc. Làm sao kể xiết nỗi vui mừng của cả 2 bên. 2 đoàn quân ôm chầm lấy nhau, mừng mừng, tủi tủi. Chuẩn tướng Hồ Trung Hậu, Tư lệnh Sư đoàn 21 BB, chỉ huy lực lượng giải toả quốc lộ 13, thở phào nhẹ nhõm. Nhiệm vụ của ông vừa được hoàn tất.

Tướng Hồ Trung Hậu cho hay, Tiểu đoàn 6 Dù đã làm ngạc nhiên tất cả các đơn vị bạn trong những trận đánh cuối cùng trước khi bắt tay quân phòng thủ An Lộc. Trung đoàn 15/9 và 33/21, những đơn vị kềm chặt Cộng quân để



Tiểu đoàn 6 Dù tiến lên, củng cố những đơn vị đại diện đến bắt tay với lực lượng bên trong.

*Một cánh dù đã mở
Giữa lưng trời quê hương
Đời thiên thần mũ đỏ
Hoa Dù nở tình thương!*



Tướng Hồ Trung Hậu.

Ngày 6-6-1972, lần đầu tiên kể từ 2 tháng qua, 1 đoàn trực thăng 23 chiếc hạ cánh an toàn xuống An Lộc, vừa tiếp tế vừa đổ quân, để rồi bốc thương binh, quân trú phòng phần khởi tiến lên chiếm lại những vị trí của Cộng quân cố thủ phía Bắc An Lộc. Những tổ kháng cự bên trong thị trấn cũng lần lượt bị tiêu diệt. Cuộc tản thương binh và thường dân được tiếp dẫn điều đặn.

Tiểu đoàn 36 Biệt Động Quân đã cắm ngọn cờ vàng 3 sọc đỏ đầu tiên tại trại gia binh pháo binh ngày 12-6-1972. Kế đó Tiểu đoàn 52 BĐQ đánh lên mặt tây bắc, sát sân bay và cạnh đồi Đồng Long. Tiểu đoàn này đã chế ngự 1 cao điểm sát đồi Đồng Long để yểm trợ cho Biệt Cách Dù tấn

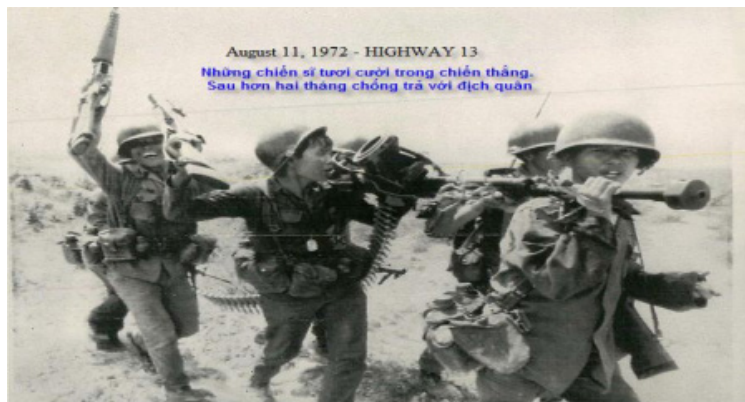
công lấy luôn đồi Đồng Long. Ngọn đồi này cao 128 m, là nơi CSBV đặt pháo binh bắn vào An Lộc từ mấy tháng qua.



*Những anh hùng mũ đỏ
Anh Biệt Kích can cường
Bộ Binh xác gửi sa trường
Sau cơn mưa pháo thịt xương tan tành*

Sau cái bắt tay giữa 2 Tiểu đoàn Dù, ngày 8-6-1972 lực lượng trú phòng được tiếp tế đầy đủ dồ dẫm tiến lên mạn Bắc quốc lộ 13 và nói rộng vòng đai phòng thủ. Ngày 12-6-1972 khi cò VN phát phối trên đỉnh đồi Đồng Long, Tướng Lê Văn Hưng tuyên bố với phái viên Vô tuyến Việt Nam “thành phố An Lộc được hoàn toàn giải toả”.

*Đồng Long phát phối mẩu cờ
Anh hùng An Lộc chưa mờ sử xanh
Đôi Gió đã mang tên anh
Bình Long chứng tích rạng danh người hùng*



Diện tích An Lộc chỉ chừng vài km², thế mà trong hơn 2 tháng đã lãnh đủ trận “mưa pháo” của CSBV, có lúc đến gần 8.000 đủ mọi thứ đạn trong 1 ngày. Tính chung thì trung bình thành phố An Lộc đã chịu đựng hơn 200.000 quả đạn đủ loại.



Trong hoang tàn đổ nát của một thành phố đã chịu đựng trận mưa pháo cả mấy tháng dài, sức tàn phá của đạn bom. Hai câu thơ của cô giáo Pha Cô được Biệt Kích Dù cứu thoát khi bị thương, được khắc trên đài tưởng niệm trước nghĩa trang bên phố chợ đìu hiu, cô chẳng còn ai thân thích. Cô nghe những anh em Biệt Kích Dù kể tên những chiến sĩ trên mộ bia ở nghĩa trang Biệt Kích. Tất cả 68 năm mồ của tử sĩ Biệt Kích Dù được chôn vùi và từng đêm khi chiến trận tàn khốc xảy ra đã làm mũi lòng dân cả nước với lòng ngưỡng mộ và niềm cảm xúc vô biên.

An Lộc địa sử ghi chiến tích

Biệt Kích Dù vị quốc vong thân

68 ngày tử chiến với 68 Biệt Kích Dù hy sinh và trên 300 bị thương, trong mưa pháo kinh hoàng, ngày cũng như đêm không tròn giấc ngủ, đục tường, khoét vách, đào hầm để dành lại từng tấc đất trong tay quân thù. Chiến đấu trong từng căn nhà, từng khu phố, từng đoạn đường lỗ chỗ hố bom, vùng lên diệt xe tăng cũng như đồng loạt truy kích khi địch đã tàn hơi, và cuối cùng cắm lá Quốc Kỳ trên đỉnh Đồng Long tượng trưng cho sự chiến thắng, hình ảnh người chiến binh Biệt Kích Dù mãi mãi sống trong tâm hồn người dân An Lộc, hình ảnh dũng cảm, can trường biểu tượng cho sự bền bỉ, sức chiến đấu hào hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

Những chiến xa quân giặc

Nằm rải rác ven đường

Vào Nam tàn phá quê hương

Giết người, thân xác máu xương chất chồng



*Anh đi gìn giữ quê hương
Ba lô áo trận chiến trường gian lao
Người anh tôi biết năm nào
Giờ không còn nữa chiến hào phơi thây!*

*Những nấm mồ mới đắp
Đạn pháo kích đào lên
Những mồ chôn dưới thấp
Người chết chẳng tuổi tên!*

Thành phố An Lộc điêu tàn đổ nát sau mấy tháng trường
bị mưa pháo, không một vật gì nguyên vẹn mà không ghi

nhận dấu vết tàn phá của nghìn... nghìn quả đạn pháo kích. Dưới trận mưa pháo kinh hoàng, con người không chết chỉ 1 lần. Những cái hố tạm chôn vùi vãi, nhưng thi hài không toàn vẹn, mộ mới đắp lại bị đạn pháo tan tành lần nữa. Những tiếng nổ khủng khiếp liên hồi hàng ngày như tiếng ru buồn dịu vợi quen thuộc. Những đám dân sống sót, những đám trẻ mồ côi lạc loài qua cảnh đao binh.



30-6-1972 - CẢNH ĐIỀU TÀN CỦA AN LỘC - Binh sĩ Nam VN khảo sát tàn tích của An Lộc khi giao tranh làng dậu trong trận chiến kéo dài hai tháng giành giật thành phố tỉnh lỵ này. Quân BV đã sử dụng chiến xa trong cuộc bao vây thị trấn chính vùng rừng cao su, nhưng đã không chiếm được An Lộc.

Sáng nay còn học i tờ

Chiều nay em chết bên bờ ruộng xanh

Sáng qua còn chị còn anh

Chiều nay mưa pháo tan tành thịt xương!

Mùa hè với bão lửa ngút trời, hủy hoại tất cả sự sống của con người, những tiếng kêu đau thương, bi ai thống khổ, bão lửa hùng hục thiêu đốt xóm làng, thiêu đốt muôn vạn sanh linh của dân miền Nam tự do. Lửa, máu và nước mắt hòa với bom đạn đã cày xới tàn phá khắp quê hương miền Nam. Cả 100 ngàn vong linh của những người “sinh Bắc tử Nam”, bỗng trở thành lũ âm binh lạc loài, vất vưởng tha hương mà gia đình của họ không bao giờ biết được.

Đại Tá Lê Đức Đạt Tư Lệnh SĐ 22 gắn huy chương cho Đ/Úy Đào Minh Hùng (giữa) Đ/Úy Phạm Châu Tài (bên trái), Đ/Úy Nguyễn Sơn (bên phải) tại KonTum sau mặt trận Tam biên vào tháng 3, 1972. Tháng 4 năm 1972 Đại tá Đạt từ chối lên trực thăng của cố vấn John Paul Vann để rút khỏi vùng II chiến thuật. Đại Tá Đạt đã hy sinh khi miền Trung thất thủ.



Chuẩn Tướng Lê Văn Hùng

Tư Lệnh
Phó Quân Đoàn IV
Quân Khu 4





Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Tướng Lê Văn Hưng, Đại tướng Cao Văn Viên, Đại tá Bùi Đức Diễm.

*Lê Văn Hưng người anh hùng mũ đỏ
Tử thủ trường kỳ An Lộc, Bình Long
Chí bất khuất không đầu hàng Cộng Sản
Gương tiên nhân tuấn tiết chết theo thành!*

Ông sinh ngày 27 tháng 3 năm 1933 tại Hóc Môn, Gia Định. Ông mồ côi cha từ nhỏ, mẹ là cụ Trương Thị Đức và dưỡng phụ là cụ Trần Văn Kiển (nguyên Trưởng Ty Quan thuế Biên Hoà). Ông học Trung học trường phổ thông Huỳnh Khương Ninh, Sài Gòn, tốt nghiệp năm 1952 với văn bằng Tú Tài 1.

Giữa năm 1954, thi hành lệnh tổng động viên, ông nhập ngũ vào Quân Đội Quốc Gia, mang số quân: 53/115.100.

Theo học khoá 5 Vì Dân tại trường Sĩ quan Trù bị Thủ Đức (Khai giảng ngày 16-6-1954, mãn khoá ngày 1-2-1955). Tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu Úy hiện dịch.

Tháng 2 năm 1955, ra trường ông nhận chức Trung đội trưởng trong Tiểu đoàn 13 Việt Nam (thành lập tại Cần Thơ ngày 11-4-1951), đồn trú tại Bình Mỹ, Châu Đốc. Đầu năm 1957, ông được thăng cấp Trung úy và giữ chức Đại đội trưởng của Tiểu đoàn 13. Đến giữa năm 1959, ông chuyển qua Trung đoàn 32 thuộc Sư đoàn 21 BB.

Đầu năm 1961, ông được biệt phái qua lĩnh vực hành chánh làm Trưởng Ty Cảnh Sát tỉnh Vĩnh Bình, qua giữa năm 1962 ông giữ chức Quận trưởng quận Trà Ôn (Vĩnh Bình). Tháng 2 năm 1964, sau cuộc chỉnh lý nội bộ do Tướng Nguyễn Khánh lãnh đạo, ông được thăng cấp Đại úy tại nhiệm. Sau đó trở lại đơn vị cũ là Trung đoàn 31 BB làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 2/31. Cuối năm, ông lên làm Tiểu đoàn trưởng của Tiểu đoàn này. Đến ngày 1-11-1965, ông được thăng cấp Thiếu tá.

Cuối năm 1966, ông nhận chức Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31. Đến ngày 19-6-1967 ông được thăng cấp Trung tá. Ngày 1-11-1968 thăng cấp Đại tá. Qua năm 1969, ông giữ chức phụ tá hành quân cho Tư lệnh Quân đoàn IV do Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh làm Tư Lệnh.



Tướng Nguyễn Viết Thanh.

Trung tuần tháng 7-70, một lần nữa ông được biệt phái làm Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ). Thượng tuần tháng 6-1971, được lệnh bàn giao chức Tỉnh trưởng cho và Tiểu khu trưởng lại cho Đại tá Chương Dzễn Quay (nguyên Tư lệnh phó Sư đoàn 21 BB). Ông được bổ nhiệm chức Tư lệnh Sư đoàn 5 thay thế Tướng Nguyễn Văn Hiếu.



Tướng Nguyễn Văn Hiếu .

Tháng 3-1972, ông được vinh thăng cấp bậc Chuẩn Tướng nhiệm chức tại Bộ Tư lệnh ở căn cứ Lai Khê, Bình Dương. Sau chiến trận mùa hè đỏ lửa tháng 7 cùng năm ông được tặng thưởng tại mặt trận Đệ tam đẳng Bảo quốc huân chương kèm Anh Dũng Bội Tinh với nhành dương liễu cùng ân thưởng huy chương đặc biệt mang danh hiệu Binh Long anh dũng . Qua tháng 9, ông được bàn giao chức Chỉ huy trưởng Tư lệnh Sư đoàn 5 lại cho Đại tá Trần Quốc Lịch, ông chuyển về Quân đoàn IV giữ chức

Chỉ huy trưởng Lực lượng Đặc nhiệm của Quân đoàn kiêm phụ tá hành quân cho Tư lệnh Quân đoàn là Thiếu tướng Nguyễn Vĩnh Nghi.



Tướng Trần Quốc Lịch .



Tướng Nguyễn Khoa Nam.

Thượng tuần tháng 6 năm 1973, ông được bổ nhiệm làm Tư lệnh Sư đoàn 21 Bộ Binh thay thế Đại Tá Chương Dzênh Quay được cử làm Tham mưu trưởng Quân đoàn IV. Ngày 1 tháng 11 năm 1974, được lệnh bàn giao Sư đoàn 21 lại cho Đại tá Mạch Văn Trường (nguyên chánh thanh tra của Sư đoàn), để về lại Quân đoàn IV nhận chức Tư lệnh phó Quân đoàn do Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam làm Tư lệnh.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 vào lúc 8 giờ 45 sáng, khi được tin Tổng thống Dương Văn Minh ra lệnh cho quân lực Việt Nam Cộng Hoà buông vũ khí đầu hàng. Tại bộ Tư Lệnh Quân đoàn IV ông rất đau buồn, với tinh thần bất khuất không chịu đào thoát hoặc đầu hàng địch. Theo gương tiền nhân bảo toàn khí tiết, sau khi gặp mặt thuộc cấp dặn dò, tâm tình và vĩnh biệt gia đình, ông đã tuân tiết tại tư dinh 73 trại Lê Lợi. Cần Thơ, bằng cách dùng súng lục bắn vào tim tự sát vào lúc 20 giờ 45. Hưởng dương 42 tuổi.

Trước khi nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử và dân tộc để vĩnh biệt, ông đã nói:

“Tôi bằng lòng chọn cái chết, tướng mà không giữ được nước, không bảo vệ được thành, thì phải chết theo thành”

Lễ an táng được tổ chức trong hoàn cảnh buồn thương tại khu đất của gia đình trên đường Nguyễn Viết Thanh (thị xã Cần Thơ). Phu nhân: bà Trương Kim Hoàng. Ông bà có 2 người con: 1 trai, 1 gái.



→ **Tài liệu tham khảo và trích đăng**

Việt Nam A History: Stanley Karnnoew

In Retrospecti The Tragedy And Lessons Of Việt Nam, Robert

MC Namara

Những trận đánh lịch sử trong chiến tranh Việt Nam, Nguyễn

Đức Phương

Lược sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, Trần Ngọc Thống, Hồ

Đắc Luân, Lê Đình Thuỵ

An Lộc chiến trường đi không hện, Phạm Châu Tài

Cuộc rút quân bí trảng của Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù..., Vương

Hồng Anh

Mặt trận Kontum 1972, Trọng Đạt

Tài liệu chiến sử Bình Long...

Nguồn: <http://thanhchienbr.blogspot.com.au/2016/03/nghiệp-duyen-ai-lo kinh-hoang-1972.html>

Nguồn: www.vietnamvanhien.net

Mặt Trận Quảng Trị

(từ ngày 30-3-1972 đến
15-9-1972)

© *Võ Trung Tín Tiểu
Nguyễn Hữu Viên*

Lịch sử Tỉnh Quảng Trị và Cổ Thành Đình Công Tráng

Tỉnh Quảng Trị phía Bắc giáp Quảng Bình, phía Đông giáp Đông Hải, phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Tây là dãy Trường Sơn và nước Lào. Diện tích khoảng 4.700 km, với dân số 270.984 người. Tỉnh lỵ Quảng Trị cách thành phố Huế 55 km (34 miles) và cách Sài Gòn 1,227 km (767 miles) về hướng nam.

Phía Đông Quảng Trị là đồng bằng hẹp, phía Tây là rừng núi thuộc Trường Sơn, chiếm gần hai phần ba diện tích tỉnh. Ba sông chính của tỉnh là Bến Hải, Cam Lộ và Sông Thạch Hãn. Sông Bến Hải phát nguồn từ dãy Trường Sơn ra đến biển ở cửa Tùng, dài gần 100km. Sông Thạch Hãn (còn gọi là sông Quảng Trị) chảy từ quận Hương Hóa qua quận Cam Lộ, rồi đổ ra cửa Việt. Sông Cam Lộ (còn

gọi là sông Bồ Điền) là con sông đào nối sông Bến Hải với sông Thạch Hãn, chảy qua hai quận Hương Hóa và Cam Lộ. Ngoài ra tỉnh còn có một số dòng sông nhỏ như sông Mỹ Chánh, sông Nhung... Bờ biển Quảng Trị dài 66km (41 miles), ngoại trừ vùng cửa Tùng lồi chồm đá, suốt bờ biển đều bằng phẳng và có nhiều cát, nên không lập được các hải cảng.



Không ảnh phía Đông thành phố Quảng Trị 9-1967. Ảnh: Lê Mạnh Hải

Đất Quảng Trị xưa đã là đất Lập Quốc của Việt Nam, một phần của bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Năm 1069, vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành và bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Chế Củ liền dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (bây giờ là Quảng Bình, Quảng Trị). Năm 1306, Chế Mân dâng hai châu Ô, Lý làm sính lễ để cưới Huyền Trân Công Chúa. Năm 1307, vua Trần Nhân Tông đổi Châu Ô làm Châu Thuận, Châu

Lý làm Châu Hóa. Châu Thuận gồm đất Phong Điền, Triệu Phong, Hải Lăng Quảng Trị ngày nay.

Tháng mười năm Mậu Ngọ (1558), chúa Nguyễn Hoàng được vua Lê cử vào trấn đất Thuận Hóa, lập dinh ở Ái Tử thuộc phủ Triệu Phong. Năm 1804 vua Gia Long đặt lại tên là dinh Quảng Trị. Tên Quảng Trị có từ đó. Năm 1831, Minh Mạng đặt làm trấn, sau đổi làm tỉnh. Đến đời vua Tự Đức cải làm đạo, nhưng lại đổi thành tỉnh vào năm 1876.

Trước năm 1975, Quảng Trị có các quận như Gio Linh, Trung Lương, Hương Hóa, Hải Lăng, Cam Lộ, Mai Lĩnh và Triệu Phong. Hơn hai thế kỷ trước, Cổ Thành Quảng Trị là thành lũy quân sự của nhà Nguyễn được xây cất từ đầu đời vua Gia Long (1802), tới năm 1827 vua Minh Mạng cho xây lại bằng gạch. Chu vi tường thành gần 2.000 m, cao 9,4 m, dưới chân dày 12 m, bao quanh có hệ thống hào, bốn góc thành là 4 pháo đài cao nhô hẳn ra ngoài. Trong những năm 1809-1945 nhà Nguyễn lấy làm thành lũy quân sự và trụ sở hành chính. Thành được xây theo lối kiến trúc thành trì Việt Nam với tường thành bao quanh hình vuông được làm từ gạch nung cỡ lớn; kết dính bằng vôi, mật mía và một số phụ gia khác trong dân gian như mù cây Ô-Dước. Thành trở bốn cửa chính Đông Tây Nam Bắc. Sau chiến dịch mùa “Hè đỏ lửa” 1972 toàn bộ Cổ Thành Quảng Trị gần như bị san phẳng; chỉ còn sót lại một cửa hướng Đông tương đối nguyên hình và vài đoạn tường thành cùng giao thông hào bên ngoài chỉ chít vết bom đạn. Theo tin tức tình báo của Phòng 2/Bộ Tổng Tham Mưu đã ghi nhận các hoạt động địch trên toàn lãnh thổ Miền Bắc

và các hoạt động địch trên đường mòn HCM, kể từ 1971 sau cuộc hành quân Lam Sơn 719, CSBV đã ráo riết đưa hàng đoàn xe ủi đất và dân công để làm một lộ trình mới từ đường mòn HCM đi về hướng Đông Nam đến tận vùng Phi quân Sự. Con đường này đã được hoàn tất vào khoảng tháng 1-72. Những tin tức tình báo kỹ thuật cũng xác nhận CSBV thiết lập các vị trí hỏa tiễn SAM, pháo 130 ly và hỏa tiễn 122 ly ngay cạnh vùng Bắc PQS. Điều đó có nghĩa là các căn cứ hỏa lực của ta tại vùng Nam Bến Hải đều nằm trong tầm pháo của địch. Những tin tức này đều được P2/TTM tường trình cùng các vị lãnh đạo quân sự cao nhất của VNCH. Hơn thế nữa, khi BV làm tiếp đoạn đường này xuyên qua sông Bến Hải vào tận vùng Phi Quân Sự phía Nam thì P2/BTTM đã xin Không Quân Việt-Mỹ oanh kích mà vẫn không thấy bên ta động tĩnh gì. Sự bỏ ngỏ và thái độ của các giới chức Việt-Mỹ lúc đó đã làm cho các cấp chỉ huy quân sự vùng hỏa tuyến hết sức kinh ngạc và lo lắng.

Để bảo vệ khu vực Quảng Trị, Quân Lực VNCH phối trí các đơn vị như sau: SĐ3BB tân lập trách nhiệm bảo vệ Quảng Trị. Tư Lệnh là Chuẩn tướng Vũ Văn Giai, bản doanh Sư Đoàn đặt tại Ái Tử. Trung đoàn 2, một Trung đoàn cũ của SĐ1BB, đóng tại các căn cứ A4 hay là Cồn Thiện, Fuller, C2 và C3. Trung đoàn 56 đóng tại các căn cứ Hỏa Lực Cam Lộ, Khe Gió, và Tân Lâm (Carroll). Trung đoàn 57 đóng tại CCHL C1 (Gio Linh), A1, A2 và A3. Ngoài ra SĐ3BB còn được tăng phái 2 Lữ đoàn TQLC. Lữ đoàn 147 TQLC đóng ở CCHL Mai Lộc, núi Bá Hộ, Sarge, Holcomb. Lữ đoàn 258 đóng tại Pedro (Phượng Hoàng), Anne, Jane, Barbara. Hai Lữ đoàn TQLC có nhiệm vụ trấn giữ mặt phía Tây của Quảng Trị.

Sư đoàn 3 bộ binh được thành lập ngày 1-10-1971, có quân số vào khoảng 11.203 người. Trong các đơn vị cơ hữu, chỉ có Trung đoàn 2BB rất thiện chiến, vì là một đơn vị tác chiến lâu đời của SĐ1BB, lòng danh miên giới tuyến. Riêng hai Trung đoàn 56 và 57 tân lập, mà quân số được bổ sung, từ các lao công đào binh, quân dịch và các đơn vị ĐPQ + NQ Vùng 1 chiến thuật. Sư đoàn cũng chưa có kinh nghiệm hành quân và tác chiến cấp vùng.

Lực lượng bạn: Lực lượng VNCH có các đơn vị sau đây:

1. SĐ3BB đóng tại căn cứ Ái Tử, do Chuẩn tướng Vũ Văn Giai làm Tư lệnh

- Trung đoàn 2 đóng tại căn cứ Tân Lâm, A4 Cồn Thiện, Fuller C2 và C3

- Trung đoàn 56 đóng tại căn cứ Cam Lộ, Khe Gió và Carrol. (hay Tân Lâm là căn cứ hỏa lực lớn nhất tại vùng giới tuyến)

- Trung đoàn 57 đóng tại Căn cứ C1, A1, A2 và A3

- Thiết đoàn 11 Thiết Kỳ đóng tại Sharon.

2. LĐ147/TQLC đóng tại Căn cứ Hỏa lực Mai Lộc, Núi Bá Hộ, Holcomb và Căn cứ Sarge

3. LĐ258/TQLC đóng tại căn cứ Hỏa lực Pedro, Anne, Janne và Barbara

4. Liên đoàn 1 BDQ gồm các Tiểu đoàn 21, 37 và 77

5. Liên đoàn 4 BDQ với hai Tiểu đoàn 43 và 44 (vùng 4 chiến thuật)

6. Liên Đoàn 5 BDQ với Ba Tiểu đoàn 30, 33, 38 BDQ (vùng 3 chiến thuật)

7. Trung đoàn 4/SĐ2BB

8. Lữ Đoàn 1 Kỳ Binh, Thiết đoàn 17 (M-113) và Thiết đoàn 20 (M-48)

9. Tiểu đoàn 24 Địa Phương Quân + NQ

10. 8 Tiểu đoàn Pháo binh

11. SĐTQLC: gồm 3 Lữ Đoàn do Chuẩn tướng Bùi Thế Lân làm Tư Lệnh

12. SĐND với 3 Lữ đoàn do Trung tướng Dư Quốc Đống làm Tư Lệnh

13. Không Quân VNCH: SĐ1KQ với các Phi Đoàn 213, 219

14. Pháo hạm đội 7 và không quân Hoa Kỳ gồm hai hàng không mẫu hạm USS Kitty Hawk (CV-63) và USS Coral Sea (CV-43) vào hải phận Việt Nam hợp lực với 2 HKMH USS Hancock CV-19 và USS Constellation CV-64 nâng số phi cơ của Hải quân lên 275 chiếc.

Lực lượng địch:

Để tấn chiếm Quảng Trị, mặt trận B5 CSBV đã tung ra một lực lượng tương đương 6 Sư đoàn gồm có:

1. Sư đoàn 304 do Hoàng Đan chỉ huy, gồm 3 Trung đoàn 66, 24, 29 với sự yểm trợ của pháo binh, pháo phòng không, đơn vị Hỏa tiễn, và Công Binh trực diện tấn công vào mặt phía Tây Quảng Trị

2. Sư đoàn 308 do Phạm Hồng Sơn chỉ huy và Hoàng Minh Thi làm chính ủy gồm 3 Trung đoàn 103, 88 và 57 được tăng cường hai Trung đoàn 48 và 27 Bộ Binh, Tiểu đoàn 15 biệt lập, Hai Trung đoàn Pháo 164 và 84, một Trung đoàn phòng không, hai Trung đoàn chiến xa 203 và 204, hai Tiểu đoàn Công Binh, một Tiểu đoàn đặc công và 3 Trung đội Hóa Học tấn công từ hướng Bắc

3. SĐ324B do Giáp Văn Cương chỉ huy và Lê Tự Đồng làm chính ủy với 3 Trung đoàn 6, Trung đoàn 803 và Trung

đoàn 29 thuộc mặt trận Thừa Thiên, di chuyển vào thung lũng A-Shau áp lực mạnh trên thành phố Huế

4. Sư đoàn 320B gồm các Trung đoàn 48, 64 và một Trung đoàn bộ đội địa phương của mặt trận B5 tăng cường. Các Trung đoàn 48 và 64 là các đơn vị chủ lực phòng thủ Cổ Thành Quảng Trị

5. Sư đoàn 325, và SĐ312 trừ bị ém quân tại biên giới Lào-Việt

6. 2 Trung đoàn tăng, thiết giáp:

- Trung đoàn 202 với 3 Tiểu đoàn là: 66, 244 và 198
- Trung đoàn 203, do Thiếu tá Độ chỉ huy và Tri - chính ủy. Trung đoàn có 4 Tiểu đoàn 297, 397, 512 và 177 vận tải, một số xe thiết giáp gắn súng cao xạ 12.8mm và 37mm

7. Bốn Trung đoàn pháo binh cơ giới 84, 68, 164, 45 với hơn 300 pháo các loại

8. Hai Sư đoàn phòng không: sư 367 và 376 với 4 Trung đoàn phòng không 241, 243, 250, 280 và hai Trung đoàn hỏa tiễn 237, 238 với hỏa tiễn địa-không SAM-2

9. 2 Trung đoàn Biệt Lập 5 và 6 từ thung lũng A-Shau ở phía Tây Trường Sơn tiến về đe dọa thành phố Huế và Đà Nẵng

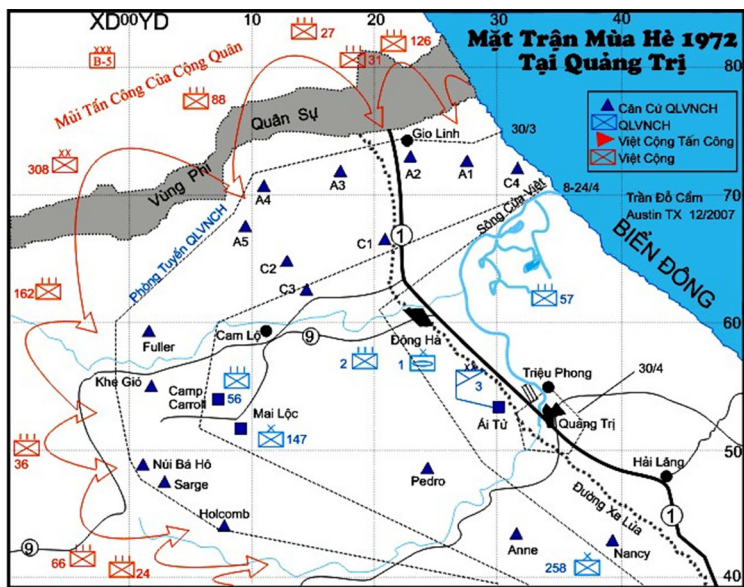
10. Các lực lượng du kích địa phương và 2 Trung đoàn 229, 249

11. Hai Tiểu đoàn Đặc Công 31 & 25 phối hợp với Tiểu đoàn 47 địa phương Vĩnh Linh và Đoàn Đặc Công Hải Quân 126 do Bùi Thúc Dương chỉ huy tấn công vào mặt phía Đông Cửa Việt, Gio Linh và Triệu Phong.

12. Đoàn 126 thuộc khu vực 5 Hải Quân.

Diễn Tiến

Phát động chiến dịch tại Quân Khu 1 VNCH, Tướng CSBV Võ Nguyên Giáp xua 45.000 quân vượt qua sông Bến Hải với hàng trăm chiến xa, hàng trăm đại pháo và một lực lượng tương đương 6 Sư đoàn bộ binh tổng tấn công lấn chiếm tỉnh Quảng Trị, Ái địa đầu cực Bắc VNCH. Đồng thời tung SĐ324B cùng 2 Trung đoàn Biệt Lập 5 và 6 từ thung lũng A-Shau ở phía Tây Trường Sơn tiến về đe dọa thành phố Huế và Đà Nẵng... để khởi sự trận chiến mà chúng gọi là Chiến Dịch Nguyễn Huệ.



Phóng đồ mặt trận Quảng Trị (do Trần Đỗ Cẩm vẽ).

Theo kế hoạch sơ khởi Bộ Tư Lệnh chiến dịch CSBV đã tổ chức 4 cánh quân và sử dụng các lực lượng tác chiến như sau:

1. Cánh Bắc, sử dụng SĐ308, 2 Trung đoàn độc lập 48, 47, Tiểu đoàn 15 độc lập, 2 Trung đoàn pháo diện địa (164, 84), 1 Trung đoàn pháo cao xạ (284), 2 Tiểu đoàn xe tăng, 2 Tiểu đoàn công binh, TĐ33 đặc công do tướng Hồng Sơn phó tư lệnh chiến dịch và Hoàng Minh Thi phó chính ủy trực tiếp chỉ huy. Mục tiêu tấn công là các vị trí đóng quân của Trung đoàn 57 và Trung đoàn 2 từ căn cứ A1 đến Fuller, mục tiêu kế tiếp là thị xã Đông Hà.

2. Cánh Tây sử dụng SĐ304, 2 Trung đoàn 38 và 68, 4 Trung đoàn cao xạ 230, 232, 241, 280, 2 Tiểu đoàn hỏa tiễn 122ly, 1 Tiểu đoàn xe tăng, 1 Tiểu đoàn công binh do tướng Hoàng Đan tư lệnh SĐ304 chỉ huy tấn công tuyến phòng thủ của Lữ đoàn 147 TQLC tại Ba Hô, Sarge, Holcomb, bao vây tiêu diệt các căn cứ Mai Lộc, Carroll (đội 241 hay Tân Lâm), Khe Gió. Sau đó chuyển hướng tấn công về căn cứ Ái Tử (nơi đặt BTL/SĐ3BB).

3. Cánh Nam, cánh thứ yếu nhưng rất quan trọng, do SĐ324, 3 Tiểu đoàn địa phương Quảng Trị cùng các binh chủng phối thuộc do tướng Giáp văn Cương, phó tư lệnh chiến dịch và Lê Tự Đồng phó chính ủy chỉ huy, có nhiệm vụ tiêu diệt các lực lượng ở Nam, Bắc sông Thạch Hãn, chủ yếu là khu vực Phụng Hoàng (Pedro) Babara và đoạn đường Bắc sông Mỹ Chánh, thực hiện chia cắt Trị Thiên.

4. Cánh Đông sử dụng Tiểu đoàn 47 địa phương Vĩnh Linh, 2 Tiểu đoàn đặc công (31, 25), 1 Tiểu đoàn pháo, 4 Đại đội địa phương, đoàn 126 Hải quân do Bùi Thúc Dưỡng trưởng phòng đặc công chiến dịch chỉ huy, có nhiệm vụ bao vây Dốc Miếu, Quán Ngang từ phía Đông, tiêu diệt căn cứ Hải quân Cửa Việt, phá kế hoạch bình định ở Triệu Phong, thọc sâu vào Đông Bắc Ái Tử.

Ngày 30-3-1972 đúng 12 giờ trưa, lợi dụng cơ hội thay đổi vùng trách nhiệm của các Trung đoàn 56 và Trung đoàn 2 thuộc SĐ3BB. Bò đội CSBV bắt đầu pháo kích dữ dội, hàng trăm khẩu pháo 130 ly, 122 ly đồng loạt nã đạn vào 14 căn cứ của Sư đoàn 3 và Thủy Quân Lục Chiến trong vùng giới tuyến Carol, Mai Lộc, Sarge, núi Bá Hộ, Tân Lâm, Cồn Thiên, Đông Hà và Quảng Trị. Pháo binh cộng sản, với các loại đại bác nòng dài 130 ly, cũng như 122 ly tầm xa 27,1 km, từ Vĩnh Linh bên kia cầu Hiền Lương, đồng loạt bắn phá các căn cứ hỏa lực của VNCH, với mức độ tàn phá kinh khủng chưa từng có. Ngay lúc đó, cũng là thời gian hai Trung đoàn 2 và 56/SĐ3BB, đang hoán chuyển vùng, nên bị tổn thất nặng nề về nhân mạng, nhiều vị trí phòng thủ bị bỏ ngõ, đồng thời làm cho tinh thần binh sĩ, nhất là Trung đoàn 56 giao động mạnh. Sau đó, cộng quân huy động các đơn vị chủ lực của 2 SĐ304 và 308 cùng 3 Trung đoàn biệt lập của B5, một Trung đoàn Đặc Công và 2 Trung đoàn Chiến Xa 203 và 202 (khoảng 30,000 quân) vượt khu Phi Quân Sự chia thành 4 mũi tấn công cường tập vào tuyến phòng thủ của các đơn vị bộ chiến Việt Nam Cộng Hòa đang trấn đóng các căn cứ tại phía Tây và Bắc Quảng Trị.

Các mũi tấn công đầu tiên nhắm vào các căn cứ của Trung đoàn 2/3BB là Fuller và Cồn Thiên, A4, hai mũi khác nhắm vào Trung đoàn 57 tại các Căn cứ A1 và A2. Hai căn cứ hỏa lực lớn của SĐ3BB và TQLC tại Carroll và Mai Lộc bị pháo kích nặng nề và liên tục, vì thế không yểm trợ được cho quân bạn. Thời tiết trong mấy ngày đầu của cuộc chiến rất bất lợi cho các đơn vị VNCH. Trần mây thấp và

mưa gió, phi cơ chiến thuật, quan sát và Trực thăng tiếp tế tàn thương VN và HK đã không thể hoạt động hữu hiệu để yểm trợ cho quân bạn.

Hỏa lực pháo binh CSBV cũng đã gây tổn thất và kinh hoàng cho dân chúng thuộc 3 quận ly giới tuyến, khiến trên 50.000 đồng bào bỏ nhà cửa, chợ búa, ruộng vườn, đổ dorr ra Quốc Lộ 1 và 9 để chạy giặc về hướng Nam thành phố Quảng Trị.

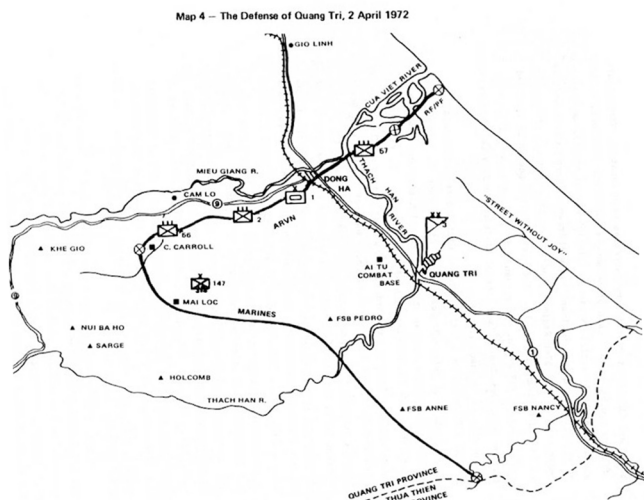
Đến 6 giờ chiều ngày 30-3, hai vị trí của TĐ4TQLC tại Núi Bá Hô và Sarge bị pháo kích trên 600 quả đại bác và hỏa tiễn đủ loại, 70 phần trăm công sự phòng thủ bị phá hủy, nhiều quân sĩ tử thương và bị thương. Sáng sớm ngày 31-3-72 căn cứ Fuller bị tràn ngập, tại phía Bắc, dưới áp lực nặng nề của pháo binh và bộ binh vây ép. Tiểu đoàn 2/2 phải bỏ Cồn Tiên rút vào căn cứ C2, đồng thời TĐ 2 và 3-57 về căn cứ C1. Về phía Đông, Đoàn 126 Hải quân CSBV đã ồ ạt tấn công Duyên đoàn 11 và khống chế cảng Cửa Việt, cùng lúc Tiểu đoàn 47 địa phương Vĩnh Linh, 2 Tiểu đoàn đặc công 25, 31, 4 Đại đội địa phương Quảng Trị và 1 Tiểu đoàn pháo phối hợp đã làm tan rã các đơn vị Địa phương quân, Nghĩa quân Tiểu khu Quảng Trị tại phía Bắc sông Thạch Hãn. Về phía Tây, được CS xem là cánh quân trọng yếu của chiến dịch, từ trura ngày 30-3-72, tất cả các khẩu pháo 130 ly của 2 Trung đoàn 68, 38 và 2 Tiểu đoàn hỏa tiễn đều tập trung nhắm vào Carroll, Mai Lộc, Holcomb, Ba Hô, và Sarge. Riêng tại 2 căn cứ Ba Hô, Sarge do TĐ4/147 trú đóng đã bị gần 1000 quả đạn. Đến 10 giờ 45 đêm 31/3, địch quân tập trung hai Trung đoàn 9 và 66/304 tấn công biển người vào căn cứ Sarge, cuộc chiến

đấu diễn ra rất ác liệt, đôi bên đều thiệt hại nặng nề. Đến 4 giờ sáng hôm sau ngày 1-4-1972, TĐ4TQLC phải triệt thoái khỏi 2 cứ điểm Núi Bá Hô và Sarge, đến 6 giờ chiều ngày 2-4 gom về tập trung tại căn cứ Mai Lộc. Đây là 2 vị trí TQLC đầu tiên mất về tay quân CS trong 48 giờ đầu của cuộc tấn công.

Tại Khe Gió trên QL-9 nơi trú quân của TĐ3-56, trưa 31-3 một bộ phận của Trung đoàn 9/304 đã tấn công tràn ngập, cùng lúc căn cứ Holcomb do TĐ8/147 trấn giữ đã bị 2 Trung đoàn 1 và 2/324 tấn công dữ dội, buộc phải rút về căn cứ Phượng Hoàng.

Ngày 1-4-72, chiến trường càng trở nên sôi động. Dưới áp lực nặng nề của địch quân, 10 giờ 45 sáng, đơn vị tại căn cứ Cồn Thiên (A4) triệt thoái, 14 giờ 50 chiều, các căn cứ Fuller (thuộc Trung đoàn 2/BB), Khe Gió (thuộc Trung đoàn 57/BB) rút bỏ. Dân chúng chạy giặc, xe cộ và binh sĩ bỏ ngũ mang theo gia đình,

gây cản trở việc điều quân và lưu thông trên quốc lộ 9 và 1. Tiễn sát viên pháo binh của CS trà trộn vào đám đông di tản để điều chỉnh pháo binh vào các vị trí QLVNCH. Các căn cứ Đồng Hà, Cam Lộ, Ái Tử bị pháo nặng, nhờ hải pháo của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ, từ ngoài khơi Quảng Trị, bắn vào yểm trợ, vì thời tiết xấu nên không quân không thể yểm trợ hữu hiệu. Bởi vậy lần lượt các căn cứ hỏa lực A-1, A-2, A-3, A 4 do SĐ3BB trấn giữ, bị tấn chiếm. Trước áp lực quá mạnh của địch, BTL/SĐ3BB dồn nỗ lực để gom quân và thiết lập hệ thống phòng thủ mới dọc theo tuyến Cửa Việt, Đồng Hà, Cam Lộ, Carroll, Mai Lộc và Phượng Hoàng. Hai căn cứ hỏa lực Carroll và Mai Lộc tiếp tục bị pháo kích nặng nề. Chiến xa CSBV trực tiếp tham chiến.



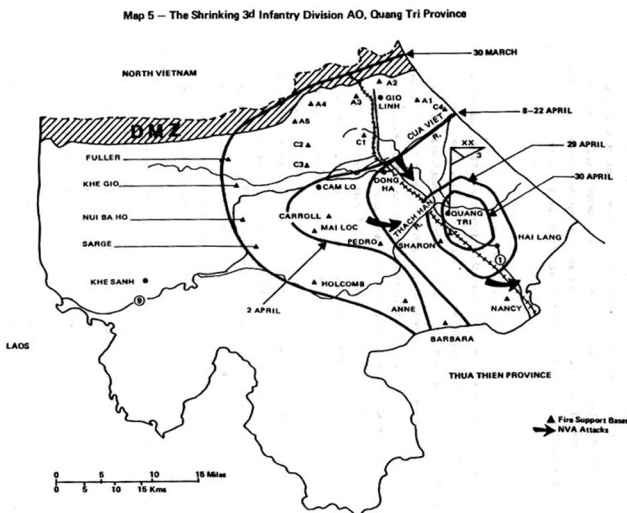
Chiến tuyến QLVNCH trong ngày 2-4-1972.

Vào lúc 9 giờ sáng, một lực lượng chiến xa T-54 khoảng 20 chiếc từ hướng Bắc tiến về Đông Hà theo Quốc Lộ 1. Một lực lượng chiến xa lội nước PT-76 ở hướng Đông, dọc theo bờ biển tiến xuống hướng Cửa Việt. Tình hình căng thẳng, TĐ3TQLC được lệnh tử thủ Đông Hà “bằng mọi giá”. Toàn chống chiến xa trang bị đại bác 106 ly của TĐ6TQLC từ Ái Tử được điều động lên tăng cường cho Đông Hà. Nhờ thời tiết tương đối tốt, phi cơ A-1 và A-37 của Không Quân VN bay lên oanh tạc chính xác vào 2 đoàn chiến xa địch, phá hủy 11 chiếc. Khoảng 10 giờ sáng một chiếc A1 bị phòng không 23 ly từ chiến xa địch bắn rơi. Đại úy Phi Công Trần Thế Vinh nhảy dù ra được, nhưng rơi về phía bắc cầu Đông Hà, nên không tìm được tông tích, mặc dù TĐ1TQLC được lệnh cố gắng tìm kiếm. Để đề phòng chiến xa địch vượt qua cầu Đông

Hà, vào 16 giờ 30 chiều cùng ngày, chiếc cầu này được giật sập, để ngăn cản kế hoạch của CSBV đưa bộ binh và chiến xa tiến xuống phía Nam.

Ngày 2-4-1972 BTL/SĐTQLC và Lữ đoàn 369 được không vận ra Huế để thiết lập tuyến phòng thủ phía Bắc Sông Mỹ Chánh. TĐ7TQLC được lệnh trấn giữ con đường huyết mạch QL số 1, từ Hải Lăng về Mỹ Chánh. Trong ngày này, cộng sản cắt đứt QL-9 từ Đông Hà đến Cam Lộ. Căn cứ Holcomb của TĐ8TQLC, bị SĐ304 tấn công tràn ngập lúc 12 giờ 30 khuya. Tình hình chiến sự rối loạn khắp nơi, cùng lúc đồng bào từ các quận Cam Lộ, Hương Hóa, Gio Linh, Đông Hà, bất kể Kinh hay Thượng, ùn ùn bỏ làng xóm, tài sản, kéo nhau chạy về thành phố Quảng Trị để trốn lánh chiến họa. Trên đường đào sanh, hàng ngàn người đã làm mồi cho đạn pháo binh và thiết giáp của bộ đội cộng sản Bắc Việt, gây thêm rối loạn cho các đơn vị của ta, vì vừa phải bảo vệ cho dân chúng, lại vừa chiến đấu với giặc trong cơn nguy ngập. Đạn pháo của địch càng lúc càng dữ tợn, hung tàn, phá hết tất cả, không cần phân biệt xóm làng, dân lính, thành phố đồng người. Do đó trong phút chốc, những khu đông dân như Cam Lộ, Đông Hà trở thành địa ngục trần gian đau khổ, mà không một ai, có thể ngờ tới, tình cảnh của dân chúng chạy loạn cũng vô cùng thê thảm, khiến cho các cấp chỉ huy của SĐ3BB và Tiểu Khu Quảng Trị gần như bó tay vì không tìm ra kế hoạch nào để ổn định tình thế. Trong lúc đó căn cứ hỏa lực Carroll (Tân Lâm) của Trung đoàn 56BB bị vây khốn, cộng quân vẫn tiếp tục pháo kích dữ dội vào căn cứ nhưng không có quân tiếp viện. Đúng 14 giờ 30 chiều, Trung tá

Phạm Văn Đỉnh Trung đoàn trưởng Trung đoàn 56/3BB đã đầu hàng cộng sản cùng với khoảng 900/1,500 binh sĩ VNCH bị quân CS bắt giữ và 22 khẩu đại bác, trong đó có 4 khẩu đại bác 175ly, 10 khẩu 105ly của pháo đội TQLC, còn lại là pháo đội 155ly và 105ly của pháo binh QĐ1 và SĐ3BB (Trong khi đó số còn lại khoảng hơn 500 quân nhân khác không theo Trung tá Đỉnh đánh mở đường máu về hướng Đông và thoát được, trong đó có Thiếu tá Tôn Thất Mân, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1-56). Biến cố này xảy ra trong ngày 2-4, gây chấn động không ít đến tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ vùng giới tuyến.



Phóng đồ tái phối trí lực lượng của SĐ3BB.

Sau khi căn cứ hỏa lực Carroll thất thủ, căn cứ hỏa lực Mai Lộc, nơi đặt BCH của LĐ147/TQLC trở thành tuyến đầu, đã liên tục bị pháo kích và tấn công. Được lệnh tái

phối trí, pháo đội 105 ly TQLC tại đây sau khi bắn hết đạn, đã được phá hủy bằng chất nổ. Đến 10 giờ tối, BCH/LĐ và TĐ4TQLC triệt thoái khỏi Mai Lộc về Đông Hà. Sáng hôm sau, LĐ147/TQLC được lệnh di chuyển về Huế để bổ sung và tái trang bị. Bộ Tư Lệnh SĐ3BB di chuyển Bộ Chỉ Huy tiền phương tại căn cứ Ái Tử lui về Quảng Trị cách Ái Tử khoảng 6km về hướng Nam để tránh tầm pháo kích nặng nề của địch. Trung đoàn 57 cũng được lệnh bỏ căn cứ Gio Linh, rút về bờ Nam Đông Hà. BCH/LĐ258 TQLC với các Tiểu Đoàn TĐ1 + TĐ3 + TĐ6TQLC, TĐ3PB/TQLC, Đại đội Công Binh TQLC, và được tăng phái Chi Đoàn 2/20-CXM-48 của Thiết đoàn 20-CX. (Đại úy Hà Mai Khuê Chi Đoàn Trưởng) được lệnh di chuyển từ căn cứ Nancy đến Ái Tử, căn cứ Phụng Hoàng và Đông Hà.

- TĐ3TQLC (Thiếu tá Lê Bá Bình TĐT) lập 1 tuyến cản địch dọc theo phía Nam cầu Đông Hà phối hợp với Thiết đoàn 20-CX (Trung tá Lý Thiết đoàn Trưởng chỉ huy tổng quát). Phía Bắc cầu Đông Hà đặt 1 toán tiền sát để quan sát tình hình địch

- TĐ6TQLC (Thiếu tá Đỗ Hữu Tùng TĐT) đã được tăng phái cho BTL/SĐ3BB từ trước khi BCH/LĐ258 đến Ái Tử. TĐ6 trách nhiệm phòng thủ căn cứ Ái Tử và bảo vệ BTL/SĐ3BB

- TĐ1TQLC (Thiếu tá Nguyễn Đăng Tổng TĐT) trừ bị cho LĐ, đơn vị phối trí ở phía Bắc C/C Ái Tử - TĐ3PB/TQLC (Thiếu tá Trần Thiện Hiệu TĐT) trách nhiệm yểm trợ trực tiếp các đơn vị

- TĐ7TQLC đang trấn ngự tại QL-1 được điều động ra tăng cường phòng thủ căn cứ Ái Tử. (như vậy là bỏ ngõ

QL-1 từ Mỹ Chánh tới Cam Lộ) Vùng trách nhiệm của Lữ đoàn 258 gồm phía Tây và Bắc tỉnh Quảng Trị (phía Nam cầu Đông Hà là ranh giới).

Tính đến sáng ngày 3-4-1972, sau 4 ngày tấn công của quân CSBV, 11 căn cứ hỏa lực của QLVNCH tại giới tuyến đã thất thủ liên tiếp, mất đi 53 khẩu trọng pháo đủ loại làm cho Pháo Binh VNCH bị suy yếu, trên 7 ngàn binh sĩ tử thương, bị thương, bị bắt và thất lạc đơn vị. Ngày 3-4, Bộ TTM không vận BTL SĐTQLC, Bộ CH/BĐQ và Lữ Đoàn 369/TQLC từ Sài Gòn ra tăng cường QĐ1. BTL/SĐTQLC đặt trong Thành Nội Huế. LĐ369/TQLC trừ bị và phòng thủ tại các căn cứ Nancy, Jane, Evan và phòng tuyến Mỹ Chánh, ranh giới giữa hai Tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên.

Trong khi Trung đoàn 57/SĐ3BB di tản chiến thuật về phía Nam Đông Hà, quân CSBV đuổi theo trong tình trạng hỗn độn cả dân và VC mặc quân phục BB giả dạng trà trộn. Toán tiền sát của TĐ3TQLC (phía Bắc cầu Đông Hà) báo cáo có xe vận tải chở BB địch và đoàn chiến xa địch khoảng 20 chiếc dẫn đầu bởi một T-54 và một PT-76. TĐ3TQLC và TĐ20-CX(-) báo động sẵn sàng chiến đấu.

Đến gần đầu cầu, chiếc T-54 dẫn đầu bị trúng đạn CCX M72 và đạn đại bác 90ly của TĐ20-CX M-48 nằm tại chỗ, chiếc PT-76 lách sang bên tiến lên để mở đường cho đoàn xe phía sau nhưng cũng bị TĐ20-CXM 48 Bắn hạ nằm song song với chiếc T-54. Tất cả đoàn xe và chiến xa địch dừng lại tản ra 2 bên đường. TĐ3TQLC yêu cầu LĐ cho hỏa lực yểm trợ. Hỏa lực chính xác của PB/TQLC, Hải pháo và các phi tuần VNCH oanh kích đã đẩy lui đơn vị CSBV cấp Sư Đoàn có chiến xa yểm trợ với ý định tiến qua cầu Đông Hà

để tiến chiếm tỉnh Quảng trị. hàng trăm lính CS Bắc Việt bỏ xác tại trận và một số CX bị tiêu diệt. Sau đó cầu Đông Hà được lệnh phá sập để ngăn đường tiến quân của địch.

Ngày 4-4-1972 sau khi Lữ Đoàn 147/TQLC rút lui về Huế để chỉnh trang, một Tiểu đoàn BDQ được đưa vào trấn giữ căn cứ Phụng Hoàng, làm tiền đồn, bảo vệ thành phố, thay thế cho Tiểu đoàn 1 TQLC, di chuyển về phía Bắc căn cứ Ái Tử.

Ngày 6-4-1972 lực lượng CS từ Ba Lòng phía Nam sông Thạch Hãn tiến về uy hiếp Căn cứ Anne do một đơn vị thuộc Trung đoàn 2/3BB trấn giữ. Căn cứ Anne được lệnh lui binh rút về Cam Lộ. Các Sư đoàn CSBV vẫn tiếp tục hướng các mũi tấn công vào Thị xã Quảng Trị, vì Cầu Đông Hà bị giật sập, nên cộng quân dùng cầu Cam Lộ để vượt sông. Họ chia quân ra làm 2 cánh: một cánh quân đi dọc theo QL-9 tiến chiếm Đông Hà, Cửa Việt và theo QL-1 tiến về hướng Nam. Một cánh quân khác tiến về hướng Nam, theo tỉnh lộ 558 và 557 qua những cứ điểm vừa chiếm như Carroll, Mai Lộc, Holcomb để tấn công căn cứ Phụng Hoàng và Thị xã Quảng Trị từ hướng Tây.

Trước tình hình nghiêm trọng, Bộ TTM quyết định tăng cường Liên đoàn 4 (với hai Tiểu đoàn 43 và 44) và LD5 BDQ (với ba Tiểu đoàn 30, 33, 38 BDQ) cho Quân Đoàn 1. Ngày 8-4-1972, BCH/LĐ258 điều động TĐ3TQLC về phòng thủ căn cứ Ái Tử thay thế TĐ6TQLC. Khu vực trách nhiệm của TĐ3 bàn giao lại cho Liên đoàn 5 BDQ (Trung tá Ngô Minh Hồng Liên đoàn Trưởng) TĐ6TQLC được điều động phòng thủ phía Tây khoảng 6km từ căn cứ Ái Tử và trấn giữ căn cứ Phụng Hoàng (Pedro), thay thế cho 1 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân.

Căn cứ Phụng Hoàng (Pedro) như một tiền đồn ngăn chặn sự tiến quân của địch từ thung lũng Ba Lòng (VC từng gọi là chiến khu Ba Lòng) cách căn cứ Ái Tử khoảng 6km về phía Tây. BCH/LĐ tăng cường cho TĐ6 một xe ủi đất để tổ chức phòng thủ. Thiếu tá Đỗ Hữu Tùng TĐT/TĐ6TQLC bố trí TĐ6 (-) cùng 2 Sĩ quan cố vấn ở một vị trí cao cách căn cứ Phụng Hoàng 1km về hướng Bắc, một Đại đội trấn thủ bên trong Căn Cứ Phụng Hoàng và Cánh B do Đại úy Nguyễn Văn Sử TĐP hoạt động bung rộng về hướng Đông Nam cách căn cứ Phụng Hoàng 1 km. Phối trí quân của TĐ6 nhằm tránh thiệt hại và tổn thất cho đơn vị khi địch pháo kích vào căn cứ Phụng Hoàng.



Tuyến phòng thủ Quang Trị từ ngày 8-4-1972.

BCH/LĐ cũng tăng phái một đơn vị công binh gồm CB/TQLC và CB/QĐI cho TĐ1TQLC để đặt một bãi mìn Chống Chiến Xa. Hơn 500 quả mìn được đặt trên đường

từ hướng Tây Nam dẫn vào căn cứ Ái Tử để chặn đường tiến quân của Chiến Xa địch. BCH/LĐ và các cố vấn Mỹ đã phối hợp soạn thảo kế hoạch hỏa lực yểm trợ chu đáo, sẵn sàng các yếu tố tác xạ dự liệu khi cần.

Khuya ngày 8 rạng 9-4-1972 với chiến thuật tiền pháo hậu xung, pháo binh CS khai pháo hỏa tập ác liệt vào căn cứ Phụng Hoàng như thác đổ. Khi vừa dứt pháo, Trung đoàn 66 Sư Đoàn 304 CSBV với chiến xa của Trung đoàn 203-CX yểm trợ ào ạt tấn công và tràn vào căn cứ như nước vỡ bờ với hỏa lực hùng hậu của tăng địch và bộ binh từng thiết. Lần đầu tiên binh sĩ TQLC đối diện trực tiếp tăng T-54 của địch với quân số đông gấp bội, đơn vị TQLC phòng thủ Căn Cứ phải rút ra ngoài và cộng quân đã tràn ngập Căn Cứ Phụng Hoàng sau đó.

Sáng sớm ngày 9-4-1972, chiến xa cộng quân bắt đầu khai hỏa truy kích các đơn vị TQLC trên đường rút lui khỏi căn cứ để thoát ra khỏi hỏa lực của địch. Lúc đó Chi Đoàn 2/20 Chiến Xa M-48 do Đại úy Hà Mai Khuê chỉ huy được lệnh tiến về căn cứ Phụng Hoàng, gặp các đơn vị TQLC trên đường lui binh. Chi Đoàn Chiến Xa M-48 phối hợp cùng TĐ6TQLC do Thiếu tá Đỗ Hữu Tùng chỉ huy quay trở lại trận địa.

Khi thấy đoàn Chiến Xa M-48 của VNCH tiến vào căn cứ Phụng Hoàng với TQLC từng thiết, các chiến xa CS vội quay đầu chạy trở vào căn cứ mà họ đã chiếm. Ngay lập tức TQLC và Chi Đoàn Chiến Xa 2/20 bao vây địch trở lại. Một trận chiến ác liệt giữa TQLC VNCH và lính bộ binh CS cùng trận ác đấu bằng đại bác giữa Chiến Xa M-48 và tăng T-54 và T-59 của CSBV.

Chiến Xa M-48 là loại chiến xa lớn nhất của QLVNCH, có khả năng cơ động, bắn nhanh và chính xác đã triệt hạ nhiều chiến xa địch. Cùng lúc là các phi tuần khu trục và cobra võ trang đã xuất hiện lâm trận oanh kích ngay trên đầu bộ binh và chiến xa địch. Bộ Đội cộng sản chạy tán loạn, một số chiến xa cán phải mìn bị nổ tung. Hàng loạt các chiến xa T-54 và T-59 của cộng quân đã bị Chiến xa M-48 và M72 của TQLC bắn cháy cả bên trong và bên ngoài căn cứ, còn lại 3 chiếc bỏ chạy về hướng mật khu Ba Lòng bị Phi cơ Skyraider A1 của Không quân ruợt theo thiêu rụi cùng hai chiếc bị bắt sống tại bên trong căn cứ. Tổng kết 400 xác cộng quân bỏ lại trận địa, 21 chiến xa T-54 bị cháy, 2 chiếc bị bắt sống.



Xác cán binh cộng sản và chiến xa T.59 khu vực gần cầu Bến Đá.

Ngày 13-4-1972 Lữ đoàn 258TQLC được điều động giữ tuyến phòng thủ từ Ái Tử đến Phượng Hoàng. Từ Ái Tử lên mạn Bắc tới QL-1, Đông Hà là vùng trách nhiệm của LĐ5BDQ và Thiết đoàn 17 Kỵ Binh. Từ Cam Lộ trở về dọc theo QL-9 là tuyến án ngữ của LĐ4BDQ và Thiết đoàn 20 Kỵ Binh. Trung đoàn 2BB trách nhiệm khu vực Nam Ái Tử đến bờ Bắc sông Thạch Hãn. Liên Đoàn 1/BDQ phòng thủ thị xã Quảng Trị, lập phòng tuyến tại bờ Nam sông Thạch Hãn.

Ngày 14-4-1972 với sự yểm trợ hỏa lực của Mỹ, sự chiến thắng của LĐ258/TQLC tại Pedro và sự tăng cường lực lượng của BDQ, Tướng Hoàng Xuân Lãm đã mở cuộc hành quân Quang Trung 729 để tái chiếm vùng lãnh thổ bị mất về tay CS: Trung đoàn 57BB phòng giữ tuyến phía Bắc, trong khi các đơn vị BDQ, TQLC và Thiết Giáp chia mũi dùi tấn công vào mặt phía Tây của Tỉnh Quảng Trị. Chiến cuộc bùng nổ lớn, tất cả các cánh quân đều chạm địch, cộng quân đã chống trả và pháo kích nặng nề vào các đơn vị hành quân. Bởi vậy thay vì quân ta tấn công, lại bị giặc đẩy ngược về phía thành phố. Trong số này, nguy khốn nhất là cánh quân của LĐ5 BDQ và Thiết đoàn 20 chiến xa, tuy nhiên các đơn vị của QLVNCH vẫn còn giữ vững được các vị trí trách nhiệm. Do vì việc tổ chức phối hợp không đồng bộ và pháo trận cường tập của đối phương khiến cho cuộc hành quân không hữu hiệu và còn làm suy yếu tiềm lực phòng thủ sẵn có.

Ngày 18-4-1972 thất bại trong trận tấn công căn cứ Phượng hoàng, cộng sản Bắc Việt đã tung thêm quân áp lực nặng căn cứ này và bắt đầu phản kích lại. Ngày 23-4-

1972 bất chấp sự thiệt hại to lớn trong những ngày đụng độ vừa qua với QLVNCH, cộng sản Hà Nội vẫn điên cuồng tấn công khắp nơi bằng biển người, bất chấp sinh mạng con người, trong đó phần lớn là đồng bào chạy lánh nạn. Trong lúc đó khắp các nẻo đường Quảng Trị, càng lúc càng chết chóc thê thảm, bởi cảnh pháo kích bừa bãi của cộng sản. Quảng Trị đã thật sự trở thành địa ngục trần gian thứ hai, sau địa ngục An Lộc.

Ngày 24-4-1972 Lữ đoàn 147 TQLC (Trung tá Nguyễn Năng Bảo LĐT) với hai Tiểu đoàn 4 và 8TQLC và TĐ2PB/TQLC sau khi được bổ sung và tái trang bị, được lệnh trở ra Quảng Trị thay thế vùng trách nhiệm của LĐ258/TQLC phía Tây căn cứ Ái Tử và tiếp nhận thêm TĐ1TQLC đang phòng thủ tại Phụng Hoàng. Lữ đoàn 258 TQLC với hai Tiểu đoàn 3 và 7 được đưa về Huế nghỉ ngơi và bổ sung quân số. Trong đêm này CS pháo kích làm cháy kho tiếp liệu của SĐ3BB tại La Vang-Quảng Trị, trong đó có kho xăng dầu và cả một đoàn xe tiếp tế quân trang quân dụng của Bộ Chỉ Huy 1 Tiếp Vận, từ Đà Nẵng tới. Đêm 26-4, sau nhiều đợt pháo kích, SĐ304/CSBV cùng với chiến xa, đã mở nhiều mũi tấn công cường tập vào tuyến phòng thủ của LĐ147/TQLC. Trận chiến đã diễn ra suốt đêm, chiến xa và bộ binh CQ cố tiến sát đến công sự phòng thủ của Lính Mũ xanh. Hỏa tiễn M72 và lựu đạn đã được sử dụng rất hữu hiệu để chặn đứng cuộc tấn công ồ ạt của đối phương. Dù sự yểm trợ của Không quân và Pháo binh bị hạn chế, nhưng với tinh thần chiến đấu quyết tử, hai Tiểu đoàn 1 và 8TQLC đã đẩy lui nhiều đợt tấn công của địch và bắn cháy 12 chiến xa T-54. Sáng ngày hôm sau tuyến

phòng thủ của TQLC thu hẹp lại, chỉ còn cách Ái Tử từ 2 đến 3km.

Ngày 27-4-1972 cộng quân tổng tấn công tất cả tuyến phòng thủ của VNCH từ cửa Việt xuống đến căn cứ Phụng Hoàng. Tất cả nòng súng đại pháo của quân Bắc Việt, đều tập trung vào tỉnh lỵ, căn cứ hỏa lực Ái Tử, các quận Mai Lĩnh và Hải Lăng. Đêm 27-4, pháo binh CSBV bắn trúng kho đạn Ái Tử, phá hủy phần lớn đạn dược dự trữ.

Ngày 28-4, cộng quân pháo dữ dội vào tuyến phòng thủ của Biệt Động Quân ở thị trấn Đông Hà trong 2 ngày khoảng 7,000 quả đạn. Đến 7:15 giờ sáng, bộ binh cùng chiến xa T-54 Bắc Việt tấn công vào phòng tuyến do Tiểu đoàn 30 BĐQ/Liên Đoàn 5 BĐQ đảm trách. Biệt Động Quân giữ vững phòng tuyến. Trung tá Ngô Minh Hồng Liên Đoàn Trưởng ra lệnh, thúc đẩy binh sĩ BĐQ chống trả với chiến xa T-54 của địch nhưng quân CS Bắc Việt vẫn tiếp tục tràn vào, nhất định chọc thủng phòng tuyến.

Sáng ngày 29 tháng 4-1972 Tiểu đoàn 33BĐQ được điều động lên tiếp viện cho Tiểu đoàn 30BĐQ, nhưng Tiểu đoàn bạn đã rút đi. Còn lại một mình, không có đơn vị Thiết Giáp yểm trợ, Tiểu đoàn 33 BĐQ vẫn tiếp tục chống cự cho đến tối, rồi rút theo Tiểu đoàn 30 về hướng Đông.

Đến 9:45 tối, bộ binh cùng chiến xa CS Bắc Việt tiếp tục tấn công vào tuyến phòng thủ của Tiểu đoàn 38BĐQ, Tiểu đoàn còn lại của Liên Đoàn 5 BĐQ án ngữ tại thị trấn Đông Hà. Vì áp lực của địch quân quá nặng khiến đơn vị này phải rút quân về Ái Tử.

Tổng kết sau những ngày giao chiến, các đơn vị LĐ5BĐQ đã bắn hạ 13 chiến xa T-54 và bắt sống một chiếc khác tịch

thu hằng trăm vũ khí. Tuy nhiên LĐ/BĐQ và Thiết đoàn 20 Kỵ Binh bị thiệt hại nặng vì pháo địch. Để bảo toàn lực lượng, các đơn vị này đã được lệnh triệt thoái để tăng cường bảo vệ phòng tuyến căn cứ Ái Tử và phòng thủ mặt Đông tiếp giáp với TĐ8TQLC. Trong khi đó, Trung đoàn 57BB triệt thoái về Thị xã Quảng Trị. Trong đêm này cộng quân cũng tung chiến xa và bộ đội tràn qua cầu Ga Quảng Trị nhưng đã bị đẩy lùi.

Trong khi đó, từ ngày 27 tháng Tư, quân CS Bắc Việt mở đợt tấn công mới, mạnh mẽ vào tuyến phòng thủ của Liên Đoàn 4 BĐQ. Đúng 6:00 giờ sáng, Pháo Binh Bắc Việt bắn phủ đầu lên các vị trí của quân đội VNCH bằng hỏa tiễn 122ly, và đại bác 130ly. Tại phòng tuyến từ Cam Lộ trở về dọc theo QL-9, Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân (với hai Tiểu đoàn 43 và 44) vẫn chống cự quyết liệt, đẩy lui nhiều đợt tấn công của chiến xa và bộ binh CSBV. Tuy nhiên, các chiến xa tăng phái bị trúng hỏa tiễn Sagger (tầm nhiệt, chống chiến xa), thiệt hại gần hết. Đến 4 giờ 15 phút chiều, hai Tiểu đoàn lính CSBV tấn công tràn ngập phòng tuyến của Tiểu đoàn 43BĐQ. Liên đoàn 4 Biệt Động Quân phải lui về lập một tuyến phòng thủ nơi phía Nam Đông Hà, gần sông Miếu Giang.

Phòng tuyến của Trung đoàn 54 Bộ binh ở Tây Huế

Căn cứ Bastogne và Checkmate nguyên là những căn cứ hỏa lực do các đơn vị của Quân Đoàn 24 Hoa Kỳ thiết lập và phụ trách phòng ngự. Từ đầu năm 1970 đến năm 1972, Sư đoàn 101 Kỵ Binh Hoa Kỳ thống thuộc quân đoàn nói trên đã bàn giao các căn cứ hỏa lực và căn cứ tiếp vận, hậu cứ cho Sư đoàn 1 Bộ binh VNCH. Đầu năm 1972, Sư

đoàn 1 Bộ binh VNCH tiếp nhận căn cứ Gia Lê và dời bộ Tư lệnh cùng toàn bộ các đơn vị yểm trợ và hậu cứ một số Tiểu đoàn, Trung đoàn Bộ binh về đây.

Trước khi cuộc chiến Mùa Hè 1972 bùng nổ vào cuối tháng 3-1972, Trung đoàn 54/SĐ1BB do Trung tá Nguyễn Thanh Hạnh chỉ huy, được điều động phòng thủ ở phía Tây Huế. Tuyến phòng thủ Trung đoàn 54 chạy dài từ phía Bắc căn cứ Bastogne (cách Huế khoảng 12km) đến phía Nam cao điểm 342 (Checkmate). Bộ Chỉ Huy Trung đoàn đặt tại căn cứ Birmingham (Bình Điền), Tiểu đoàn 1-54 án ngữ cao điểm 342 và quanh căn cứ Checkmate, Tiểu đoàn 2-54 phòng ngự căn cứ và vòng đai Bastogne, Tiểu đoàn 3-54 đóng chung với Bộ Chỉ Huy Trung đoàn, Tiểu đoàn 4-54 hành quân di động.

Từ đầu tháng 3-1972, tin tức tình báo ghi nhận các đợt chuyển quân của 3 Trung đoàn 29, 803 và 812 thuộc Sư đoàn 324B từ phía Bắc vào thung lũng A-Shau nằm ở hướng Tây Thừa Thiên. Cùng lúc đó, Trung đoàn 24 thuộc Sư đoàn 304 CSBV cũng được ghi nhận là đã di chuyển khỏi mật khu Ba Lòng (Quảng Trị) và trên đường di chuyển về phía Nam. Từ giữa tháng 3-1972 đến đầu tháng 4-1972, trong khu vực trách nhiệm của Trung đoàn 54 Bộ binh không có những trận giao tranh lớn, chỉ có những đợt pháo kích của cộng quân ở mức độ nhỏ. Những tuần lễ sau cùng của tháng 4-1972, việc tiếp tế bằng đường bộ cho hai Tiểu đoàn 1-54 và 2-54 đã không thể thực hiện được, Bộ Tư lệnh SĐ1BB đã tiếp tế cho quân trú phòng bằng phương pháp thả dù xuống căn cứ, nhưng hơn một nửa rơi ngoài căn cứ, lọt vào tay cộng quân.



Mặt trận phía Tây Thành phố Huế trong ngày 28-4-1972.

Cuộc triệt thoái khỏi căn cứ Bastogne và Checkmate

Chiều ngày 28 tháng 4-1972, mặt trận B4 CSBV tại mật khu 611 tung hai cánh quân gồm hai Trung đoàn 29 và 803 thuộc Sư đoàn 324B CSBV đồng loạt tấn công cường tập vào căn cứ Bastogne. Dù bị áp đảo về quân số, nhưng Tiểu đoàn 2-54 do Đại úy Hà Văn Khâm, Tiểu đoàn Phó xử lý thường vụ Tiểu đoàn trưởng, chỉ huy, đã chặn được các đợt tấn công của cộng quân trong hai giờ đầu. Trong khi đó, từ căn cứ hỏa lực Bình Điền, Tiểu đoàn Pháo binh tăng phái cho Trung đoàn 54 tác xạ tập trung vào quanh Bastogne để bảo vệ căn cứ khỏi bị cộng quân tràn ngập. Nỗ lực của Tiểu đoàn Pháo binh chỉ làm giảm tốc độ tấn công của đối phương thêm một thời gian ngắn, vì cùng với cuộc tấn công bằng bộ binh, cộng quân đã pháo hỏa tập dư dội vào căn cứ này.

Khoảng 8 giờ tối ngày 28-4-1972, qua hệ thống truyền tin, Đại úy Hà Văn Khâm đã báo cáo về Trung đoàn 54BB

tình hình nguy kịch của căn cứ và xin được triệt thoái. Trung tá Hạnh Trung đoàn T đã chấp thuận cho Đại úy Khâm được tùy nghi hành động, cố gắng mở đường máu để vượt thoát khỏi vòng vây của địch. Gần 10 giờ đêm 28-4-1972, Tiểu đoàn 2-54 mở đường máu vượt thoát vòng vây của địch. Ra khỏi căn cứ được khoảng 1 giờ di chuyển trong đường núi, Đại úy Khâm và toàn ban tham mưu, một số Đại đội trưởng, Trung đội trưởng và hơn một nửa Tiểu đoàn bị địch chặn bắt.

Bastogne thất thủ, tuyến phòng ngự của Tiểu đoàn 1-54 tại căn cứ Checmate đã bị địch cô lập. Để tránh tổn thất, đêm 29-4-1972, sau khi liên lạc với Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Sư đoàn, Trung tá Nguyễn Thanh Hạnh, ra lệnh cho Thiếu tá Nguyễn Phú Thọ, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1-54, điều động toàn Tiểu đoàn triệt thoái. Trên lộ trình rút quân, Tiểu đoàn 1-54 bị chặn đánh, một số Sĩ quan, và gần 1/3 Tiểu đoàn bị địch bắt. Riêng vị Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn Phó và một số Sĩ quan ban chỉ huy Tiểu đoàn vượt thoát được, về tuyến sau an toàn.

Đồng thời với việc tấn chiếm 2 căn cứ Bastogne và Checkmate, Trung đoàn 66/304 CSBV cũng đang nỗ lực vận tập về vùng thung lũng A-Shau để chuẩn bị tấn công Huế. Dù hai Tiểu đoàn 1-54 và 2-54 bị tổn thất nặng trong cuộc triệt thoái, nhưng với hai Tiểu đoàn còn lại 3-54 và 4-54, Trung đoàn 54 Bộ binh đã phối hợp với Trung đoàn 1 Bộ binh tăng viện, giữ vững phòng tuyến phía Tây Huế trong mùa Hè 1972. Trong ngày 29 tháng 4-1972, thế trận phòng thủ của lực lượng Việt Nam Cộng Hòa tại Quảng Trị đã trở nên nguy ngập, cộng quân đã thay đổi các hướng

tấn công để chuyển qua một nỗ lực mới. Về lực lượng Sư đoàn 3 Bộ Binh (BB) và các đơn vị tăng phái, các Sĩ quan chỉ huy trưởng đơn vị lại vô cùng lo lắng vì vấn đề tiếp tế và tiếp liệu đạn dược đang ở trong tình trạng thiếu hụt. Một số đại bác đã được phá hủy sau khi tất cả đạn dược đã cạn kiệt.

Trong những ngày cuối tháng 4-1972, lực lượng phòng thủ tại tuyến Quảng Trị được tiếp tế bằng Trục thăng với nhiều rủi ro nguy hiểm trên phi trình, đặc biệt là đoạn đường dọc theo QL-1. Trước các biến động chiến sự ngày càng nguy kịch, sáng ngày 30 tháng 4-1972, Chuẩn tướng Vũ Văn Giai, Tư Lệnh Sư đoàn 3BB, triệu tập các Sĩ quan chỉ huy trực thuộc và tăng phái về họp tại Bộ Tư Lệnh Hành quân Sư đoàn trong Cổ Thành Quảng Trị (tức trại Đình Công Tráng). Tại buổi họp, tướng Giai trực tiếp trình bày kế hoạch triệt thoái về phía Nam sông Thạch Hãn.

Theo sự phối trí của tướng Giai, Lữ Đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) từ căn cứ Ái Tử sẽ rút về thị xã Quảng Trị để lập vòng đai cố thủ bảo vệ tỉnh lỵ, một tuyến phòng thủ mới sẽ thiết lập dọc theo bờ Nam sông Thạch Hãn bởi lực lượng Bộ Binh và Biệt Động Quân (BDQ) với sự yểm trợ của một nửa lực lượng chiến xa và thiết vận xa, thành phần Thiết Giáp (TG) còn lại sẽ phối hợp với đơn vị bộ chiến để giải tỏa Quốc Lộ 1 về hướng Nam. Tất cả các đơn vị sẽ hoàn tất kế hoạch di chuyển vào ngày hôm sau. Riêng Lữ Đoàn 147 TQLC sẽ rời căn cứ Ái Tử trưa ngày 30 tháng 4-1972. Trong lúc đó tại Quảng Trị, đoàn người tỵ nạn thay vì tập trung tại Quảng Trị, lại ùn ùn tiếp tục

bỏ chạy về Huế, gây cảnh hỗn loạn trên Quốc Lộ 1 và làm mục tiêu cho pháo binh cộng sản. Các cánh quân cũng bắt đầu náo động vì vợ con tan tác chạy lánh nạn. Do đó nhiều đơn vị đã tự động di tản, làm cho Bộ Tư Lệnh SĐ3BB cũng là đầu não chiến trường, mất liên lạc với một số lớn đơn vị trực thuộc.

Trong đêm 29-4, địch liên tiếp pháo kích và tấn công vào phòng tuyến của TQLC và Trung đoàn 2/BB phía Tây và Tây Nam căn cứ Ái Tử. Sáng hôm sau, các chiến xa M-48 tăng phái cho BDQ được điều động qua mặt trận phía Tây của TQLC. Vì thiếu phối hợp, lực lượng BDQ nghĩ rằng, đơn vị thiết giáp bạn rút lui, nên cũng đã tự động triệt thoái về Quảng Trị, chỉ còn lại LĐ 147/TQLC phòng thủ căn cứ Ái Tử, 2 mặt Bắc và Đông bị bỏ trống. Trưa ngày 30-4, LĐ147/TQLC được lệnh rút khỏi Ái Tử về phòng thủ thị xã Quảng Trị. Kế hoạch triệt thoái được thi hành tốt đẹp.



Cảnh di tản khỏi Quảng Trị.

Đến ngày 30 tháng 4, Sư đoàn 3 Bộ Binh chỉ còn lại Trung đoàn 2BB và một Tiểu đoàn của Trung đoàn 57BB. Vị Sĩ quan chỉ huy của Trung đoàn 57BB không liên lạc được với hai Tiểu đoàn trực thuộc, ông chỉ còn bên mình một Trung đội Trinh Sát để bảo vệ Bộ Chỉ Huy Trung đoàn. Còn Trung đoàn 56BB, sau khi tan rã ở căn cứ Tân Lâm, đã được tái bổ sung quân số và tập trung ở căn cứ Nancy (gần Mỹ Chánh, phía Nam Quảng Trị). Trung đoàn này đang trong giai đoạn tái chỉnh trang nên chưa tham chiến được. Lúc 2 giờ sáng, cộng sản tấn công Trung đoàn 2/3BB và Thiết đoàn 17, tại căn cứ phía tây thành phố, trong lúc đó về phía bờ biển, cộng sản với bộ binh có chiến xa lội nước PT-76, tấn công tràn ngập các Tiểu đoàn ĐPQ + NQ của Tiểu Khu Quảng Trị.

Quảng Trị thất thủ

Tình trạng hỗn loạn khắp nơi, Tướng Giai phải quyết định bỏ căn cứ Ái Tử, rút hết về bờ Nam sông Thạch Hãn phòng thủ. Trung đoàn 57BB coi như tan hàng, vì hầu hết binh sĩ đã rã ngũ, để chạy theo gia đình đang di tản về Huế. Quốc lộ số 1 đã bị cộng sản đóng chốt nhiều đoạn, từ Hải Lăng về Mỹ Chánh vì Tiểu đoàn 7TQLC đã di chuyển ra phòng thủ căn cứ Ái Tử. Cùng với những cố gắng trong nỗ lực ngăn chặn cộng quân, Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 3BB điều động lực lượng để giải tỏa áp lực địch trên Quốc Lộ 1. Thế nhưng kế hoạch giải tỏa tiến hành chậm vì thiếu sự phối hợp giữa các đơn vị và hỏa lực địch phản công. Do đó đoạn đường huyết mạch, chỉ có 9km, bị bỏ ngỏ để quân cộng sản đóng chốt, đã trở thành con đường xương trắng máu đào, mà bia miệng và sử liệu gọi là Đại Lộ Kinh Hoàng hay

là mỏ chôn tập thể đồng bào tỉnh Quảng Trị, trong trận chiến Mùa Hè Năm 1972.

Trưa ngày 30 tháng 4 khi các đơn vị của LĐ 147 TQLC về đến bờ Bắc sông Thạch Hãn thì cả hai cây cầu ngang sông Thạch Hãn đã bị giật sập. Cầu Ván do cộng quân giật sập đêm 28 tháng 4-1972, còn cầu Sắt thì do thiếu phối hợp, toán Công Binh đã đặt chất nổ phá cầu trước khi đoàn quân xa của Tiểu đoàn 2 Pháo Binh TQLC và ba Tiểu đoàn 1, 4 và 8TQLC đi qua. Đoàn xe và 12 súng đại bác đã được phá hủy trước khi vượt sông Thạch Hãn, và các đơn vị TQLC đến chiếm giữ các vị trí trọng yếu quanh thị xã. Sáng ngày 1-5-1972, BTL/SĐ3BB thông báo cho các đơn vị trú phòng nguồn tin: “5 giờ chiều địch sẽ pháo trên 10.000 đạn pháo binh và hỏa tiễn vào thị xã Quảng Trị”, và cho lệnh các đơn vị lui quân khỏi thành phố để tránh pháo. Từ lệnh lui quân tránh pháo này đã đưa đến cảnh rút lui hỗn loạn, kéo theo hàng vạn đồng bào tản cư về Huế theo Quốc Lộ 1.

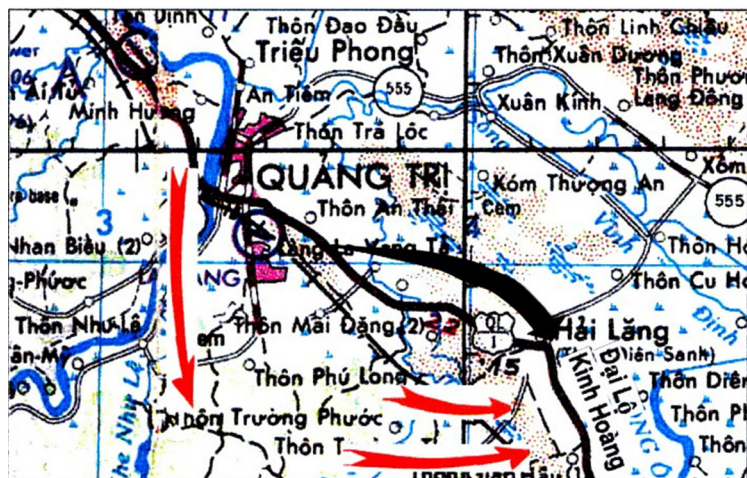
Ngày 2-5 Tướng Giai tuyên bố bỏ thành phố Quảng Trị và di tản chiến thuật. Tin trên chẳng những làm cho mười bảy triệu quân dân miền Nam đau xót bùi ngùi, mà còn khiến cho toàn thể thế giới sùng sốt. Tất cả không ai tin được là tại sao tỉnh Quảng Trị lại bị lọt vào tay giặc một cách quá dễ dàng, nếu đem so sánh với sự kinh hồn bạt vía, hoàn cảnh nguy ngập tại hai mặt trận Kontum và nhất là địa ngục An Lộc lúc đó, không một chiếc xe tăng hay đại pháo và bị vây khốn giữa chốn ba quân bạt ngàn, có sức mạnh chẻ tre chém đá mà còn giữ được.

Ngay sau khi kế hoạch lui binh bắt đầu, Tướng Hoàng Xuân Lãm ra lệnh tử thủ Quảng Trị. Lệnh Sư Đoàn và phần

lệnh của Quân Đoàn bắt nhất làm cho các đơn vị trưởng bất mãn, bất tuân thượng lệnh. Hệ thống chỉ huy phòng thủ Quảng Trị bị gãy đổ ngay từ đó, các đơn vị tự ý rời vị trí rút lui về hướng Nam. Tướng

tư lệnh SĐ3BB đã cùng với các cố vấn Mỹ và một ít Sĩ quan tham mưu thân cận, đã được 3 Trực thăng CH-54 bốc đi từ Cổ Thành Quảng Trị bay về Đà Nẵng lúc 16 giờ 40 cùng ngày. Cổ thành Đình Công Tráng-Quảng Trị, một căn cứ hỏa lực và phòng thủ vững chắc gấp 100 lần thị xã An Lộc, bị bỏ ngõ và lọt vào tay cộng sản Bắc Việt tối ngày 2-5-1972.

Cho đến giờ phút này, từ phía Bắc sông Thạch Hãn không còn một đơn vị nào của QLVNCH trấn giữ, sức chống cự của SĐ3BB không còn nữa. Vùng Quảng Trị chỉ còn lại LĐ 147 và LĐ 258 TQLC cùng một số đơn vị BĐQ đang cố cầm cự mãnh liệt Trên QL-1 vô cùng bận rộn, các đơn vị bận không còn hàng ngũ, lẫn lộn giữa dân chúng cùng di tản vội về phía Nam. Chiến trường không còn ranh giới, bom đạn đổ xuống khắp nơi, từ rừng núi, đồng bằng, quốc lộ, làng mạc và ngay trên bãi cát trắng của biển Đông. Hàng loạt đạn phòng không 37ly của địch lập thành hệ thống phòng thủ dọc theo vùng đồi núi chạy lên phía Bắc chỉ chút, cố bắn hạ máy bay đang oanh tạc. Pháo của Bắc Việt cùng những ổ súng lớn nhắm thẳng ra trục lộ, quyết ngăn chặn và cắt đứt các đơn vị đang rút lui. Thê thảm nhất là dân chúng, cha con, chồng vợ... gánh gồng, đùm nhau cố chạy về Nam bị pháo địch, vô số người dân vô tội bị chết và bị thương nằm la liệt bên cạnh những chiếc xe trúng đạn tan tành trên QL-1 từ Quảng Trị về tới sông Ô-Lâu.



Đại Lộ Kinh Hoàng.

Giữa cảnh hỗn loạn đó, Đại tá Nguyễn Đức Khoái Chi Huy Trưởng BĐQ Quân Khu I đã họp các cấp chỉ huy 3 Liên đoàn BĐQ và ra quyết định LĐ5BĐQ làm nỗ lực chính đánh trì hoãn để cho các cánh quân còn lại lui binh trên QL-1. Sự dũng cảm và hy sinh vì màu cờ Binh Chung, trên một chiến trường do địch chọn sẵn, Các chiến sĩ BĐQ đã đánh một trận phản phục kích để đời tại Sông Trường Phước mặc dù địch có chiến xa yểm trợ.

Vào lúc 14 giờ 30 chiều, LĐ147/TQLC với 4 Tiểu đoàn và gần 30 chiến xa & thiết vận xa còn lại của LĐ1 Ky binh, bắt đầu triệt thoái khỏi Quảng Trị về Huế theo Quốc Lộ 1. Thêm nhiều quân nhân thất lạc đơn vị và đồng bào đi theo đoàn quân này gây trở ngại không ít khi điều quân và lúc giao tranh với địch. Lực lượng TQLC đã đụng độ suốt đêm với Trung đoàn CSBV tại Hải Lăng, có nhiều quân nhân và đồng bào thấp tòng đã tử thương trong lúc giao tranh. Nhờ

hỏa lực mạnh mẽ của thiết giáp, địch rút lui vào buổi trưa hôm sau. Lữ 147/TQLC, chiến xa và đoàn người chạy giặc đã tới Mỹ Chánh vào buổi chiều, nơi Lữ 369/TQLC đang án ngữ. Trên đường lui binh, Lữ đoàn 147 TQLC, và các đơn vị của SĐ3BB, vừa phải bảo vệ dân chúng di tản, vừa mở đường máu, vừa đựng độ và lãnh đạn pháo kích nặng nề của giặc. Quốc Lộ 1, đoạn từ Hải Lăng về Mỹ Chánh, mất an ninh nhiều ngày trước, đang bị quân cộng sản chiếm và đóng chốt, nhất là cầu sông Nhung, trên Quốc Lộ 1, đoạn đường đã bị gián đoạn giao thông, vì đoàn xe di tản của dân và lính, dài hơn 3km. Đây là mục tiêu chính, để quân Bắc Việt phục kích tấn công, tha hồ tác xạ dữ dội và tàn bạo, bằng đủ loại súng lớn nhỏ, từ cá nhân, cộng đồng, đại bác tới thiết giáp. Hàng ngàn xe cộ, quân xa cũng như xe dân sự, đồng bào, lính tráng chết thảm thương trong những xác xe cháy nằm la liệt khắp mặt đường, dưới ruộng. Chỉ những kẻ biết bơi lội, mới sống sót được khi bơi qua sông Nhung, chạy về Mỹ Chánh. Một phóng viên chứng kiến thảm cảnh này khi thuật lại, đã đặt tên đoạn đường này là “Đại Lộ Kinh Hoàng”. Lúc đó Lữ đoàn 369 TQLC với hai TĐ2TQLC và TĐ9TQLC được tăng cường với nhiệm vụ chặn đứng sự tiến quân của địch, giữ phòng tuyến Mỹ Chánh từ sông Ô Khê tới đầu cầu Mỹ Chánh, ranh giới hai tỉnh Thừa Thiên-Quảng Trị và cố gắng tiếp cứu các đơn vị bạn đang lui quân một cách hỗn tạp, cùng dân chúng đang cố chạy xuôi về Nam.

Sáng sớm ngày 2-5-1972 Trung đoàn VC với 18 chiến xa yểm trợ tấn công Lữ đoàn 369 TQLC tại tuyến phòng thủ Mỹ Chánh. Sau nửa ngày giao tranh với pháo binh cơ

hữu và hải không yểm trợ, 17/18 chiến xa T-54 bị bắn cháy. VC bị thiệt hại nặng và tháo lui về hướng Hải Lăng bỏ lại trận địa trên 500 xác chết.



Dân chúng chạy loạn trên QL-1.

Ngày 2-5-1972 Tỉnh Quảng Trị thất thủ, Thiết đoàn 20 chỉ còn lại 6-48 chiến xa, Các đơn vị TQLC bị thiệt hại nặng, cầu Mỹ Chánh được Công Binh VNCH giật sập để cản bước chiến xa của địch. Cố đô Huế hiện giờ trong tình trạng hoảng loạn vô trật tự.

Tuyển phòng ngự Mỹ Chánh

Trước tình hình nguy ngập, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu triệu tập buổi họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia tại Dinh Độc Lập để duyệt xét tình hình. Ngày 3-5-1972 Thiếu tướng Ngô Quang Trưởng nguyên Tư Lệnh Quân Đoàn 4 được Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chỉ định thay thế Tướng Hoàng Xuân Lãm trên cương vị Tư Lệnh Quân Đoàn 1.

Ngày 4-5-1972, sau khi được chỉ định, Tướng Trưởng cấp tốc bay ra Quân Khu I và lập ngay phòng tuyến cố thủ tại cố đô Huế chống lại áp lực của các SĐ304, 308 và 325 CSBV ở phía Bắc sông Mỹ Chánh và SĐ324B ở phía Tây. Tướng Trưởng đã nhanh chóng thành lập Bộ Chỉ Huy Tiền Phương tại Huế và ban lệnh thiết quân luật:

- *Buộc tất cả quân nhân bỏ ngũ phải trở về trình diện đơn vị*
- *Cho lệnh bắn tại chỗ những người mang vũ khí lang thang ngoài đường phố hay bị bắt quả tang trộm cướp*
- *Bắn bỏ tại chỗ những tên cướp giết*
- *Tổ chức lực lượng quân cảnh tuần tiểu bằng Thiết Xa V100.*

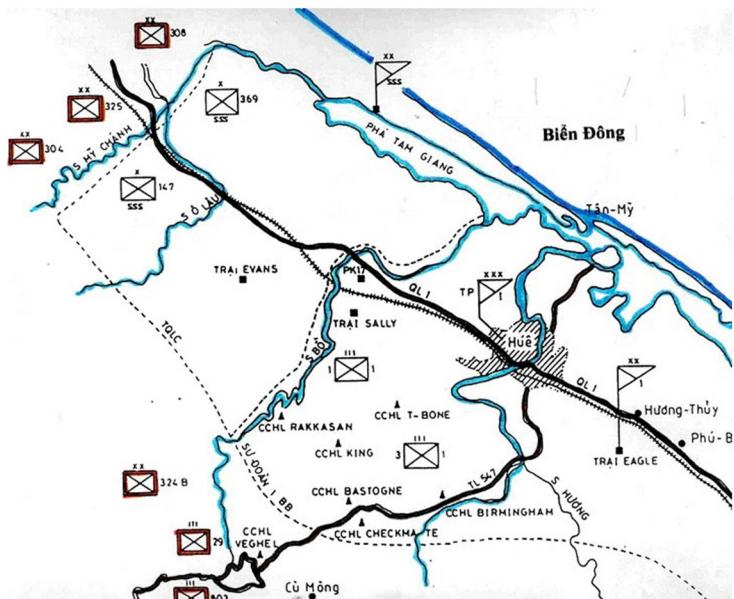
Đồng thời thành lập “Trung Tâm Điều Hợp Hòa Lực” và một “Toán Đặc Biệt” nhằm thu nhận các mục tiêu và vị trí địch quân, để phối hợp khai thác khả năng dồi dào của không-địa-hải pháo Việt-Mỹ yểm trợ chiến trường. Ngày 5-5-1972 Tướng Trưởng cũng phổ biến kế hoạch phòng thủ cho các vị Tư Lệnh Sư Đoàn:

1. SĐ1BB trách nhiệm phòng thủ phía Tây và Tây Nam Huế, nhằm ngăn chặn địch quân từ hướng mặt khu Ba Lòng

2. SĐTQLC trách nhiệm phòng thủ phía Bắc và Đông Bắc Huế, chặn đứng mọi toan tính xâm nhập của địch từ phương Bắc.

Các Tư Lệnh Sư đoàn toàn quyền điều động và phối hợp Địa Phương Quân, Nghĩa Quân và Chủ Lực Quân vào kế hoạch tác chiến của Quân Đoàn. Đồng thời lập kế hoạch Lôi Phong, tập trung hỏa lực Không, Hải và Địa pháo chiến thuật cũng như chiến lược cơ hữu Việt-Mỹ

nhằm ngăn chặn, và tiêu diệt sự tập trung quân của địch, để có đủ thời gian tái tổ chức trang bị và huấn luyện các đơn vị bị thiệt hại vừa qua. (lần đầu tiên các đơn vị VNCH được trang bị hỏa tiễn TOW.) Ngày này, Đại tá Bùi Thế Lân được chỉ định giữ chức vụ Tư Lệnh SĐTQLC thay thế Trung tướng Lê Nguyên Khang.



Tuyển phòng thủ Huế ngày 5-5-1972.

Lữ Đoàn II Nhảy Dù trấn ngự phòng tuyến Mỹ Chánh

Ngày 7-5 sự ổn định về phòng thủ tại Huế đã vững vàng, an ninh trật tự công cộng cũng được văn hồi. Mặc dù giao tranh còn đang xảy ra tại một vài nơi nhưng dân chúng Huế cũng cảm thấy yên tâm, một số gia đình chạy loạn đã lục tục trở về. Các chiến cụ bị mất mát hay hư hỏng cũng được các phi cơ khổng lồ C 141 và C5 Hoa Kỳ ồ ạt chở đến phi trường Đà Nẵng.

Ngày 8-5-1972, toàn bộ LĐIIND với 3 Tiểu đoàn 2, 7 & 11ND do Đại tá Trần Quốc Lịch làm Lữ Đoàn Trưởng, từ mặt trận Tây Nguyên được không vận đến Phi Trường Phú Bài tăng viện cho QĐL. TĐ11ND sau trận chiến tại đồi Charlie ở Quân Khu 2, được tái chỉnh trang, tăng cường cho mặt trận Quân Khu I, khi vừa đến Huế thì nhận được lệnh tái chiếm phía Nam sông Mỹ Chánh, điểm xuất phát từ Phong Điền cạnh Quốc Lộ 1 tiến về hướng Tây.

Thiếu tá Thành TĐP chỉ huy hai Đại đội đi cánh phải cách trực chính của Thiếu tá Mễ TĐT khoảng 1km về hướng Bắc. Tiểu đoàn tiến quân dọc theo mạn phía Nam của sông Mỹ Chánh. Vừa vượt tuyến xuất phát tại Phong Điền từ QL-1, TĐ11ND bung rộng sang hướng Tây liền chạm địch. VC dùng đủ loại pháo từ 82ly, 107ly, 122ly, 132ly... tác xạ vào đội hình của Tiểu đoàn 11ND và khi cơn mưa pháo vừa chấm dứt bộ binh của địch ào ạt xung phong tấn công cánh quân tiên phong của Tiểu đoàn 11. Thiếu tá Lê Văn Mễ TĐT điều động đoàn quân Nhảy Dù nghinh chiến, Các chiến sĩ Nhảy Dù không hề nao núng, gọi pháo binh Dù phản pháo đồng thời dàn hàng ngang xông thẳng vào trận tuyến của địch, với lối đánh thần tốc cướp tình thần địch quân, bộ đội CS đa số còn trẻ, quá sợ hãi trước một đối thủ vô cùng lợi hại nên đội hình tác chiến rối loạn và hốt hoảng bỏ chạy, bỏ lại cả xác của một Tiểu đoàn trưởng, cùng máy vô tuyến còn đang liên lạc. Đây là món quà chiến thắng đầu tay của Tân TĐT/TĐ11ND, và nhờ vậy ta biết được SĐ325 CSBV đã có mặt ở bờ Nam sông Mỹ Chánh. Sau đó cộng quân dùng trận địa pháo, pháo tới tấp vào Bộ chỉ huy TĐ11ND, Thiếu tá Lê Văn Mễ TĐT bị thương phải di tản. Thiếu tá Nguyễn Văn Thành TĐP tạm

thời thay thế. (Khi TĐ11ND nhận lệnh lên đường ra Huế, Đại tá Trần Quốc Lịch, LĐT/LĐIIND đã lưu ý vị Tàn Tiểu Đoàn Trưởng TĐ11ND, Thiếu tá Lê Văn Mễ rằng “Chắc chắn bọn CSBV sẽ tấn công Anh tới cùng vì theo kinh nghiệm về chiến thuật CS nếu nó đã đụng mạnh một đơn vị nào của ta một lần rồi khi ra quân lại bọn chúng sẽ tìm cách triệt hạ bằng mọi giá. Nếu Anh cảm thấy chưa đủ sức tôi sẽ cho thằng khác đi thay Anh”. Thiếu tá Mễ tỏ vẻ rất tự tin và xin tiếp tục nhiệm vụ và VC đã thật sự chào Ông một cách tận tình).

Tiểu đoàn 11 tiếp tục tiến quân về hướng Tây càn quét các chốt địch còn ẩn núp quanh quần trong vùng trách nhiệm. Các Tiểu đoàn 2 và 7ND sau đó được triển khai dọc theo bờ phía Nam sông Mỹ Chánh cùng Tiểu đoàn 11ND trấn giữ tuyến đầu. Tất cả chiến binh thuộc các đơn vị Nhảy Dù đều được trang bị súng chống chiến xa M72 và XM202 bốn nòng. LĐIIND sau khi bố trí trận thế cho các đơn vị xong, bèn tung các toán Viễn Thám thuộc Đại đội 2 Trinh Sát Nhảy Dù xâm nhập vào vùng địch chiếm đóng nhờ vậy chúng ta đã biết được cộng quân đang tăng cường nhiều chiến xa, bộ binh, phòng không và đại pháo phía bên kia bờ sông Mỹ Chánh.

Ngày 10-5-1972 tình hình tại Huế tạm ổn định. Liên đoàn 1BĐQ vừa hoàn tất việc bổ sung quân số và tái huấn luyện tại Đà Nẵng, được tăng phái cho SĐTQLC. Ngày này, quân số QLVNCH tập trung quanh thành phố Huế lên đến 35,000 người.

Ngày 12-5-1972, ĐĐTS/LĐ369TQLC vượt sông Mỹ Chánh, thám sát địa thế để lập đầu cầu chuẩn bị cho chiến

dịch Sóng Thần 5-72. Sáng hôm sau, ngày 13-5-1972, 2 Tiểu Đoàn 3 & 8TQLC được Trục thăng vận đổ vào Quận Hải Lăng, cách Quảng Trị 11Km về hướng Nam đánh bọc hậu trở về sông Mỹ Chánh. Đồng thời TĐ9TQLC vượt sông Mỹ Chánh đánh ngược lên phía Bắc. Trung đoàn 66 CSBV bị kẹp giữa hai gọng kìm nên bị thiệt hại nặng nề.

Song kiểm trấn ải

Tại tuyến đầu Mỹ Chánh, hằng ngày các đơn vị Nhảy Dù tung quân lực soát tìm và tiêu diệt các chốt địch lẻ tẻ còn ẩn náu trong vùng trách nhiệm cũng như luân phiên thay đổi vị trí đóng quân để duy trì đặc tính lưu động của Nhảy Dù. Tiểu đoàn 11 trấn nhậm trong vùng chân núi phía Nam bờ sông Mỹ Chánh. Hai Đại đội 111 của Trung úy Đinh Viết Trinh và Đại đội 113 của Đại úy Điền Minh Xuyên bảo vệ pháo đội TĐ1PB. Đại đội 112 của Hùng Móm hoạt động tới bờ Nam sông Mỹ Chánh, Đại đội 114 của Phan Cảnh Cho cùng Đại đội 110 có nhiệm vụ bảo vệ BCH Tiểu đoàn. hằng ngày các Đại đội báo cáo có nhiều dấu hiệu động quân của địch. Đại đội 112 báo cáo bắt gặp nhiều lá cờ vàng nhỏ cắm dọc theo bờ Bắc. Thiếu tá Thành XLTV Tiểu đoàn trưởng nhận định đây là dấu hiệu của Trinh Sát địch đánh dấu hướng dẫn địch quân tấn công Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù.

Thiếu tá Thành ra chỉ thị các Đại đội đề cao cảnh giác, chuẩn bị hầm hố chiến đấu, mìn bẫy cũng như điều chỉnh các mục tiêu hỏa tập cận phòng, và hỏa tập tiên liệu dọc theo các con đường tiến quân của địch. Đêm đêm, vị trí đóng quân các Đại đội phải thay đổi để tránh các điều nghiến của địch.



TĐ11ND tại phòng tuyến Mỹ Chánh sau ngày 8-5-1972.

Ngày 14-5-1972 CSBV quyết chí trả thù trận thảm bại lần trước, 23.00 giờ đêm Trung đoàn 66/SĐ324 bắt đầu tấn công vào ĐĐ11ND của Trung úy Đinh Viết Trinh ở phía Tây. Một toán đặc công của địch đã lọt được vào phòng tuyến, các chiến sĩ Nhảy Dù đã đánh cận chiến với địch quân và tiêu diệt bằng dao găm và lựu đạn. PB Nhảy Dù bắt đầu tác xạ cận phòng để ngăn chặn các đợt xung phong của địch. Lúc đó các Đại đội khác cũng bị địch quấy rối để cầm chân.

Đến 3 giờ sáng, 3 chiếc T-54 từ hướng Tây, Tây Bắc lù lù xuất hiện cùng bộ binh từng thiết lộ nhỏ theo sau ào ạt tấn công vào vị trí đóng quân của Đại đội 111ND. Các chiến binh Đại đội 111 Nhảy Dù sẵn sàng nghinh chiến, ghì tay súng chờ cho chiến xa địch tới gần. Ba chiếc chiến xa bò lùn vào tuyến phòng thủ như vào chỗ không người... Ầm!! Một viên đạn M72 đập thẳng vào pháo tháp chiếc dẫn đầu, lửa phụt cháy... Chiếc thứ hai tăng tốc độ, găm lớn

lướt tới sát phòng tuyến. Hạ sĩ Minh nhanh chân trèo lên pháo tháp ném quả lựu đạn vào trong xe, quả lựu đạn nổ tung... chiếc thứ ba hoảng sợ định tháo lui nhưng Chuẩn úy Miên đã khai hỏa kịp thời khẩu M72, chiến xa bị bốc cháy. Tiếp theo đó bộ binh từng thiết nhào tới bị các chiến sĩ Dù dùng súng cá nhân quạt ngã như sung rụng. Sau một giờ phản công quyết liệt của các chiến sĩ Nhảy Dù, địch quân chém về tháo lui về hướng Tây Bắc. Pháo Binh Nhảy Dù liên tục tác xạ ngăn chặn quân tiếp viện và đường tháo lui của quân địch. Cộng quân bị tổn thất nặng, ta bắt được một tù binh Thượng tá CSBV, một Tiểu sát viên và một Âm Thoại Viên, tịch thu 3 máy truyền tin Trung Cộng, một số lớn vũ khí đạn dược.

Ngày 15-5-1972 Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh SĐ1BB, tung 2 Trung đoàn SĐ1BB hành quân tái chiếm hai căn cứ Bastogne và Birmingham phía Tây Nam cố đô Huế.

Ngày 16-5-1972 hai Tiểu đoàn Bộ Binh thuộc Trung đoàn 3/SĐ1 bất ngờ được Trục thăng vận đổ ngay vào Bastogne. Buổi chiều Trung đoàn 3/1BB hoàn toàn làm chủ tình hình tại căn cứ này. Đến ngày 20-5-1972 SĐ1BB cũng tái chiếm căn cứ Checkmate.

TĐ3ND do Thiếu tá Trần Văn Sơn làm Tiểu đoàn trưởng, Thiếu tá Nguyễn Văn Định làm TĐP, sau khi tham chiến tại mặt trận An Lộc giải tỏa QL-13, được tái trang bị và không vận ra Huế chiều ngày 20-5-1972, liền sau đó hai Đại đội 32 của Đại úy Nguyễn Văn Khoái và ĐĐ33ND của Trung úy Nguyễn Hữu Viên được tăng phái cho TĐ11ND đang dàn quân trấn ngự tại Đồi Trần Văn Lý (rặng Hồ Lầy

núi Đá Bạc). Ngoài ra, TĐ11ND còn được tăng phái một chi đoàn (-) M41 của Thiết đoàn 20 Thiết Giáp do Trung úy Thúc chỉ Huy và một chi đội M-113/Thiết đoàn 17 phối hợp với ĐĐ113 của Đại úy Điền Minh Xuyên canh giữ pháo đội. Đại đội 32 đóng quân về phía Bắc của BCH Tiểu đoàn 11ND khoảng 800m trên một ngọn đồi chạy theo hướng Nam Bắc, Đại đội 33 đóng về phía Tây Bắc khoảng 1,500m cạnh một con lạch chi nhánh của sông Mỹ Chánh vòng theo hướng Tây Nam, chỗ sông này cận quân CS có thể lợi bộ qua được, vì vậy nhiệm vụ của ĐĐ33 thêm nặng hơn.



Tổng thống Thiệu thị sát mặt trận tái chiếm Tỉnh Quảng Trị; Trung tá Mễ, Trung tá Phú (TĐ9), Chuẩn tướng Lê Quang Lưỡng, TT Thiệu, Đại tá Bộ Binh, Trung tá Lê V Ngọc, Chuẩn tướng Bùi thế Lân (TQLC), Đại tướng Cao Văn Viên, Cận Vệ Tổng thống Thiệu và Đại tá Nhan Văn Thiệt.

Ngày 21-5-1972, Hòa tiễn Tow được Hoa Kỳ vận chuyển đến Đà Nẵng bằng vận tải cơ khổng lồ C-141 và C5 và lần đầu tiên trang bị cho các đơn vị QLVNCH.

Ngày 22-5-1972 BTL/SĐND và BCH LĐIIIIND được không vận tới Huế, BTL/SĐND đóng tại An Lỗ, 17km

phía Bắc thành phố Huế, căn cứ Hiệp Khánh. Trung đoàn 4/2BB cũng được tăng cường để bảo vệ Huế. Trung đoàn này được tăng phái cho SĐND trấn giữ phần lãnh thổ phía Nam sông Mỹ Chánh (đồi Trần Văn Lý) để các đơn vị Nhảy Dù rảnh tay vượt sông tái chiếm Quảng Trị.

Ngày 24-5-1972 QĐ1 mở cuộc hành quân Sóng Thần 6-72 thăm dò bằng 2 mũi tấn công vào phía Đông và phía Nam tỉnh Quảng Trị: Mũi thứ nhất TĐ7TQLC đổ bộ vào bờ biển dọc theo “dãy Phố Buồn Thiu” (tức là Hương lộ 555) phía Đông thành phố Quảng Trị. Dãy Phố Buồn Thiu là tên do ký giả Pháp tên Bernard B. Fall đặt cho khu chiến địa cũ thời Pháp tham gia chiến tranh Đông Dương nằm sát biển giữa Triệu Phong và Hải Lăng thuộc tỉnh Quảng Trị. Sau này ký giả chiến trường Bernard B. Fall vào quốc tịch Mỹ. Vào năm 1967 ông trở lại viết tin về chiến tranh Việt Nam và ông đã chết trong một trận chiến giữa Quân Đội Hoa Kỳ và Việt cộng ngay trên vùng chiến địa mà ông đã đặt tên là “Dãy Phố Buồn Thiu”). Mũi thứ hai gồm 2 TĐ 4 và 6TQLC đổ bộ bằng Trực thăng xuống giao điểm hương lộ 555 và 602, chạm địch khá mạnh với Trung đoàn 18 CSBV. Sau đó các đơn vị TQLC rút về tuyến Mỹ Chánh.

Ngày 28-5-1972 Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đến thăm chiến trường Quân Khu I, ban quân lệnh mở chiến dịch “Lôi Phong” tái chiếm Quảng Trị và thăng cấp Chuẩn tướng tại mặt trận cho Đại tá Bùi Thế Lân, Tư Lệnh SĐTQLC tại Huế.

Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù diệt tăng

Trong khoảng thời gian này, BCH/Lữ Đoàn II ND thường cho các toán viên thám của ĐĐ2TSND sang hoạt động bên kia bờ sông Mỹ Chánh báo cáo cho biết có đoàn

chiến xa địch, di chuyển về hướng Nam còn cách sông Mỹ Chánh khoảng 6km, nhưng không ghi nhận được chính xác, các Đại đội khác của TĐ3ND cũng báo cáo nghe thấy chiến xa địch di chuyển rất đông bên kia bờ sông, cũng không xác định được vị trí địch vì chỉ nghe tiếng nổ của động cơ mà đoán chừng thôi.

Ngày 2-6-1972 một lần nữa quân cộng sản thuộc Trung đoàn 66 có chiến xa yểm trợ đã vượt cầu ngầm tấn công vào TĐ11ND tại bờ Nam sông Mỹ Chánh, đồng thời địch cũng pháo dữ dội vào vị trí đóng quân tại căn cứ Nancy do một Đại đội của Tiểu Đoàn 2 Nhảy Dù trấn giữ cầu phao bắc qua sông do Công Binh QĐI thiết lập. Sau những ngày hành quân chạm địch liên tục, các chiến sĩ Nhảy Dù đều mệt mỏi, nhưng như thường lệ mỗi lần dừng quân đều chia phiên gác gác, căng mìn bẫy, đào hầm hố phòng thủ cẩn thận, mặc dù sỏi đá đã làm cong mòn cả cuộc xéng nhưng tinh thần và kỷ luật tác chiến của binh sĩ Nhảy Dù rất cao chỉ trong chớp mắt là đầu vào đẩy xong tất cả. Các Đại đội trưởng chỉ lo vị trí đặt các khẩu đại liên có xạ trường thuận lợi để bao trùm cả tuyến phòng thủ rồi cùng Sĩ quan Tiền sát viên điều chỉnh hỏa tập cận phòng... Tất cả các đơn vị đều đề cao cảnh giác, đầy đủ vũ khí chống chiến xa và lúc nào cũng sẵn sàng trong tư thế chiến đấu.

Sáng sớm ngày 2-6, cộng quân pháo dữ dội vào vị trí đóng quân đêm của Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù, Sau đợt pháo kích, tiếng động cơ của chiến xa địch nghe hù hụ càng lúc càng rõ dần. Các chiến sĩ Nhảy Dù đã được báo động sẵn sàng nghinh chiến. Từ vị trí đóng quân trên một ngọn đồi cao, Trung úy Viên ĐĐT/Đại đội 33 quan sát từ xa khoảng

1,200m về hướng Bắc-Tây Bắc dưới một đồi đất thấp hơn, 3 chiến xa CS từ từ bò lên đồi, từ hai khe suối bên cạnh hai chiến xa khác cũng cùng xuất hiện. Tất cả 5 chiếc T-54 bò về hướng phòng thủ Đại đội 111 của Trung úy Đinh Viết Trinh đang ghì tay súng chờ giặc. Khi các chiến xa địch bò lên đỉnh đồi đất rồi bỗng dừng lại (có lẽ chờ bộ binh tùng thiết), Trung úy Viên ra lệnh cho Tiểu Sát Viên Chuẩn úy Nguyễn Văn Trung gọi Pháo Binh Nhảy Dù bắn hỗn tạp: nổ chụp, chạm nổ và khói. Khoảng một phút sau, pháo đã nổ ngay trên đầu các chiến xa địch. Đến tràng đạn thứ hai bay tới thì các chiến xa ù tháo chạy. 2 trong 3 chiếc trên đồi phóng thẳng về phía trước bị tuột dốc không thắng lại được và lao xuống một hẻm vực thông thủy dưới chân đồi rồi bị lún kẹt cứng không thể xoay trở được, chờ bị bắt sống. 3 chiếc còn lại chạy thoát song song về hướng Đại đội 32 của Đại úy Khoái. Chờ khi chúng bò lọt vào chu vi tuyến phòng thủ, các khẩu đội M72 diệt chiến xa của ĐĐ32 “thịt” ngay loạt đạn đầu. Chiếc thứ ba rú ga lớn phóng nhanh mong thoát thân thì lập tức một trái hỏa tiễn “Tow” từ BCH Tiểu đoàn 11ND phóng tới tức khắc đâm vào ngay pháo tháp. Một tiếng nổ kinh hồn, chiếc T-54 bị văng lùi lại khoảng 8 đến 10m và bốc cháy dữ dội (ngọn lửa bùng phát từ 7 giờ sáng cho đến gần 5.00 giờ chiều mới tàn lụi). Xác của các “chiến sĩ lái” chỉ còn là mấy ống xương tay, chân bị khóa vào xe cho khỏi nhảy ra khỏi chiến xa). Còn thêm mấy chiếc chiến xa nữa theo sau thấy thế vội tháo lui chạy trốn dưới mấy khe suối bị các chiến sĩ Đại đội 111 Nhảy Dù của Đinh Viết Trinh phát giác và “rang” ngay tại chỗ bằng các khẩu M72. Tổng số các chiếc

tăng của địch bị hạ trong ngày 2-6 là 8 chiếc, trong đó có 2 chiếc bị bắt sống nguyên con, trên mỗi chiếc có 4 tên “chiến sĩ lái” tất cả đều bị khóa tay chân vào chiến xa.

Theo kinh nghiệm chiến trường, Các cấp chỉ huy Nhảy Dù đều biết rằng dù phía VNCH hay phe CS, trong trận đánh bằng chiến xa thường thì phải có bộ binh từng thiết, mà kỳ này chỉ có chiến xa xuất trận mà chẳng thấy bộ binh đâu cả, như vậy chắc chắn sẽ còn những “màn” khác tiếp nối, do vậy Tiểu đoàn trưởng Lê Văn Mễ chỉ thị cho tất cả đơn vị đề cao cảnh giác, chinh bị lại tất cả trang bị và công sự phòng thủ để đối đầu với trận chiến bộ binh từng thiết của địch.

Quả đúng như dự đoán, sáng sớm ngày hôm sau 3-6-1972 từng đoàn chiến xa T-54 nhấp nhô với bộ binh từng thiết chạy lúp xúp theo sau nhắm hướng Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù xông tới. Nhờ chuẩn bị sẵn, Khi chiến xa địch vừa vượt qua sông càn vào tuyến phòng thủ, các chiến sĩ Dù đã dàn chào bằng những loạt đạn pháo binh tác xạ hỗn tạp chụp xuống ngay trên đầu đoàn tăng địch, sau vài tràng pháo phủ chụp lên mục tiêu, khi màn khói tan hết thì không còn thấy bóng dáng một anh bộ đội nào chạy theo đoàn xe tăng.

Đại đội 33 bắt được một tù binh “bộ đội” mới có 16 tuổi, tên này chạy lạc khỏi đội hình từng thiết nên sống sót. Y khai rằng: ngày hôm qua vì tăng chạy quá nhanh, bộ đội không bám kịp, nên không “hợp đồng tác chiến” được. Nhưng hôm nay hợp đồng được thì còn đáng sợ hơn, vì chết hết rồi”

Địch quân bắt đầu rối loạn hàng ngũ vì bị đánh phủ đầu, Khi chiến xa CS tràn tới tầm nhắm, các chiến sĩ Nhảy

Dù đồng loạt khai hỏa các khẩu M72, và XM202 chống chiến xa cùng Pháo binh yểm trợ. Các chiến xa địch lật



Các chiến đấu cơ từ Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ tiếp chiến (ảnh minh họa).

gọng, nhiều chiếc tháo chạy. Bộ binh VC nhào lên xung phong biển người, từng đợt bị rơi rụng vì mìn claymore, lựu đạn, đại liên, tiểu liên thì nhau nhà đạn. Ngay lúc đó, hàng đoàn chim sắt từ Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ bay tới tham dự trận chiến, đông nghẹt như một ngày biểu diễn để yểm trợ cho cánh quân Dù và tiêu diệt các loại tăng của CS. Khi các chiến sĩ Nhảy Dù phát giác một tăng địch xuất hiện tại địa điểm nào chỉ cần phóng một quả đạn khói tới đó chỉ điểm mục tiêu thì bầy “kên Kên” nhào tới phóng hàng chùm “hỏa tiễn” dài khoảng 3m xuống, chỉ trong khoảnh khắc chiếc Tăng bị tan thành mảnh vụn.

Trận chiến kéo dài đến trưa ngày 3-6 thì kết thúc, cộng quân tháo lui, xác địch ngổn ngang bên ngoài rào phòng thủ trên 100 xác, 5 tù binh bị bắt sống, trong 2 ngày giao tranh 28 chiến xa bị loại khỏi vòng chiến (19 chiếc gồm cả T-54, BTR85 và PT-76 bị bắn cháy, tại bờ suối 9 chiếc còn

nguyên vẹn bị tịch thu vì hoảng loạn tháo chạy và bị lún sinh). TĐ11ND và 2 Đại đội/TĐ3ND tăng phái bị thương vong 20 binh sĩ vì đạn pháo kích. Về sau, khi Trung đoàn 4/2BB đến thay thế trấn giữ đồi Trần Văn Lý, các chiến sĩ TĐ11ND bung rộng về phía Bắc tận sông Nhung đã phát hiện thêm nhiều chiến xa BTR85 do VC cất dấu trước khi tháo lui. (Các chiến xa này được đem về trưng bày tại căn cứ Hiệp Khánh, nhờ các chiến thắng này, TĐ11ND được tuyên dương là đơn vị đã tiêu diệt nhiều chiến xa của địch nhất).

Ngày 8-6-1972, 4 Tiểu Đoàn TQLC đã vượt sông Mỹ Chánh đánh qua phía Bắc mở cuộc hành quân Sóng Thần 8-72. Quân CS đã phản kích kịch liệt dọc theo hương lộ 555. Nhung TQLC cũng đã mở rộng được tuyến bờ sông phía Bắc Mỹ Chánh.

Ngày 18-6-1972 tiếp nối cuộc hành quân Sóng Thần 8-72, ba Tiểu Đoàn 1, 5 và 6TQLC mở cuộc hành quân Sóng Thần 8A-72. Cộng quân tung bộ binh và chiến xa kháng cự dữ dội. BCH hành quân gọi phi pháo yểm trợ và pháo đài bay B-52 can thiệp. Địch quân bị thiệt hại nặng, TQLC đã mở rộng phòng tuyến phía Bắc sông Mỹ Chánh thêm 6km.

BCH/LĐIND cùng các đơn vị Tiểu đoàn 5, 6 và 8 Nhảy Dù sau khi giải tỏa An Lộc ngày 8-6 được bổ sung quân số, tái huấn luyện và trang bị lần lượt được không vận ra Huế tăng cường cho mặt trận Quân Khu I chuẩn bị tái chiếm Quảng Trị.

Tái chiếm Quảng Trị: Hành Quân Lam Sơn 72

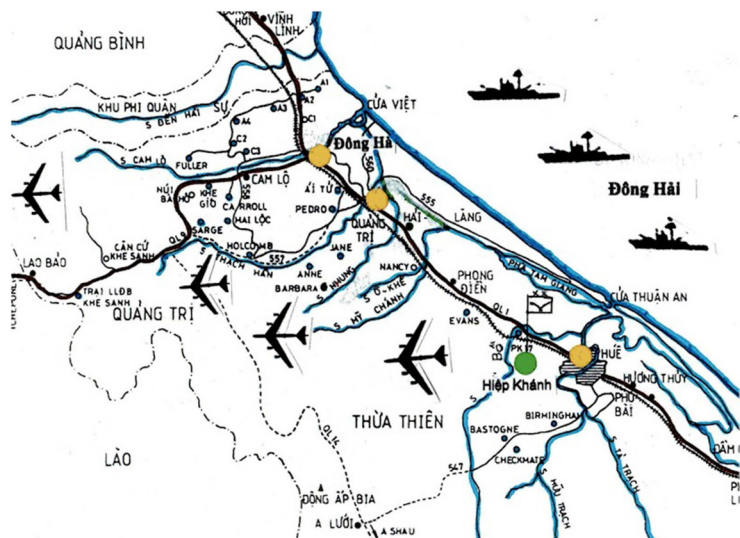
Ngày 28-6-1972, thấy chiều hướng thuận lợi, BTL/QĐI phát động kế hoạch phản công tái chiếm Quảng Trị. Trong

kế hoạch này, nỗ lực chính là SĐND, SĐTQLC, LĐ1BĐQ và Thiết đoàn 17KB. SĐ1BB mở rộng vòng đai an ninh về hướng Tây Huế nhằm tái chiếm các căn cứ trong khu vực thung lũng A-Shau, Trung đoàn 57BB hành quân lục soát vùng Quảng Nam. SĐ3BB trấn ngự chung quanh Đà Nẵng. Thành phần trừ bị gồm Trung đoàn 4/2BB, Trung đoàn 51 và Thiết đoàn 17KB.

Sư đoàn Nhảy Dù phát động chiến dịch Lôi Phong

Theo kế hoạch hành quân của Quân Đoàn I: Ngày N-2 và N-1 ta khởi đầu một cuộc không tập toàn diện bằng hỏa lực B-52, các loại hải pháo, phi pháo và pháo binh diện địa vào các vị trí tập trung quân của địch, các kho tàng cơ giới và các vị trí súng lớn của địch. Ngoài ra, QĐI còn tung ra một kế hoạch hành quân nghi binh bằng một lực lượng Nhảy Dù sẽ nhảy xuống Cam Lộ và TQLC sẽ đổ bộ vào cửa Việt nhằm cắt đường tiếp vận của đối phương để đánh lạc hướng và gây hoang mang cho địch quân.

Ngày N bắt đầu, SĐND bên trái QL-1, SĐTQLC bên phải QL-1, hai đơn vị Tổng Trừ Bị của QLVNCH tiến song song theo thế gọng kềm về hướng Bắc, từ bờ biển đến tận đỉnh núi Trường Sơn, đánh đuổi đoàn quân xâm lược khát máu CSBV tận sào huyệt của chúng. Theo kế hoạch hành quân này của Quân Đoàn I, SĐND sẽ được Trục thăng vận vượt sông Mỹ Chánh rồi dàn quân tấn công về hướng Bắc. Nhưng để giữ bí mật, 5.00 giờ chiều ngày hôm trước, Trung tướng Du Quốc Đống thay đổi chiến thuật, không dùng Trục thăng vận mà dùng cầu phao và xuồng máy M2 của Công Binh Nhảy Dù để chuyển quân sang bờ sông Mỹ Chánh.



Bản đồ hành quân tái chiếm Quảng Trị.

Để chuẩn bị vượt tuyến xuất phát, Thiếu tá Lê Hồng, TĐT/TĐ1ND họp khẩn các cấp chỉ huy trong đơn vị và ban lệnh hành quân. Ông nghiêm trọng chuyển lệnh thẳng cho Bác sĩ Phạm Gia Cẩn, Y sĩ TĐ1ND: “Theo ước lượng của BTL/SĐND cuộc hành quân này sẽ tổn thất ít nhất là 2/3 về nhân mạng vậy Bác sĩ hãy chuẩn bị thuốc men và những dự phòng cần thiết”.

3.00 giờ sáng ngày 28-6, mở đầu cuộc hành Quân Lam Sơn 72, Đại tá Trần Quốc Lịch LĐT/LĐIIND điều động 3 Tiểu Đoàn Nhảy Dù vượt sông Mỹ Chánh. Tiểu Đoàn 2ND do Thiếu tá Nguyễn Đình Ngọc chỉ huy đi cánh trái, TĐ1ND do tân Tiểu đoàn Trưởng là Thiếu tá Lê Hồng chỉ huy đi giữa và TĐ3ND do Thiếu tá

Trần Văn Sơn làm Tiểu Đoàn Trưởng đi cánh phải. Có lẽ do tin tình báo nội tuyến, địch biết kế hoạch hành quân

của Quân Đoàn I nên tất cả súng phòng không của CSBV ở bên kia bờ sông Mỹ Chánh đã sẵn sàng chia mũi lên trời định dàn chào các “Thiên Thần Sát Địch”. Nhưng chúng không ngờ, trời vừa lờ mờ sáng, các Thiên Thần đã độn thủy sang sông một cách yên lặng và bất ngờ. Sau phát súng lệnh, từng đoàn, từng đoàn lính Dù hô xung phong vang trời, tấn công vào phòng tuyến địch. Vì bị đánh bất ngờ các cấp chỉ huy cộng sản không kịp trở tay, hốt hoảng bỏ chạy. TĐ2ND đánh thẳng vào BCH Trung đoàn 203 chiến xa của VC, tịch thu 3 khẩu phòng không 37ly, nhiều súng cối 61ly và 82ly cùng đạn dược, bắt sống hai chiến xa T-54 còn đang nổ máy, trong lúc TĐ1ND đã xong trận đánh xấp lá cà tiêu diệt hết các xạ thủ đang ghìm tay súng nhìn lên trời, và tịch thu được 14 khẩu đại bác phòng không 12.7 ly & 2 khẩu 57 ly phòng không với bộ ngồi xoay tròn cho xạ thủ, cùng bắt sống 5 tù binh. TĐ3ND đi cánh phải sau khi vượt sông Mỹ chánh chiếm vùng Lương Điền, Tân Tường, Trường Vinh đến tận phía Nam sông Ô-Khê để bảo vệ bãi đáp cho 2 TĐ9ND và TĐ11ND. Khi vừa qua sông Mỹ Chánh TĐ3ND đã tiêu diệt 2 cán binh CS tịch thu 2 khẩu AK 47 và bắt được 3 khẩu pháo 105ly mà địch đã lấy được của ta trước đây rồi dấu vào bụi tre. Sau đó TĐ3ND tiến về phía Bắc để tiêu diệt các chốt địch dọc theo Quốc Lộ 1 (Đại Lộ Kinh Hoàng) rồi mở mũi dùi về phía Đông để tái chiếm Quận Hải Lăng.

Lữ Đoàn I Nhảy Dù xông trận

Sáng ngày 2-7-1972, Trung tá Lê Văn Ngọc tân LĐT/LĐIND chỉ huy 3 Tiểu đoàn Nhảy Dù: TĐ9ND (Trung tá Trần Hữu Phú TĐT), TĐ11ND Thiếu tá Lê Văn Mễ TĐT

và Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù do Thiếu tá Trần Đăng Khôi làm TĐT, được tăng phái 2 ĐĐ Biệt Cách Dù (81), chi đoàn 48 (thuộc Thiết đoàn 20), 1 TĐ địa phương quân thuộc chi khu Quảng Trị. Trách nhiệm càn quét quân giặc dọc theo phía Tây dưới chân dãy Trường Sơn, từ phía Bắc sông Mỹ Chánh qua sông Nhung đến La Vang dọc theo bờ sông Thạch Hãn rồi vào Thị xã Quảng Trị.



Quân Dù tái chiếm nhà thờ La Vang.

TĐ9ND và TĐ11ND được Trục thẳng vận đồ xuống phía Bắc Sông Nhung, hai Tiểu Đoàn Dù đi song song chiếm từng thước đất, từng cái hố, từng chốt địch, trên những dãy đồi trọc không một bóng cây dưới ánh nắng oi bức của mùa Hè đỏ lửa. Chiến sĩ Dù phải vận dụng tối đa tai, mắt, hơi thở, trí óc rồi bằng lựu đạn, bằng dao găm đánh cận chiến với địch.

Để cản bước tiến của quân ta, CSBV đã pháo hàng loạt đủ loại từ 130ly, 122ly hỏa tiễn 107 ly... Nhưng đoàn quân

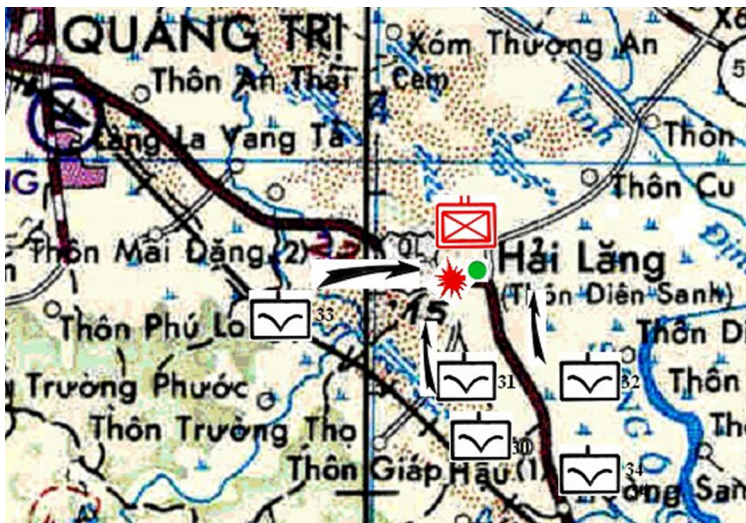
Mũ Đỏ vẫn không chùn bước trên đoạn đường dài 9km đầy đầy những cảnh tượng chết chóc từ Giáp Hậu, qua Mai Đằng rồi đến La Vang Thượng.

TĐ9ND do Trung tá Trần Hữu Phú chỉ huy, chia quân thành 2 cánh tiến đánh vùng Tân Lê, Phước Môn, trong trận này tất cả 4 Đại đội trưởng của Tiểu đoàn 9 Nhảy Dù đều bị thương vì pháo địch, Đại úy Ngưu Đại đội trưởng ĐĐ94 bị tử thương tại Tân Téo.

TĐ11ND là trục chính của cuộc tiến quân, từ Hải Lâm cũng chia làm 2 cánh tiến chiếm mục tiêu là nhà thờ La Vang. Đường vào La Vang thật là hung hiểm, khi đến cầu Trường Phước, cách La Vang 2km về phía Nam, một đoàn chiến xa BTR85 và PT-76 của địch đang di chuyển trên QL-1 ngược chiều với quân Dù. Quân TĐ11ND xung phong với M72 chống chiến xa, gọi Pháo Binh và không quân yểm trợ. Sau 2 giờ quần thảo, chiến xa địch quay đầu bỏ chạy, các chiến xa địch còn lại hoảng loạn tranh nhau qua cầu nên bị lọt rớt xuống sông nằm dồn đống lên nhau. TĐ11ND tiếp tục truy kích địch quân, đến sáng ngày hôm sau cánh quân của Thiếu tá Thành (TĐP11) khi tiến vào nhà thờ La Vang, quân ta đã bắn cháy 2 chiến xa T-54 cộng sản bố trí trước sân nhà thờ. Trong khi đó Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù do Thiếu tá Trần Đăng Khôi làm TĐT được Trục thăng vận đổ xuống khu vực bên cánh phải QL-1 đi song song với TĐ11 và sau 3 giờ kịch chiến, lực lượng TĐ7 Nhảy Dù đã làm chủ tình thế.

Sau 5 ngày vừa đi vừa búng chốt địch, buổi trưa ngày 7-7-1972, TĐ3ND bắt đầu tấn công vào quận Hải Lăng. Thiếu tá Sơn Tiểu đoàn trưởng cho các Đại đội 31, 32 và 34

tiến dọc 2 bên QL-1 theo đội hình chân vịt, trong khi đó Đại đội 33 tiến dọc theo đường rầy xe lửa và “Đại lộ kinh hoàng” (ĐLKH) bung chốt địch để cho các toán Công Binh dọn dẹp những tử thi và đẩy dầy những chiến cụ bị phá hủy. Khi Đại đội 32 tới khu trường học, nằm lại án ngữ tại đây. Đại đội 33 cập theo tình lộ 602 tấn công thẳng vào quận lỵ. Địch ở trong quận đường phản kích mãnh liệt, nhưng với kinh nghiệm chiến trường, Trung úy Nguyễn Hữu Viên ĐĐT/ĐĐ33ND bình tĩnh gọi pháo binh và phi cơ yểm trợ. Sau 2 giờ quần thảo địch quân tháo chạy về hướng Bắc, TĐ3ND tái chiếm lại Quận Hải Lăng vào lúc 4.00 giờ chiều. Trong lúc điều quân tái chiếm quận Hải Lăng, Thiếu tá Trần Văn Sơn TĐT chẳng may trúng mảnh đạn pháo địch bị thương, Thiếu tá Võ Thanh Đồng TĐP/TĐ9ND về thay thế chức vụ TĐT/TĐ3ND.



Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù tái chiếm Quận Hải Lăng ngày 7-7-1972.

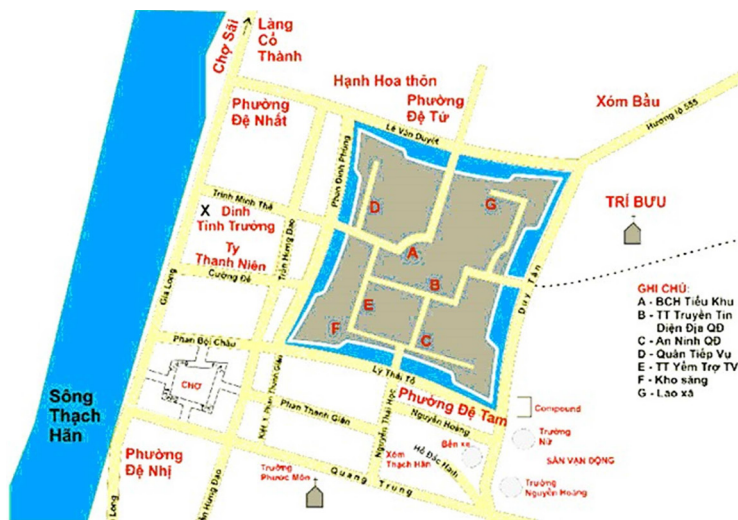
Ngày 8-7-1972 sau khi chiếm Hải Lăng xong, TĐ3ND được lệnh tiến về trước cùng TĐ8ND càn quét giặc cộng dọc 2 bờ Sông Nhung từ Đông sang Tây tới tận chân núi Trường Sơn. Trên đường hành quân, ĐĐ33ND đã phối hợp với một đơn vị của TĐ8ND do Đại úy Trần Cao Khoan chỉ huy bên kia bờ sông, đã tiêu diệt được một đơn vị đặc công CS toan đặt mìn giật phá cầu Trường Phước trên QL-1. Bốn tên bỏ xác tại trận với 4 khẩu AK-47 cùng bắt được một Thượng úy VC tên Thanh mới 28 tuổi là TĐT Tiểu Đoàn 31 Đặc Công cộng sản.

Hai ngày sau (10-7) Tiểu đoàn 3ND lại tấn công địch quân trên ngọn đồi có độ cao 30m trên nguồn sông Nhung. ĐĐ33ND được chỉ định, chia làm hai mũi dò lần theo thể chân vịt tiến chiếm mục tiêu. Khi toán khinh binh đi đầu chạm địch, toàn Đại đội đồng loạt xung phong chớp nhoáng trong vòng 10 phút giao tranh, Nhảy Dù đã làm chủ trận địa. Cộng quân hoảng hốt bỏ chạy để lại 2 xác chết, ta tịch thu 3 súng phòng không 37ly bên cạnh có một xác Trực thăng UH1-D của VNCH bị bắn rơi trước đây. Sau khi bung rộng ra lục soát tìm thấy thêm 2 khẩu đại bác 122ly nòng ngắn, rất nhiều đạn chưa kịp bắn, một máy phát điện và một xe cơ giới sửa chữa. Ngày hôm sau Lữ Đoàn II Nhảy Dù cho 5 chiếc Thiết Vận Xa vào kéo 3 khẩu phòng không, 2 khẩu đại bác 122ly và chuyên viên Công Binh phá hủy tất cả đạn đại bác.

Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù tiến chiếm Cổ Thành Quảng Trị

Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù do Trung tá Nguyễn Chí Hiếu làm Tiểu đoàn trưởng, với 5 Đại đội: Đại đội 50 hay là Đại đội Chỉ Huy, ĐĐT là Trung úy Chiêu, Đại đội 51 ĐĐT là Đại úy

Trương Đăng Sỹ, Đại đội 52, ĐĐT là Trung úy Hồ Tường, Đại đội 53 ĐĐT là Trung úy Thân, Đại đội 54 ĐĐT là Trung úy Nguyễn Vũ Dương. Ngày 28-6-1972 sau khi giải tỏa An Lộc Tiểu đoàn được không vận đến Huế và trú đóng tại căn cứ Nancy khoảng một tuần lễ. Tại đây, Tiểu đoàn tái huấn luyện binh sĩ về chiến thuật đánh trong thành phố phân tán mỏng từng tổ ba người, cách thức ngụy trang khi di chuyển và thực tập bắn hỏa tiễn TOW, M72, XM202... chống chiến xa.



Khu vực cổ thành tại thị xã Quảng Trị.

Ngày 5-7-1972, TĐ5ND di chuyển bằng đường bộ đến La Vang Tả rồi tiến về hướng Tây chiếm mục tiêu làng Nhu Lệ. Sau khi B-52 trải thảm độc bờ sông, TĐ5ND tung quân vào lục soát đến tận bờ sông Thạch Hãn, thấy rất nhiều xác cộng quân tại hiện trường. Tiểu đoàn tịch thu được 2 khẩu phòng không 37ly.

Ngày 9-7-1972, bàn giao khu vực lại cho TĐ11ND, TĐ5ND di chuyển về hướng Đông, băng ngang QL-1, hôm sau dừng quân tại khu vực thôn An Thái cách cổ thành khoảng 3km về hướng Đông Nam. Tại đây BCH/TĐ lập sa bàn chuẩn bị kế hoạch điều quân tấn công Cổ Thành.

Ngày 10-7-1972, Trung tá Nguyễn Chí Hiếu triệu tập các Đại đội trưởng ban lệnh hành quân, Sĩ quan các Đại đội có 3 ngày để huấn luyện và hướng dẫn binh sĩ thuộc quyền chuẩn bị tác chiến. Đặc biệt trong trận này yếu tố nguy trang triệt để áp dụng. Trung tá Hiếu cũng giao quyền chỉ huy cánh quân tiền phong gồm 2 Đại đội 51 và 52ND tấn công vào Cổ thành cho Thiếu tá Bùi Quyền TĐP.

Lực lượng quân cộng sản cố thủ trong cổ thành Quảng Trị bao gồm Trung đoàn 48 (SĐ320B, Sư đoàn này do tướng Nguyễn Sùng Lâm làm Sư đoàn Trưởng và là Tư Lệnh Mặt Trận 7 Quảng Trị thuộc Quân Khu Trị Thiên được đưa vào tăng cường, chịu trách nhiệm khu vực thuộc quận Triệu Phong từ tây bắc Vĩnh Định ra tới Cửa Việt), Trung đoàn 95 (SĐ325), 2 Tiểu đoàn bộ đội địa phương của tỉnh Quảng Trị, Tiểu đoàn 8 (Trung đoàn 64/SĐ320). Chi viện trực tiếp cho lực lượng này là các đơn vị còn lại của SĐ325 và SĐ312.

Tiểu đoàn 1 TQLC Nhảy Vào Triệu Phong

Ngày 11-7-1972 TĐ1TQLC được Trục thăng vận đổ xuống Triệu Phong cạnh hương lộ 560 cách TX Quảng Trị 2km về hướng Đông Bắc để ngăn chặn đường tiếp vận của địch muốn tăng cường cho lực lượng của chúng trong Cổ Thành. Trước giờ xuất phát, những túi lửa B-52 chiều ngang 1km và chiều dài 3km được lóc lên từng chập để

dọn bãi trước khi đổ quân. Đúng 12 giờ 5 phút ngày 11-7-72, Tiểu đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến với biệt danh Quái Điều được Trực thăng bốc từ nhà thờ 2 chuông Diên Môn bay ra Triệu Phong, chia thành 2 cánh quân, bắt thần đổ trên đầu địch, giữa những đám ruộng trước quận lỵ. Tuy bãi đáp đã được B-52 dọn cỏ suốt 2 tiếng đồng hồ, mà cộng quân vẫn dằn chào long trọng gia đình Quái Điều. Súng phòng không 23 và 37 của địch bắn lên như pháo bông. Đại đội 4 Tiểu đoàn 1 do Đại úy Trịnh Văn Thềm chỉ huy, đổ bộ trước tiến chiếm mục tiêu của cánh A ở hướng Đông Nam quận Triệu Phong, bám vào ngã ba nhánh sông Ngô Xá Vĩnh Định để làm tiền đồn. Đại đội 1 (Đại úy Bồn) tách ra hợp với cánh B chiếm bờ sông Vĩnh Định cách ĐĐ4 500m về hướng Bắc và cho một Trung đội tăng phái súng cộng đồng tiến dọc theo sông Vĩnh Định lên hướng Bắc yểm trợ hỏa lực tối đa cho Đại đội 3 (Đại úy Liễu).

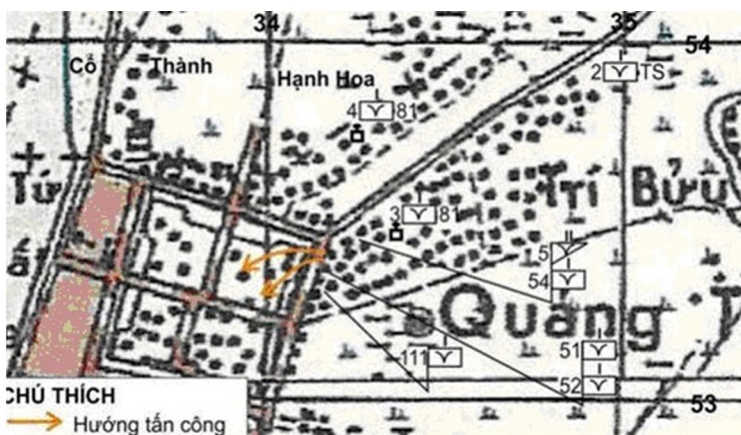
Hai chiếc Trực thăng khổng lồ CH-54 đi đầu chạm đất một cách bất ngờ nên thoát được phòng không địch. Cả thảy 32 Trực thăng đổ quân, gồm 17 chiếc CH-53, loại Chinook chở được 60 người và CH-46 loại Chinook chở được 20 người. Một chiếc Trực thăng bị rút và nổ tung chở Trung đội Quân y 60 người chỉ sống sót 12 trong đó có Bác sĩ Hoàn. Ông đã lao được ra ngoài cửa cấp cứu, nhưng phải 2 ngày sau mới bò về được Bộ chỉ huy Tiểu đoàn với thân hình cháy phỏng nặng. Ngay phút đầu, sau khi hoàn tất cuộc đổ quân, Tiểu đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến đã bị thiệt hại hơn 200 người vừa chết vừa bị thương, trong số 32 Trực thăng chuyển quân, có 29 chiếc trúng đạn và 2 chiếc rút vì bị hỏa tiễn SA-7 bắn rơi, 30 quân nhân TQLC

và Phi Hành Đoàn bị tử trận. Cánh đồng Triệu Phong đã trở thành bãi chiến trường khốc liệt. Xe tăng VC phối hợp với bộ binh bắt đầu rời vị trí phòng thủ để rượt đánh quân ta, và những chiếc Trục thăng vũ trang Cobra của phe ta đã táo bạo săn đuổi chúng như những con diều hâu săn mồi. Riêng Tiểu đoàn 1TQLC lúc bấy giờ tan tác như bầy gà lạc mẹ, mạnh ai nấy đánh, dùng chiến thuật cá nhân phối hợp từng tổ nhỏ cố bám lấy bờ sông Vĩnh Định là chi nhánh của sông Thạch Hãn để làm điểm tựa tác chiến. Nhờ vào súng M-72 chống chiến xa, quân ta đã bắn hạ được một số tăng địch, có những chiếc bốc cháy cách ta chỉ 50m, làm cho anh em binh sĩ an tâm và tin tưởng vào loại vũ khí cá nhân hiện đại và tối tân này, mỗi Đại đội chỉ được trang bị 12 trái. Những hố bom trở thành vị trí chiến đấu lý tưởng cho binh sĩ mình. Họ đứng thẳng, tỳ súng vào miệng hố nhắm vào từng đợt sóng biển người của bọn Việt cộng khát máu mà bắn. Đại đội 1 của Đại úy Bùi Bồn đã dùng con sông Vĩnh Định như một chỗ tựa tốt để chống trả từng đợt xung phong của địch cũng như yểm trợ cho các Đại đội 2, 3 và Đại đội chỉ huy còn đang phơi mình trên bãi đáp. Kết quả sơ khởi Đại đội 1 đã tịch thu 10 cây súng 37ly phòng không của địch đã đặt hàng ngang tại bia làng.

Trời vào đêm, hạn chế tầm quan sát của địch ngoài trừ những quả pháo đe dọa vu vơ. Đến 10 giờ, đơn vị TQLC mới gom quân được, lập thành một phòng tuyến tạm thời. Chỉ còn Đại đội 4 của Đại úy Thềm bị cô lập phải tự phòng thủ bảo vệ riêng, như một cái chốt khổng lồ làm tiền đồn cho đơn vị tại Chợ Sãi, dùng Pháo binh và Hải pháo ngăn chặn sự di chuyển của địch từ Cổ thành Quảng Trị qua

quận Triệu Phong, cũng như quan sát được thủy lộ dẫn ra Cửa Việt. Chiếm và giữ được Triệu Phong thì sớm muộn gì tỉnh Quảng Trị cũng sẽ trở về vùng đất Tự do.

Ngày 13-7-1972 hai ngày sau, một đơn vị thuộc SĐ312CSBV cộng với quân số gấp 10 lần quân ta, được chiến xa yểm trợ đã tấn công vào TĐ1TQLC này. Đơn vị TQLC phản công quyết liệt bắn hạ hàng chục chiến xa địch và cho đến ngày 22-7 mới quét sạch quân CS tới cửa Việt.



TĐ5ND tiến vào Cổ Thành.

Sau ba ngày cho binh sĩ chuẩn bị học tập, đêm 14-7-1972, khoảng 2 giờ sáng, TĐ5ND bắt đầu xuất phát tiến về phía cổ thành. Pháo 130mm của địch nổ lác đác cầm chừng về hướng quân ta. Hai Đại đội 51&52 từng bước theo thể chân rít tiến qua cánh đồng 2km quanh những ngôi mộ cao như đồi nhỏ tiến vào làng Tri Bưu dọc theo đường Nguyễn Hoàng, phía Đông Bắc Thị xã để tiếp cận Cổ Thành (làng Tri Bưu nằm ngay chính Đông của cổ thành). Với yếu tố bất ngờ TĐ5ND dùng lối đánh đặc biệt

của Nhảy Dù ‘tốc chiến tốc thắng’ để diệt gọn những chốt lẻ tẻ nằm trên con đường làng canh giữ đường tiến quân về cổ thành, không một tên nào chạy thoát và kịp thời báo tin quân Dù đánh mặt Đông Bắc. Một tên pháo thủ phòng không VC đang ngồi hút thuốc rê ngóng lên trời chờ phi cơ ta tới. Trung úy Hồ Tường, Đại đội trưởng 52 lạng lẹ tung 2 Trung đội xung phong, bỏ ngay mấy cây phòng không và súng cối ngon ơ, chiếm được bìa làng không tốn một giọt máu. Sau đó, Đại đội 51 tiến theo, vượt qua 52 kiểu chân vạt, bắt đầu đánh chốt. Sáng hôm sau, Đại úy Trương Đăng Sỹ cho Trung đội của Trung úy Nguyễn Tiến Việt bung ra phía trước thật nhanh để tránh cối 61ly cấp tập của địch bảo vệ chốt. Chốt địch trong làng thường đóng rải ngoài sân, trong nhà. Quân Dù quan sát thấy rõ cách bố trí, nên kín đáo dàn quân, mở tối đa hỏa lực, VC chưa thò đầu khỏi hầm là xung phong tiêu diệt quân địch ngay tức khắc và vượt mau khỏi vùng hỏa tập dự phòng của địch. Chiến thuật chốt kiềng của VC đã lỗi thời đối với các Thiên Thần Sát Địch. Cộng quân vừa nhác thấy bóng áo hoa dù thấp thoáng là đã bị tràn ngập, tên nào sống sót chỉ kịp buơn chạy về hướng cổ thành. Quân VC trốn núp trong nhà chịu không nổi, bỏ chạy tán loạn, quân ta cứ thế chiếm từng nhà, từng khu vườn. Sau đó cả hai Đại đội dàn hàng ngang tấn công mục tiêu. Dứt chốt bằng cận chiến dễ dàng để không gây tiếng động và đã giải thoát cho trên 10 Di Phước và khoảng 100 giáo dân bị chúng bắt làm con tin phục dịch và đồ đạn cho chúng. Địch quân bỏ xác tại trận 6 xác chết, ta tịch thu một khẩu 12.8ly, một số AK-47 và B-40.

Ngày hôm sau, TĐ5ND đã tiến đến sát bờ cổ thành, vẫn còn nguyên vẹn rào kẽm gai và hào nước bao bọc chung quanh. Cộng quân vẫn hoạt động bình thường vì Nhảy Dù nguy trang hoa lá trên người nên chúng không phân biệt được ta hay đối phương. Chúng lừa dân trên đường di chuyển về hướng Đông, có lẽ bắt dân đi theo để đỡ đạn cho chúng.

Ngày 17-7-1972 trong phạm vi trách nhiệm của Sư đoàn Nhảy Dù, các cánh quân đã được triển khai vây kín ba phía Tây, Nam và Đông của cổ thành. Góc chính bắc qua sông Thạch hân vẫn là đường tiếp vận của địch. Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù do Thiếu tá Trần Đăng Khôi chỉ huy đã kiểm soát được vòng đai phía Tây thị xã, Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù do Thiếu tá Lê Văn Mễ chỉ huy tiếp tục truy kích cộng quân ở quanh khu vực Thạch Hân đến ngã ba Long Hưng. Tiểu đoàn 9 Nhảy Dù, Trung tá Trần Hữu Phú Tiểu đoàn trưởng và Thiếu tá Nguyễn Văn Nhỏ Tiểu đoàn Phó, là lực lượng ứng chiến trừ bị cũng đã kiểm soát được khu vực phía Nam thị xã. Tiểu đoàn 6 Nhảy Dù do Trung tá Nguyễn Văn Đình Tiểu đoàn Trưởng, Thiếu tá Nguyễn Hữu Thành Tiểu đoàn Phó chỉ huy đã làm chủ được chiến trường ở phòng tuyến dọc phía Đông Nam thị xã. Hướng Đông Bắc thì TĐ5ND dưới quyền “Minh Hiếu”, “Tố Quyên”, đánh rát qua nhà thờ Tri Bưu nhắm tiến sát bức tường thành. Ngoài ra, SĐND còn tăng cường Đại đội 2 Trinh Sát Nhảy Dù của Đại úy “Út Bạch Lan” ở phía Bắc Cổ Thành và 2 Đại đội Biệt Cách Nhảy Dù do Thiếu tá Phạm Châu Tài chỉ huy hoạt động trong thành phố để trợ chiến.

Nhưng sức kháng cự của địch quân còn rất mạnh,

(theo tin tức của Phòng 2 Sư đoàn Nhảy Dù: một đơn vị lớn của Sư đoàn 320B CSBV đang trú đóng ở Hạnh Hoa Thôn; Trung đoàn 27 tại vùng Đông Hà, Đông Lôn, Quai Vạc; Trung đoàn 48 của Lê Quang Thúy trong Cổ Thành Đình Công Tráng; Tiểu đoàn 9-64 tăng phái cho Trung đoàn 48 của SĐ320B cùng TĐ3 và TĐ8 địa phương của B4 trấn giữ Cổ Thành cùng khu vực làng Tri Bưu). thiệt hại nhiều nhất cho quân ta là đại pháo 130ly của cộng quân từ dãy Trường sơn pháo xuống, và hỏa lực của địch quân bên kia bờ Thạch Hãn cũng bắn qua dữ dội. Trên mặt thành, những tên lính CS “sinh Bắc tử Nam” không làm thế nào khác hơn được vì chân đã bị xiềng trong các ổ súng dưới các hầm trú ẩn kiên cố bắn ra như mưa. Thêm vào đó, các phi cơ quan sát báo cho biết cộng quân đông như kiến bên kia bờ sông tiếp tục đổ quân vào tiếp viện cho cánh quân tử thủ trong Cổ Thành.

Sau một thời gian quần thảo với cộng quân ở vòng đai Cổ Thành, dưới sự yểm trợ hùng hậu của phi pháo, hải pháo và pháo binh diện địa, Trung tá Nguyễn Chí Hiếu Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù đã nhận được lệnh tấn công cổ thành Đình Công Tráng. Ông quyết định tiến chiếm mục tiêu bằng hai giai đoạn:

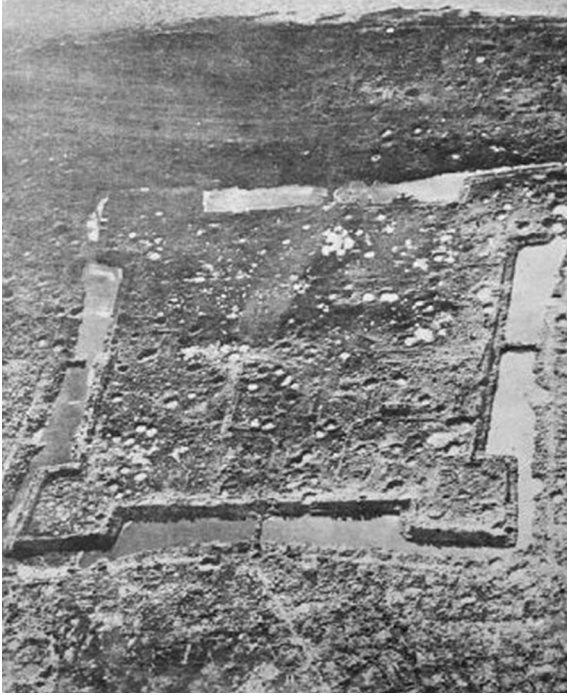
Giai đoạn 1: Đưa một toán tiền thám xâm nhập vào trong thành, với nhiệm vụ là thám sát địa thế cũng như vị trí của địch quân bên trong cổ thành rồi báo cáo về Tiểu đoàn. Giai đoạn này sẽ bắt đầu vào đêm 18-7-1972.

Giai đoạn 2: Cả Tiểu đoàn sẽ đồng loạt tấn công vào Cổ Thành, và trong 2 ngày, phải đánh chiếm lại ít nhất là phân nửa chu vi bờ thành.

Để thực hiện được kế hoạch trên, Trung tá Hiếu đã quyết định thành lập ngay một toán “thăm sát cảm tử” bằng cách tuyển chọn trong các quân nhân gốc người sở tại Quảng Trị tình nguyện, vì sống tại địa phương này nên họ hiểu rõ địa thế. Có rất nhiều chiến sĩ xung phong xin nhập vào toán cảm tử này nhưng chỉ có 8 quân nhân thuộc Đại đội 51 được chọn: “Hạ sĩ nhất Trần Tâm làm trưởng toán, hai âm thoại viên của Đại đội là Hạ sĩ Hậu, người Nam, và Hạ sĩ I Lịch, người Quảng Trị, đều tình nguyện, binh nhất Hồ Khang mang lá quốc kỳ, thêm nữa là Hạ sĩ Hồ Con, và ba binh sĩ khác.

Sáng ngày 18-7, Nhận thấy Cổ thành quá cao và dày sẽ là một chướng ngại rất lớn cho cánh quân Nhảy Dù xung phong, Trung tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh Sư đoàn Nhảy Dù đã ra lệnh dùng đại bác 90ly M41 gắn trên chiến xa M-48 A5 bắn thẳng để phá hủy một góc phía Đông Bắc cổ thành làm cửa ngõ cho các đơn vị Nhảy Dù xâm nhập vào bên trong, nhưng bờ tường vẫn đứng sừng sững giữa trời. Sau cùng phải nhờ tới 4 quả bom lớn do tia laser điều khiển để đánh từ trong ra mới phá nổi một mảng tường thành lở xuống lấp cái hào ở gần sát góc đông bắc để quân ta có thể xông vào.

Chiều ngày 18-7-1972, Trung tá Nguyễn Chí Hiếu cho tập hợp toán “cảm tử” để từ giả những chiến hữu thân thương quyết ra đi theo truyền thống “Nhảy Dù Cố Găng”, Vị Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù đã ban quyết định thăng cấp trước cho 6 cảm tử quân mỗi người lên hai cấp. Và đêm đến, toán cảm tử quân sẽ lên đường để đột kích vào Cổ Thành.



Không ảnh Cổ thành Dinh Công Tráng Quảng Trị.

Đêm đến, Giờ G đã điểm, toán cảm tử quân của Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù vượt tuyến xuất phát lao vào bóng đêm đột kích vào thành. Từ vị trí xuất phát đến mục tiêu khoảng cách hơn 200m. Trung tá Hiếu và cả Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn nín thở nhìn theo toán quân cảm tử đi vào bóng đêm và chờ đợi. Vào khoảng quá nửa đêm, toán cảm tử quân đã bò lên được trên mặt Cổ Thành. Hậu thì thăm báo cáo đã lợi qua hào nước sâu. 5 phút sau, đột nhiên cả Tiểu đoàn chợt thấy lá cờ vụt nhô lên và tung bay trên nền trời mờ tối, ánh hỏa châu lập lòe phía xa xa. Đó chính là lá quốc kỳ VNCH mà Hạ sĩ I Hồ Khang đã được lệnh mang

theo khi xuất phát. Từ xa, các chiến sĩ Nhảy Dù vui mừng la lên: “Lá cờ dựng được rồi...?”.

Lá quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa đã tung bay trên mặt bờ Cổ Thành rồi kia. Đó cũng là một tín hiệu của toán tiền thám báo cho Trung tá Hiếu biết nhiệm vụ của họ giai đoạn đầu đã hoàn tất và họ sẽ tiếp tục nhiệm vụ kế tiếp. Trong giây phút đó, bỗng nhiên có những tiếng hô đồng dục từ trên bờ thành vọng đến bên tai những người chiến sĩ Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù đang ghì tay súng hướng về bờ Cổ Thành chờ đợi và trước mắt họ đã hiện rõ bóng cờ. Tiếng Hạ sĩ I Hồ Khang hô lớn: “Nhảy Dù cố gắng - Nhảy Dù chiến thắng - Việt Nam Cộng Hòa muôn năm”.

Lập tức lửa đạn vang âm vĩnh viễn cắt đứt tiếng nói và dập vùi toán anh hùng mũ đỏ, giữa những tảng lửa B-40, B-41 và làn đạn lửa thượng liên xanh lè hội tụ tập trung vào giữa chân cò. Tiểu đội cảm tử quân hoàn toàn mất liên lạc. Pháo binh Dù bắn hàng trăm trái vào thành, yểm trợ và che chở cho lực lượng bạn. Trần Tâm, Hồ Khang, Hồ Con, Hậu và Lịch vĩnh viễn nằm lại trên mặt thành, chung quanh lá cờ tổ quốc. Ba em còn lại trúng thương lẫn xuống chân thành, được quân bạn cứu sống. Quân ta đến nơi, không sao vượt được bức tường thành kiên cố có hỏa lực bảo vệ vững chắc.

Ngày 21-7 các đơn vị TĐ5ND được lệnh lui về vị trí cũ để phi pháo hoạt động, Đại đội 52 trên đường lui binh trở lại nhà thờ Tri Bưu bị quân CS phát giác nên cho một Trung đoàn vây đánh và bắn theo bằng đại bác trực xạ không giật 82ly nhằm cắt đứt con đường lui quân của Nhảy Dù.

Đại đội 52 đã phối hợp cùng Trinh Sát 2 Nhảy Dù đã tử chiến, tả xông hữu đột và gọi 2 phi tuần khu trục dội bom

Napalm sát ngay phòng tuyến quân bạn để thiêu sống đám quân CS bị say thuốc “hùng binh” của Trung Cộng không biết sợ chết là gì, mới thoát khỏi vòng vây của giặc. Thiếu úy Trịnh Văn Bé bị tử thương và 56 quân nhân khác bị thương vong. Hai ngày sau các đơn vị lại tiến lên trở lại. TĐ5ND phát hiện và hạ sát hai tên tiền sát viên pháo binh VC bám theo sau Tiểu đoàn.

Ngày 25-7-1972, TĐ5ND tiến quân tái chiếm cổ thành. Để yểm trợ cho trận đánh quyết tử này, Tiểu đoàn phó TĐ5ND “Tố Quyền” trực tiếp điều động, được tăng cường Đại đội 111/ND của Tiểu đoàn “Song Kiếm Trán Ái” do Trung úy Đinh Viết Trinh “ba búa” chỉ huy đánh trợ lực từ hướng Tây Bắc vượt qua cánh đồng trống, tiến dưới làn mưa pháo địch, đánh thốc vào khu nghĩa địa làng Tri Bưu, chiếm đường Duy Tân để bắt tay với Đại đội 52ND do Trung úy Hồ Tường chỉ huy và để cùng đồng loạt tiến đánh chiếm lại Cổ Thành bằng mọi giá. Cạnh sườn phía Bắc Cổ Thành có Đại đội 2/TSND do Đại úy “Út Bạch Lan” chỉ huy tấn kích nghi binh trợ chiến. Đúng 3 giờ sáng, Đại đội 51 do Đại úy Trương Đăng Sỹ, Đại đội trưởng, làm nỗ lực chính tiên phong đột kích lập đầu cầu trên mặt Cổ Thành, sau đó là ĐĐ52ND do Trung úy Hồ Tường chỉ huy, nỗ lực phụ trợ chiến, một Trung Đội của ĐĐ51ND đã cắm cờ lần thứ hai trên bờ tường cổ thành.

Trước khi xuất quân, Trung tá Hiếu lệnh cho các đơn vị trực thuộc nếu không tiến lên được vì bất cứ lý do gì, các Đại đội cố gắng rẽ sang phía trái sẽ có TĐ6ND trợ chiến. Khi bình minh vừa ló dạng, hai Đại đội tiên phong TĐ5ND dàn đội hình trên bờ thành chờ đợi xuất phát, trong khi 2 phi cơ A37 vào vùng triệt hạ chính xác khẩu đại bác trực

xạ 82ly của địch theo sự chỉ dẫn của trinh sát cơ OV-10. Tiếp theo đó Pháo Binh đang trải màn khói, chuẩn bị tác xạ yểm trợ... ngay đó, hai chiếc phi cơ Phantom Hoa Kỳ chúi xuống trút bom ngay trên đầu của các Đại đội 51 và 52ND. Sự việc xảy ra trước mắt của Trung tá Nguyễn Chí Hiếu, trong khi ông cùng Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù đang theo dõi diễn tiến trận đánh quyết tử để sớm kết thúc giai đoạn 2, nhưng cũng không thể nào ngăn kịp. Muộn rồi!! TĐ5ND gần như tan nát! Với những khối bom nặng đã thả xuống chính xác làm cho hơn 50% chiến sĩ Mũ đỏ ưu tú của TĐ5ND bị thương vong. Đại đội 51 của Đại úy Trương Đăng Sỹ chỉ còn 38 quân nhân sống sót; Đại đội 52 của Trung úy Hồ Tường tất cả 5 Sĩ quan đều bị thương và gần 50 HSQ và binh sĩ thương vong. Tổ Quyên, Sĩ Biên, Hồ Tường, Ba búa, Út bạch Lan, Châu Văn Tài, Nguyễn Đắc Lực suy kiệt hết tâm lực, chỉ còn như những xác không hồn. Tổn thất nặng nề đó đã giáng một đòn chí tử lên nỗ lực tột cùng của Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù, và Trung tá Nguyễn Chí Hiếu phải ra lệnh cho các đơn vị trở lại tuyển xuất phát. (Việc ném bom lầm này, có dư luận cho rằng là một sự cố ý từ cấp thẩm quyền nào đó muốn ngăn chặn sự tái chiếm toàn bộ cổ thành của QLVNCH, vì nhu cầu thương lượng chính trị lúc bấy giờ. Và sau đó, trên hệ thống liên lạc Siêu Tần Số cơ hữu của SĐND chúng tôi đã nghe cuộc điện đàm ngăn giữa Trung tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh SĐND và Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân Đoàn I như sau:

- Trung tướng Đống: Trưởng có thấy không? Trước khi tấn công vào mục tiêu, Tổng thống Thiệu ra lệnh tuyệt

đổi không cho phá hủy cổ thành, đến khi vừa vào được trong thành thì bom dội xuống trên đầu như thế này thì đánh giặc cái gì đây. Đánh giặc như thế này thì Tôi không đánh nữa, Trưởng cứ cho ai vào đánh thì đánh đi.

- Trung tướng Trưởng: Thưa Trung tướng được rồi, để sáng ngày mai, Tôi bay ra Sally gặp Trung tướng sẽ bàn định lại...)

Ngày 27-7-1972 Tướng Trưởng trong cuộc họp với các Tư Lệnh chiến trường để duyệt xét tình hình chiến sự, ông đã cho biết là theo tin tức tình báo nhận được, cộng quân đã đưa thêm 2 SĐ/CSBV vào vùng cận sơn Trị Thiên. Hai Sư đoàn này sẽ tung vào mặt trận Quảng Trị làm lực lượng trợ lực cho SĐ325 và Ông quyết định thay đổi lực lượng tấn công tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Theo đó TQLC trách nhiệm khu vực duyên hải và mặt trận Cổ Thành Quảng Trị. Lực lượng Nhảy Dù trách nhiệm bảo vệ phòng tuyến Thạch Hãn, và khống chế lực lượng tăng viện của địch ở mặt trận phía Tây Quảng Trị. Đúng 12.00 giờ trưa, Các đơn vị hùng binh mũ đỏ đã tận sức lột đường xương máu, bàn giao chiến trường cho Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Những người anh hùng mũ xanh của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa cũng hy sinh máu xương không kém, lập nên kỳ tích dựng lá cờ vàng tổ quốc trên Cổ thành Quảng Trị lần thứ ba và là lần sau cuối.

Đại tá Trần Quốc Lịch LĐT/LĐIIND bàn giao khu vực trách nhiệm cho Đại tá Ngô Văn Định LĐT/LĐ258TQLC trong khi trận chiến hai bên đang giao tranh ác liệt giữa Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù với 1 Trung đoàn cộng quân cố thủ trong Cổ thành. Các Tiểu đoàn Nhảy Dù cũng lần

lượt được thay thế bởi các Tiểu đoàn/TQLC. Tiểu đoàn 9TQLC do Thiếu tá Nguyễn Kim chỉ huy hoán đổi cho TĐ11ND tại khu vực phía Nam thị xã, cạnh Quốc Lộ 1. Tiểu đoàn 5TQLC do Thiếu tá Hồ Quang Lịch chỉ huy nhận lãnh trách nhiệm thay thế TĐ6ND tại ngã ba Long Hưng. Tiểu đoàn 3TQLC do Thiếu tá Nguyễn Văn Cảnh chỉ huy thay thế TĐ5ND tại làng Tri Bưu gần Cổ Thành Quảng Trị.



Thành phố Quảng Trị ngày 28-7-1972.

Lữ Đoàn III Nhảy Dù mở mặt trận phía Tây Quảng Trị

Sau khi bàn giao khu vực trách nhiệm chung quanh Cổ thành và Thị xã Quảng Trị cho lực lượng TQLC, SĐND mở mặt trận mới tấn công quân CSBV trong vùng rừng núi phía Tây thị xã Quảng Trị và phía Nam sông Thạch Hãn, gọi là Động Ông Đò, để ngăn chặn sự chuyển quân và tiêu diệt các ổ súng đại bác 122 ly, 130 ly thường pháo vào

thành phố chung quanh cũng như yểm trợ cho cánh quân cố thủ của chúng trong thành cổ Đình Công Tráng.

Ngày 12-8-1972, Đại tá Trương Vĩnh Phước LĐT/LĐIIIIND mở cuộc hành quân trong vùng trách nhiệm cận dãy Trường Sơn. Việc tiến quân vào vùng này rất khó khăn vì rừng núi trùng điệp, càng lên cao càng hiểm trở lại gặp thời tiết khắc nghiệt nên hỏa lực yểm trợ bị giới hạn rất nhiều. Tuy nhiên các chiến sĩ Nhảy Dù vẫn không chùn bước. Mở đầu chiến dịch, TĐ3ND từ bờ sông Nhung được lệnh tiến chiếm ngọn đồi 118 ở phía Đông căn cứ Barbara. Nơi ngọn đồi này địch quân dùng làm đài quan sát theo dõi tất cả mọi hoạt động quân sự của VNCH trong vùng từ Ái Tử, Quảng Trị đến quận Hải Lăng...

TĐ3ND chia thành 2 cánh quân tấn công. Cánh thứ nhất gồm BCH Tiểu đoàn, Đại đội 30 và Đại đội 33 tiến chiếm đỉnh đồi 118 dễ dàng không gặp một sự chống cự nào của cộng quân, Đại đội 32 án ngữ làm thành phần trừ bị và giữ an ninh bãi tiếp tế và suối nước. Cánh thứ hai gồm hai Đại đội 31 và 34 tiến về hướng căn cứ Barbara. Cánh quân này gặp sự kháng cự mạnh mẽ của địch. Sau hai ngày quần thảo cộng quân rút lui bỏ lại nhiều xác và vũ khí gồm súng cối 62ly, đại liên 12.8ly và hàng trăm khẩu AK-47 & đạn dược.

Ngày 14-7-1972 Đại tá Nguyễn Trọng Bảo, Phụ tá hành quân/SĐND, Đại tá Huỳnh Long Phi, Pháo Binh Sư đoàn, và Đại úy Bồ Vệ Quốc, SQ Truyền Tin Sư đoàn trên đường đến thăm vị trí đóng quân của LĐIND đã bị tử nạn Trực thăng tại phía Đông Bắc cầu Mỹ Chánh, trên QL-1 (khoảng đại lộ kinh hoàng).

ủy Phạm Xuân Thiếp Ban 3, Đại úy Dương Văn Xuân ĐĐT 30, Trung úy Trần Văn Tâm Phụ tá Ban 3 bị thương. Trung úy Nguyễn Hữu Viên ĐĐT 33 bị thương học máu và Trung sĩ Sĩ cận vệ cho Tiểu đoàn trưởng lãnh nguyên một quả đạn 75ly trực xạ bị tan xác. Đến 6.00 giờ chiều, cộng quân thấy không thắng được và bị thiệt hại nhiều nên rút lui, các chiến sĩ Dù cấp tốc tu bổ lại công sự phòng thủ, kiểm điểm quân số và trị liệu cho thương binh.

Sáng sớm hôm sau 17-8, địch quân tập trung quân đông đảo quyết dứt điểm ngọn đồi 118, vẫn áp dụng chiến thuật tiền trận địa pháo hậu xung biển người. Trước áp lực quá nặng của địch quân, BCH Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù cho Đại đội 30 di tản tất cả thương binh ra khỏi cứ điểm về hướng Bắc. Đại đội 33 ở lại tử thủ. Đại đội 33 Nhảy Dù với quân số chỉ còn lại 70 người, kiên cường chống trả lại. Nhiều đợt xung phong biển người của địch quân bị rơi rụng bên ngoài rào phòng thủ. Đặc biệt ngày này Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù đánh giặc không pháo yểm cũng không có không yểm, cũng không có tiếp viện, Nhảy Dù chỉ “đánh khô” vậy thôi. (Lý do là thời tiết xấu, hết đạn pháo binh, tiếp tế từ Đà Nẵng chở ra không kịp, còn phi cơ có lẽ cũng hết... đạn luôn). Đến xế chiều, vì áp lực cộng quân quá mạnh và quá đông lại không có pháo binh và phi pháo trợ giúp nên Thiếu tá Võ Thanh Đồng, TĐT cho lệnh Đại đội 33 triệt thoái khỏi cứ điểm. Đến 5.00 giờ chiều, cộng quân đã tràn ngập căn cứ. Lúc này 2 chiếc Oanh tạc cơ A37 của Không Quân VNCH bay tới oanh tạc ngay giữa đỉnh đồi 118. Đại đội 33 chỉ còn lại 43 người trong đó có 3 Sĩ quan là Trung úy Viên ĐĐT, Chuẩn úy Đào Văn Oai, Chuẩn úy Lê Thanh Vân, Trung đội trưởng.



Khu vực đóng quân của TĐ3ND ngày 14-8-1972.

Chiều hôm đó, Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù được rút về ngọn đồi 30 với Đại đội 32 và sáng ngày hôm sau rút ra Trường Phước, cạnh QL-1 để nhận tiếp liệu và bổ sung quân số. Sau khi được chinh bị, TĐ3ND trở lại trận địa án ngữ ngọn đồi 90 dưới chân núi Động Ông Đồ để cho các đơn vị Nhảy Dù khác tái chiếm căn cứ Barbara và Anne.

Ngày 8-9-1972 LĐIIIIND điều động TĐ8ND tái chiếm căn cứ Barbara. TĐ8ND chia quân thành hai mũi tấn công ban đêm vào hai phía Đông và Tây của căn cứ. Địch bị đánh bất ngờ khi còn đang say ngủ. 2 Đại đội TĐ8ND đã đột kích vào căn cứ một cách dễ dàng. Rất nhiều tù binh thuộc SĐ324CSBV bị bắt, hơn 20 xe molotova chở đầy lương khô, đạn dược bị tịch thu còn nguyên vẹn cùng nhiều vũ khí cá nhân và cộng đồng. Một Thiếu úy ND bị hy sinh và một binh sĩ bị thương.

TQLC Tái chiếm cố thành

Ngày 28-7-1972 sau khi nhận bàn giao khu vực trách nhiệm từ LĐIIND, Lữ đoàn 258 TQLC lập ngay phòng tuyến sát với các vị trí của đối phương. Trận chiến càng ngày càng diễn ra khốc liệt. Đại bác cộng quân ở bờ Bắc sông Thạch Hãn đã pháo kích liên tục, cùng lúc đó, súng cối của cộng quân từ các vị trí gần Cố Thành bắn từng đợt hàng trăm quả vào các vị trí chiến đấu của các đơn vị TQLC. Ngày 9-9-1972 trong khi Sư đoàn Nhảy Dù tiếp tục truy kích các đơn vị CSBV ở phía Tây Quảng Trị, thì dọc theo vùng núi tỉnh Quảng Trị từ phía Tây Nam cho đến phía Tây Bắc, hàng loạt phi vụ B-52 trải thảm lửa xuống các vị trí được ghi nhận là có cụm pháo binh và tập trung của cộng quân. Cùng lúc đó, tại thị xã Quảng Trị, 6 Tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến đồng loạt tấn công CSBV từ nhiều hướng vào Cố Thành Đình Công Tráng.

Từ ga Quảng Trị, Tiểu đoàn 1TQLC Quái Điều do Thiếu tá Nguyễn Đăng Hòa chỉ huy đã điều động các Đại đội xuất quân tấn công vào khu vực gần bệnh viện Quân-Dân Y Hỗn Hợp và khu vực trường Bồ Đề. Tại ngã ba Long Hưng, Tiểu đoàn 2 Thủy quân Lục chiến có biệt danh là Tiểu đoàn Trâu Diên do Thiếu tá Trần Văn Hợp làm Tiểu đoàn trưởng đã tung 2 Đại đội tấn công vào các chốt chặn của CSBV trong làng Thạch Hãn nằm sát thị xã Quảng Trị về phía Nam, được bao bọc bởi những lũy tre xanh. Lợi dụng từng cụm tre, cộng quân đã đào hầm theo chữ A và chữ T rất kiên cố để ngăn chặn các cuộc tấn công của Việt Nam Cộng Hòa.

Các tiền sát viên Pháo binh đã điều chỉnh mục tiêu tác xạ cho từng khẩu pháo 105ly với đầu đạn nổ chậm xê

phía Đông Nam, Tiểu đoàn 6TQLC Thân Ung (do Thiếu tá Đỗ Hữu Tùng chỉ huy) được giao trọng trách phải vào Cổ Thành bằng mọi giá.

Tại phòng tuyến ở phía Đông Bắc tỉnh Quảng Trị, ở khu vực quanh trục lộ tiếp vận của cộng quân (hương lộ 560), lực lượng tăng cường cho Sư đoàn Thủy quân Lục chiến là liên đoàn 1 Biệt động quân đã gặp sự kháng cự mạnh của cộng quân khi liên đoàn tung 2 Tiểu đoàn bung rộng khu vực kiểm soát về phía Đông. Không quân Việt-Mỹ đã xuất trận để yểm trợ cho Biệt động quân đánh bật cộng quân ra khỏi trận địa.

Ngày 13-9-1972 Đại đội 5 Tiểu đoàn 2 Trâu Điền từ ngã tư Quang Trung Trần Hưng Đạo mở cuộc tấn công vào khu vực chợ Quảng Trị. Trận chiến đã diễn ra quanh khu vực chợ, dọc theo đường Trần Hưng Đạo ra đến bờ sông. Hai bên đã quần thảo nhau quanh các đồng bê tông đổ nát mà CQ đã biến thành các điểm kháng cự. Cuối cùng Tiểu đoàn TQLC này đã chiếm được mục tiêu, sau đó khai triển đội hình tiến chiếm khu hành chánh gồm Ty Buu Điện, Ty Thanh Niên, Ty Ngân khố và tiến sát đến dinh tỉnh trưởng nơi 1 Đại đội cộng quân đang bố trí quân quanh khuôn viên để cố thủ. Một cánh quân khác, Đại đội 4 làm nỗ lực chính do đại bàng Long Hồ Đại đội trưởng chỉ huy đã tiến quân thanh toán các chốt địch dọc hai bên đường Phan Đình Phùng, sau đó tiến đánh và triệt hạ các chốt của CQ bố trí tại cơ quan USOM và Tòa án tỉnh Quảng Trị. Thanh toán được các mục tiêu trọng yếu, Đại đội 4 và Đại đội 5 của Tiểu đoàn 2 Trâu Điền đã tấn công vào khu vực tòa Hành chánh và Ty Tiểu học Quảng Trị nơi 1 Trung đoàn CQ đặt bộ chỉ huy. Do các chốt bảo vệ xung quanh đã bị

TQLC triệt hạ, nên bộ chỉ huy CQ tại đây đã phải tháo chạy ra hướng bờ sông.

Ngày 15-9-1972 LĐIIND mở cuộc hành quân táo thanh VC vùng sườn núi phía Tây, nhằm mục đích mở rộng vùng hoạt động và càn quét các đơn vị cộng quân lẩn khuất trong vùng cũng như ngăn chặn địch tiến xuống vùng đồng bằng ở phía Đông. Cùng ngày này, 4 Đại đội của Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 6TQLC đã dàn hàng ngang đồng loạt xung phong tiến về hướng Tây cổ thành Đinh Công Tráng. Trong đêm 15-9-72, cộng quân đã pháo dữ dội vào đội hình của hai Tiểu đoàn này để yểm trợ cho thành phần CQ đang cố thủ ở đây. Gắn rạng sáng, 4 Đại đội TQLC nói trên đồng loạt xung phong, những tổ kháng cự của cộng quân đã chống trả mạnh nhưng chỉ được nửa giờ sau đó đã bị đánh bật khỏi phòng tuyến.

Rạng ngày 16 tháng 9, lực lượng Thủy quân Lục chiến đã đánh bật CSBV ra khỏi trung tâm thị xã Quảng Trị và kiểm soát toàn bộ khu vực Cổ Thành, hai Tiểu đoàn 3 và 6 Thủy quân Lục chiến từ các vị trí vừa chiếm được trong Cổ Thành, đã bung ra lục soát và triệt hạ các chốt còn lại của CSBV. Đến 8 giờ, một toán Cọp Biển của Tiểu đoàn 6 Thủy quân Lục chiến đã dựng quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa trên cổng tường phía Tây Cổ Thành Quảng Trị, biểu tượng cho sự toàn thắng của Quân lực VNCH trong cuộc tổng phản công tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị.

Sau 4 tháng 16 ngày chiếm giữ Cổ Thành và thị xã Quảng Trị, cộng quân đã bị đánh bật và tổn thất rất nặng. Riêng Trung đoàn Triệu Hải (Trung đoàn 27 CSBV) với hơn 1,500 quân cố thủ trong Cổ Thành đã bị hạ gần như

toàn bộ tại trận địa, chỉ còn chưa đến 1 tiểu đội (10 người) thoát chạy ra ngoài.

Ngoài Trung đoàn Triệu Hải bị xóa sổ, Trung đoàn 48-B thuộc Sư đoàn 320B CSBV- đơn vị chiếm giữ trung tâm thị xã, cũng đã bị thiệt hại hơn 80% quân số.

Theo ghi nhận của Trung tướng Ngô Quang Trưởng, chỉ trong trận chiến tại trung tâm thị xã Quảng Trị và Cổ Thành, có 2,767 cộng quân đã bị hạ sát tại trận, 43 địch quân bị bắt sống. Về phía Thủy quân Lục chiến, trung bình mỗi ngày có 150 chiến binh Cọp Biển hy sinh. Chiều ngày 16 tháng 9-1972, sau khi đánh bật CSBV ra khỏi trung tâm thị xã và tái chiếm toàn khu vực Cổ Thành, 6 Tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến đã bung rộng để triệt hạ các chốt kháng cự của tàn quân CSBV trong Cổ Thành và nới rộng vùng kiểm soát.



Mặt trận phía Tây Quảng Trị trước ngày ngưng bắn.

Mặt trận phía Tây Quảng Trị trước ngày ngưng bắn

Đầu tháng 10-1972, LĐIIND điều động các đơn vị tái chiếm căn cứ Anne (Động Ông Đô). Để tái chiếm căn cứ này TĐ5ND tiến quân bên cánh trái, chạm địch nhiều lần cấp Đại đội tịch thu nhiều đại bác 122ly, 130ly hỏa tiễn 107ly và bắt sống nhiều tù binh thuộc các Trung đoàn 141 và Trung đoàn 165 của SĐ324CSBV. Trong khi đó, TĐ11ND ngăn chặn đường tiếp viện của địch quân từ phương Bắc đồng thời bảo vệ cạnh sườn bên phải để cho TĐ7ND làm trực tấn công chính vào đối phương.

Động Ông Đô (Căn Cú Anne) là một dãy đồi trọc, rất ít cây cối. Đứng trên đỉnh đồi ta có thể quan sát từ chi khu Cam Lộ, Đông Hà đến thị xã Quảng Trị. Trước kia Căn cứ này có một pháo đội 155ly do quân đội Mỹ thiết lập, sau này bàn giao lại cho QLVNCH. Vào mùa này thời tiết ẩm ướt, mây mù bao phủ suốt ngày nên việc tiếp tế và tản thương rất khó khăn. Sau khi VC chiếm giữ khu vực này, địch đã thiết lập hệ thống địa đạo cũng như hệ thống đường sá có thể di chuyển và điều động dễ dàng bộ binh, cơ giới và chiến xa dọc theo khu vực phía Bắc sông Nhung đến đồi 24 phía dưới chân căn cứ. Bên trong căn cứ cộng quân ẩn núp trong những hầm hào ếch nên rất khó bị tiêu diệt bằng phi pháo.

Cuối tháng 10, TĐ7ND đã làm chủ tình hình từ khu đồi yên ngựa đến dãy đồi 24 tiến sát quanh chân núi bằng những trận cận chiến đẫm máu, giành từng thước đất, từng chiếc hầm hố cá nhân. Đến cả tháng sau TĐ7ND mới dứt điểm được căn cứ Anne hoàn toàn, bắt sống 30 tù binh thuộc Trung đoàn 66 và Trung đoàn 165 thuộc

SĐ324CSBV tịch thu trên 300 vũ khí đủ loại kể cả súng cối 160ly do Nga Xô chế tạo. TĐ7ND bị thiệt hại mất khoảng một Đại đội. Sau đó được TĐ6ND lên thay trấn giữ căn cứ, TĐ7ND lui về tái trang bị và bổ sung quân số.



Căn cứ Động Ông Đô phía Tây Nam Quảng Trị.

Đầu tháng 11-1972, sau khi thay thế đơn vị bạn, TĐ6ND điều động một Đại đội trấn đóng tại đồi 24 cách căn cứ Anne khoảng 1km để chế ngự khu vực đường thông thủy cũng như quan sát cả hai mặt Đông Tây.

Để giành lại những vị trí đã bị Nhảy Dù chiếm giữ cộng quân tung SĐ308CSBV với chiến xa yểm trợ liên tiếp trong 2 tuần lễ tấn công vào căn cứ Anne. Nhưng TĐ6ND đã phản công quyết liệt và gây thiệt hại nặng nề cho đối phương, hơn 2 Tiểu Đoàn cộng quân đã bị loại khỏi vòng chiến. 2 ĐĐT/TĐ6ND bị thương, khoảng 150 HSQ & BS bị thương vong.

Đồng thời để yểm trợ cho lực lượng cộng quân tấn công vào căn cứ Anne, nhằm cắt đứt nguồn tiếp liệu cho TĐ6ND. SĐ324CSBV tung một Trung đoàn tấn công vào vùng phụ cận ở mặt phía Đông là dãy đồi 90 phía dưới căn cứ Barbara do TĐ3ND trấn đóng. Trận đánh tại đồi 90 rất khốc liệt. BTL/SĐND đã tăng cường TĐ8ND vào vùng

hành quân cho LĐIIND. Sau hai ngày tác chiến TĐ8ND đã chiếm giữ vị trí chiến lược 18 giữa TĐ3ND và TĐ6ND. Nhiều hầm vũ khí cộng quân đã chôn giấu tại đây như đạn súng cối 82ly, 62ly, hỏa tiễn 107ly, lựu đạn và đạn được đủ loại.

Giữa tháng 12-72, TĐ8ND tiến đánh căn cứ Suzie, khoảng 3km phía tây căn cứ Anne và mở rộng vùng hoạt động kiểm soát đến bờ sông Thạch Hãn. Đồng thời TĐ2ND cũng được điều động tấn công tái chiếm vùng Động Tiên cách Suzie khoảng 4km về phía Tây Nam. Sau một tuần hành quân, TĐ2ND đã càn quét và làm chủ tình hình, tịch thu nhiều vũ khí và nhiều kho lương thực như cá hộp, lương khô do Trung cộng sản xuất.



Lính Dù canh giữ Hòa bình tại Quảng Trị trong những ngày đầu năm 1973.

Đến cuối tháng 12-72 lực lượng Nhảy Dù làm chủ tình hình dọc bờ phía Tây dãy Trường Sơn. Vùng trách nhiệm

của SĐND hoàn toàn được yên tĩnh trước khi hiệp định Ba Lê được ký kết để người bạn đồng minh “di đại” của VNCH được “tháo chạy trong danh dự.”

Tháng 3-1973 Sân bay Hòa Mỹ (tức căn cứ Evan do LĐIIND trấn đóng) tiếp nhận các phi cơ C-130 đáp xuống để chở các tù binh trao trả cho VC.

Tài liệu tham khảo:

- *The Easter Offensive Of 1972* của Trung tướng Ngô Quang Trưởng, TTQS/BQP/HK xuất bản năm 1980, Việt dịch Kiều Công Cự;

- *TQLC Việt Nam với cuộc Tổng Công Kích Tổng Nổi Dậy 1972 của CSBV tại Vùng I CT.* - Tài liệu tổng hợp của Cựu Trung tá Trần văn Hiến TP3/SĐ/ TQLCVN trên trang web www.tqlcvn.org

- *Mặt Trận Cổ Thành Quảng Trị của Mũ Đỏ.* Trịnh Ân

- *Thiên Hùng Ca QLVNCH.* Phạm Phong Dinh xuất bản lần thứ nhất 2004

- *Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập.* Nguyễn Đức Phương, Làng Văn xuất bản năm 2001

- *TĐ6TQLC và Chi Đoàn 2/20 Chiến Xa trong trận tái chiếm căn cứ Phước Hoàng.* Hải Triều

- *Căn cứ Pedro tháng 4 năm 1972.* MX Mai Văn Tấn

- *LĐ 1, 4 & 5BĐQ trên chiến trường Quảng Trị 1972.* Mũ Nâu Vũ đình Hiếu

- *Đời Chiến Binh.* Trương Dưỡng, Tác giả xuất bản 1999

- *Lời tường thuật của Trung úy Thạch Hón, Trung đội trưởng Trung đội 1/ĐĐ52ND hiện cư ngụ tại quận Cam, California*

- *Lời tường thuật của Đại úy Nguyễn Văn Quý Trưởng Ban 3 / TĐTT/SĐND cư ngụ tại San Diego* - Phòng tuyển của Trung đoàn

54 Bộ binh ở Tây Huế của Vương Hồng Anh

- Nhảy Dù và Cổ Thành Đinh Công Tráng. Mũ Đỏ Trương Đăng Sỹ

- *Trả Lại Sự Thật Cho Lịch Sử Về Việc SĐ3BB lui quân tại Quảng Trị.* Thế Huy, Paris - <http://www.trachnhiemonline.com/dien-dan-418-thehuy.htm>

- *Cuộc đổ bộ trong lòng địch.* Mũ Xanh Nguyễn Đăng Hòa

- *Tiểu đoàn 5ND 1972 trấn thủ Bình Long và thượng kỳ Quảng Trị.* Mũ Đỏ Việt Long

- *Chinh Chiến Điều Linh.* Kiều Mỹ Duyên

- *Phỏng vấn các chiến hữu Nhảy Dù.*

Trích và cập nhật từ quyển “20 Năm Chiến Sự” - Binh chủng Nhảy Dù

Đại úy Võ Trung Tín, Tiểu đoàn Truyền Tin SĐND

Đại úy Nguyễn Hữu Viên, Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù

mùa hè đỏ lửa

lời dẫn

Mùa hè đỏ lửa là nhan đề thiên tùy bút do tác giả Phan Nhật Nam thực hiện tháng 03 năm 1973 tại Quảng Trị, Sáng Tạo xuất bản năm 1972 và Hiện Đại tái bản năm 1973 đều tại Sài Gòn.

© **Phan Nhật Nam**

Theo tự thuật, vào thời điểm khởi thảo – tháng 04 năm 1972, tác giả theo Lữ đoàn II Nhảy Dù đổ bộ xuống đồi Charlie (nơi được lính đặt biệt danh “nồi cơm điện National” vì mức độ quyết liệt) nhằm cắt đứt tuyến tiếp tế qua quốc lộ 14 của các sư đoàn cộng quân. Sau đó, nhân vật xưng Tôi lại theo nhiệm vụ tiếp ứng Tiểu đoàn I Thủy Quân Lục Chiến giải phóng quốc lộ 1 và toàn tỉnh Quảng Trị tới hết tháng 03 năm 1973.

Tác phẩm được gửi in tại nhà Sáng Tạo ở đô thành Sài Gòn trong năm 1973 và liên tục được các san hành xã khác nhau tái bản, trở thành ấn phẩm chiến tranh ăn khách và

gây ấn tượng nhất thập niên 1970 ở cả hai miền Việt Nam. Tới thời điểm 30 tháng 04 năm 1975, các nhà in này thậm chí chưa thanh toán hết nhuận bút cho tác giả. Sau sự kiện Tháng Tư Đen, Mùa hè đỏ lửa cùng mọi tác phẩm kí danh Phan Nhật Nam bị đem ra đường phố đốt trong “chiến dịch bài trừ văn hóa phẩm đồi trụy” năm 1978. Tuy nhiên, những ấn bản khác vẫn tồn tại ở nhiều thư viện tư thực nên nội dung không hề mai một theo thời đại.

Ở thập niên 1980, tác phẩm lại được các nhà san hành hải ngoại cho tái xuất cả nguyên bản và dịch bản, đồng thời nội dung được đưa vào tàng trữ tại thư khố Đại học Michigan. Đến năm 1998, nhân kỉ niệm Ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tác giả Phan Nhật Nam bổ sung trong bản in mới các bài tựa để củng cố chiều sâu tác phẩm và tới nay được công nhận là bản lưu hành chính thức.

Bản ấn loát tác phẩm Mùa hè đỏ lửa được chia thành 4 chương, xen 2 bài phi lộ. Tác phẩm tiếp nối phong cách Dấu binh lửa nhưng chủ đích khắc họa rõ hơn những mặt người thời chiến. Hiện thực chiến tranh tuy tàn khốc nhưng không bi lụy, thậm chí có những đoạn kể chuyện rất tếu đời lính. Trong ấn bản cuối cùng năm 1998, tác giả đã hiệu chỉnh tác phẩm theo thi pháp ca khúc Người ở lại Charlie của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh và thi phẩm Chiều trên phá Tam Giang của thi sĩ Tô Thùy Yên, mà ở thời điểm Mùa hè đỏ lửa mới phát hành, những bài này chưa công bố.

Chương 1 : Phác họa cử điểm Tân Cảnh

Charlie – tên nghe lạ quá

Đến đây – người gặp người

Trận đánh trên cao điểm

Ngày cuối của một người

**Chương 2 : Chân dung trung tá Nguyễn Đình Bảo –
tiểu đoàn trưởng 11 Nhảy Dù**

Đốt Charlie

Người ở lại với Charlie

Anh Năm kính yêu

Tạm kết – Charlie mất

**Chương 3 : Thư chị Nguyễn Thị Hàng (giáo viên ở
Nghệ An) gửi người yêu Lê Văn Hưu – chiến sĩ trung
đoàn 124 Bắc Việt, hi sinh ngay trận đầu sau 6 tháng
vượt Trường Sơn vào Nam**

An Lộc – miền Đông không bình yên

Quê hương của loài nai

Địa ngục trước mặt

Mãn thiên hoa vũ

Chân dung người giải phóng

Chiến trường lộ mặt

Thư của người tình hư vô

**Chương 4 : Đất và người Trị Thiên giữa hai làn đạn
Trị Thiên – đất vinh danh cho người**

Về quê hương điêu tàn

Huế còn thờ

Bay trong hoàng hôn

Dậy đường tử khí

Người Lính Việt Nam – một nhiệm mầu

Đêm trên bờ Thạch Hãn

Trước khi Mùa hè đỏ lửa phát hành, tác giả Phan Nhật

Nam đã được đánh giá là một trong những cây bút thượng hạng trong giới văn chương về đề tài chiến tranh. Nhưng ngay khi công bố, tác phẩm đã gieo những kinh ngạc trong báo giới về doanh thu và phải tái bản 30 lần để đáp ứng nhu cầu độc giả. Thành công vang dội này đem tên tuổi ông ra quốc tế, đồng thời, nhan đề tác phẩm về sau được coi là định danh phi chính thức của chuỗi chiến dịch Xuân Hạ 1972 trong các văn bản khoa học. Còn theo nghiên cứu gia Vương Trí Nhàn, từ những năm trước và sau sự kiện 30 tháng 04 năm 1975, tác phẩm *Mùa hè đỏ lửa* cùng một số ấn phẩm khác của tác giả Phan Nhật Nam đã được các nhà văn khoác áo lính ngoài Bắc tìm đọc khi có cơ hội vào thành thị miền Nam. Riêng với tác phẩm *Mùa hè đỏ lửa*, Phan Nhật Nam đã trở thành một vấn đề văn học thời chiến, gây nên những tranh luận sôi nổi trong giới văn bút Hà Nội từ thập niên 1970 mãi tới những năm 2020.

Ngày 04 tháng 03 năm 1973, tác giả Phan Nhật Nam tới phi trường Lộc Ninh chứng kiến lễ trao trả tù binh với tư cách kí giả quân sự. Theo lời khuyên của hai bạn văn Nguyễn Văn Thành và Đỗ Ngọc Yến, ông đem theo cuốn *Mùa hè đỏ lửa*. Tại đây, trước mặt 30 phóng viên quốc tế, ông gặp kí giả Bùi Tín (tư cách phóng viên báo *Nhân Dân*) và cho ông Bùi Tín coi bức ảnh in trong *Mùa hè đỏ lửa* để chứng minh vụ thảm sát Huế. Sau cuộc gặp này, ông bị phạt 60 ngày trọng cấm vì tội “phát-biểu bất-lợi cho quốc-gia và phổ-biến tác-phẩm bất hợp-pháp”. Sự kiện này về sau cũng được kí giả Bùi Tín xác nhận.

Tác phẩm được trao Giải-thưởng phóng-sự chiến-trường năm 1973.

chương 1.

Mùa Hè, những cơn mưa bất chợt ùn ùn kéo đến, ào ạt chụp xuống núi rừng Kontum, Pleiku... Trời thoát trở lại xanh, cao khi mưa dứt, nắng hanh vàng ấm trong không khí gây gây lạnh, những đồi cỏ xanh dọc Quốc Lộ 14 bắt đầu óng mượt, cánh cỏ non lớn dài phơi phơi dưới sau trận mưa đầu mùa và thung lũng xa vàng rực hoa hướng dương. Không khí, gió, trời mây và cỏ cây thay đổi hẳn, mới mẻ toàn khối, toàn sắc, vùng cao nguyên lộng lẫy, triển miên với từng hạt nắng vàng ối tan vỡ trên đồng cỏ xôn xao gió thổi...

Mùa Hè, gió Lào miền Quảng Trị, Thừa Thiên thổi từng luồng, từng chập, đưa “con trời” chạy lừng lừng trên cánh đồng cát chói chang, những đồi hoa sim, hoa dù dẻ rung rinh bốc khói dưới mặt trời hạ chí. Giòng nước sông Hương, sông Đào, sông Bồ, Mỹ Chánh, Thạch Hãn đục hơn, thâm màu hơn, lẫn lẫn từng sợi sóng nhỏ len lỏi

khó khăn qua kẽ đá, bãi cát, chậm chậm chảy về phía Tam Giang, cuốn trôi theo đám lá tre già khô úa.

Mùa Hè, những con đường thành nội Huế lốm đốm ánh trắng xuyên qua cành lá, cô gái chuyển tấm lưng sau lớp tóc dài dày kín, nâng khối tóc xôn xao lên khỏi chiếc gáy để con gió ngẩn len qua hàng rào chè xanh thối khô đi lớp mồ hôi rịn trên những lông tơ nõn.

Mùa Hè, mưa rào tằm tấp đổ xuống kín trời An Lộc, chập chùng ẩn hiện những thân cây cao su nhòa vào nền trời xám tối, khu rừng biến thành khối đêm đen trong khoảng khắc, khối đen chuyển dịch, vẫy vùng ào ạt theo từng cơn lốc gió... Mưa tan, trời tạnh, ánh trắng lạnh nhô lên từ phương tây, cuối bình nguyên lỏng lẻo, núi Bà Đen ẩn một nét đen thăm thẳm bí trên nền trời xanh ánh trắng. Và đàn nai bắt đầu tung tăng từ đầu nguồn, cuối lạch... Đàn nai chạy vun vút qua rừng cây, trên đồng cỏ muọt sóng, chạy và ngừng lại, “bép” mấy tiếng âm u cùng ánh trắng chập chờn trên sóng cỏ.

Mùa Hè, mùa đẹp đẽ, tươi gắt căng sức sống, ngày ngày nỗ lực trên mặt nước loáng ánh nắng hay đồng lúa nặng hạt. Hạt ngọc của trời, và người dân cất cao tiếng hò...

Được mùa chó phụ môn khoai,

Đến năm Thân, Dậu lấy ai bạn cùng...

Tiếng hò chạy dài trên lúa, theo cơn gió đưa ra đến đầu ghềnh, cuối cửa sông, tan biến vào cùng sóng nhỏ... Trên mặt nước, con đò xuôi về Thế Chí, Đại Lộc dọc Phá Tam Giang¹, lại vang dội một giọng hò khác phảng phất nét tàn tạ bi thảm của hơi Nam Ai thê thiết... Hò... ơ... ai... về... ạ... ạ... Đại... Lộc... ạ... ạ... ai vượt... ạ... ơ... Kế Môn...

¹ Phá lớn giữa hai tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên, do ba sông Thạch Hãn, sông Bồ và Sông Hương đổ vào.

Đã từ lâu... Lâu lắm, người dân của ba miền đã qua những mùa hè trong cạm bẫy khắc khoải để hy vọng tiếp tục đời sống với mơ ước chỉ đây chén cơm. Nhưng mùa Hè năm nay, 1972 tất cả hy vọng và mơ ước nhỏ nhoi tội nghiệp kia tan vỡ trong tận cùng kinh ngạc. Bao năm qua, chiến tranh đã quá nặng độ, chiến tranh quá dài, dài thê thảm, dài đau đớn tràn ngập. Người dân Việt mong mỏi đi qua thêm một mùa, một năm, chiến tranh lắng dịu và được sống sót. Nhưng, 30 tháng 3 ở Đông Hà, 24 tháng 4 ở Tân Cảnh, 7 tháng 4 ở An Lộc, 1 tháng 5 cho Huế và Quảng Trị... Hoài Ân, Tam Quan, Bồng Sơn, Bình Giả, Đất Đỏ... Toàn thể những địa danh nơi hốc núi, đầu rừng, cuối khe suối, tận con đường, tất cả đều bốc cháy, cháy hùng hực, cháy cực độ... Mùa Hè 1972, trên thôn xóm và thị trấn của ba miền đồng bốc cháy một thứ lửa nhân tạo, nóng hơn, mạnh hơn, tàn khốc gấp ngàn lần, vạn lần khối lửa mặt trời sát mặt. Lửa ngùn ngụt. Lửa bùng bùng. Lửa kêu tiếng lớn đại pháo. Lửa lép bép nức nở thịt da người nung chín. Lửa kéo dài qua đêm. Lửa bốc khói mờ trời khi ngày sáng. Lửa gào chêm tiếng khóc của người. Lửa hốt hoảng khi cái chết chạm mặt. Lửa dậy mùi thây ma. Lửa tử khí trùng trùng giăng kín quê hương thê thảm khốn cùng.

Kinh khiếp hơn Ất Dậu, tàn khốc hơn Mậu Thân², cao hơn bão tố, phá nát hơn hồng thủy. Mùa Hè năm 1972- Mùa Hè máu. Mùa Hè của sự chết và tan vỡ toàn diện. Mùa Hè cuối đáy điêu linh. Dân tộc ta sao nữ quá đọa đầy!

Ba sư đoàn bộ binh 304, 308, 324B, cùng sáu trung đoàn địa phương của Khu 5, ba trung đoàn chiến xa, hai trung đoàn đặc công và một sư đoàn pháo nặng 130 ly, cho

² 1945; 1968.

mặt trận Trị-Thiên. Ba sư đoàn 5, 7, 9, tăng cường sư đoàn Bình Long, hai trung đoàn 202 và 203 chiến xa, được yểm trợ bởi một sư đoàn pháo nặng tại mặt trận An Lộc. Hai sư đoàn 320 (Thép) và Sao Vàng, một trung đoàn chiến xa tấn công vào Tân Cảnh, Kontum; hướng tiến được dọn đường bởi một trung đoàn pháo đặt từ rừng Big Mama Mountain, vùng Ba biên giới Việt-Miên-Lào. Cộng quân chơi trò chơi máu, mở đầu những “ngày hè đỏ lửa”, trận cuối cùng để tìm kiếm kết thúc cho mười năm chiến tranh “giải phóng” cận lục, sau “tổng-công-kích thất bại Mậu Thân 1968”.

Quân ta phải chống lại. Chống giữ để tự vệ. Chống trả nơi biên giới cuối cùng: Tự Do hay Nô Lệ. Sống hoặc Chết. Trận đấu quyết tử và trận chiến cực điểm. Ba tháng hay 100 ngày chiến trận, những kỷ lục chiến trường thay đổi từng nấc, từng bậc lớn, từ 2,000 quả đạn cho cú điểm Charlie, Kontum đến 8,000 quả cho An Lộc. Bắc quân đi bước tàn nhẫn không nương tay và quân dân Miền Nam đồng đương cự với nỗ lực cao nhất tại “Điểm đứt hơi - Điểm vỡ của chiến trận”. Chúng ta đã chiến đấu giữ vững và kiêu hùng chiến thắng.

Hôm nay, ngày đầu tháng 8, cuộc đại chiến đã bước qua tháng thứ tư, và có cơ kéo dài thêm một thời gian nữa, nhưng quân dân ta cần răng, ngậm chặt, hứng hết tai họa, đựng đầy khổ nạn... Chịu thêm nữa cũng thế, đánh thêm nữa cũng được. Trong nguy nan, Dân tộc biến thành “Thánh chịu nạn”. Dân tộc kiêu dũng, quật cường, vượt qua, bất chấp tất cả để tồn tại. Ngọn lửa Mùa Hè 1972 nung độ nóng cao nhất trui rèn chúng ta - Người Việt Nam muốn sống đời đáng sống của Người - Người Tự Do.

Được đi, chứng kiến và dự phần vào ba mặt trận, ba vùng đất quê hương, người viết không mong gì hơn ghi lại một vài khía cạnh của cuộc chiến - Cuộc chiến vĩ đại vượt mọi chiến tranh - Mà phải một ủy ban quân sự, trong thời gian dài mới có khả năng, điều kiện thu thập và đúc kết toàn thể. Vì chỉ ghi được biến cố qua một vài khía cạnh, với những người, đơn vị lâm chiến quen thuộc; người viết xin tạ lỗi do những thiếu sót mà một cá nhân không thể nào tránh khỏi, và đã phải viết lại từ một khoảng ngày tháng quá gấp rút.

Viết lại,

Ngày Quân Lực VNCH,

Tháng 6, 1998.

Mùa Hè, Đất Mỹ.

ooo

CHARLIE, Tên nghe quá lạ

Quả tình nếu không có trận chiến mùa Hè 1972, thì cũng chẳng ai biết đến Charlie, vì đây chỉ là tên quân sự dùng để gọi một cao độ nằm trong chuỗi cao độ chập chùng vùng Tân Cảnh, Kontum. Charlie, “Cải Cách” hay “C,” đỉnh núi cao không quá 900 thước trông xuống thung lũng sông Pô-kơ và Đường 14, đông-bắc là Tân Cảnh với mười hai cây số đường chim bay, đông-nam là Kontum, thị trấn cực bắc vùng Tây Nguyên. Charlie bị bao vây bởi Căn Cứ 5, Căn Cứ 6 ở phía bắc, những mục tiêu quân sự nổi tiếng, những vị trí then chốt giữ cửa ngõ vào Tân Cảnh mà bao nhiêu năm qua, bao nhiêu mùa hè, mùa mưa rào, báo chí hằng ngày trong và ngoài nước phải nhắc tới khi những hạt mưa đầu mùa rơi xuống vùng núi non, cạnh sườn cực tây địa giới nước Nam.

Năm nay, sau bao nhiêu lần thử thách từ mùa mưa 1971 qua đầu xuân 1972, Bắc quân vẫn không vượt qua được cửa ngõ hai căn cứ số 5, số 6, thế nên cộng quân đổi hướng tiến, lòn sâu xuống phía nam hai căn cứ trên để tiếp tục sự nghiệp “giải phóng” với mục tiêu cố định: Tân Cảnh, cắt Đường 14.

Vòng đai Lữ Đoàn II Nhảy Dù nằm về phía trái quốc lộ có hình cánh cung bắt đầu bởi căn cứ Anh Dũng ở cực bắc đến Yankee hay Yên Thế, ngã lùn xuống nam với Charlie, Delta, Hotel, Metro và chót hết là Bắc Ninh, phía đông Võ Định, nơi đặt bộ chỉ huy lữ đoàn. Vòng đai này có nhiệm vụ che chở phía trái đường 14, phát hiện sự di chuyển từ đông sang tây của địch xong dùng phi pháo để tiêu diệt. Đây là lý thuyết chiến thuật, quan niệm hành quân của phía cộng hoà đối với mục tiêu và hướng tiến của phía cộng sản hàng bao nhiêu năm. Nay địch thay đổi đường đi và quân ta lập vòng đai nhảy dù... Yankee, Charlie, Delta bắt đầu được đặt tên để tiếp nhận định mệnh tàn khốc trong cuộc chiến trùng trùng. Đoạn sau kể về trận đánh ở Charlie, trận đánh nhỏ của một tiểu đoàn nhảy dù, nhưng điển hình cho toàn thể bi hùng cực độ về người Lính Chiến Việt Nam.

Đến đây, Người gặp Người

Đường mòn Hồ Chí Minh trên đất Lào khi chạy đến vùng Ba Biên Giới phía đông cao nguyên Boloven chia ra hai nhánh; nhánh thứ nhất từ Chavane đâm thẳng biên giới Lào-Việt xuyên qua dãy Chu Mon Ray để nhắm vào Darkto; nhánh thứ hai từ Bản Tasseng qua trại Lệ Khánh, và Kontum là mục tiêu cuối cùng của quan niệm chiến thuật Bắc quân: Phải chiếm giữ thị trấn cực bắc này để làm

bàn đạp lần tấn công Pleiku, rồi từ đây tiến về phía đông, xuống bình nguyên tỉnh Bình Định. Gợi nhánh thứ nhất là nhánh Bắc và nhánh thứ nhì là nhánh Nam. Trong chiến dịch Xuân-Hè 72 của Mặt Trận B3 (chiến trường Tây Nguyên), đường rẽ phía Bắc được sử dụng, từ đỉnh 1773 của núi Chu Mon Ray, con đường không thể gọi là một nhánh nhỏ của “đường mòn Hồ Chí Minh” nữa, nhưng phải gọi đó là một “Bypass” của một cái lộ tuyến phẳng phiu trơn láng, chạy ngoằn ngoèo qua các cao độ, đổ xuống những thung lũng hun hút của dãy Big Mama Mountain rồi bò theo hướng đông đến đỉnh Kngok Kon Kring. Đỉnh núi này cao quá, con đường phải quẹo qua trái, đi lên cao độ 960 và tạm dừng lại. Dừng lại, vì phía đông, hướng trước mặt chỉ cách mười cây số, con sông Pô-Kơ dậy sóng... Con sông âm ỉ qua ghề đá, ào ào đi giữa rừng xanh núi đỏ. Bên kia sông, Quốc Lộ 14 chỉ khoảng trên dưới sáu cây số và đầu con đường là Tân Cảnh, mục tiêu của bao chiến dịch. Từ ngày chiến tranh “giải phóng” bùng nổ.

Đây rồi, “...nồi com điện National” đây! Tân Cảnh hấp dẫn ngon lành như cô gái yếu đuối hờ hênh thụ động nằm dưới thung lũng bát ngát ở đằng kia. Bộ đội ta tiến lên! Nhưng không được nữa, con đường đã bị dừng lại, và bộ đội ta dù được “tùng thiết”, dù được đại pháo “dọn đường” cũng phải dừng lại, vì đỉnh 960 chính là bãi đáp C, là cứ điểm Charlie và Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù đã xuống LZ này từ ngày 2-4. Con cháu Bác và Đảng phải ngừng lại bố trí trận địa. Nỗ lực kinh khiếp kéo dài trên năm mươi cây số đường núi, từ ngã rẽ đất Lào phải dừng lại vì chạm phải “súc người”. Ở đây - Người đã gặp nhau.

Vực thấp, đỉnh cao, bạt núi, xẻ đèo, những con người cuồng tín và tội nghiệp của miền Bắc đã làm được tất cả. Con đường núi của Tướng Stiwelle từ Miến Điện đến Trùng Khánh, Trung Quốc năm 1945 đã là một sự khùng khiếp - Đường xuyên sơn vạn dặm, dài thật dài, quanh co khúc khuỷu lớp lớp giữa núi rừng nhiệt đới, con đường nổi tiếng đúng như tầm vóc và giá trị của nó - Cả nước Tàu sống bám vào cái ống cứu nguy thậm thụt hun hút này. Vào thời điểm đầu thế chiến, nước Tàu, đồng minh “tuyệt vời cần thiết” của người Mỹ dễ thương cần phải sống để chống đỡ trục Bá Linh - Đông Kinh. Con đường quả đáng tiền và đáng sợ. Nhưng đường này làm bằng máy, dưới sự yểm trợ và che chở của các “Ông Biển” hảo hạng, những người lính công binh chiến đấu hãnh diện của Mỹ Quốc giàu sang hùng mạnh. Năm mươi cây số đường xuyên sơn của “bộ đội ta” thì khác hẳn. Bộ đội đào bằng tay trong đêm tối. Bộ đội lấp hố dưới tầm lưới lửa thép của B52, trên những giải thảm tử thần dây lằn bom bi CBU. Súc người và lòng cuồng tín ghê gớm đã vượt qua giới hạn. Đấy không còn là người với thịt da biết mệt mỏi đau đớn, cũng không là người với trí óc biết nguy biến và sợ hãi. Bắc quân, khối người vô tri tội nghiệp chìm đắm trong ảo tưởng và gian nguy triền miên. Con đường sạn đạo vào đất Ba Thục tàn thời được hoàn thành từng phân từng thước... Bắc quân theo đó đi về Đông.

Nhưng đến đây, ở cao độ 960, người lính Bắc Việt không tiến được nữa vì đã gặp “người”- Người rất bình thường và giản dị. Người biết lo âu, sợ nguy biến. Người có ước mơ và ham muốn vụn vặt. Những người không thần thánh

hóa lãnh tụ và tin tưởng Thiên Chúa cũng chỉ là bạn tâm tình. Nhưng đó cũng là những người lính đánh giặc “tối” nhất của Quân Lực Miền Nam, chỉ huy bởi những sĩ quan miệt mài trên dưới mười năm trận địa. Những sĩ quan biết đánh hơi rất chính xác khả năng và ý định của đối phương. Bắc quân dừng lại giữa đường, áo giáp bị công phá và tan vỡ- Họ gặp lính Nhảy Dù Việt Nam.

Trận đánh trên cao điểm

Anh Năm (Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, Tiểu Đoàn Trưởng 11 Dù) bố trí quân “hết sảy”. Cứ điểm C hay Charlie chính thống, cao độ 960 giao cho “thằng 1”, đại đội 1 do Thịnh, trung úy khoá 25 Thủ Đức chỉ huy. Thịnh trẻ tuổi đời lẫn tuổi lính. Thịnh có vẻ yếu trước mắt mọi người vì Thịnh...đẹp trai! Đã đẹp trai, tốt mã thì đánh giặc hơi yếu. Chẳng hiểu sao phần đông là như thế?! Những anh có vẻ tài tử, ăn nói ngon lành, rồn rảng thường hay lạnh cẳng... Nhưng nghĩ cho kỹ thì cũng công bằng thôi, con người mà, được cái này thì mất cái kia. Nhưng anh Năm dưới cái nhìn sắc sảo của con ó, kèm theo “suy tư” của phó Mễ đã chọn Thịnh để giữ Charlie vì cả hai người chỉ huy đều chắc một điều: Đây là một tay “dur”, loại liều, thú “kép trẻ đang lên” của trận địa. Thịnh được lãnh hãnh diện “Nhất kiếm trấn ải” và những ngày sau Thịnh đã chứng tỏ, người chỉ huy mình đã không nhầm lẫn. Phía bắc của C giao cho đại đội 3, do Hùng “mập” làm đại đội trưởng. Hùng chỉ là đại úy thôi, nhưng “người” có đủ tác phong và khả năng để “tiến” xa hơn. Vì “người” cũng là tay văn nghệ, “lãnh tụ” sinh viên, có kích thước cơ thể và tính chất của tướng Thắng, ông “tướng sạch nhất” của quân đội và cũng là ông

tướng học giỏi nhất! Nhưng giờ này Hùng chỉ là “simple captain” nên cam phận dẫn quân lên trấn giữa phía bắc Charlie, căng mìn bẫy, đào hầm chờ con cháu Bác, những chiến sĩ Điện Biên... Điện Biên cái con bà nhà nó, lúc xưa bố nó đánh Điện Biên chứ đâu phải nó hôm nay, trong họ tôi có ông chú làm tiểu đoàn trưởng đánh cái Điện Biên khi gió kia... Bây giờ tụi nó là cái chó gì..Chẳng nhẽ tôi là lính Tây cà-lồ sao?!. Phần còn lại tiểu đoàn lên cao điểm 1020 hay C2. Anh Năm bảo Mễ:

- Mình giữ hột lạc (cao độ bản đồ thường tượng hình hột lạc) này vì phía nam tao chắc toàn tụi nó, lệnh hành quân bắt buộc mình phải giữ cửa thằng Charlie. Kẹt lắm, trước sau gì tụi nó cũng phải chiếm thằng Charlie này, và mình thì chỉ việc “thủ”?! Bớ khi, thôi đã xuống đây thì phải giữ chứ biết làm sao, hôm đi họp hành quân được nhận tin tình báo từ quân đoàn, sư đoàn 320 (Sư đoàn Điện Biên cộng sản) đã rút về tây, vào đất Lào!

- Anh Năm yên chí, mình “hơn tiền “ tụi nó! Mễ chắc giọng.

Nhưng thật ra tất cả chỉ là những câu nói bề mặt, phần trong, đằng sau lý luận và phân tích, do những kinh nghiệm và nhạy cảm riêng về chiến trường, mọi người đều có chung ý nghĩ: Xong rồi, mình đã lọt bẫy! Bời, chiến tranh miền núi là chiến trường giữa những cao điểm; đành rằng C và C2 cũng là những cao độ, nhưng 960 và 1020 làm sao chế ngự được những đỉnh 1773, 1274, 1512 của rặng Big Mama Mountain và tiếp theo một dãy đường đỉnh nam rặng Chu To Sang... Và pháo binh của tụi nó. Pháo và kèm theo một “rừng cối”, gồm một hệ thống súng

cối có đường kính từ 80 ly trở lên hoặc sơn pháo bắn thẳng... Sự thông minh và tinh tế về chiến trường của toàn bộ sĩ quan tiểu đoàn ngừng lại ở đây. Họ không dám nghĩ thêm. Phần lệnh hành quân đã giao cho họ một đỉnh núi trơ trọi để sửa soạn vinh quang cùng cái chết. Họ chỉ có một đỉnh Charlie đang hùng hực bốc hơi dưới nắng hè hạ chí trời Tây Nguyên. Định mệnh, sức mạnh khắc nghiệt khốn kiếp đã bắt phải như thế. Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù không còn khả năng chọn lựa. Như cuối cùng cái chết thế nào rồi cũng phải tới cho dù người lính hàng chiến đấu quyết liệt bao nhiêu.

Ngày 6, cứ điểm Delta ở phía Nam bị đánh. Đứng chiến thuật, lính ông Giáp tuối xuống một trận mưa pháo, cối và hoả tiễn. Đêm thật dài, người ở Charlie chờ đợi và theo dõi...Tiên sư, tụi thằng Mạnh (Tiểu đoàn 2 Dù giữ Delta) bị rồi.. Xem thử tụi nó đánh đấm ra sao? Bộ chỉ huy tiểu đoàn 11 Dù chong mắt vào loa khuếch đại máy truyền tin để nghe kết quả... Trời sáng dần, Delta lấy lại được, quân ta thắng. Anh Năm nhìn Mễ:

- Mấy thấy đấy, chúng sẽ chơi với mình cũng với cách này, chúng sẽ lấy kinh nghiệm ở Delta để “dứt điểm” mình. Toàn thể bộ chỉ huy im lặng. Mọi người đều có ý nghĩ chung. Bao giờ đến lượt mình? Baogì?

Nhưng anh Năm không thụ động, con hổ dù bị nhốt trong chuồng vẫn còn nguyên phong độ, uy lực riêng. Không cần phải luận lý lâu lắt. Đây, quyết định của anh:

- Mễ, mấy đem hai thằng 2 và 4 (Đại đội 2 và 4) lên chiếm cho tao cái này. Anh chỉ vào một cao điểm ở nam C2. Nếu chiếm được mình sẽ cho một thằng lên giữ

nó, mình đã bị phân tán mỏng thì cho mỏng luôn, càng mỏng càng tốt, tránh được pháo, đỡ bị tụi nó vây... Mấy nghe chưa?

Mể gật đầu, anh năm thấy, nó cũng chung ý nghĩ. Đã vào bẫy thì tìm cách thoát ra, một đỉnh núi không thể là vị trí cố thủ. Tòì nghe anh rõ. Mể trả lời. Trời vừa sáng, Mể quay bảo Hải, sĩ quan trưởng ban 3(Ban hành quân),

- Ông cho hai thằng 2, 4 chuẩn bị, mình đi làm ăn. Không thể ngồi đợi tụi nó tới đây rúc rĩa, cấu xé được...

Ba đợt xung phong không thành, Bắc quân quả không đại đột bỏ vị trí rất nhiều ưu điểm; cũng bởi sườn quá dốc, quân ta dù can trường, dùng tay lẫn chân cũng không thể nào “chạy” qua được hàng lưới lửa của 12ly7 (đại liên phòng không hoặc chống chiến xa) hoặc sơn pháo 75 ly bắn thẳng!

- Cho thằng Mể lui! Anh Năm bảo Hải. Trán cau lại, anh nhìn xuống đất, gỡ kính, chớp mắt, nói nhỏ sau tiếng chắc lưỡi: Minh bị một con dao đâm lút cán vào lưng!

Những ngày sau tương đối bình yên, hằng ngày các đại đội tung các đứa con ra xa lục soát, chỉ trừ đường về phía nam, nơi tụi “khốn nạn” đang chui trong núi. Làm sao “móc” chúng ra được? Bom thả xuống hằng ngày, nhưng chỉ là bom miểng... Mẹ...hầm tụi nó đào theo chữ U hoặc con c... gì gì thì làm sao bom “lách” vào được?! Anh Năm đi lại trên đỉnh đồi nhìn bốn hướng trùng trùng và xa xa trong ánh nắng về phía Tây, cuối con đường trong vùng núi Lớn có lớp bụi mù... Xe chúng nó! Xe chúng nó! Tăng hay GMC của tụi nó...Bom! Bom... Gọi lữ đoàn Hải,

- Để em gọi, nhưng Molotova chứ đâu phải GMC, anh Năm!

- Thì đấy là GMC của Nga, mấy biết mẹ gì!

Đàn em thì bao giờ cũng ‘chẳng biết mẹ’ gì. Anh Năm vốn hay phủ đầu như vậy. Nhưng đây chỉ là một cách nói, bởi anh rõ ưu điểm của từng người như một máy ghi âm cực tốt. Máy bay ta ào tới, con đi “Lan 19” lượn một vòng trên vùng chỉ định, cho “ra” một trái khói... Khu trục nhào xuống tiếp theo, bom nổ dâng cột khói lên cao.

- Tiên sư, bom ném thì hay nhưng sợ tụi nó trốn rồi, nó lại không trốn luôn mà quay trở lui về phía mình thì bỏ mẹ...

Sau cơn bom, khói bay lên không trung, qua bóng nắng đằng xa thung lũng lại có lớp bụi mới bồi từng chập..... Tăng! Tăng...tăng nữa, đông quá, tụi nó chưa bị... Tiên sư, nó trốn ở đâu nhỉ? Trên đồi cao, anh Năm đứng im như con báo nhìn lũ sài lang tiến tới hăng hăng lớp lớp. Làm gì được bây giờ... Không lẽ xin thêm phi tuần khu trục?

Ngày 11, trận địa pháo bắt đầu. Pháo thật sự của 122 và 130 ly ào ào trút xuống C1, C 2, C3... Không phải từng trái, nhưng từng chùm, từng loạt... Một, hai, ba... Hải cố gắng đếm.

- Mày làm gì thế, điên sao em?! Anh Năm vừa hỏi vừa cười.

- Mình gắng đếm để báo cáo cho chính xác!

- Thế thì mày phải đếm hàng chục một, một chục, hai chục... Tụi nó đâu “đi tiền” lẽ!

- Tụi nó “chơi” tụi! Thịnh ở Charlie báo cáo qua máy.

- Mày giữ nổi không? Anh Năm cướp ống liên hợp máy truyền tin trên tay Hải.

-Trình “đích thân”, suy là tụi giữ được, xin cho pháo mình nổ gần tụi thêm chút nữa...

Pháo căn cứ hoả lực Vô Định (Nơi đặt bộ chỉ huy lữ đoàn)

bắn tới tới trước, rơi xuống sườn phía đông Charlie... Đạn 105 và 155 nổ từng trái một, khói bụi tung lên trông rõ.... Mẹ, bắn gì “quí phái” vậy, nó tấn công chính diện ở phía tây, mấy xin pháo căn cứ 5 bắn xuống để ăn hơn!

Hải bốc ba, bốn cái máy truyền tin một lúc, năm ngón tay chuyên “xoa”, “nặn” di chuyển trên giàn ống liên hợp lẹ như chớp... Thằng này gọi là “Hải khều” cũng phải, nó khều cái gì đúng cái đó! Anh Năm phía cầu khời hải đúng lúc, Hải nheo mắt cười thích chí.

Pháo căn cứ 5, và hai căn cứ Sơn Tây, Mạnh Mẽ cùng ào xuống, vây quanh Charlie vòng đai lửa. Đấy! Đấy... phải như thế mới được. Anh Năm gật gù tán dương, đồng lúc tiếng Thinh vang vang qua loa khuếch đại,

- Trình đích thân cú cho gà nó “đá” như thế, em đánh tụi nó de ra như đuổi con nít... Tốt! tốt... cho gần hơn năm mươi thước nữa thì tốt hơn, ngay trên tuyến em cũng được!

Bốn mươi lăm phút sau, pháo im bật, cả ta lẫn của địch. Anh Năm lên hầm chong ống nhòm xem đại đội 1 bên đồi C lục soát chiến trường. Súng và xác bộ đội cộng sản nằm lênh kênh chặt kín đồi đất đỏ.

- Nó đánh thằng 1 là để dợt chơi, cú dứt sẽ với mình,

- Trung tá, trên họ không tin nó pháo mình bằng 130 ly?! Hải báo cáo, giọng mỉa mai.

- Gì? Anh Năm chỉ gất được một tiếng. Như thế là người đang nổi cáu. Trường hợp này vốn rất ít, vì anh vốn trầm tĩnh, sự giận chỉ đến sau chót, khi đã cuối cùng chịu đựng.

- “Họ” bảo mấy sao? Chữ “họ” được gán xuống khinh thị!

- “Họ” bảo mình kiếm mảnh 130 để gọi về! Chữ “họ” thứ hai qua cách nói của Hải cũng đáng cay không kém.

- Đến đây mà kiếm, muốn thấy súng của chúng thì cũng

đến đây, tao như thế này không lẽ la hoảng, báo cáo lão sao?! Anh đá một hòn đất bay tung... Mẹ, nó xài toàn đạn delay³ mới thế này đây! Cậu nói ngắn đầu đón của niềm phần nộ tuyệt vọng.

- Cho sửa sang hầm hố, ngày mai gì tụi nó cũng “chơi” lại. Trước khi bước đi, anh quay sang Hải, dặn thêm: Mấy trình với lũđoàn, để nói với quân đoàn, đây là đạn 130 ly thật. 130 ly xuyên phá. Mấy bảo tao nói thế.

Đêm xuống thật mau, đêm của núi rừng thắm màu và đầy bóng tối đe dọa. Sao trên cao lấp lánh, sương mù đùn lớp... Đêm như có hình khối chuyển dịch. đêm chất chứa che dấu hàng ngàn sinh vật đang bò dãn vào cú điểm. Đêm cũng vô cùng im lặng, nhưng nổi im lặng kinh dị như khoảng cách từ khi viên đạn ra khỏi nòng súng và sắp sửa “chui” xuống mái hầm, hố phòng thủ. Trong bóng tối, mấy trăm con người trên ba cú điểm dựng đứng đôi mắt xuyên thủng qua bóng tối. Và chờ. Ngủ chỉ là khoảng cách ngắn để đôi mắt khép lại, đầu gục xuống, xong giật mình tỉnh giấc với nỗi “lo lắng” như vừa qua cơn mê thiếp dài, và trong khoảng khắc “dài thăm thẳm chóng vánh” này, hình như quân địch đã tiến sát gần hơn! Tiểu đoàn 11 Dù qua đêm trong chấp chờn sắc buốt với cảm giác viên đạn vô hình đang bay thẳng vào mặt. Có ráng hồng bên kia núi... Ngày đã tới. Ánh sáng đẹp âm vang hân hoan, như ân huệ nồng nàn vừa được sống sót qua thêm một đêm.

Ngày cuối của một người

Ngày 12 bắt đầu. Linh cong lưng xuống trên đất để đào thêm độ sâu... Càng sâu càng tốt. Tỷ lệ được sống sót là độ sâu của lớp đất đá vô tri này. Đất được đổ lên mái.

³ Đạn đầu nổ chậm, dùng xuyên phá công sự.

Con người chui lọt vào giữa đất đá, tội nghiệp và thụ động như con sâu ẩn mình trong tổ. Pháo sẽ đến lúc nào? Nổ ở đâu? Câu hỏi âm thầm vang vang trong đầu hàng trăm con người. Trên ba cú điểm im lặng chỉ loáng thoáng bay những sợi khói mỏng manh. Khói của con pháo cuối cùng chưa dứt độ nóng trong đất. Chỉ tiếng cuộc đục đều đều vào đất đá như hơi thở bị ngắt quãng.

Trong hầm chỉ huy, anh Năm chỉ những điểm ước tính Bắc quân đặt súng.

- Chắc chắn chúng chôn súng ở đây... Anh chỉ ngón tay trên các đỉnh Kngok Toim, Kngok Im Derong. Toàn là cao độ trên 1500 thước, ở đây, tụi nó thấy mình rõ như ở đây mình thấy thằng 1 dưới Charlie. Ngày hôm qua nó bắn mình không trật một phát ra ngoài. Mấy xin mấy phi tuần để sẵn, có gì mình dội xuống liền. Dội ngay trên tuyến mình cũng được. Xong, ông Mễ và Bác sĩ Liệu về hầm đi, đừng tụ vào một chỗ.

Mễ và Liệu đứng dậy,

- Chào trung tá. Anh Năm gật đầu. Hình như anh gương cười. Có điều gì khó khăn sắp xảy ra? Không ai biết, nhưng âm tiếng mọi người có điều gì khang khác, buồn buồn... Tai ương nguy biến chực sẵn đâu đây đã làm người hoá nên tê liệt, rã rời. Cứng thật do chờ đợi quá căng thẳng giữa vũng tối, dầy bóng đêm.

- Thôi, tôi về, có gì tôi chạy qua với anh. Hải không để ý tiếng “anh” bất bình thường nói trong hơi thở hụt. Người chỉ huy đứng dậy, Hải tiễn anh ra cửa hầm. Anh bước lên nặng nề, chậm chậm, lưng cong xuống. Anh đi trên đất đá đào xới với dáng dấp của con hổ bị thương khi trở lại, rừng xưa nay đã hoang tàn.

11 giờ 5 phút, pháo lại bắt đầu... C2 bị nặng hơn C và C1. Theo thói quen, Hải nhắm tính tính từng chục trái một; hần hét lớn báo cáo với lũ đoàn,

- Tôi và hai đứa con cùng bị một lượt, toạ độ đặt súng ở yếu tố cũ... Không ước lượng được, hai trăm trái rồi... tụi nó đang tấn công C!

Bắc quân từ Tây và Tây-Nam đồng nhào lên C, những người ở C2 nhìn xuống sườn đồi lúc nhúc những bóng áo vàng đục di chuyển chậm chạp, lui tới...

- Nó đánh giặc gì kỳ vậy? Người hạ sĩ quan hành quân hỏi Hải.

- Tụi nó "điên", chẳng phải "điện biên" mẹ gì cả, đéo thấy ai ngu bằng tụi nó,

Lính đại đội Thịnh nhóm dậy khỏi giao thông hào, súng bắn không cần nhắm, lựu đạn ném không cần lấy đà. Ta và địch cách nhau không đầy một tầm lựu đạn. C2 vẫn im lìm dưới trận mưa đạn và lửa... Tám trăm trái rồi... Chưa đầy một tiếng, nó đã nổ hơn tám bốp! Hải ngồi bẹp trên đất, nón sắc chụp xuống, lăm lăm những câu vô nghĩa với chính mình. Qua máy truyền tin nội bộ (giữa các đại đội và ban hành quân tiểu đoàn), tiếng chuyển lệnh của Thịnh nghe chững chặc, tự tin, "... đội tụi nó đến gần rồi hần bắn, nó chỉ là lính con nít, bây là nhảy dù mà để thua là yếu lắm đó...". Hải cố mỉm cười nhưng nụ cười không thành dạng. Pháo vẫn nổ như cơn địa chấn như xoay chiếc hăm nghiêng ngả... Tụi nó đòi dứt đứa con của mình... Ờ mà sao chẳng nghe anh Năm gọi qua gì hết... Có chuyện gì không nhỉ. Trí não Hải đã cứng đờ. Hần không nghĩ được điều gì hơn.

Mẽ không buồn nghĩ đến số vũ khí của hai đại đội 1 và 3 tịch thu được. Anh Năm chết, là tiểu đoàn phó, Mẽ tự động lên thay thế. Trách nhiệm quá nặng với tình thế kẹt cứng. Và anh Năm, người đàn anh thân mến từ bao nhiêu năm, gian nguy, khổ nhọc bao ngày dài cùng chia sót. Vĩnh biệt anh, hăm bị ba trái cực mạnh, chịu làm sao thấu... Sao cuộc đời chỉ dành cho anh toàn hoạn nạn. Hoạn nạn của ba mươi năm ở đời chưa đủ sao?

Mẽ, Hải, Liệu nhìn nhau... Trời chiều cao nguyên sẫm bóng nắng. Đêm sắp đến. Đêm với chiếc bẫy sập xuống từ từ, lũ người tuyệt vọng nhìn thấy những tia gân máu đỏ đục loáng ánh sáng phản nộ hấp hối trong mắt nhau.

Liệu cho lệnh những người lính y tá đào đất lên, mang anh ra ánh sáng. ngoài vết thương ở tim, người anh tím bầm từng chỗ, chiếc kính vỡ, mắt nhắm, miệng hơi mở để lộ ra những răng cửa. Hải ngồi xuống, rờ vào xác anh còn ấm, đập mấy cái lên áo. Lớp bụi mờ đục bay bay...

- Để tôi rửa cho ông ấy,

Liệu ngồi xuống với bông và cồn. Thi thể anh trầm trầm dưới nắng Tây Nguyên đậm màu vàng rực. Hết. Mười hai năm chiến trận chấm dứt phút này đây trên cao độ 1020. Trông về bốn hướng chập chùng đồi cao tiếp núi thẳm.

Trường Sơn ác độc nhận thêm một hình hài.

chương 2.

Đốt Charlie

Bây giờ là buổi chiều. Buổi chiều với nắng vàng và gió lộng. Không còn tiếng nổ trong không gian, ba mồm núi bốc những sợi khói nhỏ, mờ mờ hơi nóng. Nóng không phải hơi nắng mặt trời nhưng do âm ỉ của thuốc súng chưa kịp tan, còn lẫn khuất nơi cây cỏ, đất cát.

- Thiếu tá... Hải gọi nhỏ Mễ. Lúc riêng rẽ, ít khi hai người gọi nhau bằng cấp bậc, nhưng bây giờ, tình hình đã khác, trách nhiệm và bốn phận quá đồi nặng nề, thêm xúc động trong lòng qua cái chết của người chỉ huy. Hải nhắc nhỏ Mễ,

Thiếu tá, tổng kết là mình chết 20, 40 bị thương cần di tản.

Mễ gật đầu, đưa mắt nhìn hỏi Liệu...

- Đúng vậy! Liệu đáp nhỏ. Anh toubib hết đồ nghề, nhìn xuống xác anh Năm, như một cách lẩn tránh.

- Dạ, có ông Hùng muốn nói chuyện với thiếu tá. người lính truyền tin đưa ống liên hợp cho Mễ.

Tiếng Hùng ở C1, vọng trong máy: Trình Mê Linh (danh hiệu truyền tin của Mễ), ở tôi thì không có gì, nhưng từ sáng tới giờ sao chẳng nghe 008 (Tiểu đoàn trưởng) nói gì với tôi hết... Giọng Hùng mang vẻ trách móc xa vắng, ắt hẳn hẳn đã linh cảm được tai nạn xảy ra. Mễ nhìn xuống xác anh Năm, đôi mắt đỏ mịt mỗi chớp chớp, hình như có giọt nước mắt lưng tròng,

- 008 đã bắt tay với ông Phan (Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 1 Dù, đã tử trận Hạ Lào, 1971), biết thế thôi, đừng nói cho ai hay...

- Dạ, tôi nghe rõ Mê Linh. Hùng không còn hơi sức để hỏi gì thêm.

Súng lại nổ dưới Charlie. “Cắt” anh Năm lại, đừng cho lính biết. Tất cả ra giao thông hào. Mễ ra lệnh ngắn. Lời nói đanh cứng, dứt khoát. Trong ráng chiều, những người lính ở C1 và C 2 chăm chú theo dõi trận đánh nơi cao độ C.

Bắt đầu, cối và sơn pháo từ những cao độ phía Tây bắn từng nhịp bốn trái một vào căn cứ, xong bộ binh sư đoàn Điện Biên từ hai hướng Tây, Tây-Nam xếp hàng như đi diễn hành tiến vào...

- Đúng là tụi nó điên rồi, không điều động, ấn núp gì cả... điện biên cái con c...! Lính ở C1 và C2 đồng đứng dậy khỏi giao thông hào chơi trò chơi mới,

- Mấy bắn vào cái hố có bốn thằng núp dưới kia, nếu trật thì để tao. Hai người lính đại đội 112 thách nhau dùng súng phóng lựu M 79 và hoả tiễn cầm tay M72 từ đồi cao bắn xuống. Trái đạn bay đi khoảng ngắn, đất bụi bay lên...

Bốn thân xác phơi trần trụi, vật vạ, lẫn lóc. Người lính nhỏ Miền Bắc đi giải phóng ai đây; trong phút chốc họ đã trở nên thành những bia thịt sống thậm vô ích và chết với giá qua rẻ.

Cuộc tấn công vào cứ điểm C kéo dài năm đợt. Lính Thịnh đánh tinh táo, chắc chắn. Nhưng bỗng nhiên, Mễ có quyết định: Rút nó về, nhờ tối nay, nó hết đạn thì sao...

Hải gọi liền máy, bảo Thịnh,

- 401 (Thịnh) đây 06 (Hải), anh xếp va-ly lại, nhớ mang theo mấy thằng rách áo, về ở với bố mẹ...

- Vàng, vàng, tôi nghe rõ, tôi cũng có ý định đó vì kẹo gần hết, nhưng số 008

và 007 (Tiểu đoàn trưởng và phó) hiểu lắm. Tội nghiệp chưa, đến giờ này, Thịnh vẫn không biết người anh cả của tiểu đoàn đã đi khuất. Trong âm nói của Thịnh vang động mỗi hân hoan vui sướng” về với bố mẹ”. Thịnh đầu tiên đoán được đến lượt mình ở ngày mai?!

Đại đội 111 rút được về C2, năm giờ chiều, trời chỉ còn chút ráng đỏ, gió lạnh... Đỉnh Charlie trống trải cháy ngọn lửa điêu tàn. Và trong hoang vu hấp hối của cỏ cây, hàng trăm người lính Bắc Việt, “những chiến sĩ Điện Biên của sư đoàn Thép, đơn vị vang danh bốn chiều lục địa, những người lính Quân đội Nhân Dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà”, tất cả đồng nhào lên Charlie một lượt... Những “bàn chân gang thép mang linh hồn vũ bảo vào Nam giải phóng, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược” đồng chạy mau hơn, nhanh hơn... Để cùng lẫn lộn, giành giật trên vùng đất vỡ nát, lầy lưa xác người và hơi thuốc đạn. Như một con đồng nhập quản trí, tất cả đồng

vất bỏ vũ khí, dùng tay trần cào, xới, bới, móc... Đám lính đói sudoàn Thép kiếm thức ăn. Họ tìm gạo sấy, thịt hộp và C Ration. Cuối đường giải phóng, những “chiến sĩ Điện Biên anh hùng” tìm ra “vinh quang đích thực” nơi những hộp thức ăn chế tạo tại Mỹ, giữa đám xác người Miền Nam họ vừa tàn sát.... Bom! Bom! Đốt cháy tụi nó hết! Mẽ nói như thết,

- Có ngay! Hải “khều” ngay ba phi tuần Napalm; toán lính Bắc định tháo chạy, nhưng không kịp nữa. Theo một hướng Tây-Đông chính xác, ba chiếc Skyraider cùng chúi xuống một lúc... Lửa lỏng lộng, lửa vàng đỏ trộn khói đen cuộn lên lớp lớp... Trong cỏ cây cháy khét có mùi thịt. Thịt của người và thịt của thức ăn. Lính cộng sản sudoàn Điện Biên Phủ vinh quangchết trên mục tiêu vừa chiếm lĩnh - Những hộp thịt thức ăn chế tạo tại Mỹ.

Ngày 13 tháng Tư, Mẽ cho đại đội 112 xuống chiếm lại C. Lính của Hùng “móm” vừa từ trên “hột lạc” đổ xuống bị bật lại ngay bởi một hàng rào của cối 60, 82 và son pháo 75 ly bắn thẳng từ ngọn đồi phía Tây. Bộ chỉ huy tiểu đoàn không một chút do dự: Cho thẳng 2 về, tụi nó hận mình về vụ hôm qua. Lên phía Bắc không được, Mẽ thủ bung quân ra hướng Đông để tìm bãi đáp. Phải có một bãi đáp bất cứ gia nào, thung binh, người chết, xác anh Năm...Tất cả cần phải di tản. Sự hiện diện của những đau đớn này làm lòng nặng xuống, cũng có thể gây nên tâm lý phục hận phần nộ, nhưng cũng là lần suy sụp lo sợ. Phải di tản gấp số thương binh. Mẽ nói với Thịnh:

- Ông gắng ra chỗ này, (một trảng trống cách C2 khoảng ba trăm thước về hướng Đông), kiếm được LZ(bãi

đáp trực thăng), di tản hết thương binh và người chết, tụi còn lại mới yên lòng được. Đừng để cho lính có cảm giác bị bỏ rơi, tinh thần họ giảm đi, dễ xúc động. Hơn nữa, mình hết đạn và nước uống. Nhé, ông gắng ra cho được.

- Dạ, thiếu tá để tôi.

Thinh can trường như Triệu Tử Long, dẫn đại đội chỉ trên khoảng bốn mươi người rời căn cứ. Cái trăng trắng kia rồi, 50, 40, 30...Gắng chút nữa, mình có nước uống! Thinh thúc dục người lính. Nhưng không thể được. Bắc quân bắt đầu khai hỏa, bốn phía cùng nổ từ các cao điểm chung quanh. Nguy hiểm hơn, địch cắt đứt đường về, quân ở C2 cố ra đón bị chặn lại, không thể dùng một thứ vũ khí nào khác ngoài lựu đạn. tiến không được, thối lui không xong, trên đầu bị vây chụp bởi đạn sơn pháo từ dây cao điểm phía Nam dội xuống. Thinh ngã chết. Chỉ còn con đùng nẩy cho người lính trẻ. Thinh chết giữa trời, trên đồi cháy. Viên đạn cuối cùng vừa bắn ra. Bóng Bắc quân vây kín. Trái lựu đạn còn lại cũng vừa ném... Người sĩ quan tuổi quá hai mươi ngã xuống bởi chục nòng súng xả đạn vào. Chuẩn úy Ba nhào đến ôm xác Thinh, hứng nốt những viên đạn còn lại.

Mẽ nổi điên trong giao thông hào, gọi máy liên lạc với đại đội 111,

- Ở đây còn có ai?

- Có tôi. Khánh, sĩ quan liên lạc tiền sát pháo binh đáp mau.

- Anh coi đại đội, cố dẫn về lại tôi, có thằng 4 ra đón.

- Tôi nghe đích thân rõ. Người sĩ quan pháo binh gom quân làm một mũi dài... Đánh! Để tao đi đầu, lựu đạn mở

hết kíp ra. Trung sĩ Lung, người hạ sĩ quan thâm niên nhất dẫn đầu toán quân, xung trận như mũi tên lửa. Đường về có được rồi, bắn bắn che nhau, Lung về chót... Nhưng còn hai ông thầy! Lung cố chạy ngược trở lại nơi xác của Thịnh và Ba. Một loạt đạn vô tình nào đó... Chầm chậm Lung ngã xuống. Ba xác chết chồng lên nhau bất động.

Hai giờ chiều, Bắc quân mở cuộc tấn công mới, cuộc tấn công công khai, nhắm thẳng vào C2, căn cứ chính.

- Tụi nó dứt mình. Được, mấy “điện biên” tao “nhảy dù”, xem ai hơn ai... Tất cả ai ngồi được, kể cả bị thương, ra hết giao thông hào, thằng nào kêu la khóc lóc, tao bắn chết. Chính tao bắn... tụi mày để thua, tao bombing vào đây. Chết, chết tất cả! Mề gà lên, xong ngắt xiù.

Liệu nói nhỏ, thì thâm sát tai Mề: Tim ông nó mệt rồi, đừng “gonfler” quá, ông chết luôn, hết người chỉ huy.

Lính sư đoàn Điện Biên thối kèn xung phong dưới yểm trợ của cối và sơn pháo. Quân ta sau mỗi đợt pháo, đứng khỏi giao thông hào... Vào nữa...vào nữa đi con...Có đứa nào già không mày? Tao chỉ thấy toàn con nít, đánh tay không tao cũng có thể bóp cổ tụi nó được! Trước mắt lính nhảy dù, một lớp, hai lớp, những “đứa trẻ” cứ tuần tự đi tới... Những lớp trẻ con chơi trò đánh nhau. Chơi trò chơi ác độc do ép buộc, tuyệt vọng và vô nghĩa lý.... Không nương tay với nó... Napalm Hải!

- Có ngay!

Hai chiếc skyraider xuống thấp như chưa bao giờ thấp hơn, dưới đất thấy được chiếc mũ trắng của anh pilot; hình như anh muốn nhìn quân bạn, anh muốn chào thăm hỏi như sau mỗi lần thả “líp” dù chót, phi cơ thường hạ

thấp cách mặt đất khoảng vài mươi thước để “chào bãi”. Ở đây cũng thế, hai chiếc máy bay rà sát xuống coi như gần đụng ngọn cây. Thả bom với cao độ như thế này chắc chắn không chệch một thước, bom nổ cháy xém đến tuyến phòng thủ của quân bạn, đám lính Bắc lẫn lộn trong bãi lửa, chạy dạt ra xa... Nhưng ô kìa, hai chiếc skyraider không lên được nữa... Lòng can đảm và tình đồng đội đã giết các anh. Các anh đã xuống quá thấp để ném bom thật chính xác, để bung địch ra cho bạn. Các anh đã quên thân mình... Hai cánh đại bàng chúi xuống. Chúi xuống nữa và bốc cháy... Vĩnh biệt các anh! Đám cháy kết thúc trận đánh. thây người cháy đen nằm chật sườn đồi....chúng nó đánh, chết như thế để làm gì nhỉ!? Một ngày của hai mươi bốn giờ trên thép đỏ và máu nóng đi qua. Trời tối dần. Đêm xuống... Người lính dựa lưng vào giao thông hào liếm môi. Môi anh nóng như miếng vỏ cây bị nung khô... từ sáng đến giờ chưa được uống nước. Anh không còn sức để nghĩ thêm sau chữ “nước”.

Ngày 14 tháng Tư tiếp theo. Tính đến hai giờ chiều, C2 nhận hơn 2000 đạn “delay” và nổ chụp. toàn bộ tiểu đoàn 11 co mình trong giao thông hào dưới cơn mưa pháo không dứt đoạn.... Nó nổ xa mình. Hải thều thào,

- Ủ phía Tây, ngoài tuyến mình. Liệu tiếp lời, gạt đầu đồng ý với Hải. Nhưng thật ra cả hai đều tự dối, pháo không rơi một điểm, một tuyến, pháo chụp toàn thể C2. Pháo tan nát. Pháo mệnh mông. Tất cả những lời nói chỉ là cách tự đánh lừa, trấn tĩnh đồng đội và cũng chính mình.

- Hôm nay 14? Liệu hỏi bằng quơ, gọi chuyện trong tiếng nổ ầm ỉ sắc buốt. Mẽ Hải không trả lời, đưa mắt dò

hỏi. Còn lời nào trong cơn mưa lũ của sắt thép vang động này?!

- Hôm nay mười bốn, mai mười lăm, ngày đầy tháng con tôi...

Bốn con mắt lại mở ra. Mẹ và Hải không hiểu ý Liệu. Không hề hiểu nổi... Vì Liệu đang nghĩ: Không lẽ ngày đầy tháng con bố lại chết?! “Chết”, chữ nhỏ ngắn này làm tê liệt hết phản ứng. Chết đến từ tiếng “bực” âm âm nơi xa, sâu trong rừng Big Mama... xong nổ “oành” đầu đây... Hình như ngay trên đỉnh đầu, trong lòng nón sắc đang vang động u u. Giữa khoảng cách kinh khiếp này chữ “chết” hiện ra sáng rực như một giải quang báo, tiếp nổ bùng với toàn hể sức công phá. Tiếp tục... tiếp tục... Bốn cây 130 ly nơi xa nã đạn xuống Charlie nhíp nhàng từng ngắt khoảng ngắn.

Năm giờ chiều, trận mưa đại pháo chấm dứt để cối và sơn pháo 75 ly điểm giọt, bắn thẳng vào căn cứ.

- Xong rồi, tụi nó “chơi” mình lại. Mẹ đứng khỏi giao thông hào. Đêm nay là quyết định, mình và nó last fighting... Mẹ báo cáo với bộ chỉ huy lữ đoàn,

- Bây giờ tụi nó hết “in coming (pháo kích)”, và bắt đầu “ground attack”. Không phải Mẹ sinh dùng tiếng Mỹ, bởi thông thường, những danh từ kia phải được ngụy hoá, nhưng bây giờ tìm đâu ra thì giờ để dò tìm từng từ trong bảng “Ám danh đàm thoại”.

- Nó đánh anh chưa? Viên lữ đoàn trưởng ở căn cứ Võ Định vào máy liên lạc trực tiếp với Mẹ.

- Bắc đầu ở hướng cũ, tây và tây-nam, heavy attack,

Tất cả đứng khỏi hầm, đạn súng colt lên nòng, bác sĩ

Liệu lúi húi tìm mấy trái lựu đạn... Tôi hết đồ nghề bác sĩ rồi, chơi “đồ chơi” mới vậy, lần sau đi hành quân, tôi mang một khẩu đại liên 60! Không ai còn sức hưởng ứng câu đùa của Liệu. Mẽ nhăn mặt đau đớn, ngày hôm qua bị một quả pétard (thủ pháo, một loại lựu đạn biến chế) nổ quá gần, sức nổ ép cứng xương sườn vào vách hầm, để lại những vết máu bầm lấm chấm...

Trời tối dần, hơi núi đùn lên cao, đậm đặc thêm vì khói súng. Bắc quân đã chiếm được một phần giao thông hào, tuyển phòng thủ của đại đội 114...Trình Mê Linh, nó lấy của của tôi một “khúc ruột”. Cho, đại đội trưởng 114 báo cáo với Mẽ,

- Hải, nói với lũ đoàn nó vào tuyển mình rồi,
- Tao...tao mệt... nói không nổi, Liệu giúp hộ...

Bác sĩ Liệu, to người, béo mập, đang khom lưng lấy súng colt lạch cạch như trong phim cao-bồi, chớp ống liên hợp máy truyền tin,... Dễ thôi, dễ thôi... Tụi nó cầm được một phần vỏ lạc của tôi... Liệu ề à với giọng tỉnh táo đùa cợt,

- Ông phải la lên mới được, đùa thế, ngoài ấy tường mình giỡn,

- Giỡn làm sao, không đùa như thế, chẳng nhẽ lại khóc lóc mếu máo sao... Ê... chạy đi đâu! Liệu quay nòng súng colt về phía một anh lính đang nháo nhát chạy vào khu giao thông hào trung tâm,

- Đi ra, ông bác sĩ không bắn mấy thì tao bắn cho mấy biết chết như thế nào? Mẽ hét lớn với người lính... “biết chết như thế nào?!”. Mẽ cũng buồn cười vì lời nói của mình... Chết rồi, thì biết chó thế nào nữa?! Ầm! Một trái bộc-pha nổ thật gần, bắn Mẽ ngã ngựa người xuống. Mẽ

lồm cồm bò dậy, sờ lưng,... bác sĩ, chắc tao bị thương nặng!
Mế thều thào.

Liệu xoa tay lên lưng Mế, thân áo rách lỗ chỗ... Đếch có gì cả, mảnh nhỏ như bụi, vì ông yếu sức nên ngất thế thôi, đây là hậu quả những cú đấm của thằng Hennessy, Couvoisier trước kia!... C... giờ này mà mày còn trêu được!

- Stupid! Why you fire forty-five? Anh cố vấn trưởng, thiếu tá Duffy hét vào tai Liệu,

- I have only this... Mẹ mày, giờ này còn why với what....
What cái cần câu ông ấy,

Một đợt, hai đợt... năm đợt, Bắc quân tràn vào, bị đẩy ra, lại tiếp tục tràn vào, chiếm được một đoạn giao thông hào, xong lần dần từng đoạn,

- Không xong rồi, nó nhiều “tiền” quá! Hải lắm bầm.

Mế nhìn Liệu, Hải, cố vấn trưởng Duffy. Tòì muốn ở lại!
Mế chắc giọng.

- Nó vào chỗ thằng 4 (đại đội 4), đang qua chỗ thằng 2, mình hết đạn... Đợt, tòi đề nghị. Hải khôn ngoan, dứt khoát.

- Phải, mình “ra” đi, ở đây chịu không nổi, tụi nó đông gấp mấy mình. Liệu tiếp theo. Chữ “ra” ráo hoảnh trống không.

Mế im lặng, gỡ nón sắc ra khỏi đầu,...No hesitation, the best way... Sir? Duffy, Thiếu Tá Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, người quần băng loang lỗ máu khô, anh đã bị thương ba nơi trên thân, nhưng quyết ở lại với tiểu đoàn. Viên cố vấn, hiểu được phút giây nghiêm trọng đối với Mế; lần đầu tiên anh gọi người cùng cấp bậc, một thiếu tá người Việt với danh xưng kính trọng, “sir”.

- Đồng ý, cho thằng 2 dẫn đầu, xong đến đại đội chỉ huy và thằng 4 bao chốt. Hải, gọi máy qua thằng 3, bảo nó “nhỏ neo” ra điểm hẹn này. Mễ chỉ một vùng tập trung ở hướng đông-bắc trên bản đồ. Bảo nó đi ngay, mang theo thương binh.

Lần đầu tiên trong đời tác chiến Mễ phải “chạy”, Mậu Thân, 1968, ở Huế, với đại đội chỉ còn ba mươi người, dấu trùng trùng nguy khốn, Mễ vẫn điều quân phản công chiếm lại cổng thành Thượng Tứ. Nhưng, lần này, viễn ảnh toàn bộ tiểu đoàn bị tràn ngập, Mễ không còn cách nào khác hơn.

- Hướng đông-bắc, 800 ly giác, thằng 3 sẽ ra đó với mình. Hải chuyển lệnh cho Hùng “móm”, thành phần xung kích còn lại cuối cùng của đơn vị....OK, em nghe, em làm được cái một. Hùng “móm” vẫn ranh mãnh như không có chuyện quan trọng đang xảy ra.

Đi xuống hoà, vực sâu hun hút, trời tối thăm và cây rừng đan lưới. Chỉ tiếng lá khê động dưới bước chân cùng những thanh âm rên rỉ găm ghim trong cổ họng. Đoàn quân lẩn vào bóng đêm như muốn tan thành vật vô hình. Sau lưng họ trên đồi cao, C2 bốc lửa ngọn. Bom đã thả xuống khi người lính cuối cùng đại đội 1 ra khỏi vòng vây. Thương binh nặng và xác “anh Năm”, chuỗi cảnh tượng chập chờn chồng lên trí óc Mễ. Mệt, cảm giác rõ rệt nhất, ba ngày và đêm không ăn, ngủ, chỉ nhấp chút nước lã cầm hơi và cuối cùng, cuộc rút quân trong đêm... Đi nữa đi Hùng, đúng hướng rồi, cứ tiếp tục, phía mặt trời đỏ, bao giờ đến chỗ trống thì báo tôi. Nhớ liên lạc với thằng 3 ở phía trái, thấy mặt trời thì báo. Mễ thì thảo chuyển lệnh cho Hùng, đại đội trưởng đại đội 1.

Mặt trời chưa thấy, đêm còn đầy. Dây từng khối lớn mông mênh và đặc cứng. Hình như đã đến đáy một “tan-véc”(khe nhỏ chạy giữa hai chân núi), chân bước lên lớp đất ẩm. Nước! Người lính đặt tay xuống “mặt nước”. Không có, chỉ một lớp lá ẩm mục và đất bùn, khe suối mùa, chưa có nước. Nhưng bàn tay có chút ẩm, người lính lè lưỡi liếm miếng nước vô hình đó.

Qua khỏi “tan-véc”, lên đỉnh đồi, thấy lại sau lưng ngọn lửa ở C2 bập bùng. Bạn bè ta còn đó, sống làm sao được hờ trời? Mẽ kiệt lực hỏi,

- Hải, khi chót mình để “anh Năm” ở đâu?

- Ở giao thông hào, nơi hầm đại liên. Mẽ và Hải chỉ nói với nhau được câu ngắn trong đêm. Nguy biến và rình rập vẫn còn rất nhiều. Sao trời chưa sáng nhỉ? Hùng, gắng đi mau hơn nữa, càng xa tụi nó càng tốt, giữ được súng và thương binh nhẹ như thế này cũng tạm coi như là “đẹp”. Đẹp, hình như Mẽ cười chế riễu mình trong bóng tối. Thôi, đừng nghĩ gì nữa, cỡi nón sắt cầm tay, bốn ngày đội hoài khối sắt trên đầu, khi cỡi ra còn nguyên ảo giác của âm vang tiếng nổ lộng trong lòng chiếc nón kim khí. Một quá! Sống rồi! Hùng “móm” kêu một tiếng sáng khoải, bocc máy báo cáo cho Mẽ, nhanh như chớp:

- Tòì thấy “nó” rồi phía tay trái tòi.

Mẽ nhìn lên tàng cây, trời tím nhạt chưa có ráng nắng, nhưng ngày đã bắt đầu, trăng trống vùng tập trung đã gần đến. Thoát rồi chẳng? Mẽ tự tin nhưng cũng rất đầy kinh nghiệm: Nó phục mình ở đây nữa thì tan hàng! Ý nghĩ kinh khiếp như một mũi dao cực bén cắm ngay đỉnh đầu. Mẽ không dám nghĩ tiếp...

- Kêu thẳng “Đỗ Phủ” đến tao Hải,

- Duffy come here... Viên thiếu tá cố vấn đang đi sau Hải và Liệu nghe kêu, mỉm cười bước lại. Ba lần bị thương, bốn ngày chiến đấu không ăn, ngủ, Duffy vẫn “cứng” như một khối thép, đầu đội mũ đi rừng, khẩu M18 đặt ngang hông, tự tin và bình thản như một ý chí không lay chuyển. Tiên sư thằng cha này “dur” cả hồn lẫn xác, number one! Liệu nói với Hải khi Duffy qua mặt để lên gặp Mế. Anh chàng hiểu ý, mỉm cười: Hello Doc! Trong phút chốc sự việc khủng khiếp của bốn ngày căng cứng như vụn tan đi. Nắng cũng vừa đến, nắng đầu tiên của ngày, lòng người lính duỗi ra theo độ ấm của vệt ánh sáng. Sống được rồi mừng biết bao nhiêu!

- Đây nhé Duffy, vùng tập trung của mình, 113 bên trái, phe ta bên phải cùng “move” lên. Mình làm một cái LZ (bãi đáp), xong “mày” gọi “Tây” đem máy bay tới móc mình ra, OK?

- OK Do! “Đỗ Phủ” gật đầu lia lịa... Good...very good, you’re the best commander! “Đỗ Phủ” đưa ngón cái lên ca tụng Mế.

- Tao hay hơn nhiều, cú này bị “kẹt”, mày khen làm tao nguơng. Duffy không biết Mế nói gì, cười rộng mồm, Mế cười theo.

Rất cẩn thận, Mế cho Hùng “móm” và Hùng “mập” cùng lên trằng trước. Hai cậu Hùng “bắt tay” nhau, làm thành vòng phòng thủ, phần còn lại của tiểu đoàn với đám thương binh “bò” lên tiếp... Xong rồi, khá an toàn, giữ được cái trằng là tốt, có đường thoát rồi. Duffy, có tàu bay chưa?

- OK! Ten minutes, sir!

Nhưng không còn “ten minutes” nào cho Tiểu Đoàn 11 nữa! Một trận mưa rào, mưa đầu mùa... Mưa bởi một rừng cối và sơn pháo từ những cao độ phía đông “tuối” xuống. Bắc quân tấn công bộ từ đông-nam lên. Không hăm hố, không đạn, mệt mỏi, đói khát của bốn ngày đã đến đỉnh cao nhất chịu đựng. Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù lẫn lộn, cựa quậy hấp hối trên trăng cỏ tranh tro trụi dưới lưới chụp đạn dây bởi lửa, khói và mảnh đạn thép... Hàng sống, chống chết! Hàng sống, chống chết! Bắc quân ào ào như nước lũ tràn đi qua con đê bị vỡ. Tiểu đoàn 11 tựa tình cảnh con báo kiệt lực bị vây khốn bởi một rừng ong cục độc! Bây giờ là 8 giờ sáng của ngày 15-4-1972, Tiểu Đoàn Nhảy Dù mới tinh của Anh Năm, tiểu đoàn đã khoan thùng bức tường thép của cộng quân ở Damber; tiểu đoàn “nướng sống” hai tiểu đoàn của sư đoàn Điện Biên trên cú điểm C- Thua. Thua đau đớn và thua vô lý! Đâu còn có thể để dựa vào. Đâu còn lực để đương cự?!

Muốn đánh nhau phải có “thế” và “lực”. Thế đã mất ngay từ ngày đầu tiên khi bước xuống cao điểm với một nhiệm vụ “phòng thủ” quá mỏng manh thụ động, và lực nào còn nổi sau bốn ngày hay 156 giờ tác chiến căng thẳng trên các cao điểm nguy biến và thiếu thốn toàn diện. Hình như mọi người đều không ăn, uống kể từ ngày 12. Uống, nếu có chỉ là chữ gọi động tác “nhúng” chiếc lưỡi vào nắp bi đông ẩm ướt. Tan hàng! Những người sống sót còn lại tan biến vào rừng cỏ tranh.

Người ở lại với CHARLIE

Charlie tan, trên đất đá điêu tàn chỉ còn vượn vãi khói

xám và thây người. Trong đó có Anh- Người đàn anh kính mến đã cùng tôi chia xẻ quãng đời dài. Những dòng chữ viết để nhớ Anh - Nguyễn Đình Bảo.

Ngày 22 tháng 5, ông Nixon đi Nga, không ít thì nhiều chuyến đi ấy đã có tác dụng với cuộc đại tấn công của Bắc quân vào ba quân khu. Rất nhiều giả thuyết về cuộc kịch chiến này được đem bàn tán, nhưng tất cả đều đồng ý: Chuyến đi có ảnh hưởng đến trận đánh và đây cũng là trận cuối mùa, một mùa đại loạn đầm ứ máu đỏ chảy trên những thân thể gọi là “người Việt Nam”. Ngày 22 tháng 5 ông Nixon khởi đầu chuyến đi, ngày 12 tháng 4 anh chết. Sao anh không gắng sống? Anh chỉ cần gắng thêm một tháng rưỡi nữa, nếu chưa chấm dứt, chiến tranh có thể mang những hình thức khác, cuộc đại tấn công này sẽ được đình chỉ lại, hoặc chuyển qua vùng khác... Những vùng dễ đánh để anh có thể tung hoành như anh đã làm nhiều lần trong tháng năm chinh chiến dằng dặt. Và biết đâu chiến tranh sẽ biến thái lại nên thành chiến tranh du kích, anh là tiểu đoàn trưởng đơn vị Nhảy Dù, làm sao có thể chết được trong những “chiến tranh an toàn” như thế! Tại sao anh không gắng sống? Tại sao thế hờ trời?

Vẫn biết rằng đi chiến trận là mất mát. Không chết trước thì chết sau... Trước anh cả trăm ngàn người đã nằm xuống. Anh đã cùng tôi chứng kiến bao nhiêu lần “nghỉ phép” của ông Huệ, Thừa, Hồ... Anh gật gù, “Thôi tại số, mình gắng chịu vậy...”. Anh gắng chịu đã quen. Anh đã thoát nhiều lần. Từ trung đội trưởng tiểu đoàn 8, anh qua tiểu đoàn 3; làm đại đội trưởng tiểu đoàn 1 và tiếp theo tiểu đoàn 9. Anh đã dự bao nhiêu trận tù thuở ông Đống

mới làm tiểu đoàn trưởng giờ này là Trung Tướng Tư Lệnh; anh đánh trận từ lúc chiến tranh còn như là trò chơi, ông Tư “Hòa Hào” đi thuyền vào họp với Việt Cộng, đàm giặc cỏ chỉ vài cây súng ngựa trời hay 2 khẩu Mat 36 để thay đại liên. Từ những trận đánh nhỏ đó, anh được “trưởng thành trong khói lửa”, thành ngữ nói ra nghe có vẻ “cải lương” nhưng quả thật không còn chữ nghĩa nào để dùng chính xác hơn. Anh đánh trận Ấp Bắc, giải vây đồn Bồ Túc vào những năm 60, với những trận đánh mở đầu “chiến tranh giải phóng”. Chiến tranh lớn dần như một thứ quái thai được mùa, như tể bào ung thư ngon trớn, chiến tranh lớn như sinh vật quái dị ở hành tinh khác đến đây nảy nở theo cùng chiều rộng của không gian. Khói lửa từ đây dậy lên như giông bão. Trong “môi trường” hào hùng độc địa này - Anh trưởng thành.

Anh già hơn không phải do số tuổi, nhưng chiến trận, hành quân như nổi mỗi thời gian để nhắc nhở mỗi ngày, mỗi tháng, năm anh qua... Năm 1965 giải vây Đức Cơ, Pleiku; năm 1966 bị phục kích ở Cheo Reo, cũng năm này “giải phóng” Bồng Sơn, Tam Quan.⁶⁷ “lội” nát người suốt vùng Thừa Thiên, Quảng Trị, từ cái làng nhỏ ở bên kia sông Hương nhìn ra phá Tam Giang, đến cuộc tấn công vào khu phi quân sự đổ từ đèo Ba Giốc xuống. Hết 67 đến 68 anh đem quân về vùng đồng Ông Cộ, Hốc Môn, Bà Điểm; Việt cộng tấn công đợt Hai, tiểu đoàn 9 do anh làm “ông Phó” có cơ hội “rửa mặt” nhân vụ tịch thu cả hầm vũ khí chở đầy một chiếc F.O.M. Chiến thuật thay đổi, từ ven đô anh di chuyển về Tây Ninh để “cày” từ Tổng Lẻ Chàn qua Katum, Trại Bí... Suốt một vùng biên giới dài theo con

sông Vàm Cỏ anh đi như không mệt... Anh đi như định mệnh đồn mạt bắt anh dính liền vào mỗi thước đất phải bước qua.

Nhưng chưa bao giờ nghe anh than tiếng nhỏ. Sự chịu đựng và vẻ bình thản là tính chất căn bản của anh.

- Mày biết nhá, tao di cư vào, mỗi ngày phải đạp xe mờ người chạy từ trại định cư đến Phú Thọ để lấy khẩu phần bánh mì và năm đồng bạc. Mày biết, tao tập thể thao to chừng này, thằng Tây bán thịt gần trăm ký bị tao ném một cú đòn vai, nằm luôn.

Anh là con nhà võ, thất đại đen nhu đạo thời kỳ 56, 57, tính chất võ chân truyền này là nền tảng tinh thần của anh. Đó là một tinh thần rất thường ở bề mặt nhưng phần trong rất “sáng”; một thứ “sáng” mã thượng, độ lượng và chân thật - Chân thật và thẳng thắn tuyệt đối. Anh sống ở đời giản dị và thẳng thắn như kẻ có võ công thượng thừa lại thêm tâm tư nhân ái. Anh không một lần than thở dù lúc làm “ông Phó” ở tiểu đoàn 9 anh bị “kẹt”. Anh bị nạn. Anh bị “ép”. Bị “nát như cái mền”. Nhưng tất cả đã không là đáng kể... Hãy nghe anh nói:

- Mày thấy, tao là lính tác chiến, rồi cũng có ngày tao phải chỉ huy, nhờ bị kẹt là cái hạn của mình, sau đó mình “bốc”. Anh cong một bàn tay lên làm cú “bốc” kèm theo tiếng chửi thề “mẹ”. Sự bức dọc của anh chỉ được diễn tả chừng ấy. Không hạn đời và tin ở mình. Trong đời sống bình thường, anh sống với thái độ khắc kỷ thật cao thượng.

Anh Năm kính yêu,

Anh chết ngày 12 tháng Tư, đến giờ này, sau ba ngày xác anh vẫn chưa móc ra được. Ngày 14 ông Bạch Long cho

hai trực thăng và một Skyraider vào, cố làm một bãi đáp để đưa anh ra, cả ba chiếc đều bị “shotdown”. Người lính về nói với gia đình như thế, cháu Tường bảy tuổi đã lớn, nhưng cũng chưa hiểu nỗi phận bi thảm của lần mất bố, kể lại câu chuyện... Kể lại phút anh nằm xuống với lồng ngực bị vỡ. Không biết chi tiết đó có đúng thế không, nhưng cháu cứ lặp lại với mọi người xem như như một nét “xuất sắc” của anh. Tội nghiệp cháu quá anh ơi, nó đang lún xuống trong một bất hạnh với quả tim hồng và nụ cười sáng, nó nắm tấm ảnh lúc anh còn ở trường, thất đại đen bên cạnh ông Hiếu... “Bố cháu là những người “xuất sắc”! Ôi anh đã sống, chết bởi những hoàn cảnh cực độ. Những phiền não cùng cực và vinh quang bốc lửa. Anh di chuyển giữa những cực điểm với tâm tư bình yên, lặng lẽ, chiếc lưng gù xuống chịu đựng. Giờ này anh mới “thật sự nghỉ ngơi”, một cách nghỉ ngơi cay đắng và khắc nghiệt. Cuộc đời đã “ta-pi” anh trước khi anh kịp đứng lên rũ áo, thối tiền. Anh thua trong sáng suốt và nín lặng cũng như ván bài ở làng ông Cẩn ngoài Huế trong tối mùa đông năm xưa... “Tao biết mày tháu, nhưng cũng cho mày ăn.” Anh úp bài cho tôi vô tiền. Anh Năm ơi, anh bị cuộc đời “tháu” cú này nữa. Cú tháu độc địa và hết thuốc chữa.

Anh chết thật rồi! Tin cuối cùng rõ ràng về anh do Hải “khêu” nói lại không thể sai vào đâu nữa. Hầm anh hứng đúng ba trái hỏa tiễn, mảnh ghim vào tim và anh chết ngay phút đầu tiên, khi “tụi nó” bắt đầu đánh biển người vào Charlie. Hải “gói” anh vào ba lớp poncho, nhưng máy bay không xuống được, Mê Linh lại bị thương. Chúng nó phải “rút lui chiến thuật” vì pháo và hỏa tiễn rơi đến cả ngàn trái

vào căn cứ, đặc công cảm tử lại phá được hàng rào ngoài. Giữ thế nào được nữa, Mễ lẫn Hải đều bị thương, chúng cố điều động phần sống sót còn lại để mở đường máu, bảo toàn đơn vị. Phải bỏ anh lại, chắc chắn Mễ đau đớn lắm, vì hấn và tôi đều nặng ân tình với anh biết mấy; từ thuở ở tiểu đoàn 9, anh “che” cho hấn bao nhiêu đòn; Mễ là đứa rất có tình, bỏ anh lại nơi chốn núi rừng, vùi dưới đồng đất cát và lửa đỏ chắc là vết thương dài đời không hết, tâm hồn khó được phần quên lãng người ngoại.

Mấy hôm nay tôi ngủ không được, mắt nhắm lại thấy cảnh anh đang chết, những giờ khắc cuối cùng, anh chống ngược mắt xuôi tay và đi khuất... Tưởng đến tiếng nói, nụ cười và toàn thể không khí của bữa cơm chót trong vườn Tao Đàn, đâu có ngờ đây là bữa cơm vĩnh biệt?! Chưa bao giờ anh vui vẻ và tự tin cho bằng thời gian đó: “Số tao hết cục rồi, hạn 33 tuổi đi qua... Tao làm lớn cho mày nhờ.” Tôi cũng nghĩ như thế, vì cái “vô nghiệp” cú phú quý thụt lùi, thôi thì chỉ mong ngày anh “làm ông tướng!” Ngày đó sẽ không bao giờ có nữa, cũng không còn những ngày vui như buổi chiều cuối năm mờ hơi sương, anh và tôi đứng ở sườn đồi nhìn xuống sông Hương bốc khói lam, nồng hớp rượu “số Bảy” không đá, nghe từng âm ba rộn rã của men rượu tan trong máu và cất tiếng cười bất chợt... Tiếng cười hào sảng thống khoái vang động không khí u trầm bí ẩn chiều cuối năm đầy sương lạnh.

Tôi cũng tin vào số mạng, biết rằng anh có tướng lộ xỉ không được tốt, nhưng bù lại tai anh dày, có thù châu, bước đi vững chãi... Nên nghĩ rằng anh sẽ đi qua, anh sẽ vượt qua tất cả hoạn nạn, vì anh đã hoạn nạn dư thừa,

hoạn nạn ngập mặt. Từ tuổi thiếu niên anh đã gian nan phấn đấu, phấn đấu để thành người và dựng đời, anh đối chọi với khó khăn như con trâu miệt mài trên đồng ruộng. Năm nay anh 35 hay 36 tuổi, tôi không được rõ, nhưng hình như anh chưa có ngày nghỉ ngơi toàn nghĩa. Cuối đời, vừa le lói chút ánh sáng bình yên và hạnh phúc, anh hân hoan sửa soạn tương lại, rộn rã như cô dâu tốt số. Đời đã quật anh cú chót và anh đành thua. Bao nhiêu năm tranh sống để lúc chết quả tim đang hả miệng cười.

Tiểu đoàn rút khỏi Charlie và phi cơ oanh kích căn cứ. Ôi sao tàn khốc thế hờ trời?! Anh đã sống cay nghiệt sao cái chết lại quá bi thương. Ba lớp poncho gói thân anh làm sao che chở nổi hình hài vô tri dưới cơn mưa bom, bão thép. Phép màu nào giữ nổi xác thân anh? Vĩnh biệt, Anh Năm kính yêu...Nơi chốn hư không nào...Mong linh hồn anh được lần yên nghỉ.

Viết lại,

12, Tháng Tư, 1972 - 12 tháng Tư, 1998.

Lần “thật chết như luôn sống lại”,

Dù bao lâu,

Cách bao xa.

o o o

Tạm kết, giữa Mùa Hè, Charlie mất

Delta ở phía nam do tiểu đoàn 7 Dù phải rút đi vì không chịu nổi cuộc cường tập kéo dài qua ngày thứ tư; đại Nhảy Dù tan vỡ dần như chuỗi dây xích nút đầu bị phá. Chỉ còn lại hai cứ điểm chót là Bravo và Métro ở trái, phải Võ Định. Nhưng Võ Định không thể là một điểm chiến thuật vững chắc khi cạnh sườn đã bị nhỏ. Ngày 24, tháng Tư, phi

trường Phụng Hoàng (tây Tân Cảnh), Tân Cảnh và hai căn cứ Diên Bình, Zuzu ở phía nam lần lượt tan rã. Võ Định không còn là một cứ điểm có khả năng kháng cự và bộ chỉ huy lữ đoàn 2 đưa tiểu đoàn 7 dần dần mở đường xuôi nam hướng Kontum. Kontum dưới ảnh hưởng của việc mất Tân Cảnh biến thành cảnh địa ngục với những trận đánh sát nách thành phố, như ở Đại chủng viện, khu phi trường. Những đơn vị đặc công Bắc quân với ám hiệu riêng: Tay áo cuốn lên quá cùi chỏ, quần xắn quá đùi, mảnh vải trắng buộc quanh vai, đã đột nhập vào những nơi trọng yếu của thị xã. Công trường 2 cộng sản sau khi dưỡng quân, vượt sông Pô-ko đánh vào sườn của lữ đoàn 2 và các chiến đoàn Biệt Động Quân. Hết, lữ đoàn 2 Dù chỉ còn mỗi đường, các tiểu đoàn tự nương bảo vệ lẫn nhau rút về Pleiku. Lữ đoàn lại hết nhiệm vụ Vùng II để ra Vùng I. Đường về Pleiku phải qua đèo Chu Pao đỉnh núi 953 trông xuống sông Dak Yeul với những cao độ thẳng đứng. Chỉ còn mỗi đường này là sinh lộ, nhưng sinh lộ phải qua điểm chết: Đèo Chu Pao. Hai đại đội của tiểu đoàn 7 Dù do Nguyễn Lô (Tiểu đoàn phó) chỉ huy mở một đường đi qua điểm chết với chấp nhận tỷ lệ thiệt hại 50% quân số. Và cũng như bao lần của mười năm chiến trận, Lô mở được cửa ngõ về Pleiku, dân và quân theo đó rút đi. Rút đi khỏi địa ngục, vì Kontum không còn là thành phố sống, người dân thất thần dáo dác giành giật nhau kiếm một chỗ trực thăng ở sân vận động... Giữa bụi mù và tiếng nổ đại pháo, cảnh người sống cuồng loạn đổ xô vào lòng trực thăng bất chấp tiếng súng thị oai của quân cảnh. Họ chen nhau như nước tràn qua đê vỡ để đến gần, đến gần hơn chút nữa ngưỡng cửa trực thăng, và

lúc tay vừa chạm được khối sắt xám phủ bụi đỏ, chân cong lên sắp bước vào lòng của “hy vọng sự sống” thì một cơn sóng khác, đập họ ngã xuống, kéo họ hút ra xa...

Kontum cháy ngọn lửa hồng lên cao hằn khỏi rừng xanh. Chỉ còn mỗi hình ảnh bình yên nơi thành phố đang bùng lửa này là hàng phượng đỏ hoa gần câu lạc bộ ngã cành xuống mặt nước sông Dakpla mờ sương khói. Nhưng phượng cũng có màu đỏ - màu của máu.



chương 3.

Bỗng chốc thị trấn nhỏ về cực đông-nam phần cuối con đường 13 biến thành địa danh vang dội toàn thế giới... Guernica, Arden, Berlin của Thế Chiến lần Hai không còn ý nghĩa khi so với thị trấn bề dài 1800 thước và bề ngang từ cửa Phú Lổ đến hàng rào phòng thủ tiểu khu đo đúng 1000 thước. Trên diện tích bé nhỏ này, lại nhỏ hơn nữa của những ngày “tử thủ”, khi thành phố “co” lại với khoảng 900 thước bề dài còn lại-Một ô vuông cây số hứng chịu gần 60 ngàn quả đạn, đạn đại bác bắn tập trung từ mười vị trí trở lên trong 100 ngày vây khốn. Thế nhưng, An Lộc đã chịu đựng được. Quân và Dân ở An Lộc đã chịu đựng được. Chịu đựng- Sức mạnh tự nhiên không bờ, không đáy- Với nó, trong đó, Người Việt ngụp lặn miệt mài để tồn tại.

Sống! Thượng Đế ban món quà hiếm hoi quý giá này cho dân tộc ta quá khó khăn, hẹp hòi. Chỉ được sống,

đám dân và lính ở An Lộc đã phải căng mình hứng chịu dài cơn bão sấm sập tiếng nổ và mảnh thép, trong ba tháng. Họ lên đến những “đỉnh” đau đớn chóng mặt, như từ một độ cao hai trăm thước, người mẹ sẩy tay đánh rơi đứa con khi trực thăng chao mạnh. Cái chấm nhỏ bé tội nghiệp rơi dần dần vào một cõi xa xăm mất hút...Không nghe được tiếng động của thân thể trẻ thơ đập mạnh trên đất đá. Không có tiếng thét bi ai của người mẹ mất con... Chỉ âm động phản phát cánh quạt phi cơ và gió bạt trên không gian im lặng. Từ đỉnh cao hai trăm thước đến vực sâu hai thước giữa lòng đất đỏ lạnh tanh, người cha bình thân ngồi xếp ngay ngắn, thẳng hàng hình hài năm đứa con và người vợ, sau khi đã đặt tay chân đứng vào thân thể của mỗi đứa.

Nổi đau đớn dài như con đường 13 từ An Lộc về Chơn Thành. Lai Khê, Bình Dương, An Lộc, Lộc Ninh... Tên đặt ra nghe sao quá thê thảm, tội nghiệp, làm gì có “bình an” nơi miền Đông tàn khốc này... Tất cả chỉ là ước vọng. Nói thật hơn, chỉ là những hư vọng khó có lần hiện thực- Ảo giác mù mờ khi con người đã đến đáy khốn cùng. Chạm tay sự chết.

Trong qui ước truyền tin quân đội, chữ A được đánh vẫn là “Alpha” hay “Anh Dũng”.An Lộc cũng bắt đầu với chữ A, thế nên tôi gọi “An Lộc là Anh Dũng”; tình từ này đã được dùng quá nhiều, đến độ nhàm chán, nhưng ngoài nó ra không còn một danh từ nào xác thực và đủ dùng hơn. Phải, An Lộc là Anh Dũng. Chiến đấu ở An Lộc- Sống ở An Lộc- Chết ở An Lộc - Tất cả đều trùng trùng tràn ngập, vây kín, kích động bởi tính chất anh hùng. Tôi không nói quá lời, với chân thật của người cầm bút và tấm lòng giản dị

của người lính, xin xác nhận lại một điều: An Lộc - Anh Dũng. Yếu tính của thành phố, người và sự kiện nơi An Lộc là tỉnh từ giản dị đầy đủ kia.

Mười năm kinh qua trận địa, bao nhiêu trang sách về binh sử đã được đọc, tất cả đều bị An Lộc vượt xa, vượt một tầm quá lớn mà không một trận chiến nào có thể bén gót được. Kiến thức quân sự, ý niệm chiến tranh, tất cả bị đổ nhào vô nghĩa, vô dụng với An Lộc. Chắc chắn như thế, nếu ai hằng đến sống, chết cùng với nơi chốn ấy một lần. Những “huyền thoại” về An Lộc đã được khai thác, nhưng không hết. Những người kiệt liệt của An Lộc đã được nhiều nhắc nhở nhưng chưa đủ. Tôi nối tiếp công việc này vì An Lộc không những chỉ có Tướng Hưng với các Trung Đoàn 8, 9, 48, 52 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh; Đại Tá Huấn với Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù; Liên Đoàn 3 BĐQ, và Đại Tá Nhật với thành phần cơ hữu Tiểu Khu Bình Long. Ngoài những lực lượng này, còn có Lữ Đoàn I Nhảy Dù, đơn vị tham chiến từ ngày 7-4, bắt tay An Lộc lần một vào ngày 16-4 và lần thứ hai sau trận đánh trên tất cả các trận đánh, Tiểu Đoàn 6 Dù “clear” hai cây số còn lại vào đến Thanh Bình (hay đồn điền Xa Cam) trong “bốn mươi lăm phút chiến trận”. An Lộc được “bắt tay” lần thứ hai lúc 17g45 ngày 8 tháng 6 năm 1972.

Quê hương của loài nai

Đường 13 chạy từ ngã ba Chơn Thành đến An Lộc đo được 30 cây số, tiếp tục về hướng Bắc thêm 18 cây số nữa là Lộc Ninh, bên kia biên giới là Snoul, qua Snoul con đường ngã theo hướng Tây-Bắc để tới Kratié, nằm cạnh bờ Cù Long; nép bên bờ trái con sông, đường chạy tiếp về phía

bắc để gặp StungsTeng, vị trí chiến thuật quan trọng của đường giây ông Hồ từ Bắc vào. Đoạn này có thêm một tên khác, “đường Sihanouk” cho có vẻ đại đồng nhưng thật ra cũng chỉ là của anh HỒ cộng sản. Khởi đầu cuộc chiến “Đồng Dương lần thứ Hai”, những công thần đầu tiên của Trung ương Cục Miền Nam đã lần mò, tìm kiếm, ráp nối lại con đường... Bắt đầu từ vùng suối Đá, suối Chà Là, suối Ma vùng Bình Long, Phước Long, băng qua biên giới, đến những “mật khu” trong tương lai sẽ vang danh theo chiều rộng thế giới: Lưỡi Cầu, Mồ Vệt. Năm 1970, đại quân Miền Nam từ Bình Long, Tây Ninh, đồng loạt xua quân qua biên giới; cánh quân cực bắc của lực lượng vượt biên đã có lần đi xa quá Snoul để đến gần Kratié. Cộng quân tan nát, đổ vỡ toàn thể hạ tầng cơ sở, kho tàng, trọng điểm tiếp liệu và căn cứ trung ương. Hai năm sau, những ngày đầu 1972, một lực lượng cộng khác, thứ cộng nguyên gốc, theo một kế hoạch được bảo mật tinh vi, chuẩn bị yểm trợ cho mục tiêu chính trị, từ miền Bắc xuôi theo đường 13 vượt qua Snoul cùng ào vào Lộc Ninh với 3 sư đoàn chính qui thượng thặng, sau khi được giàn đại pháo 130 đã dọn sẵn đường. Sau Lộc Ninh là An Lộc. Và thị trấn nhỏ bé của miền cực đông-nam Nam bộ, bắt đầu co vào trong một thế gọi là “tử thủ”. Địa ngục có thật bắt đầu từ ngày đầu tháng 4-72 ở đây. Nơi An Lộc.

An Lộc không phải là thị trấn, thành phố, thật ra chỉ là thị xã tỉnh Bình Long, đồng thời cũng là quận lỵ Quận An Lộc, tức Quận Châu Thành của tỉnh. Tỉnh gồm ba quận, Lộc Ninh cực bắc, An Lộc giữa và Chơn Thành phía nam. Tất cả cơ sở hành chánh đều nằm trên con đường 13, con

đường lớn phẳng phiu chạy thẳng theo hướng Bắc-Nam, vạch một đường đen thẫm giữa rừng cao su xanh lá, nổi bật trên màu đất đỏ nâu mịn màng đẹp đẽ. Đỏ nâu cũng là màu máu khô, đường 13, con số của sự xấu - Định mệnh đã định rõ: Con lộ mang số tử thần và màu máu thẫm - Hai cuộc chiến tranh chứng tỏ có một Thượng Đế nhẫn tâm khắc nghiệt đã sắp đặt sẵn điều linh cho nơi chốn, lẫn người. An Lộc, tên nghe thuần hậu hiền lành, như cảnh tượng đàn nai chạy tung tăng trên đồng cỏ tranh mượt sóng. Đàn nai sống no đủ bình yên, được che chở bởi tàng cao su, rừng bạt ngàn xanh im bóng nắng và hàng vạn con suối mang đủ các địa danh Việt, Miên, Thượng... Những giòng suối đầu tiên của sông Bé ở phía đông và sông Sài Gòn ở phía tây. Bình Long- Quê hương loài nai nằm giữa hai con sông trải dài trên một bình nguyên bao la,miền Đồng Nai thượng không những chỉ là một vị thế tốt, còn là chiếc nôi nuôi dưỡng quốc gia với tài nguyên thiên nhiên phong phú, quý hiếm. Đất rộng mênh mông trải dài chập chùng đồi thấp đến tận Biên Hòa, Gia Định. Đất giàu đẹp, uy nghi như hãnh diện bất tận quê hương. Nhưng, đúng là quê hương khốn nạn. Quê hương gắng chịu tai ương của nhân loại. Quê hương nguy khốn, ngặt nghèo. Quê hương lửa dấy và Bình Long hùng hực tro bay. Nơi sự sống không còn mặt đất.

Địa ngục trước mặt

Khi đứng trước An Lộc, dẫu kiểng chân, mở to mắt, tôi cũng chỉ thấy được một tòa lầu cao, ngói đỏ, con đường hơi ép trái trước khi vào thành phố, chiếc tăng T54 nằm bên vệ đường, che khuất một phần không gian. An Lộc

cách một khoảng 1700 thước, nhưng sao đã thấy từng cơn rung trong lòng, đã thấy thái dương giật giật.Đâu phải chiến tranh chỉ có ở trong đó, nơi tôi đứng, năm mươi sáu xác chết của C7, C8 (đại đội 7, 8) của Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 275, Công Trường 7 đang nằm chặt trong các công sự phòng thủ; nơi đây cũng có hai T54, ba PKR 79 nằm chúi đầu xuống hố bom, bộ máy bị tan nát vì lựu đạn công phá. Nơi tôi đứng, chỉ mười lăm phút trước, Đại Đội 62 Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù đã xung phong cú chót bắt tay với Đại Đội 81 Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù. Lần bắt tay vinh quang của quân sử người Việt phương Nam. Nhưng, nơi tôi đứng cũng dậy mùi người chết gậy tanh trong gió...Chiến trường nơi đây cũng đã quá nặng độ, nào cần vào đến trong kia.Nhưng An Lộc nơi xa 1700 thước ấy lại gây cho tôi cơn đau đón giật ngược, người cồn cào nóng rực tưởng như đứng trước một người thân vừa ngã chết!

- Tôi vào trong đó nghe anh Năm? Tôi hỏi trung tá Đình, tiểu đoàn trưởng 6 Dù.

- Khoan, mai sớm hẳn hay, đợi đi, từ thằng 8 (tiểu đoàn 8) vào trong kia đâu có yên, nó pháo chết cha mày. Chết lại không có được “tuyên dương công trạng” nữa,

- Ủ vậy thôi, ngày mai.

Đêm xuống thật nhanh trong rừng, rừng cũng chỉ là chữ để gọi tên một vùng cây, vì ở đây rừng chỉ còn những thân cây cháy đen tua tủa dựng lên trời với cành khô không lá. Cây ngổ ngang và rừng điêu tàn. Bom đánh xuống cháy một xóm nhà vốn là sự thường trong chiến tranh, nhưng đốt cháy hẳn một cánh rừng bao la thì chỉ có ở Việt Nam. Nơi thiên nhiên biến dạng bởi lửa đỏ. Tắt

lửa, trời tối thẫm, vài viên đạn đại pháo cắm canh điểm giọt dài từ bắc An Lộc đến cuối nơi đóng quân của Trung Đoàn 33 Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Lần đầu tiên tôi dự trận chiến “bắn quấy phá” do pháo của Cộng quân. Ưu thế hỏa lực vùng này không cần phải xét thêm, địch hơn hẳn ta một chặng đường dài, quá dài không theo kịp. Trời sáng tôi sửa soạn hành lý để đông. Có tiếng người gọi 64 (Đỉnh) ở trong máy. Tiểu đoàn trưởng 5 Dù ngỏ lời chào mừng Tiểu Đoàn 6,

- Ông bắt tay được với tiểu đoàn 8 là tay cừ, tụi này đợi cả hai tháng, chả có ai nắm được tay mình, mỗi bỏ mẹ...

- Hi... hi, Đỉnh cười thích chí. Hiếu khóa 14, Đỉnh 15 Đà-Lạt, cùng là dân năm 54 “mang rau muống vào Nam diệt thù”, nay gặp được nhau giữa rừng chiến trận, câu chuyện vang vang những lời thống khoái... Có Nam Xương (Danh hiệu truyền tin trước kia của tôi, Nam là tên, Xương nghĩa là không có... thịt) lên đây với tôi, 55 (Hiếu) có muốn gần nó không?

- Đâu đâu, cho tôi nói chuyện với nó một chút, lâu không được nói chuyện với dân civil!! Chắc giọng nó “thơm” lắm.

Tôi cười ngượng ngùng, có một chút xấu hổ làm cứng mặt, đàn anh của tôi đã nói thật. Nhu cầu được gặp và nói chuyện với người lạ là một phản ứng thông thường của người lính miệt mài trong rừng rậm. Bao nhiêu lần tôi cũng đã có cảm giác này. Chui rúc mãi trong rừng sâu, đóng quân ở nơi hoang dã, khi thấy được một con đường, dù chỉ là loại đường đất trải đá dẫn đến một làng xóm cũng gây nên cảm giác ấm áp trong lòng - Cảm giác

sống giữa nơi có người, không lẻ loi... Gặp mặt người, ước muốn sao nghe quá cay đắng, nhưng chính là một hạnh phúc tội nghiệp mà chỉ có người lính trong chiến tranh mới cảm thấy.

Tám trăm thước từ tiểu đoàn 6 đến khu vực tiểu đoàn 5 tôi đi hơn nửa giờ..."Mày đi qua đó thì coi chừng, có hai hướng pháo, một ở tây-bắc, một ở đông-nam. Nếu ở hướng đông-nam lại thì không sợ, chỉ sợ hướng tây-bắc, khi nào nghe pháo tới thì đứng xây lưng vào cây cao su hoặc nhảy xuống hố".Định dặn dò tôi trước khi vào vùng pháo.

- Anh coi thường tôi quá, cũng đã là Đại Đội Trưởng Đại Đội 93 Tiểu Đoàn 9 từ 1965 chứ đâu phải là dân cù lần chưa đánh giặc,

- Tại vì mày đeo cái máy ảnh, tao cứ tưởng mày làm báo thứ thiệt!!

- Báo quái gì, giang hồ chơi vậy thôi, tôi dọt, về viết bài bốc anh. Rừng không nắng, đất đỏ tung tóe, cây gậy đỡ chần lối đi, xác Bắc quân chôn tập thể ngổn ngang gò đồng, pháo rời rạc rơi, cứ năm phút từng cặp một... Tôi cũng nhiều phen tìm hố để ẩn nhưng người làm sao nhanh hơn đạn, khi đứng được trong hố thì đạn đã chạm nổ rồi!! Mới hơn một năm đã quên bố hết phản ứng... Chẳng bù năm xưa khi trái đạn đầu tiên vừa nổ ở vùng phi quân sự, tôi đã ở nguyên con trong hố đào bằng nón sắt! Minh hết thời lính rồi.Tôi lăm bắm nhắm hướng tiểu đoàn 5 đi mặc kệ pháo rơi trên mặt lộ... Nếu nhờ mình chết ở đây thì với tư cách gì nhỉ?Dân cũng không, lính chẳng phải.Không có một điều gì kéo tôi đến đây, không lẽ để lấy tài liệu làm "tác phẩm"?!!

Mồm ngậm điều thuốc, tay bỏ túi quần, tay giữ máy ảnh, tôi cũng lạ với mình trong phút giây “đặt đạo” này. Đòi là sự vô thường!! Tôi lượn lung tung trong đầu khi bước chân đi qua vùng rừng được lính Nhảy Dù đặt danh hiệu “bãi pháo”. Pháo là pháo kích, đại pháo của Cộng. Hơn ngàn người dân An Lộc đã chết trên tám trăm thuốc ngắn này trong những ngày trước khi họ cố bỏ nơi đỏ lửa để xuôi nam... Gạo xấy, tay nải, nón, guốc còn lác đác đầy khoảng rừng. Chụp hình được hết những mảnh vụn này không? Tôi tự hỏi khi loay hoay điều chỉnh ống kính. Chẳng thấy được gì, thôi vậy. Tôi xếp máy đi hết quãng đường.

Đến khu đóng quân của tiểu đoàn 5, chẳng có người lính nào trên mặt đất, pháo đang nổ ngoài đường. Dứt pháo, những cái nón sắt từ từ nhô lên khỏi nắp hầm, hầm dưới đất, nắp hầm khum khum như những nấm mồ nhỏ... Cảnh tượng giống như đàn còng gió khi thấy người đi đến vội tụt xuống cát trên bãi biển. Những người lính vừa nhô lên thấy tôi nhoẻn miệng cười.

- Báo hả? Có thuốc lá không?

- Chẳng phải báo beo gì cả! Thuốc lá còn mỗi điều ở mồm đây, hút không?

- Hút! Người lính thò tay lấy điều thuốc không chậm một giây.

Đến hầm ông Hiếu, phải một phút kêu gọi, ông Tiểu Đoàn Trưởng thâm niên nhất của Nhảy Dù mới “bò” ra khỏi ổ... À Toa, đợi đấy, moa đái toa hộp bia và bánh do bà vợ vừa gói lên. Tôi cởi áo giáp, máy ảnh, nhận hộp bia vàng sánh. Như những người lính im lặng chung quanh, tôi bình thản uống từng hớp bia hạnh phúc. Đến một độ nào đó

con người “bảo hòa” với đau đớn, trở thành trợ, mất xúc cảm và vô vi như một kẻ đạt đạo cao siêu. Tôi chỉ mới qua vài ngày chiến trận, chỉ mới ở vài ngày dưới vùng “hỏa tập tiên liệu” của địch, đầu cũng đã cứng và lòng phẳng trắng vô tri. Uống, bia lúc nào cũng ngon và ngọt, thở một hơi thuốc thơm lên vòm trời âm u. Ầm! Ầm! Lại hai hỏa tiễn, tôi thụt đầu vào lại hầm, hộp bia sóng sánh trào ra chút bọt nhỏ. Uống thật say đắm, cạn giọt cuối cùng, biết đầu lất nửa khi vào An Lộc lại bế ngay một quả.

- Lâu quá moa không thấy mặt trời, cao su ở đây còn lá, ngày lại nhiều pháo kích, ở luôn trong hầm cho tiện. Ra khỏi hầm chẳng làm được gì, nhờ có chuyện gì lại thiệt cho đơn vị. Người tiểu đoàn trưởng số 1 đã nói thế, trận chiến này quả thật không còn chỗ để khai sinh anh hùng. Đánh nhau bằng lưỡi gươm, người làm tướng thuở xưa có cơ hội chứng tỏ được mưu lược, can đảm và tài nghệ riêng mình. Đánh bằng gươm, lối đánh mã thượng, quân tử, đánh đối mặt, và chết không ân hận. Chiến tranh hôm nay với đại pháo xa hàng chục cây số và viên đạn vô tình nổ chụp. Người thụ động toàn thể dưới vũ khí tàn ác vô nhân. Chiến tranh không những chỉ hủy diệt đời sống. Chiến tranh còn làm mất giá trị con người.

Mãn thiên hoa vũ

Vượt hẳn hết ý niệm từ trước, bỏ xa trí tưởng tượng đã xếp đặt, An Lộc không “hu” từng khu, không đổ từng khóm, An Lộc vỡ nát, vỡ tan tành, vỡ vụn... Không còn sự sống trên mặt đất, không còn dấu vết người trên mặt đất, thành phố chìm dưới hầm, sâu dưới đất, càng sâu càng tốt như một ổ mối khổng lồ dưới lớp đất bùn bề mặt. Vòng

đại thành phố bây giờ đã nói rộng lên phía Bắc đến gần được sân bay. Những ngày “tử thủ” đường phòng thủ này rút xuống ngang hoành độ 88, từ đây kéo thẳng đến cực nam bãi trực thăng B45 đo được 800 thước và bề ngang được 500. Một diện tích rộng chưa tới cây số vuông đã có lần nhận được 8000 viên đạn như trong đêm 11 rạng 12 tháng 5; 8000 viên đạn loại xuyên phá chưa kể hỏa tiễn và cối tung hoành trên mảnh đất chỉ bằng khu vực Đa Kao. Mỗi thước vuông đất phải nhận hơn 10 trái đạn. Đạn Delay xuyên xuống đất hơn một thước mới nổ. Không cần phải trúng ngay hầm chỉ cần nổ bên cạnh cũng đủ xô ngã vách hầm. Dân và lính thụ động co rút dưới hỏa ngục đổ từ trên trời xuống trong hơn hai tháng. Pháo không phải từng cơn, từng giờ, từng loạt, pháo đầy trời như mưa, pháo ào ạt như gió, pháo kín mít như mây. Pháo không vạch từng đường như Mậu Thân, pháo không đi từng luồn như ở Hạ Lào. Pháo và trời chan hòa trộn lẫn như mưa bay giăng giăng che kín không gian của những ngày xuân mưa bụi. Dưới bầu trời đầy những đóa hoa tử thần đỏ. An Lộc co quắp, vật vã, tan thành mảnh, phát phối bay như tờ giấy xé nát được tung lên giữa trời lộng gió. Một hỏa tiễn nâng chiếc xe jeep bay bổng, khối sắt nặng 1/4 tấn vừa rơi xuống chạm mặt đất lại bị thổi ngược lên cao, nhảy lên một mái hầm như hộp thiếc nhỏ bị quay cuồng vì những viên đạn tinh quái chính xác trong phim cao bồi Mỹ.

Pháo đầy trời nên sự chết cũng ở khắp nơi, chết lan như cỏ gà, chết tự nhiên, như sống thì phải chết. Chết ở An Lộc là hiện tượng tất nhiên. Gia đình bảy người, hai vợ chồng năm người con cùng trú trong một cái hầm. Hầm đào dưới

nền nhà trên lót vài tấm ván và một lớp bao cát. Tất cả đo được một thước bề dày. Tội nghiệp, dân đầu biết được cường độ công phá của đạn 130 ly. Nền, ầm một tiếng ngán ngủi, cái nắp hầm tội nghiệp đó tung lên vỡ tan từng mảnh nhỏ như những hạt nước tóe lên khi hòn đá nặng rơi xuống... Chết! Sáu xác chết được một người còn sống chấp nhặt, vá víu để xác người mẹ không có tay người con, để thằng anh không lẫn chân thằng em. Người cha chậm rãi, từ tốn bình thản đi chọn lựa từng phần thân thể một của mỗi người thân yêu, còn gì trong đầu óc khô cứng đó. Không còn gì, chẳng nên gọi đó là óc não con người. Người đã chết. Con người thật đã chết toàn phần ở An Lộc.

Chân dung người giải phóng

Trên đây là những hình ảnh của những “nội” An Lộc, chung quanh An Lộc từ những ấp cực tây như Phú Bình qua cực đông Phú Hòa, xuống phía nam như Thanh Bình, Văn Hiến... Những tên ấp nghe thật hiền, hiền lành tội nghiệp như ước vọng nhỏ nhoi của người dân khổ... Dân cạo mủ, dân làm nhà máy mà hơi nhựa cao su đã thấm dẫm qua lớp da, bao quanh thối thịt tại nên một sắc thịt nâu nâu, nhạt nhạt có cảm giác rút cứng nhão nhoẹt khi chạm phải... Nhưng những người dân tội tàn này đã bị kéo ra khỏi thôn xóm cuối đời - họ là di dân từ Trung và Bắc vào - chống nạng bế con, công cha mẹ đi dọc đường 13 hướng về Tân Khai, Tân Ô, Lai Khê để đến Bình Dương, thiên đường yên ổn khốn mật đang chờ đón, che chở... Vì chỉ các Bình Dương trên mười cây số là Lái Thiêu, nơi có lũ người được mệnh danh là “giới trẻ” đang đu đưa trên những chiếc võng ni lông, võng cối,

đút cho nhau những miếng sấu riêng, chôm chôm bằng động tác của phim roméo và Juliette, bằng thứ nũng nịu hờn dỗi dưới những tàng cây xanh im bóng nắng. Cũng dưới những tàng cây như thế này ở Bình Dương cách đó không đầy mười phút Honda, những người dân An Lộc ngồi chồm hồm nhìn ra con đường ngập nắng, hướng về mạn Bắc, nơi quê hương cuối đời đang đỏ lửa. Tay vẫn nắm chặt một mẫu vải vụn mà suốt bốn ngày không rời bỏ... Mẫu vải mang hơi hám kích thích, biểu tượng cho đời sống, niềm hy vọng ở quê nhà.

Người dân rời xóm làng để lại nơi chốn cho những người "giải phóng." Họ đi từ Bắc vào, từ Thanh Hóa, Nghệ An xuống Đồng Hới, băng qua biên giới dọc theo Tchépone, Muồng Nông xuôi dần xuống phía Nam, rẽ vào Kontum hay mặt trận B3 hoặc tiếp tục xuống vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt trước khi qua lại biên giới để vào Lộc Ninh, cách An Lộc 18 cây số - hành lang di chuyển mở rộng không chướng ngại. Họ đến An Lộc từ đầu tháng Tư sau sáu tháng di chuyển và bắt đầu "được" xích vào cần chân ga thiết giáp, xích vào cây để bắn máy bay và xích vào cổ người bên cạnh để đi hết lời nguyện "Sinh Bắc Từ Nam." Ôi, nhưng đó chỉ là bề ngoài, một bề ngoài giả dối tội nghiệp để che chở phần tinh thần đổ nát, tan vỡ trong kinh hoàng, khiếp đảm. Làm sao không sợ được, vì trong đêm 11 rạng 12 tháng 5, sau khi được 8.000 quả đạn dọn sạch đường, 3 trung đoàn, mỗi trung đoàn quân số 3 Tiểu đoàn đầy đủ được "tùng thiết" với một đại đội chiến xa thuộc các trung đoàn 203 và 303 thiết giáp, tưởng sẽ san bằng An Lộc, giết toàn thể lính Mỹ Ngụy, không để sống

một người dân. Mười bảy “pass” B52, mỗi “pass” đi qua do 3 phi cơ thực hiện với 42 quả bom 500 ký, 24 quả bom 250 ký. 17 pass bom sát nách An Lộc 600 thuốc, chiếc hầm bê tông của Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn I Dù “di chuyển” theo cơn rung của bom. Bom chiến lược, với nguyên tắc chỉ thả cách quân bạn khi có khoảng cách an toàn từ hai cây số trở lên. Cuộc đánh bom phải do chính Trung Tướng James Hollingsworth của Vùng III điều khiển. Và chỉ một “pass” bom ở Trảng Bàng cũng đủ làm cho thành phố Sài Gòn chuyển động, cách nơi đánh bom 30 cây số đường chim bay! Con người nào chịu nổi 17 pass bom đi trên đầu, bao chung quanh không phải từng lớp nhưng từng chồng, từng tảng âm thanh mà cường độ nằm ngoài sức tưởng tượng... Sợ, phải sợ, dù người có được đúc bằng thép, thép cũng chảy, người có uống thuốc liều, thuốc cũng phải tan, Marx, Lénine, Hồ Chủ Tịch, Võ Đại tướng chẳng còn là cái quái gì trong khối không gian điên đảo tàn khốc đó - Sợ, nên dù có bung bít, che dấu trong lá thư gửi về gia đình ở Nghệ An, Nguyễn Đình Nghiêm, ám danh quân số và đơn vị là HT 810042 SZ 7, sau một thời khuyên nhủ gia đình “công tác tốt để đạt được tiêu chuẩn... Em Ba hãy gắng học tập để tiến bộ đúng sự hướng dẫn của Đảng...” Cuối thư không thể cầm lòng được, Nghiêm viết thẳng: “Điều kiện chiến trường rất gian khổ, vô cùng khó khăn, thư có khi 2, 3 năm không viết được, nên gia đình cha mẹ chớ trông thư con”. Viết thế nào được dưới 17 pass B52 đó? Viết thế nào được dưới AC 130 Spector bằng Ra-đaba quả 105 ly một?! Không viết thư được là chuyện bắt buộc. Không thể sống được là điều tất nhiên. Làm sao có thể sống được hơ

người Cộng Sản? Làm sao để sống và chiến thắng hờ ông Võ Nguyên Giáp - “Thiên tài ngu muội” của lịch sử dân tộc. Lỗi lầm này mấy biển rửa cho tan. Oán hờn chồng chồng cao ngất.

Ở đây, mặt trận với tàn khốc ngập trời, hậu phương lớn ngoài Bắc thì được “bồi dưỡng” với hạnh phúc, “Tết này em sẽ mua về cho mạ 1, 5 cân đường, hợp tác xã ủy nhiệm cho gia đình người đi nghĩa vụ quân sự số lượng đường với tiêu chuẩn đó. Mạ có nói đem bột, trứng qua bên này, nhưng như vậy thì tốn quá... Em sẽ làm 50 cái bánh và một gói chè và mạ đã nhất trí...” Trời đất hỡi, còn tội nghiệp nào nữa hả trời, ba năm đi làm giải phóng được “hồn hợp vui vẻ” bằng phần thưởng 1, 5 cân đường!! Anh “giải phóng” cho ai và để làm gì hử anh Nguyễn Văn Huu (số quân, đơn vị 271003TB004)?! Anh giải phóng đồng bào miền Nam để “nhất trí tiến bộ xã hội” với 1, 5 cân đường sao anh?!

Trước An Lộc, không có một luận lý nào có thể tồn tại được, chỉ còn tiếng thờ dài bi thiết để nén khối đau ra lồng ngực và chớp mi mắt mộng cay tuồng rơi giọt nước vô hình. Nhưng, khóc cũng không nổi.

Chiến trường lộ mặt

An Lộc tàn khốc, nhưng đối với quân dân Miền Nam, sự tàn khốc này mang một nét bi tráng, hào hùng. Đây là khối lửa nung đốt và tôi chín người. An Lộc bi thương - Bi thương ấy thúc giục con người cố đập đổ định mệnh, vượt khỏi định mệnh tàn ác để tồn tại, tồn tại trong tự do chỉ riêng một lần trong đời cảm thấy khi từ bỏ tài sản cuối đời bằng mình đi dưới trời đại pháo. Chỉ vì muốn sống tự do người dân An Lộc mới bất chấp tất cả, mới vượt qua

tất cả, đi trên cái chết, trong cái chết để thể hiện ý hướng trù tượng mà suốt đời dài không một lần lý luận. An Lộc dùng cảm kiên cường đứng vững chắc trên điều tàn, vĩ đại như ánh lửa soi đường cho cả dân tộc. để lịch sử mãi ghi nhớ, lòng người hằn in sâu. An Lộc, cây cổ thụ quê hương còn lại sau cơn Đại Hồng Thủy máu lửa. Người Miền Nam nhìn An Lộc như tấm gương soi rõ chân dung bình lặng cao cả của mình.

Và chiến trường này cũng có đủ mặt trái của nó. Đó là một chiến trường phi nhân, vô lý và tuyệt vọng. Chiến trường hư không. Chiến trường chết, mồ chôn ảo vọng và bạo ngược. Người cộng sản hứng hết mặt trái khốc liệt này.

Bỏ đi những sự kiện chiến thuật như Bắc quân đã có đủ ưu thế chiến trường, gần hậu cần, hành lang chuyển quân rộng rãi, dễ di chuyển, nguy trang tốt, tiếp vận, tiếp liệu đầy đủ và nhất là được yểm trợ bởi một hỏa lực khủng khiếp, một hỏa lực vượt hẳn mọi hỏa lực bộ binh dã sử dụng của quân sử thế giới. So với Mậu Thân, Hạ Lào, chiến trường Trị-Thiên, Kontum... An Lộc vượt quá xa về hỏa lực. Không có một trận địa pháo nào dồn dập và nặng nề như trên chiến trường nhỏ bé An Lộc. Sẽ không bao giờ có nữa, chắc chắn như thế. Nhưng dù đã có được hết ưu thế chiến thuật, ba công trường 5, 7, 9, được tăng cường hai trung đoàn chiến xa 202 và 203, cộng quân vẫn không “dứt điểm” An Lộc. Mặc dù cho đến hôm nay khi viết những chữ này (20-6-72), địch vẫn còn hoạt động mạnh tại Tầu Ô, Đức Vinh và An Lộc còn nằm trong vùng hỏa tập tiên liệu của hai hướng pháo Tây-Bắc, Đông-Nam. Nhưng mục tiêu chiến thuật (nhấn mạnh nghĩa chiến thuật) của chiến dịch đã bị gây đổ. Hoàn toàn gây đổ.

Nhưng, mặt trái chiến trường cũng không phải ở lần thất bại quân sự này. Mặt trái chính là lần tan vỡ “huyền thoại không tưởng” về bộ binh Bắc Việt. Bởi nơi đây đã minh chứng, không hề trên mặt trận lại có một loại lính năng lực tác chiến xuống thấp đến thế. Khả năng tác chiến kém có thể do vì thiếu huấn luyện, thực tập, chưa đủ kinh nghiệm trận địa... Nhưng ở đây, yếu tố chính để kết nên căn bản cho toàn bộ yếu kém này là tinh thần Bắc quân: Khối hu không thất vọng và chán nản cao độ. Ở mặt trận Trị-Thiên, binh sĩ Bắc Việt khi vượt sông Bến Hải tràn xuống Đông Hà, Quảng Trị dù sao vẫn còn mang được tâm lý Đánh trên quê hương, nơi đất nhà, vùng thổ ngòi còn dính líu với Miền Bắc. Họ lại được thúc đẩy thêm “ý niệm đi giải phóng, chiếm đóng” cộng sự hận thù đối với dân chúng Miền Nam, nhất là dân cư ở các thị trấn, thành phố. Tâm lý này còn nguyên cường độ nên khi vào Quảng Trị, toán lính Bắc quân vẫn giữ được tính chất cực đoan, cường bạo để thúc dục tinh thần và nâng cao khả năng tác chiến - Khả năng giết dân và quân dân Miền Nam. Ở chiến trường Kontum, tuy trải qua một chặng đường dài di chuyển, lại chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn, tinh thần Bắc quân vẫn chưa hẳn hoàn toàn tan vỡ vì các trận đánh ở dãy cao độ Delta, Charlie, Hotel phía tây Quốc Lộ 14, ở đèo Chu Pao không có sự hiện diện của dân. Đánh trong rừng, người lính khai triển tối đa khả năng chém giết, không bị ghê tay bởi những cảm giác ân hận, lỗi lầm. Nhưng ở An Lộc thì khác hẳn, Bắc quân từ mặt khu bôn tập về mục tiêu mà dân nhiều hơn lính - Dân dáo dác, sợ hãi, trốn lánh và chết thảm... Lòng người nào trong cuối

đấy không thoát án hận khi chính tay mình hạ sát kẻ tay không?! Thêm vào đấy, các công trường 5, 7, 9 chỉ là chỉ danh của các sư đoàn “mặt trận” có cán bộ và lính người Nam xen kẽ cùng những người từ phương Bắc đến. So sánh đã xảy ra, chuyện trò sẽ tỏ rõ, lính Bắc nhận được chân dung đích thực của mình, biết rõ hành động phi lý khi rời bỏ quê hương từ một chốn mịt mù để dẫn thân vào cuộc chiến tuyệt vọng. Tuổi 15, 16, 17 rất dễ bị kích thích nhưng cũng mau mắn ngã lòng - Số tuổi trung trực, nhạy cảm và thơ ngây. Lính Bắc ở mặt trận này bị phá vỡ toàn diện hệ thống tinh thần vì chiến trường lộ mặt: Hàng ngày dân chúng vượt qua “bãi pháo” qua Xa Trạch, Tàu Ô... vượt nổi chết để chạy về phía lính Cộng Hoà... Tất cả thực tế nẩy như cánh tay nghiêng ly nước lã đầy. Lính Bắc vỡ mặt, thấy mình kẹt trong chiến trường phi nghĩa, vô nhân đạo. Nhưng quả muộn màng vì cổ đã bị xiềng vào đồng đội... Giờ báo tử cho bộ binh Bắc Việt đã điểm.

Thư của người tình hư vô

Di chuyển trong 6 tháng với cơm khô muối hột, dự trận chiến vô vọng, lại có thêm hoàn cảnh để so sánh. Người dân miền Nam và miền Bắc. Có thư viết về Bắc thú nhận: “Vấn đề bồi dưỡng tại chiến trường lúc này đã tiến bộ, không còn thiếu thốn như ở thời gian di chuyển (từ Bắc vào) nữa.” Được ăn ngon, thấy rõ dân tình, tránh nhớ đến gia đình nơi xa thiếu thốn, đường về không còn lối, lòng người lính Bắc trẻ tuổi trùng hẳn xuống đến độ thấp nhất, trong cơn ngất ngư lại được “bồi dưỡng” thêm bởi những giòong thu thương nhớ, cái nhớ trùng điệp như Trường Sơn, mịt mù như rừng thẳm, nhớ tha thiết, nhớ giỏ máu,

cắt da... Nhớ và cảm thấy được hết nỗi tuyệt vọng của cuộc tình chia cách. Sức mạnh nào để cầm cây súng, trái tim nào còn đập theo nhịp cầm hờn. Người lính Bắc hay gã lính xâm lược nguy danh cay đắng trong chiến trường lộ mặt, “Áp lá thu em vào ngực anh đọc đã mấy chục lần...” Người tình hư không đã viết vào nhật ký để trả lời cho bức thư tha thiết. Thư của Người - gọi - Người. Người yêu dấu không bao giờ gặp lại. Những bức thư có những nội dung như sau:

Anh Hưu thương:

Thế nào, hai Chủ nhật trôi qua có nhớ lắm không? Có thể nói từ khi anh và em cùng nhau bắt tay xây dựng vợ chồng thì hai Chủ nhật này là hai Chủ nhật khó khăn và nặng nề vượt qua lắm anh hè. Em biết lắm rồi, trong những giờ phút đó anh muốn thét lên thật to để làm sao ôm lại những lời nói của anh, rồi cùng anh nói chuyện, em cũng biết lắm những bước chân đi trong những giờ phút đó nó như một con người không có tri giác mà những bước đi đó không hề biết đến, không hề nhớ đến, đầu óc sẽ triển miên suy nghĩ, những cái gọi là kỷ niệm ở đời sẽ hiện ra và bắt đầu như diễn kịch trước mắt. Thật đúng tâm trạng của anh lúc đó em sẽ đoán được, vì sao em lại biết tài như thế? Vì em đã nằm giữa trái tim anh, dòng máu của anh đã cùng chảy theo nhịp thở của em, cho nên dù sao, dù ở phương trời nào em đều đoán được.

Thế nào rồi đó, chân sưng to không bằng cái “cột đình” chưa? Vai đã lột những lớp da bên ngoài gọi là “hồng hào” chưa? Có đau lắm không anh? Có hỏi họ để tìm lá dầu ngoại khoa mà bóp chưa, nhức lắm anh hè. Anh Hưu ơi, em biết đi đường vất vả lắm rồi đó, ăn uống khô khan như vậy có mua

gì cái thiện đến không? Trên đường đi có xảy ra đau ốm gì không? Nghĩ đến đó em tê buốt cả người, càng thêm nhớ nhưng suy nghĩ, có sinh racai mọt nào để làm thêm đau đớn bản thân không? Vì mùa này là mùa mọt của “đồng chí” đấy phải không Thủ trưởng. Hai chữ Thủ trưởng nói cho vui vậy thôi, chứ không phải em mơ ước như vậy đâu nhé. Thật ra tâm trạng của em chỉ mơ ước rằng sao cho ba năm nghĩa vụ xong anh được an toàn cùng về với em, em muốn nhắm mắt làm sao thời gian sẽ trôi nhanh đi và nhanh đi nữa để anh và em được về sống trong một ngôi nhà nhỏ hẹp, để cùng nhau vượt qua khó khăn, cùng nhau hưởng những hạnh phúc đẹp đẽ. Những hạnh phúc đẹp đẽ, những cái đó em nuôi một mơ ước, một mộng đẹp, chứa đựng nó trong một khối óc, trái tim đầy tình chung thủy của tình nghĩa vợ chồng đã nhen nhúm từ lúc đầu. Anh ơi, xa anh đi, em nhớ lắm, em thương anh lắm, anh nói, anh cười, anh triu mến thương, em làm sao quên được. Có ai hiểu thấu tâm trạng của em trong những lúc nhìn vật của anh, từ nét chữ anh viết cho em, rồi đến cái nhìn nữa... Chao ơi em muốn bầu lấy mà nhìn, nhìn mãi, nhìn vui nào cho chán được. Anh Hưu ạ, nói mãi cũng không hết nhớ nhung của em lúc này đối với anh, thôi em nói chuyện khác anh nhé...

Trên đây là hai trang đầu tiên của chị Nguyễn Thị Hàng, giáo viên ở Nghệ An viết gởi anh Lê Văn Hưu địa chỉ là: 271003 TB 04, thuộc cánh quân của trung Đoàn 124 phối hợp với Đại Đội 1/117 Trung Đoàn 203 Thiết Giáp, không biết rõ anh ở đơn vị nào... Thu viết bốn trang, tôi ghi lại hai trang đầu không sửa một nét, không thêm một dấu... Đầu nặng và tay run khi viết lại những hàng chữ trên, người yêu Lê Văn Hưu của Nguyễn Thị Hàng đã chết, chết ngay

tại trận đầu tiên sau sáu tháng vượt Trường Sơn vào Nam giải phóng. Người yêu dấu đó đã chết, làm gì còn “ba năm nghĩa vụ quân sự chấm dứt để anh về với em” hờ chị Hàng? Tình yêu, nỗi lo lắng của chị chỉ còn vang động trên hư không, người yêu dấu rất thương của chị không phải chỉ bị nổi mụt, sưng chân, trầy vai, cảm sốt. Anh Hữu đã bị chết bởi đạn, bởi bom, chết hai lần, ba lượt, chết cháy, chết tan hoang, tiêu tán và tàn khốc. Không phải lỗi của chúng tôi chị Hàng ạ, chúng tôi phải tự vệ để sống còn, cũng không phải của anh Hữu, anh ấy cũng muốn ở lại bên chị để được “cười rúc rích với nhau dưới lớp toi lá,” để được ăn ngô vì “vườn ngô trước nhà đã được mùa,” để được ăn cá và bánh do chị và mẹ làm... Anh Hữu không muốn qua đèo Mụ Già, không muốn qua Tchepone, Lao Bảo, anh muốn ở cùng chị để tay nắm tay và “máu cùng chảy với nhau..” Tội này là tội của chúng nó - lũ đồ tể tay không dính máu, hồn cứng ngắt bởi quyền thế và danh vọng. Lũ chúng nó say thú nặng nhất trong tất cả mọi nỗi đam mê - Chúng nó say danh, say tiếng - Trời hời, chút tiếng tăm vang động trên năm châu, trên trăm ngàn tờ báo của mọi nơi đã làm con người biến dạng thành quỷ quá dễ dàng thế sao? Lũ ngạ quỷ trăm luân mang danh người và chiêu bài cách mạng giải phóng. Chính chúng nó, thứ thiên tài chết ngập đầy oan khiên... Chị Hàng thân mến, tôi người miền Nam không biết được chị, nhưng tôi cũng có một người yêu, một người vợ lo lắng đón chờ mỗi lần tôi bước ra đi... Tôi đi ngắn, chỉ qua vài trăm cây số và về lại trong bình yên, anh Hữu đi đường xa vạn dặm, chuyển đi vào mịt mù, vào tan vỡ... Anh Hữu không thể trở về, không bao giờ trở

về được... Gõ lời chào đau đớn đến chị, người đàn bà chờ đợi người chồng bộ đội không hề trở về - chị Nguyễn Thị Hàng, ở ngoài Bắc, một vùng đất khổ quê hương tôi.



chương 4.

Nếu được hành quân tái chiếm Quảng Trị tôi sẽ cúng một con heo. Một người lính Sư Đoàn 1 đã nói như thế. Không phải câu nói chơi, phút bốc đồng nhưng là tình cảm mãnh liệt tha thiết được diễn đạt bằng ngôn ngữ giản dị, chon chắt. Giữa đất và người không còn biên giới, người lính không nhìn các địa danh: Cam Lộ, Hương Hóa, Trị Bưu, Phong Điền, An Lỗ như những mục tiêu quân sự, chốn không hồn mà nhiệm vụ bắt buộc phải đi đến trong một thời gian và sau đó đợi chờ từng ngày qua để trút đi dừng dung lạnh nhạt. Đất và người gắn bó không giải thích được bằng lý luận, chỉ cảm thấy bàng bạc mơ hồ, chứng nghiệm bởi một trực giác ngây ngất... Và không riêng cho người lính sanh trưởng vùng Thừa Thiên, quảng trị. Những người khác, những sĩ quan, trung sĩ, binh nhì sinh trưởng ở Bắc, Nam thuộc các đơn vị tổng trừ bị, hành quân tăng phái đến, bước chân đến vùng địa đầu đất nước lòng

bỗng nhiên chùng xuống trong xúc động lạ lùng... Nhiệm vụ hành quân không được nhìn thuần túy như một công tác quân sự có tính cách bắt buộc, hành quân vùng Thừa Thiên, Quảng Trị âm vang mệnh mông, tính chất cuộc viễn chinh thánh chiến, đấu tranh giữ đất, giữ nước, đấu tranh cho một lẽ sống còn. Chiến đấu ở miền giới tuyến hào hùng như bước chân qua một bờ lịch sử. Tương lai dân tộc được quyết định qua vùng đất này.

Đây không phải là một cảm xúc quá độ được tăng thêm cường lực để làm dáng trong văn hương nhưng đã đi lính, đội nón sắt, mặc áo giáp, nhảy trực thăng xuống Khe Sanh đổ quân trên các mỏm Động Thông, Động Gió, đã di chuyển theo giòng Tam Giang, qua Túy Vân lúc sương còn mờ trên đầm Thủy Tú hay ngược phía Bắc để đi vào vùng Phong Điền, Đại Lộc, Phá giăng giăng mưa bụi, trăng non soi ánh sáng bạc thếch, ánh sáng chết trên mặt nước lăn lăn sóng nhỏ, thôn xóm xa lặng trong bóng tối, nghe trong lòng cơn ào ạt xúc cảm, thấy rộn rã từng ạt rung động trên làn da - Đất linh thiêng, huyền bí bao trùm vây bọc, con người trong đó thấy tan biến, hòa hợp vào cùng từng ngọn cỏ, cơn gió, người thấy đau, đau rõ ràng như nhức buốt như vạch xanh của sông Bến Hải vạch đường độc địa trên bờ cát thên thang - đất và người cùng đau với vết thương quê hương.

Cảm giác trên đã thành hình, đã gây nên phản ứng sinh lý làm rụng sợi lông tay cảm xúc nhưng có thể không được phân tích, không được rọi nhìn, định lượng, người lính “thấy” ràng buộc, thấy mơ hồ, lằng đằng nhưng chắc chắn, cần thiết như không khí hít vào trong mỗi cử động.

Trị-Thiên, ngoài đất còn có người, người Huế, người Quảng Trị, người ăn cơm ghé sẵn, người uống nước “chè” nấu bằng lá ổi, người gọi lính bằng “anh cộng hòa oi...” Những người đã mừng rỡ đến ngất xỉu sau mười, mười lăm ngày dưới hầm sâu, nhin đói nhin khát, đại tiện, tiểu tiện và ngủ trên cùng chiếc chiếu như trong mùa xuân Mậu Thân khi nghe ngoài đường phố tiếng lách cách của báng súng đập vào đùi khi người lính di chuyển. Lính Cộng Hòa tới! Lính Cộng Hòa tới! Người dân hé cửa nhìn: Trên đường phố vắng, hai hàng lính đi song song ở lề đường, đội hình, y phục hoa của Biệt Động Quân hay Thủy Quân Lục Chiến... Lính Cộng Hòa bà con oi!! Sống rồi bà con oi!! Ông già, người trẻ, công chức, cảnh sát mở toang cửa ào ra đường... Mừng quá mấy anh oi, mừng quá!! Mấy anh ở đây luôn hả?? Uống nước không? Những người lính từ miền Nam ra bị vây kín bởi một nồng nhiệt bốc lửa. Họ là điểm sống cho thành phố Huế đã đến đáy hấp hối và tuyệt vọng. Còn vinh quang đẹp đẽ nào cho bằng tiếng kêu mừng rỡ của người dân Huế trong mùa xuân đỏ lửa khi được sống gọi đến những người lính xa lạ phong trần.

Đây là những sự kiện của mùa xuân năm xưa. Bây giờ, tháng thứ ba của ngày Bắc quân mở cuộc đại tấn công và Miền Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên, hai thành phố đầu tiên hứng chịu tai ương tàn khốc của bom đạn và người dân của hai thành phố này lại thêm một lần tay bế con, lưng công cha mẹ già xuôi theo Đường Số I dưới che chở độc nhất hay niềm tin cuối cùng - Người lính- Bộ đội cộng hòa oi, cứu bà con, bộ đội cộng hòa oi! Trên đoạn đường máu Quảng Trị, Hải Lăng, Mỹ Chánh không phải một

người, nhưng toàn khối dân bị thương nguy biến cùng gọi lên như thế một lần. Gọi bằng hơi thở cuối, mồm há hốc, mắt trợn đứng, gọi khi máu chảy, khi nằm xuốngtan vỡ, tay lăn trên chuỗi Thánh Giá, mắt nhắm nghiền, trên đầu, chung quanh đại pháo Bắc quân nổ liên hồi, nổ tàn ác... Đạn nổ không bỏ sót một phần đất, không quên một thân người... Bộ đội Cộng Hòa ơi! Người dân lại một lần kêu to lên như thế. Vinh quang biết mấy cho người lính Việt Nam.

Đất không Vinh Quang riêng cho Lính, đất còn là Thánh Địa cho Người. Người tâm thường, người còm cõi, người quắt queo khô héo như nhánh “nè”¹ khô rốc tong teo, lay động dật dờ dưới con nắng hạ chí. Nhưng những người tội nghiệp, tàn tệt, răng đen, môi nẻ tóc rối, người mà tai ương đã hiển hiện lên giọng nói, bất hạnh đã đặt mầm ở tiếng “khóc kể” bị ai hờn oán. Bất hạnh cũng đã có “điềm” ở giọng hò thê thiết đến rợn da khi những con thuyền chập chùng trong bóng tối lướt thướt trên sóng qua Bàng Lảng, Ngô Xá, La Vân, La Chũ, Vân Trình.a... ơ... chỉ hai tiếng nhỏ con thuyền đi hết khúc sông mà âm thanh còn lộng trong gió... Đã có “điềm” rồi nên dân Trị Thiên dù không cơm, không gia, không nương, rẫy bãi vẫn tồn tại và sống còn.Họ sống bằng gì và như thế nào? Chuyển hết tháng ngày đi quakhông cũng đủ là một việc vĩ đại... Rất vĩ đại... Rồi ba tháng máu lửa này, chui dưới hầm, ăn khoai sống, hứng chịu ngàn trái đạn của hai bên... Ngày Hải Lăng vừa được quân ta tái chiếm, đổ đặc cho vào thúng sau, thằng con ngồi thúng trước, người đàn bà nhỏ quắt queo gánh “gánh đời” đi thoăn thoắt trên mặt cát trắng bầy nhảy lóp

thịt người... Người trị Thiên có “tài” đi nhanh nhuthế đã bao năm? Có anh phóng viên đài truyền hình chặn hỏi:

- Chồng và mấy đứa con lớn đâu?

- Chết hết rồi... Họ đem đi băm, vằm, chém nát, chôn sắp dập ngựa mô không biết!

- Bây giờ bà đi đâu?

- Hí? Người đàn bà nhà quê không hiểu câu hỏi.

Cho dù hiểu đi nữa thì bà ta cũng không biết đi đâu... Quo vadis? Mày đi đâu? Chúa có hỏi đi chẳng nữa người cũng không trả lời được... Đi đâu? Ngày đã hết, đời đã hết, chỉ còn mỗi con người lừng lững cùng nỗi đau đón mịt mù hư không

Về quê hương điêu tàn,

Phi cơ đến Huế lúc một giờ sáng tắt đèn từ trên cao khi lấy hướng đáp, thấp xuống, thấp xuống chút nữa, trên một độ cao cần thiết, đèn ở cánh được bật cháy, chúi xuống và bánh chạm đất, đèn lại tắt. Không một phi trường nào im lặng và tăm tối bằng. Phòng tối, ngổn ngang lính nằm, những người lính tóc rối và râu rậm, họ ngủ mệt nhọc và trần trụi, giấc ngủ đứt khoảng khi có tiếng động của bước chân đi đến dù tiếng động cực nhỏ, những đôi mắt đỏ hoe mở ra xong khép lại. Gần trăm con người không ngủ, họ chỉ nhắm mắt và nằm... Ngủ, hình như họ đánh mất sự nghỉ ngơi này, mất đã lâu, từ hơn hai tháng trên các căn cứ vô Định, Diên Bình dọc quốc lộ 14. Ngủ chỉ là trạng thái chấp chèn của đôi mắt khép lại nhưng tai lắng nghe... Nghe tiếng nổ hoặc tiếng départ của pháo nơi xa...

Chẳng có vẻ gì để gọi là chiến tranh loạn lạc và điều linh nơi chúng tôi đang đứng trong buổi sáng đầy nắng

vàng và gió từ sông mang hơi nước dịu nhạt bay đến. Xóm Mỹ Chánh đổ nát vì vụ dội bom lằm hòm mòng 5 phút sau rừng tre, chiếc cầu gỗ cháy từ bao ngày trước còn bốc khói, nhịp cầu sắt bị đổ xuống không đủ cường độ để gọi lên không khí bi thảm của trận chiến vừa xảy ra cách đây mười ngày trên con đường nhựa bên kia sông, nơi bãi cát điu hiu lặng đứng những khóm tre còm cõi... Những tang thương trầm thống của những ngày qua tan biến trong ánh nắng đẹp đẽ vàng rực của buổi sớm mai này. Có tiếng chim cu gáy ở bên kia sông, tiếng chim mộc mạc ấm áp như giọng cười khúc khích của đứa trẻ.

- Đây, toa thấy cái lũy tre ở đầu con sông nơi chỗ quanh của con sông không? Liễn chỉ tay về hướng đông, nơi con sông quanh một vòng thật đẹp để đổ vào phá Tam Giang.

- Ồ, tôi thấy rồi, chỗ đó tôi đã đóng quân. Làng nội tôi đây, làng Văn Trinh, tên nghe hay không, mỗi vụ hè tôi về đây chơi, năm mười tuổi đã lội qua sông này được... Hai mươi năm sau cho bạc triệu tôi cũng không qua được bên kia một mình.

- Ủ. Tôi lơ đãng nhìn theo con sông, nơi này mùa đông xưa tôi đứng trên bờ dội Mễ còi áo bơi qua sông mua rượu, phía trái nơi xa có bãi đất bồi thửa ruộng, bấp lên những lá xanh ngắt...

- Người miền Trung cực quá, không đủ đất trồng lúa, có chút đất bồi là bám vào ngay Ba mươi cây số từ núi ra biển không có chút đất màu, toàn cát và cát, cần cỗi xám xịt không như cát vùng Nha Trang, Cam Ranh.

Súng nổ sát bờ sông, súng nhỏ, Bộ Binh Bắc quân mở đường, đánh thăm dò... Chúng trở về nơi Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn, Pháo đang báo cáo với Lữ Đoàn.

- Đó là tiền phương bộ binh của tụi nó xuống quan sát mình, chẳng hiểu nó bắn súng cối và 57 như vậy để làm gì?C... Mày gọi pháo binh làm mười tràng vào nơi yếu tố mà toán viên thám ghi nhận tiếng départ.Phúc nói với Tiên, sĩ quan ban 3.

Pháo từ Phong Điền rơi lên ào ạt.Bắc quân ngưng tác xạ, họ xuống hầm hay đã bị chết, không biết được, những đám bụi do đạn nổ bốc lên tan đi thật nhanh, chỉ còn luồng khói đen cuồn cuộn bốc cao.Một ngôi nhà bị cháy.Có tiếng gất của anh Phúc: “Tụi nó đặt súng ở đây thì xin bắn ở đây, làm sao biết viên thám đêm vừa rồi có người đứng hay không?Tiên sư có vợ, bị cạm sùng cũng đéch biết nữa là...” Anh ném cái ống liên hợp vào một góc nhà tụt xuống hầm chỉ huy xỏ chân vào đôi dép đi vào nhà thờ...

Đường về, trời nắng gió im buổi trưa mùa hè miền Trung bốc cháy toàn thể cảnh vật, núi im lìm rung rinh sau lớp hơi đá mờ nhạt, người lính bị thương ngồi băng sau gác bàn chân sưng đỏ máu đầm ướt cuồn băng bày.Qua Phong Điền, xe bị kẹt, ngừng lại dưới tàng cây nhìn Pháo binh TQLC di chuyển cho cuộc hành quân đang khai diễn. Họ nhìn tôi tò mò, áo lính Nhảy Dù đi xe TQLC, tóc dài và chiếc máy ảnh ở ngực... Tôi trông chẳng giống ai!Tôi cũng biết thế nên lúng túng đưa máy hình lên chụp loạn xạ.Ồi tôi hành nghề báo.Có một điều gì buồn buồn trong thân.

Mỹ Chánh không có gì, quả thật vậy, tôi về Sài Gòn, thay lớp áo quần dơ và ướt, uống ly rượu có đá lạnh, chạnh nhớ những người bạn ở nơi xa đang ao ước một tờ báo, dù tờ báo đã cữ từ ngày 30 tháng Tư... Điều này làm lòng tan vỡ, những người sống trên khổ nhọc miệt mài, trong

núi xanh, trên cồn cát, những “sinh vật” lính quen thuộc và thân ái bị quay cuồng níu kéo hoà vào gian nguy triền miên... Không phải chỉ có ở Mỹ Chánh với Trâu Điền, nhưng khắp cùng đất nước, từ núi cao xuống đồng bằng, có đủ trên mỗi phần đất của quê hương. Mỹ Chánh không có gì ngoài hai xác chết bên kia sông cạnh chiếc xe tăng bị cháy, tiếng nổ B52 âm vang đều đặn và núi rung rinh, cây cầu bốc khói xám. Những người và cảnh chết này có nỗi yên nghỉ riêng, lòng có xốn xang là hình ảnh người lính mang dép Nhật, chống cây gậy đi trên thôn xóm tan vỡ, người lính không đầy 20 tuổi... Em bị thương! Chỉ còn tiếng nói và hình ảnh đó đè nặng ở đỉnh đầu, tay tôi run và nặng khi viết những dòng chữ vô nghĩa này.

Quả bom chiến lược hay viên đạn súng colt chỉ gây một tiếng nổ, cũng chỉ viết thành “một chữ” trên trang giấy, nhưng trầm thống của con người thì mệnh mông. Chữ nghĩa vô tri viết được mấy cho vừa.

Huế còn thờ

Huế sống, chắc chắn như thế. Sống vì trong lòng Huế có những kháng tố âm thầm lặng lẽ, những phản ứng kín đáo mang sức mạnh sinh tồn của con người khi bị ép đến cuối chân tường, đưa đôi tay tuyệt vọng lên đầu, đánh đòn quyết tử để vượt qua biên giới giữa chết và sống. Huế sống, dù mệt mỏi, tàn tạ đau đớn, tất cả phải được vượt qua, qua hết để gánh chịu nỗi kiêu hãnh ngậm ngùi của một dân tộc tồn tại sau hàng hàng điêu linh. Huế phải sống vì số kiếp bị tráng thê thảm đó. Quê hương tôi không chết được... Huế còn thờ.

Quê hương, nghe như lời mai mĩa, như tiếng cười khùng khinh lạnh nhạt. Quê hương đó và tôi xa lạ, lạ từ đường

tóc giồng máu, lạ ở tiếng nói cách cười, xa lạ hoàn toàn trong lối sống và nhìn đời. Nơi chốn đó với tôi có một cách xa không bù trừ được. Nhưng tôi phải nhớ đến Huế, phải nghĩ đến, phải đau đớn bởi hồi khi đi lại trên những con đường vắng bóng người, không phải sự vắng vẻ yên tĩnh của hàng cây xanh lá vang động tiếng ve. Sự yên tĩnh ở đây nín lặng và đau đớn như ngôi nhà đóng cửa với tấm bảng “Nhà đang có chủ ở.” Giòng chữ không làm nóng không gian, chỉ tăng thêm sự run rẩy lo sợ thiếu hơi ấm của người. Tôi đến Huế vào ngày Huế vừa hé cửa như con voi già mở đôi mắt nhỏ từ đồi cao nhìn xuống đám rừng xưa nơi phần mộ của giòng giống nó. Con voi chưa chết được, Huế vẫn thế, Huế chưa đi hết đời của mình, Huế đang sống, còn sống. Tôi đau đớn ngất ngư, thấy nhói ở trong lòng, từng cơn đau có thật khi đi qua cửa Chánh Tây bị đổ nát, qua các khẩu súng đồng mà ngày nào trong thuở nhỏ, hai mươi năm trước, tôi ao ước được bò lên ngồi trên đầu nòng súng rồi nhảy từ đây xuống. Tôi phải đau với Huế vì thấp thoáng trong không gian mờ nhạt của Huế co ro ướt át, tối mùa đông năm 1949, cầu Gia Hội đang sửa chữa, tôi loay hoay lạc lối trên những con đường Ngự Viên, Trung Bộ, lạc qua cầu Đông Ba về đến cổng Phát Lát, thẳng bé đội nón cối trắng và đi ba ta quai chéo, quần dài xanh có tấm yếm trước ngực “để che gió máy” Tôi đẩy, tôi của tuổi ấu thơ hỗn độn những rung động chưa đặt tên trong một thành phố âm thầm thê thiết. Tôi đau với Huế, phải nhúc nhối từng hồi, giật giật ở thái dương khi nhìn cảnh người đàn bà tất tả gánh đứa con đi trên đường Hương Thủy, Gia Lê, hai vạt áo dài đen đánh phần phật vào đôi chân luống cuống. Thuở xưa cũng thế, cũng chạy giặc, cũng “vỡ mặt

trận,” cũng tan nát lửa đỏ và điêu tàn hùng hực. “Tây từ bên Tòa Khâm đánh qua, mẹ bỏ con trong thúng và gánh đi trong lửa đạn”. Thế nên tôi phải đau cùng Huế, dù quê hương đó bạc đãi, phân lìa.

Huế sống, cũng như sau bao nhiêu đại loạn, Huế chậm rãi chắc chắn chống gậy, lẩn từng tấc, từng phân dựng đứng cơ thể tàn tạ và hồi sinh. Lần này cũng vậy, sau khi mất Đông Hà và Quảng Trị bị vây khốn, đồng bào Quảng Trị băng qua vùng Hải Lăng, Lương Điền chạy về Mỹ Chánh, dân Mỹ Chánh nhập vào lui xuống Phong Điền, An Lỗ... Nhưng Phong Điền, An Lỗ đâu phải là phòng tuyến “tử thủ” được; hai con sông cạn đáy phơi lòng cát khô khan dưới mặt trời hạ chí... Những người dân này lui thẳng về Huế... Và Huế bắt đầu thất thần hoảng hốt. Nhưng vẫn rất nhiều người tin tưởng: “Phe mình giữ được Quảng Trị, can chi mô, vài bữa mình lấy lại Đông Hà mấy hồi...” Nhưng niềm tin tin tưởng như quả bóng căng hơi sau khi nhận mũi kim đâm ngập. Quảng trị mất, mất chung hùng tức tối. Biệt Động Quân nương nhau dọc quốc lộ về Nam, thủy Quân Lục Chiến co lại, tiểu đoàn này đỡ tiểu đoàn kia rút gấn xuống Mỹ Chánh và sư Đoàn 3, không phải lỗi ở lính, ở cấp chỉ huy không gian, cũng có thể không ở Tướng Giai (chưa có thể kiểm chứng được) tan vỡ một cách phi lý, ba trung đoàn dù bị thiệt hại từ ngày đầu tháng 4 vẫn còn đủ quân số, vũ khí, phương tiện liên lạc, bỗng nhiên như viên đá nhỏ tan trong ly nước bốc khói. Một đại đơn vị vỡ tan trong bất thần kinh ngạc, dân và lính đua nhau chạy giặc đỏ về Huế như con nước từ nguồn băng qua bờ đê cát nhỏ. Và Huế dưới con ép kinh hoàng của Quảng Trị

nổ bùng, vỡ nát như ánh lửa điên loạn bốc cháy chợ Đông Ba chen tiếng đạn của đám quân đói, Huế vỡ tan. Vỡ dưới ảnh hưởng kinh khiếp của Mậu Thân, giặc vào và ta chết, chết từng loạt.

Huế hốt hoảng vì viễn ảnh thấp thoáng toán lính mang ngôi sao vàng sục sạo khắp cùng ngõ ngách, đường hẻm để tìm địch, giết Ngụy. Huế sợ và bốc cháy lo âu... Người xuôi Nam hướng Đà Nẵng, nối nhau chen chúc trên tất cả mọi phương tiện di chuyển. Bỏ quê hương chạy giặc...

Bây giờ là buổi chiều. Huế đang ở mùa hè, phượng đỏ, mặt nước sông Hương loáng ánh nắng. Tôi đi dọc bờ sông, chiếc cầu mới quá tân kỳ, chân cầu vây kín giầy kẽm gai để phòng thủy lôi không hợp với nét cổ kính tàn phai xứ Huế, công trường Phú Văn Lâu tiêu điều, lá xanh không che nổi sức nóng. Nơi này, thuở xưa xa lắm, tôi lang thang nhặt những hạt cuồn đỏ có chấm đen từ cây rụng xuống, đứng ở bồn hoa nơi có bốn con rồng luôn phun nước đưa bàn tay nhỏ e dè hứng những hạt nước long lanh bắn tung tóe trên ven bồn đá xám. Bờ sông xưa nay cỏ dại mọc đầy, những viên đá nâu đỏ của lối đi không còn nữa thay vào đấy lớp đất cát tung bụi dưới bước chân.

Cầu trường Tiền không còn vang tiếng guốc và chập chờn những tà áo trắng, nhưng đã có bóng người và màu sắc dọc theo đường Trần Hưng Đạo, bến xe, quán ăn, tiệm nước đầy thực khách, người ở Đà Nẵng trở về nhiều hơn người ra đi. Dấu hiệu tốt ở tiếng thở dài nhẹ nhõm của người hành khách khi bước xuống xe - “Rửa mà tui nói không ai tin, Huế có chi mô mà sợ...”

Trời sắp tối, tôi leo hàng rào nhảy vào căn nhà người cậu... A! Cậu đây rồi. Ông cậu quắc thước khỏe mạnh ngày

xưa không còn nữa, trước mắt tôi chỉ có một ông già, tóc và râu trắng bạc. Cậu run tay, mắt mở lớn nhìn thẳng cháu hoang đàng trở về trong lúc trời hết nắng, ngày tàn... Con đây hả, ô trời ơi... Lâu chẳng biết con ở đâu, con đến lúc cậu đang cúng bà ngoại, cúng bà với bát muối mè và cái bánh chung!

- Cậu không đi đâu?

- Không, Mậu Thân cũng vậy, cậu ở nhà, hôm nay lại là ngày kỵ bà, cậu không đi đâu hết!

Chị tôi ở bếp lên, chị Nga đẹp đẽ đài các của ngày xưa cũng đã thay đổi, đây là một người đàn bà mà chịu đựng đã đầy làm xạm mái tóc xanh...

- Chị ở Đà Nẵng ra với cậu, chị tin sẽ không có một chuyện gì nữa, tất cả mọi chuyện cũng thế thôi. sống là được, sống là hạnh phúc rồi...

Tôi ăn bữa cơm gia đình sau bao nhiêu năm cách biệt. Đi ra khỏi nhà trong bóng tối dày đặc, đèn đường không có. Lối đi nhỏ lẩn trong đám hàng rào lá chè xanh dày kín. Dọc trên đường về sân bay Tây Lộc, hào bên phải bay ngát hương sen - Mùa hè rồi, mùa đẹp nhất xứ Huế, mùa của đêm trăng nhỏ giọt qua cành lá, bánh xe đạp rong ruổi trên đường nhựa vắng, lưng người con gái chuyển dịch bí ẩn sau chiếc áo mỏng và một khối tóc đen đông đưa kỳ ảo theo bước chân, ẩn hiện bất chợt qua những hàng đậu lá che dày đặc. Mùa hè sống động kỳ ảo của Huế đấy, bao giờ có lại những ngày xanh huyền hoặc đó, không còn nữa, tuổi nhỏ đã qua đi rồi... Qua một quán nước, ánh nền vàng mịt, cô gái bán hàng rạng rỡ giữa một đám lính trẻ, Quán Lưu Khách.

Một đời sống khác của Huế bắt đầu, bắt đầu lại trên hoang tàn nhưng còn nguyên cách thể phong lưu của hương sen kỳ vị đậm ngát một vùng trời đất. Trên cực điểm của trầm thống, bên cạnh những hào xưa thành cũ, những người tuổi trẻ ở Huế sẽ lớn lên, gan lợc, tập trung năng lực để tồn tại và khia phóng... Ước mong quê hương đó lớn đẹp và khỏe mạnh như tiếng cười dòn dã thẳng thắn của cô gái hồng sáng dưới ánh đèn dầu. Ước mong như một tạ lỗi muộn màng.

Bay trong hoàng hôn

Tàu không bay thẳng ra đèo Hải Vân, nhưng bay dọc theo bờ biển ra Nam Ô. Trời đã chiều, nắng hết chỉ còn “du âm” của ánh vàng trên cây cỏ. Từ trên cao nhìn xuống, biển Thanh Bình ngày nào không còn nữa, nhà lấn ra sát mặt nước, nước xanh đục lộn cợn rác, bọt vàng của rêu và chất dơ. Hết cả rồi, chốn xưa, ngày mới lớn, đêm hè trong vắt lấp lánh sao, nửa đêm về sáng ngồi dậy đốt vỏ bánh xe nhìn ánh lửa, nhìn đại dương, nhìn Tiên Sa đen thẫm cùng Hải Vân vòng đường kín đặc, vòng núi hờ một khoảng ở hải đăng để thấy biển phía xa xanh xao dưới ánh trăng non. Mơ ước gì trong đầu óc tươi trẻ đó? Không biết, chỉ thấy lòng mênh mông thênh thang bay lên tiếng hát âm trầm phơi phới. Hết, chiều nay trên độ cao gió lạnh nhìn xuống biển xưa vấy bẩn và lòng nặng trĩu nặng phiền phiền. Máy bay dọc theo biển để thấy rừng dương ở Nam Ô xơ xác, trơ rụi. Ôi khu rừng thơ mộng của ta mười bốn năm trước thế này sao. Rừng không còn, chỉ còn khu vườn dương liễu cằn cỗi, bờ cát vàng dốc đứng nay cũng thấp xuống tan hoang... Không còn gì nữa, quả thật không còn

gì nữa, như tuổi thanh xuân đã mờ khuất đi. Qua núi Nam Ô để thấy lại bóng mẹ xoa tóc ngồi hong nắng... “Mẹ con mình là người đầu tiên ở Đà Nẵng đến tắm ở đây...” Mẹ đã nói thế để khích lòng “giang hồ vật” của con trai. Đà Nẵng - Nam Ô 10 cây số đường dài quá xa cho một tuổi mới lớn.

Năm phút máy bay đủ đi hết một quãng đời niên thiếu, mau thật. Tôi tưởng như vừa qua lớp mộng dài.

Gió lạnh, phi cơ đã đâm thẳng ra biển để vượt Hải Vân, đỉnh núi bên trái phủ mây trắng, đường nhựa ở trên, đường xe lửa ở dưới, thấy rõ trước mắt hình ảnh đứa nhỏ tóc bay đùa chiếc đầu ra khỏi cửa sổ thành tàu nhìn xuống đại dương đen ồn tiếng sóng, sóng bạc đầu xô đẩy vào rà. Sâu hun hút, tưởng dưới xa như là chốn nghìn trùng không đến được... Sửa lại thế ngồi đỡ mỏi chân, cong hai đầu gối sát ngực cho bớt lạnh. Lại giống hình ảnh đứa bé nằm trù tịch năm nào ngồi co ro trong một chiếc xe hàng trên đỉnh đèo sương phủ và gió rét. Tôi sống trong hai thế giới, trong hai chốn thời gian lúc trực thăng đổ cao độ vượt đèo... Mình là ai? Đi đâu? Mong ước gì? Hơn mười năm chưa thấy rõ mình. Đời khó thật.

Trời vẫn còn sáng trên không, thứ ánh sáng mờ mờ của bóng tối sắp đến, xuống ở độ thấp 100 thước. 100 thước để thấy rõ từng nếp nếp nhà, sân đất, giậu tre và những cánh đồng xanh. quê hương bình yên và đẹp vô ngần trong ánh sáng cuối cùng của một ngày. Đám Thủy Tú lặn tẩn sóng nhỏ trề dài như một thỏi kim cương xanh. Đám mệnh mỏng lạng lẽ dạt những vòng tròn xôn xao khi trực thăng bay qua, núi Túy Vân ẩn một nét đen đậm dụi dàng trên không gian và mặt hồ xám bạc. Túy Vân Sơn,

tưởng tượng đến hình ảnh ngày xưa đoàn thuyền lộng lẫy của Hoàng Gia trôi theo giòng nước đến nơi này neo bến và tiếng chuông cuối ngày lộng lộng trên sóng nhỏ tan dần vào hư không. Chiến tranh mệt mỏi của ngày dài di chuyển tan nhanh như sương mỏng, tôi mở to hai mắt, dựng đứng hết xúc cảm để nhìn hết, lấy hết toàn khối què hương đang nằm dài yên lặng dưới xa - không thể có nơi nào đẹp hơn què hương ta! Câu nói của cuốn sách thơ ấu được lập lại không định trước. Phải, què hương ta quá đẹp, vẻ đẹp mộc mạc, bình lặng cao cả, què hương là thiên nhiên cô đọng, què hương tan biến hòa hợp vào cùng vũ trụ. Núi không cao, đầm không rộng, nhà mái tranh, con đò nan mảnh mai trôi lững lờ trên sóng nước hiền hòa, khuôn đất nhỏ vàng nhạt, từ trên cao vẫn tưởng được độ cứng và vẻ bóng bẩy phẳng lặng in từng đường chổi mới quét qua... Què hương thương yêu nồng nàn dưới đó, dưới độ cao 100 thước, trên lưng đàn trâu vẽ chuồng, cong đôi sừng ngoảnh khuôn mặt chịu đựng, giường đôi mắt võ vàng nhìn tiếng động trên không. Lòng bồi hồi run rẩy như vừa qua khỏi chốn linh thiêng... Bao nhiêu phần đất của què hương còn đượm vẻ thanh bình này? Chắc còn rất ít, hay chỉ còn lại trên ảnh trên tranh, trong trí tưởng, trong ao ước... Vì khi máy bay vừa đến Huế, nhận được lệnh di tản thương binh, phi hành đoàn chỉ kịp và vội miếng cơm, lấy tọa độ bãi đáp và tăng số làm việc, bay liền hướng Hương Điền dọc Phá Tam Giang. Tiểu đoàn 6 và 8 TQLC vừa đụng trận.

Trời sập tối, cảnh vật xanh xanh xám xám, chút sương mờ đã dâng lên từ mặt nước. trực thăng qua La Vân, Hương

Cổ, Quảng Điền, những nơi chốn quá quen biết bao nhiêu lần xuôi ngược trên bờ lúa dọc con sông xanh thẳm lác đác những lá tre già. Tàu vượt Phá Tam Giang - A! Lại một chốn xưa huyền bí - Phá mông mênh bí mật u trầm, phá xôn xao chuyển dịch những lượn sóng xuôi ngược, phá nồng nàn say sưa như tuổi nhỏ khi đọc đến câu “Yêu em anh cũng muốn vô. Sợ trường nhà Hồ, sợ Phá Tam Giang.” Vật biểu lượng ngăn trở tình yêu là đây, tôi nhớ lại được nổi rung động náo nức của tuổi mới lớn.. Nhưng bỗng nhiên như luồng sét thật mạnh đánh sập mặt, như kẻ bị phụ tình trong giờ khắc say đắm nhất, tàu đã bỏ mặt nước xanh để bay lên vùng cát trắng. Tôi lao đao như từ ánh sáng vào bóng tối, tôi tóe lửa ngộp ngộp hơi thở như gió thổi mạnh đập vào mặt. Nổi mơ mộng tan vỡ, vỡ bùng không còn chút níu kéo tôi đang bay trên một quê hương điêu linh, không thể trốn chạy được... Lũy tre xanh, bọt sóng dầm xô đẩy, núi Túy Vân lặng lẽ, mảnh vườn đất phẳng, nụ cười sáng, bàn tay vẫn trên đồng xanh không có giá trị gì nữa. Quê hương đẹp đó quá ít, quê hương này, quê hương dưới chân, trên cát trắng quê hương trải dài theo biển từ Thế Chí, Đại Lộc qua Mỹ Thủy, Triệu Phong mới thật sự điển hình cho tàn tạ, tàn tạ tuyệt vọng câm nín của những “ổ” nhà nằm rải dài trên 30 cây số ngút ngàn lặng lẽ. Ba mươi cây số không nhà, chỉ độc một chuỗi ổ chuột sùm sụp ép mình trên cát, chơ vơ thụ động dưới mưa bom và đại bác - Tôi quá trời ơi, năm xưa 1967, khi qua vùng này đã phải cúi mình xuống làm đôi để nhìn một gia đình một mẹ năm con ngồi ôm lấy nhau dưới mái lá như vượn mẹ bỗng con ngồi co mình nhìn lũ người cay độc... Bao ngày qua, đời sống dưới mái lá

đó càng thêm độ thê thảm. Không đồng lúa, không nghề chài, họ ăn gì, lấy gì để sống qua hàng hàng tháng ngày tàn toan, rồi lại thêm bom rơi đạn rớt, bom đạn không phải chỉ một con một lúc nhưng phủ đầu và ngập mặt. Trước 1967 đến bây giờ là bao lâu? Còn con người chẳng trên bãi cát trắng dưới những “ổ” lá nằm rải rác trên dải quê hương điêu tàn đó? Có đàn lợn đi lang thang trên bờ biển, loài thú tầm thường bình yên, không thích hợp với hùng vĩ của đại dương chạy tán loạn khi nghe động cơ vang nổ... Chữ Gia của tiếng Hán được biểu tượng bởi một mái nhà dưới có chữ Thi - trên giải đất không nhà này đâu còn nơi nương náu cho loài thú tội nghiệp kia - người sống làm sao được trong tan nát này hả trời? Câu hỏi buồn cười tội nghiệp vang âm thầm làm nhói cơn đau nhức nhối ở nơi ngực.

Không thể gọi là “dây phố buồn hiu” nhưng phải gọi “dây quê hương thê thảm,” cũng chưa đủ cho nơi chốn tàn tạ hấp hối này.

Dây đường tử khí

Không khí tàn tạ của vùng Mỹ Thủy, Hương Điền, về đâu đón lạnh cứng của xác người lính Thủy Quân Lục Chiến Tiểu Đoàn 8 khi gió thổi lớp Poncho dán chặt vào mặt để lộ chiếc đầu tròn sống mũi thẳng, năm ngón tay tái xanh có những móng dài đầy đất của tối hôm qua trên trục thẳng không còn nghĩa lý gì so với cảnh tượng trước mặt.

Tôi đang ở trên cây số 9 từ Quảng Trị kể đến, vùng thôn Mai Đăng, xã Hải Lăng... Không thể dùng một chữ, một tình từ, không thể nói, khóc, la, trước cảnh tượng trước mặt, chỉ có thể im lặng, chỉ có thể nghiêng răng, bặm môi, dù răng vỡ, môi chảy máu tươi, tay luống cuống, mắt mờ

nhật, mũi phập phồng. Không có thể biết gì về thân thể đang mở ra trước sự tàn khốc trước mặt. Trời ơi! Hình như có tiếng kêu mơ hồ dội ngược ở trong lồng ngực, trong cổ họng, nơi óc não, hay chỉ là ảo giác của con người mất hết khả năng kiểm soát. Kiểm soát làm sao được nhịp đập của quả tim, không ai ngăn cản con chớp liên hồi của đôi mắt, tay nổi da gà, những sợi gân ở thái dương phồng lên đập xuống - mệt, máu chảy ngúc ngắc trần trở lăn lóc khô khan khó nhọc trong những gân căng đến độ chót... Cũng không phải như thế - Tôi không biết, hoàn toàn không biết được gì của xác thân.

Tôi không còn là người đang sống, vì sống là sống cùng với người sống, chia xẻ vui buồn, đau đớn lo âu với người sống. Chung quanh tôi, trước mặt chỉ còn một hiện tượng, một không khí - chết. Phải, chỉ có sự chết bao trùm vây cứng. Chỉ có nỗi chết đang phơi phới bùng bùng che kín không gian.

Đã sống trong cảnh chết của trận Đồng Xoài năm 65, trận Bình Giả năm 64, đã nằm cùng, ngủ chung với xác chết qua một thời gian dài, nhưng bên cạnh những nín lặng đau đớn của những cái chết này vẫn còn tiếng nói, tiếng động của người sống dù là tiếng khóc vật vờ, lời kể lẽ thối thiết của những người mặc đồ tang lăn lộn trên xác chết đã sinh chương mới được kéo về sau bảy ngày tử trận. Những cảnh chết còn không khí người sống, tôi chịu được - sự chịu đựng khốn mật chỉ có chiến tranh mới dạy được cho người. Và mới gần đây, An Lộc với những ngôi mộ vô danh, mộ tập thể, những cái chết cam lạng đến độ chót của đau đớn kinh hoàng, người cha trầm tĩnh đi tìm

tùng cái chân, cánh tay của năm đứa con vừa bị tan thây vì quả đạn đại pháo, nhưng lại còn được một nấc chót - Bên cạnh người chết vẫn có người sống - người sống, dù với thể xác vô tri, đi đúng huyền dịch như thứ người cuồng tín bị thảm - Người điên buồn, điên lặng, điên câm nín, điên ở trong, điên chạy ngược, thắm đẫm, trĩu nặng từ tế bào thần kinh - Dù sao cũng là Người Sống. Ở An Lộc, tôi còn thấy được loại người cuối đáy đau thương đó. An Lộc lại quá nhỏ, chỉ hơn một cây số vuông, cái chết cô đặc lại, ngập cứng vào người nhanh và gọn như nhát dao ngọt. Cái đau đến chớp mắt, người chưa kịp chuẩn bị thì đã lún hẳn vào trong... Tôi cũng chịu đựng nổi, gồng mình mà chịu, chịu được như chiếc bóng căng phồng khí độc.

Ở đây, Giáp Hậu, Mai Đằng, Hải Lâm thì khác hơn An Lộc một bậc, hơn trên một tầng, tầng cao ngất chót vót, dài hơn An Lộc một chặng, dài hun hút mệnh mông. sự chết trên 9 cây số đường này là 9 cây số trời chết, đất chết, chết trên mỗi hạt cát, chết trên đầu ngọn lá, chết vương vãi từng mảnh thịt, chết từng cụm xương sống, đốt xương sườn, chết lẫn lóc đầu lâu, chết rã rời từng bàn tay cong cong đen đúa... Nhiều quá, 9 cây số hay 9000 thước, mỗi thước trung bình hai bộ xương tung tóe, vậy tất cả là bao nhiêu? Chilly con số trung bình vì có chiếc xe hồng thập tự chống bánh vỡ sườn để lộ những bàn chân đen thò ra ở cửa đằng sau... Chiếc xe Honda gãy đôi, còn xót lại hai đôi dép Nhật, người ở đâu? Không làm phân biệt được tay này, chân kia, đầu lâu người nọ... Chiếc xe công binh ủi một đường dài, những xác chết, không, phải nói những bó xương bị dồn cùng áo quần, vật dụng, chạm vào nhau nghe

lóc cóc, xào xạc, “đống rác” người ùn ùn chuyển dịch, một chất nhờn đen đen ướt ướt lấp lánh trên mặt nhựa - nhựa thịt người! Trời nắng, đồng trắng, con đường im lìm, động cơ chiếc xe ủi đất - phải gọi xe ủi người mới đúng - vang đều đều, hơi nắng bốc lên từng đường trên mặt nhựa, hơi nặng mùi... Vạn vật chết trong lòng ánh sáng. Ánh sáng có mùi người.

Làm được gì bây giờ? Bịt mũi, che mắt, nhưng tất cả vô ích, hơi chết động trên da, chui vào mũi, bám trên áo, hơi chết hít vào phổi trôi theo máu. Tôi đang đứng trong lòng của sự chết. Tránh làm sao được, ai có thể ra khỏi khối không khí của nơi sống? Những cảnh chết tập thể của người Do Thái ở các trại tập trung gây nên niềm bàng hoàng xúc động vì người chúng kiến thấy được “xác người,” xác chồng chồng lớp lớp có thứ tự, gọn ghề nguyên vẹn... 9 cây số đường chết của Quảng Trị không còn được quyền dùng danh từ “xác chết” nữa, vì đây chết tan nát, chết tung tóe, chết vỡ bùng... Chết tràn tất cả mọi cái chết. Không còn được “người chết” trên đoạn đường kinh khiếp đến tột độ của chốn quê hương thâm thảm. Giáp Hậu, Hải Lâm: Tên nhớ vào máu dù sau này tôi chết, ký ức cũng không thể phai... Đã dùng hết tất cả chữ nghĩa có trong đầu, nhưng chưa đủ, chắc rằng chưa thể đủ được, tôi điều tiết hết cả thần kinh để đón nhận, ghi nhớ nhưng nhận không vừa, ghi không nổi... Lòng bây giờ cũng như dây đàn đã đứt, chỉ còn thoáng âm ba cứng đờ mơ hồ không kìm giữa nỗi chết. Đau choáng váng, ngất ngư dật dờ bởi thứ men chết dậy lên hùng hục như nắng sáng.

Pháo vẫn còn rơi ở phía trái con đường, rơi từng ba quả một, từ vùng Tây Bắc đến, người lính Công Binh vẫn từ

từ cho xe ủi “người,” tôi vẫn lặng lẽ hút những hơi thuốc đáng. Nếu pháo nổ ở đây thêm hai xác người nữa thì có là bao! Không gì lạ nếu tôi và người lính Công Binh này chết. Chẳng có nghĩa gì khi thêm hai đầu lâu mới, bốn cánh tay, bốn bàn chân và ít ruột gan rơi rớt đầm máu văng trên mặt nhựa này... Đúng như thế vì những đầu kia, tay nọ chắc cũng đã qua một lần rung động, cũng có qua một vết kỷ niệm, một đời nồng nàn ước vọng, sung sướng và hạnh phúc. ây giờ còn gì nữa đầu trong chiếc sọ đen nâu dính chút thịt nhão nát và lộn tóc khô rối rắm. Người đàn bà, sinh vật đã một lần yêu quý, đã một lần thiên đàng rực sáng của tình yêu, là hạnh phúc mẫu nhiệm của người mẹ... Còn gì đâu trong chiếc sọ nồng thối lẫn lóc nọ?... Hết nơi cho Người, hết thật. Lọt vào 9 cây số này con người đã hoàn toàn tận diệt, sinh vật người hoàn toàn tận diệt. Hết, một chữ ngắn gọn để diễn tả con tan vỡ cùng cực... Chỉ còn được mỗi chữ này.

Xe ra khỏi, không, phải nói rằng đó chỉ là cảm giác tự đánh lừa mình, vì không ai có thể ra khỏi được nỗi chết trùng vây kín. Đến La Vang thượng, xuống đi bộ vào La Vang chính tòa, nơi bạn tôi, Tiểu Đoàn 11 Dù đang chiếm giữ. Hai cây số đường đất giữa ruộng lúa xanh cò, tôi đi như người sống sót độc nhất sau trận bão lửa đã đốt cháy hết loài người.

Đường vắng, trời ử giông, đất dưới chân mềm mềm theo mỗi bước đi, gió mát và không khí thanh thang. Ngồi xuống vệ đường bỏ tay xuống ao nước kỳ cọ từng ngón một - tôi muốn tẩy một phần sự chết bao quanh? Có cảm giác lạ: tôi vừa phạm tội, tôi được sống. Phải, tôi có cảm

giác như chính mình vừa giết người và dành quyền được sống, chính bàn tay này vừa tham dự vào trò tàn khốc... Tôi nghĩ lộn xộn điều này nổi lấy điều kia, hổ thẹn, uất ức, giận hờn, đau đớn và... vô tri giác. Tôi muốn “chửi” Tướng Giai. Dù có bị thôi thúc, ép buộc từ một chiến lược nào đó ông ta cũng không thể bỏ Quảng Trị trong bất thần để đến nỗi 9 cây số đường kia phủ thịt người. Tôi cũng muốn chửi Bắc Quân. Dù luật chiến đấu là phải thắng, nhưng ai nỡ bóp cò để B40, B41, 75 ly sơn pháo, từ trên những cao độ của Xuân Lâm, Trường Phước, Trường Thọ (những tên gọi sao cay đắng) nổ vào những “mục tiêu” xao xác - Đoàn người chạy loạn. Thắng trận ở đâu khi những mục tiêu đau đớn đó ngã xuống? Tôi nghiệp, những người lính của Đại Đội 3 Quân Y còn tưởng đến giá trị của chiếc cò trắng chữ thập đỏ nên đã trương lá cờ thụ động vô nghĩa để băng qua sự chết. Bắc quân, hình như anh đã không có tình người, cặn tình người. Anh giải phóng cho ai khi đi giết con người? Tôi muốn hỏi điều đó, hỏi vang vang, hỏi bằng tiếng thét đến vỡ cổ, bật máu, tôi muốn hỏi tại sao Người giết Người tinh táo và tàn tệ đến thế kia?... Từ nơi đặt súng đến “mục tiêu” không quá 1 cây số và gần nhất dưới 50 thước, anh không nghe tiếng thét khi Người chết sao? Tôi muốn hỏi người lính miền Bắc với hết cả thống hận trong lòng. Cầm thù nào trên người đàn bà tóc rối bế con chạy xôn xao giữa giòng người tan nát? Tôi muốn hỏi, hỏi ngàn lần, hỏi vạn lần người mang danh hiệu là lính của Quân Đội Nhân Dân. Nhân Dân để gọi những ai? Tôi muốn hỏi một triệu triệu lần bằng tiếng thét vô hình nổ bùng trong đầu óc khi ngồi giữa cánh đồng trống.

Muốn cào mặt, đấm ngực, cắt da để máu chảy thành giòng, để nhìn thấy mình cũng “được” đau đớn, chia sẻ. Tôi bất mãn với chính tôi trong trạng thái ù lỳ vô tri khi giương mắt nhìn rõ chiếc sọ người tóc rối. Phải, tôi cũng muốn chửi cả chính tôi, thật sự như thế... Tôi cũng có tội, tôi cũng có tội đấy, trời ơi!!

Đi vòng vòng ở sân của Vương Cung Thánh Đường, nhìn tượng thiên thần, tượng Đức Mẹ, cây dương liễu cháy xám... Những cảnh sắc và nơi chốn này đối với tôi là kỷ niệm không phai, nhưng bây giờ sau khi qua 9 cây số chết, lòng cứng, não trơ, tôi đi xiêu vẹo ngã nghiêng trong lòng nắng và gió nồng... Ngửi và thấy toàn người chết. Trí óc không nghĩ được cái gì hơn... Đi qua ngôi nhà xưa khi mùa đông 66, 67, tôi, Thừa, Hồ và anh Bảo ngồi ghéch chân lên gốc cây thông uống bia đá. Trời lạnh nhưng cũng phải uống nước đá, chúng tôi vừa ở núi, nơi đầu sông Thạch Hãn rút ra, 15 ngày trong đó... Bây giờ những bạn xưa đã chết, tôi thì đang bị vây khốn trong một trời thống khổ, làm cái gì đây? Còn gác chuông của nhà ông Trùm họ đạo: tôi nhớ căn nhà này có một cô gái, Hồ đã trêu ghẹo cô ta một câu trước khi rút quân đi, Hồ chết đầu Xuân 68, cô gái bây giờ ở đâu? Hay cũng đã chết tan trong một vùng lửa đạn. Bước qua gạch ngói của căn nhà đổ nát, tôi đến gác chuông kéo sợi dây, hai quả chuông quá nặng, phải kéo bằng cả hai tay... Kính... coong... Tiếng chuông âm u vang động; vang vào trong núi không nhĩ? Nơi đây là một bình nguyên trùng điệp và Trường sơn bao vây nơi xa... Vắng vẻ quá! Tôi nói thật lớn cho chính mình nghe. Chẳng biết nên làm gì? Giật dây chuông thêm một lần nữa...

Về theo chuyến tản thương, người thương binh nặng nhất chốc chốc ứa chút máu hồng, bên cạnh, gã tù binh bị thương nằm mê man...

- Tụi này cứng cổ lắm, bị thương nó nằm lì để bắt mình vác đi, đ. m. nó lại được nằm băng ca trong khi tui phải bò bằng cùi chỏ! Anh lính bị thương hai chân ngồi dựa thành xe chữa đông...

- Thôi, mình khá hơn tụi nó là chỗ này, lỡ cứu nó, cứu cho trót. Tôi tìm đường nói cho anh lính khuây khỏa, quả tình cũng không tin được lời nói của mình. Vì khi đi ngang căn nhà ở cạnh trụ sở xã Hải Lâm, nhìn cảnh người đàn bà ngồi “tước” từng sợi thịt ra khỏi xương người chồng. Người vợ ngồi kẹp đầu giữa hai gối, tước từng sợi thịt đã nâu đen nhão nát trên xương ống tay và chân... Bà ta dùng bàn tay “xoa” lên trên lớp xương sọ, vừa để đuổi kiến vừa để tẩy phần da uơn ướm mòng dính vào khối xương mũi, động tác bình thản thân ái như người vợ trong khi âu yếm tay lên mặt chồng. Ôn ơi là Ôn ơi! Tiếng khóc nhức nhối than van gậm gù trong cổ họng như đánh nhịp khi người vợ “nắm” đầu người chồng lên bằng hai ngón tay thọc vào ổ mắt “rây” cho hết kiến! Tôi biết gã tù binh nghe nhưng cố lờ, gã ngủ trên suốt đường di tản mặt bệnh ra khiêu khích. Người lính của ta có thù hận một chút cũng không sao. Có điều không công bằng giữa hai phe lâm chiến, lính ta đánh giặc không thù hận, tôi biết điều này vì tôi cũng là một lính tác chiến.

Trên xe ra phi trường nghe câu chuyện của hai vợ chồng già quá giang ở băng sau, tôi chợt khám phá ra một điều: Dân chúng vùng Thừa Thiên, Quảng Trị đã

sửa soạn đón chờ tàn khốc qua tiếng nói. Họ không nói, nhưng than vãn, kể lể, rên xiết. Nỗi oan khiến vô hình chập chùng trên mỗi âm, mỗi chữ, cách lên xuống của từng câu. Không nói quá đáng, từ lâu, đã cảm thấy nhưng chưa kiểm chứng cho đến hôm nay ba tháng mười ngày, lại một số lượng thời gian bí nhiệm mà người Trung cú mãi nhắc tới, tức là 100 ngày của trận chiến cuối mùa, 3 mặt trận: An Lộc, Kontum, trị Thiên đều cùng có một mẫu số chung: Dân Trị Thiên là nạn nhân đa số. Vì dân cạo mủ ở an Lộc, người dinh điền ở Kontum cũng là những di dân Quảng Trị. Thậm chí ở chiến trường Bình Giả, số lớn nạn nhân cũng không ai ngoài những người dân vừa mới di cư từ Cam Lộ, Khe Sanh vào... Thôi đó là tai ương tiền định, Trị Thiên còn là Câu Ô, xứ sở của người Chăm mà người Trung gọi là Hời. Âm thanh sao nghe qua thê thiết, oán hờn, rồi lại còn giọng hò nữa... Ai đã đứng ở bờ sông Bồ (chảy qua An Lão) sông Thu Rơi (Mỹ Chánh), sông Hương nghe giọng hò cất lên từ những khoang đò khi chiều vào tối mới hiểu được vì sao có những quê hương cứ mãi tàn tạ, oán hờn... Định mệnh đã xếp đặt thế. Chì còn lời này để an ủi kiếp đắng cay.

Người Lính Việt Nam, một nhiệm mầu

Chiến trận vẫn tiếp diễn, tôi lại bị kẹt trong một guồng máy tâm thương hèn mọn, phải bị trói chân, buộc tay, hằng ngày dẫn một Đại Đội Địa Phương Quân đi chặt ô rô, cóc kèn, dừa nước, phải liên lạc, nhận lệnh từ những sĩ quan đặc ước cựu binh sĩ, Hạ sĩ quan của quân đội thuộc địa, những “cấp chỉ huy” sáng giá, những Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng mà chủ đích của công việc là làm sao “vô”

được một số tiền trước khi đổi đời, lộn giống... Trong tâm thường cay đắng này, tôi cứng người vì hổ thẹn cùng nỗi uất ức điên cuồng lặng lẽ. Hết, phải già từ những chiến hữu hào kiệt, phải già từ những chiến trận mịt mù lửa dấy, phải già từ ngày căng thẳng giữa hai cọc sống - chết và đêm nóng đỏ của hơi bom rất mặt...

Ngày ngày ngâm chân xuống bùn sâu của những kinh rạch chằng chịt vùng Bến Lức, Long An, đêm dẫn bảy người lính nằm phục kích trên bờ ruộng, tôi nhìn sao, nhìn trời, nhìn cơn gió và ánh nắng, tưởng nhớ đến những nơi xa, nơi chiến trận trùng trùng giăng kín những người quen hay không quen ngã xuống trong mỗi giờ qua, mỗi ngày tàn. Tiểu Đoàn 11 Dù ở Quảng Trị vừa chết thêm một Đại Đội Trưởng - Nguyễn Phúc Long, Đại Đội Trưởng chỉ huy, như thế có nghĩa là pháo đã tăng cường độ, tăng rất cao, rất mạnh. Tiểu Đoàn 3 Dù chết anh Thiếu Úy Thủ Khoa một khóa Sĩ quan Trừ bị, cựu sinh viên luật từ Pháp về, con một ký giả, cựu Thủ Hiến, một Trưởng Hướng Đạo. Tiểu Đoàn 3 Dù nằm dưới Mỹ Chánh, vậy là chiến trận đã trở chiều. Rồi chiến trường Quảng Ngãi tăng cường độ. Bạn tôi, Lê Văn Nghĩa, Chi Đoàn Trưởng chiến xa lừng lẫy 1-4 mất tích ở mặt trận Quế Sơn, mất tích hay chết? Đau biết mấy, tháng trước Nghĩa vào Sài Gòn chạy đôn đáo để tìm tôi... Tìm tao làm gì hở Nghĩa, phải chăng mày biết điếm đi khuất nên tìm kiếm để già từ! Ôi, bạn thân thiết của một đời mà bao nhiêu năm không gặp, lúc có thể gặp lại thì đời đã đóng cửa biệt ly. Đau, cảm giác đau đớn rì rầm soi mòn cơ thể trong tháng ngày tiêu hao làm tôi gầy đở từng vụn nhỏ. Ở vùng II, Tiểu Đoàn Biệt Động Quân

của Ngô Văn Mai, Tiểu Đoàn giải phóng Bồng Sơn đang kêu gọi tôi đến, hăm hở sửa soạn chuyển đi dài với Biệt Động thì chiếc cùm cồng nặng đã gông vào quanh cổ, làm gì đây? Giữa đám mây, cơn mưa chợt đổ ào xuống khi chân ngập dưới bùn lầy rạch Rít, tôi ngẩng đầu nhìn hạt mưa mà gọi đến chiến trường bạn hữu nơi xa tiếng thét lạnh cảm chất chứa những cay đắng lẫn ngậm ngùi. Rồi Thủy Quân Lục Chiến sau 27 tháng Bẫy, thay thế Nhảy Dù để “dứt điểm” cổ thành Quảng Trị. 12 giờ 45, ngày 25 tháng 7 tôi ở đấy, chứng kiến Tiểu Đoàn 5 Dù “món” bờ thành và “dụng đại cái cò,” lời Đại Đội Trưởng Đại Đội 51/TĐ 5 Dù. Gần hai tháng qua đi, Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến đổi 6 Dù, 3 TQLC đổi 5 Dù, 9 TQLC đổi 11 Dù, Trâu Diên (2 TQLC), Quái Diểu (1 TQLC) chặn đường cửa Bắc ngang sông Thạch Hãn, những Tiểu Đoàn Mũ Xanh quá quen thuộc, quá gần gũi với những Nghiêm, Liễn, Tiên, Hợp, những bạn thân, đấy là chưa kể Tùng, Để, Phúc, Kim, Tống, những niên trưởng “đúng chỉ số” đã phải chịu bao nhiêu gian nan để bước chân vào nội thành, nơi tòa nhà của Tiểu Khu Quảng Trị... Gian nguy, hình như danh từ này không đủ, không làm sao đủ được vì cổ thành là gì, nếu không phải là cục đá vuông với bề dài mỗi cạnh 590 thước, cao và dày 5 thước - Mục tiêu được đo bằng số chính xác đó gồm trăm ngàn viên gạch ghép lại đã thấm bao nhiêu lít máu? Mua bằng bao nhiêu mạng người? Bao nhiêu đời sống đã đánh đổi lấy bức thành rộng năm trăm thước vuông đó, bao nhiêu? 27 tháng 7 - 15 tháng 9 là 48 ngày, và nếu kể từ 7 tháng 7, lúc Tiểu Đoàn 7 Dù vượt qua ngã 3 Long Hưng vào cách chi khu Mai Lĩnh 300 thước thì

mặt trận thành phố Quảng Trị thực sự đã kéo dài trong 68 ngày, 68 ngày với lực lượng 4 tiểu đoàn Dù (5, 6, 7, 11) trong giai đoạn đầu và 8 tiểu đoàn TQLC (giai đoạn 2) cùng một liên đoàn BĐQ. Trong 68 ngày đó, đặc biệt là 48 ngày của Thủy Quân Lục Chiến, các tiểu đoàn của ta đã phải chiến đấu liên tục trên một chiến trường dài hai cây năm trăm thước từ ngã ba đường Lê Văn Duyệt, đường vào TRÍ Bưu đến Long Hưng, ngõ vào Quảng Trị, và ngang một cây số hay 1000 thước - Những con số phải viết chính xác để nói lên một chiến trường hẹp cứng gai góc hết ý niệm chiến trận - Chiến trường có diện tích Hai ngàn năm trăm thước vuông đó đã được 15 tiểu đoàn bộ chiến bao vây và quét sạch từng thước đất, phải nói từng tấc đất nếu muốn giữ độ chính xác trong 68 ngày, 15 tiểu đoàn hay 7500 người phải đi qua 2500 thước vuông, vậy mỗi người có bao nhiêu thước chiến trận? - Con số trung bình cho thấy 3 người lính có 1 thước vuông mục tiêu. Một thước vuông để tác chiến trong 68 ngày!! Quân sử thế giới trước và sau Quảng Trị, không còn một nơi nào, không thể có một chiến trường nào chật cứng đứt hơi bằng Quảng Trị, Việt Nam... Chắc chắn như thế. Trong 68 ngày đó, 6 tiểu đoàn pháo của hai sư đoàn Dù và Thủy Quân Lục Chiến đã bắn bao nhiêu trái đạn, dàn hải pháo của Hạm Đội số 7, phi cơ Việt Nam đã đánh 7 phi tuần xuống góc đông bắc cổ thành, mở đường cho Tiểu Đoàn 5 Dù; 7 phi tuần gồm 14 phi xuất, một phi cơ trong một phi xuất đánh 12 trái bom từ 250 ký đến 500 ký... Vậy trong 68 ngày, bao nhiêu bom đã rơi xuống trên mỗi phần đất của thành phố chiều dài không quá 15 phút Honda đó?! Quảng Trị! Muốn kêu lên

một tiếng nhỏ, muốn nhỏ một giọt nước mắt - thành phố quê hương là thánh địa chịu nạn cho hết tai ương nhân loại - không còn một nơi chốn điều linh nào của địa cầu qua mặt nơi mang tên Quảng Trị. Không có một nơi nào.

Để kết luận, ta tìm một sự so sánh. Người Đức bao vây Stalingrad 76 ngày, người Mỹ giữ Bataan trong 66 ngày, Corregidor 26 ngày, quân lực Anh và Khối Thịnh Vượng Chung tử thủ Tobruk trong 241 ngày. Và gần gũi nhất, Điện Biên Phủ thực sự bị bao vây là 56 ngày. Những cuộc bao vây và tử thủ lừng danh này được thực hiện bởi súng Sten, Mat 36, Garant, Carbin M1, loại vũ khí hàng đầu của Bộ Binh Mỹ, Bộ Binh số 1 của thế giới!!! Những trận đánh để đời của quân sự thế giới đó có là gì so với Quảng Trị khi một anh Hạ sĩ nhất 17 tuổi, Trần Văn Rony của Tiểu Đoàn 6 Dù hạ gần 100 Cộng quân trong một ngày chiến trận... Dưới đất là cá nhân chiến đấu khai triển tối đa, trên trời 1 pass B52 đi qua (sau 27 tháng 7, phi cơ Mỹ và B52 được lệnh đánh Quảng Trị) với 3 chiếc, một chiếc chở 42 trái bom 250 ký, 24 trái bom 500 ký, cùng đánh xuống trên diện tích không quá 500 thước bề dài... Còn gì nữa không? Quả thật không còn đủ chữ nghĩa để nói hết “nồng độ” của chiến trường. Từ ngã tư Quang Trung - Duy Tân, nơi Tiểu Đoàn 6 Dù bàn giao lại. Tiểu Đoàn 6 TQLC đã mất hết 48 ngày để đánh đến vào góc thành đông nam cổ thành Đinh Công Tráng - 48 ngày tác chiến dằng dặc thường trực trên trục tiến quân dài đúng 400 thước; 400 thước đây chốt, chốt gồm một tổ 3, 6 hoặc 9 người, gồm đủ B40 và thượng liên, chôn cứng dưới những công sự chịu đựng được bom, chốt được bao bởi một hàng rào cối

“cơ hữu” từ những chốt lớn đằng sau và đại pháo 130 từ Đông Hà, Bến Hải, Khe Sanh bắn xuống - Qua được một tắc đường, đến gần một điểm chốt là bò trên nổi chết cụ thể như lớp đất đá ngổn ngang mà bàn tay chạm phải khi lần mò tìm kiếm lối đi... 400 thuốc cho 48 ngày tác chiến không dứt thở, còn điểm “thông hơi” nào của chiến trận để chiến sĩ ta chịu đựng khỏi đứt hơi.

Thế nhưng người lính đã sống còn và chiến đấu được, chiến đấu hào hùng hùng hực quyết tâm, 30 tháng 3 kể đến giờ này là 6 tháng hay 280 ngày đồ lửa, người chiến sĩ ta có đêm nào ngủ được quá 4 giờ, bao lần bình yên cầm cái chén để từ tốn và miếng cơm nóng, người lính ta đã bắn bao nhiêu ngàn viên đạn, đã dựng mắt thức trắng mấy ngàn giờ... Cái thân thể gầy gò nặng dưới 50 ký lô mang bốn ngày thức ăn và gạo, một bộ áo quần, chiếc poncho, vòng, 600 viên đạn XM16, 6 trái lựu đạn M26, 1 hỏa tiễn M72, nón sắt và khẩu súng - Tất cả khoảng 40 ký - 40 ký đè nặng trên tám lưng gầy còm hần dưới xương sống trong 6 tháng để đi qua vực thẳm của nổi chết trùng trùng, người lính còn là “nạn nhân” thụ động đến độ thể thâm của trò chơi chính trị được cò kè mặc cả ở những căn phòng kín cửa. Đưa bàn tay chỉ còn một ngón, người sĩ quan của Trung Đoàn 57 Sư Đoàn 3 chỉ vào tượng Chúa ở ngực để nói “ “Tất cả những điều tôi nói là sự thật - Đầu tháng Tư trấn giữ ở phía bắc Đông Hà chính mắt tôi thấy 6 khẩu đại bác của Bắc Quân khai hỏa ở Ngã Tư Sông (Gio Linh) cách tôi không đầy 3 cây số, phi cơ Mỹ được gọi tới và đánh cách mục tiêu 12 cây số... Khẩu đội đại bác Bắc Quân để sát cạnh đường vào làng Kim Môn dưới chân đèo Ba Dốc,

những điểm địa hình quá dễ nhận trên địa thế, vậy không có một lý do nào bảo tôi nhầm lẫn chấm sai mục tiêu cả 12 cây số!! Và rõ ràng nhất là ngày 25 tháng 7, ngày Tiểu Đoàn 5 Dù bám được bức tường đá Cổ Thành Quảng Trị, chỉ có mỗi phi cơ A37 của Không Quân Việt Nam yểm trợ cho đến 12g45, khi Nguyễn Tấn Sĩ thúc lính bô lên thành, buổi chiều Không Quân Hoa Kỳ can thiệp, dội bom nội thành - Kết quả vì hai trái bom đánh nhầm, Tiểu Đoàn 5 mất đà, khựng lại và dội ngược... Sư Đoàn Dù trống ngà bên Chùa, đường qua sông Thạch Hãn về NHan Biều, Ái Tử - Đường tiếp vận của Bắc quân... 9 tiểu đoàn Dù chỉ vừa đủ rải dài từ Mỹ Chánh đến Quảng Trị, từ đường chiến thuật 556B ra đến quốc lộ một lữ đoàn để chặn con đường Ái Tử - Nhan Biều - Cổ thành là ước vọng tha thiết của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Dù hay cũng chính của Tướng Trưởng... Ước vọng được căng dài trong 2 tháng không thực hiện!! Thế nên dù Tiểu Đoàn 5 Dù là tiểu đoàn hàng đầu của binh chủng, dù Tiểu Đoàn 6 là tiểu đoàn đã làm phép màu ở An Lộc, hai tiểu đoàn này có gồm những người lính đúc bằng thép cũng không thể dựng cờ Cổ Thành, không thể nào dựng được trong những điều kiện thuận lợi tái người như đã nói. Vậy bám được bờ thành như buổi sáng ngày 25 tháng 7 đã là một chiến công kỳ diệu. Chỉ có thể làm được với Tiểu Đoàn 5 Dù, đơn vị đã khai sinh sau vi tướng cho quân lục. Tướng Ngô Quang Trưởng khởi đầu võ nghiệp cũng với Tiểu Đoàn 5 Dù.

Người Lính Việt Nam đã chiến đấu và tồn tại như một nhiệm mầu. Trên mầu nhiệm binh thường lặng lẽ này Tổ Quốc điều linh thổ từng hơi ngấn đón đau nhưng bền bỉ...

Chư nghĩa hoàn toàn vô nghĩa trước chân dung bi tráng hùng vĩ của người và quê hương.

Việt Nam tháng 10, 1972

Đêm Trên Bờ Thạch Hãn

Định mệnh, phải gọi sức mạnh bí ẩn và linh thiêng đó thêm một lần.. Phải, chỉ định mệnh mới có thể xếp đặt, dàn xếp tất cả tai ương, hạnh phúc, địa ngục, thiên đàng cho con người. Những sự kiện kinh hoàng nhất đã xảy đến, những thống khổ đọa đầy nhất đã hiển hiện, tất cả tàn khốc chất ngất chiến tranh đã ào xuống trên Quảng Trị, kéo dài qua Đại Lộ Kinh Hoàng trong mùa hè trước thì năm nay 1973, bắt đầu cho những ngày hè mới trên thành phố tan nát nhỏ bé này - Thành phố, chữ viết đến quá ngại ngùng... Vì đồng gạch đá vĩ đại kia có phải là một thành phố không? - trên đoạn đường số 1 mà chỉ 365 ngày trước đây, hàng ngàn người đã nằm xuống với hiện thực của một địa ngục trần thế... 365 ngày đi qua, trên bụi cỏ còn vương dấu mảnh áo quần cháy nám của người chết, trên lớp cát xám lạnh theo cơn gió đôi khi thoang thoảng mùi thịt da chưa tan biến hết và hằng ngày, hằng giờ trên Quảng Trị, “thành phố” không tiếng nói, không nóc nhà, lũ chó hoang sục sạo tung hoành tìm kiếm mùi chủ cũ... Trên dấu vết mới tinh của mùa hè khốc liệt vừa qua, những ngày hôm nay, mùa Hè 73 là sân khấu để diễn ra một tấn kịch khác - kịch Hòa Bình - Bờ sông Thạch Hãn, nơi trao đổi tù vĩ đại của một nền hòa bình lạnh buốt sống lưng - Định mệnh, chỉ có sức mạnh siêu hình này mới giải thích được

Máy bay đi qua An Lão, qua Phong Điền, qua Mỹ Chánh, trời mù sương nên trực thăng bay sát mặt đường... Tôi

lại thấy cầu Dài, cầu Ngăn, thấy hỗn độn trên cát trắng cảnh chết của toàn thể con người mà dấu vết sau một năm dài vẫn còn hằn hằn trên màn mắt... Nhưng trước mặt, hai bên, trên chiếc trục thẳng bây giờ tôi đang bị vây quanh bởi nón ông soa, nón cối, áo đại quân, áo tác chiến vải kaki Nam định và thuốc lá Điện Biên bay mùi khét... Thượng Đế ơi, phải chăng người muốn ném tôi vào một cơn đùa!!? Hằng ngày đi bộ từ nơi của Nghiêm, (Tiểu Đoàn Phó TĐ! TQLC) căn nhà lâu có lò gạch mà mùa Xuân Mậu Thân tôi đã đến ở và chiến đấu... Trí nhớ vận dụng tối đa cũng không thể xác định được nơi chốn đã một lần trú ngụ... Và Quốc Lộ 1, đường Nguyễn Hoàng, đường Gia Long, trạm xăng xưa tôi và Mễ mua xăng theo lối “ùng hộ,” quán sách đối diện Cổ Thành, quán bún bò ở bờ sông... Tất cả chốn xưa mỗi ngày mỗi giờ đi qua vẫn không thể tìm ra dấu tích... Quảng Trị ơi, trái tim muốn vỡ tan dưới tiếng than im lặng. Và tôi lại đến ngôi ở bên sông, nơi tọa độ YD3... Lịch sự, hòa nhã, kiểm chế hết phần nộ, đè xuống hết tức tưởi... Thông báo cùng quý vị, thể hiện tinh thần hòa giải, thi hành nghiêm chỉnh Nghị Định Thu... Tôi phải đối mặt với một kẻ thù vẫn còn rất mới. Ngày này, tại đây, mùa hè năm trước. Trước mặt, Quảng Trị tan vỡ chập chùng qua lớp nước mắt vô hình

Thương thân, thương bè bạn, thương người, thương thành phố. Nỗi thương mến mệnh mông nhưng dày đặc, thương mến rộn rã đau đớn, thương mến ngất bồng chôn... Mỗi lần ngồi xuống chiếc canô chạy qua bờ bắc Thạch Hãn, thấy lá cờ vàng phát phới trên điêu tàn - lòng trùng xuống, độ phiền muộn sâu như hố thẳm... Đêm khuya,

sương mù mịt, trăng lạnh dội xuống giòng sông đang lách tách con nước về biển xa, nhìn phía núi nơi bạn thân đang co mình dưới hầm để qua con pháo tập trung từ Gio Linh đổ xuống... Đêm qua dần dần, ngày đến, trăng lặn vào nơi xa, màu vàng đục phien muộn như nỗi uất ức... Ngày hết hẳn, trời sáng, lính và dân tập hợp đầy ở bờ sông để đón “anh em mình” về và chứng kiến những phương thức biểu lộ “đấu tranh cách mạng” hạ cấp, cố chấp và bỉ ổi của lũ tù được trả về bên kia - Nơi không có con người... Đứng trong đêm, nghĩ chuyện trong ngày để thấy bội phục vô vàn lòng cao cả và sức chịu đựng siêu đẳng của Người Việt Miền Nam - Những người lính vừa qua đêm dài dưới pháo nổ và người dân còn hằn vết dấu kinh hoàng - Quảng Trị, nơi họ chứng kiến lũ tù Cộng Sản đi qua thoảng tiếng tru của lũ chó hoang đi tìm chủ

Lòng cố chấp và sự căm hờn, những khuyết điểm mà người viết dù ở hoàn cảnh nào cũng phải nên chối bỏ. Nhưng trong hoàn cảnh đau đớn này, phải cho tôi quyền phần nộ - Tính chất cần thiết để bảo vệ con người trước bạo lực. Cuốn sách đã hình thành trong cơn đau đớn, lần in thứ hai này người viết xin được gửi kèm theo một tình ý mới - Xin được coi như một vũ khí bảo vệ con người. Lời nói không phải mang tính chất kịch cỡm của một đại ngôn lão xược nhưng xin được nghĩ là sự cầu khẩn phát xuất từ một người Việt Nam trong hoàn cảnh bi thiết hào hùng - Hoàn cảnh của chính quê hương Việt Nam.

Một năm qua, những người lính được kể đến đã có nhiều biến đổi. Rất nhiều người thay cấp bậc và chức vụ, nhiều người tạm biệt chiến trường và những người đã...

chết. Bên cạnh đó, có những người sống lại, những người trở về và hòa ngục Cộng Sản đã được xác nhận là một thực thể. Đồng thời những chuyến đi kế tiếp còn cho biết có rất nhiều trận lớn đã không được ghi nhận, như trận “Quận Triệu Phong” của Tiểu Đoàn 1 TQLC, trận đánh mẩu chốt mở đường cho chiến dịch tái chiếm Quảng Trị - Quận đường Triệu Phong, chốt chặn đường tiếp vận của Bắc quân từ phía bắc theo sông Thạch Hãn vào Quảng Trị. Thế nên, phải xin lập lại một lần câu tạ lỗi. Một cá nhân trong thời gian giữa các chuyến đi không thể nào có khả năng ghi nhận đủ toàn thể một cuộc chiến vĩ đại. Cuộc chiến vượt hết cả cuộc chiến lịch sử chiến tranh loài người.

Quảng Trị- Tháng 3-73

mục lục

Bên kia bến hải	9
Cổ thành Quảng Trị và Đại Lộ Kinh Hoàng trong Mùa hè đỏ lửa 1972	27
Tái chiếm Quảng Trị: trận đánh đẫm máu nhất trong chiến tranh Việt Nam	39
Đại Lộ Kinh Hoàng 1972	77
Mặt Trận Quảng Trị (từ ngày 30-3-1972 đến 15-9-1972)	165
Mùa hè đỏ lửa, lời dẫn	251
chương 1	255
chương 2	273
chương 3	295
chương 4	317